

Dẫn nhập: Với cái nhìn chủ quan của người biên soạn, tuyển tập 300 tác giả và tác phẩm đơn thuần chỉ là công việc góp nhặt sỏi đá những tác phẩm tiêu biểu một thời của những tác giả tiền chiến, hậu chiến, trước hay sau 75 của hai miền Nam Bắc, trong nước cũng như ngoài nước, già hoặc trẻ, cũ hoặc mới. Tác giả và tác phẩm được góp mặt mỗi tuần theo thứ tự họ hoặc tên qua mẫu tự *A, B, C...* Xin thành thực cảm ơn những tác giả có mặt trong tuyển tập nhưng vì trở ngại thông tin, chúng tôi đã không thể xin phép quý vị trước khi đăng tải. – Ngô Không Phí Ngọc Hùng.

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Nguyễn Huy Tường**

#### **Tiểu sử**

Sinh ngày 6.5.1912 tại làng Dục Tú, Bắc Ninh. Mất ngày 25.7.1960 tại Hà Nội.

#### **Tác phẩm**

Đêm hội Long Trì - Sống mãi với thủ đô - Nhật ký Nguyễn Huy Tường  
Bốn năm sau, Ký sự Cao Lạng, Tuyển tập ký sự.



#### **Mục Lục**

- Vài hàng về tác giả – 2
- Nguyễn Huy Tường với Nhân Văn – Tô Hoài - 3
- Anh Tường – Lê Đạt – 5
- Một bài thơ không thành – 7
- Nguyễn Huy Tường: Một nhà văn Hà Nội – Phạm Xuân Nguyên - 15
- Sống mãi với Thủ Đô – 19
- Nguyễn Đình Thi với cha tôi – Nguyễn Huy Thăng - 24

#### **Phụ đính I :**

**Nguyễn Huy Tường VS Thụy Khuê**

#### **Phụ đính II :**

Nguyễn Huy Tường VS Nguyễn Huy Thăng - Người gác chữ cho chồng - Nhà tôi  
Kỷ niệm của một thời và mãi mãi - Nhà văn Nguyễn Huy Tường với quê hương Dục Tú  
Nguyễn Huy Tường - Những điều mới biết qua con trai nhà văn  
Nguyễn Huy Tường VS Tô Hoài - Nguyễn Huy Tường: Chân dung văn học  
**Một ngày chủ nhật**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Vài hàng về tác giả



*Anh chẳng còn Sống Mãi  
Với Thủ Đô, Lũy Hoa  
Để những người ở lại  
Bốn Năm Sau khóc òa*

*Sống Mãi Với Thủ Đô, Lũy Hoa, Để Những Người Ở Lại, Bốn Năm Sau* là tên một số tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng. Sau năm 1945, ông rời Hà Nội đi kháng chiến, ông đã lờ mờ nhận ra bản chất của chế độ mà ông đã đi theo và ông đã từng thể hiện sự trăn trở suy tư này trong những trang nhật ký.

Khi vụ Nhân Văn – Giai Phẩm nổ ra và kết thúc, mặc dù ông đứng ngoài. Bốn năm để tẩy não giới văn nghệ sĩ, ông phải đi cải tạo tư tưởng ở Nông Trường Điện Biên Phủ.

Ở đây ông viết *Bốn Năm Sau*.

Tác phẩm này phản ánh tâm trạng ông sau 4 năm miền Bắc hòa bình, đánh dấu giai đoạn văn nghệ miền Bắc trải qua những cơn ác mộng, khiến nhiều người phải òa khóc, khóc tức tưởi, thậm chí phải cứa cổ mình, như trường hợp Trần Dần.

Lý Hồng Nhân  
(trích trong *Nhận Diện Chân  
Dung Nhà Văn với Xuân Sách*)



## Nguyễn Huy Tưởng với Nhân Văn Tô Hoài

Lại trước đây, sau đây, truyện ngắn Ông lão hàng xóm của Kim Lân nghi ngờ thành tựu cải cách ruộng đất, những bài bút ký yếu đuối tinh thần đấu tranh thống nhất, như Thao thức của Đoàn Giỏi, Một ngày chủ nhật của Nguyễn Huy Tưởng (\*) (\*Trong Nhà văn Việt Nam hiện đại in năm 1992, kỷ yếu kỷ niệm 35 năm thành lập Hội Nhà Văn (1957-1992), tuần báo Văn xuất bản 1957/1958 không được nêu tên kể tên là tờ báo đầu tiên của Hội Nhà Văn Việt Nam)

Nhân Văn vẫn sờ sờ ra đây, chứ đâu. Những người đã đánh Nhân Văn vừa qua khẳng định thế, cộng với những rì rào sang tai nhau, không khí nặng nề, ngao ngán, triền miên, thường hiện ra ở những chỗ này. Cái chuyện nuôi ông ba mươi trong nhà, cụ thân sinh ra Nguyễn Hồng nghe được ở đâu từ đời thuở nào. Người đọc tha hồ nghi, nhưng mà sáng tác không có ước ao được người đọc nghĩ ra mệnh mông thì cầm bút để làm gì? Một vòng người họp tổ, như các cụ trong làng ngày trước ngồi xếp bằng quanh chiếu tổ tôm. Những lời đao búa truy dồn. Thế là Nguyễn Hồng khùng lên, khóc oà.

Năm trước đã nghiên cứu cả tháng rồi, bây giờ báo Văn lại sa vào hữu khuynh tệ hại như thế. Báo Văn phải ngừng xuất bản. Hội nghị bất thường Hội Nhà Văn - nhiệm kỳ mở đầu ngoi ngóp được hơn một năm, tất cả các cơ quan của Hội được chấn chỉnh lại, tuần báo Văn của Hội thay người phụ trách và đổi tên mới là tuần báo Văn Học. Chuẩn bị cho đại hội bất thường, nhờ địa điểm trường tuyên giáo dưới áp Thái Hà, làm một cuộc thảo luận và kiểm điểm dài ngày. Cái tổ 18 của chúng tôi có Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Hồng, Nguyễn Công Hoan, Kim Lân... với một số nhà văn vũng vàng làm nòng cốt. Trêu người ai, Kim Lân lại mới in truyện ngắn Con chó xấu xí. Con chó cũng như con hổ hiền lành, không ai tin con chó chỉ là con chó, lại xấu xí nữa, có khi tác giả ám chỉ con người nào cũng nên. Nguyễn Huy Tưởng đã về làm nhà xuất bản Kim Đồng. Đương bị toi bời kiểm tra nhau mấy cái bản thảo, trong có một truyện đồng thoại ao cá ao rùa chi chi đó của Sao Mai - lại con cá, con rùa, con ba ba, lắm con quá. Cũng chẳng ai bảo đảm người vào tổ 18 ấy là một bọn hay một cánh, nhưng cứ ang áng biết thế, và cái kiểu hiểu như bên Trung Quốc kiểm thảo nhóm Đinh Linh đã xuất hiện cụm từ đầu mày cuối mắt thì dù chẳng nói một câu, cũng là cánh, cũng cho được vào xiềng một bọn rồi.

Báo Nhân Văn đã ra được mấy số. Có dư luận báo chống đối. Người thành phố nghe ngóng và tò mò. Nhưng mà những hoạt động gây sự không phải chỉ ở vài bài báo trên Nhân Văn, mà cái chính là ý đồ chính trị rộng ra nữa của một số giới không phải là những người làm báo Nhân Văn trong tình hình nhạ cảm ở các đô thị lúc ấy. Báo Nhân Văn đương hô hào dân chủ và in một số sáng tác phong cách mới. Bạn đọc chú ý và chờ đợi sự đổi mới của văn nghệ. Nhưng không ai lưu tâm những người bỏ tiền cho vốn in báo và những hoạt động chính trị đòi thay đổi và chia quyền lãnh đạo đã âm thầm dấy lên, trong giới tư sản đương bối rối, trong một số trí thức ở vùng mới giải phóng và ở đảng Dân Chủ. Báo Nhân Văn chỉ là một phần bề ngoài và là một thủ thuật chính trị dựa vào trăm hoa đua nở. Mấy cây bút cộng tác với báo Nhân Văn không biết được tình hình thật sự như trên. Đâm ra ngộ nhận tai hại về hoàn cảnh, về văn học và cả về tài năng của họ nữa.

Chiến thuật thâm hiểm ấy gây nên cách nhìn lẫn lộn số đông tác giả với lòng chân thành ở mỗi người và ở tổ chức. Khi còn ở rừng, chúng tôi đã thuộc tính Nguyễn Huy Tưởng, đôi lúc còn chế giễu, những lúc Nguyễn Huy Tưởng tròn miệng tròn mắt thao thao ca tụng khấn vái L.Tônxtôi, Ixen... và ở mỗi người bạn mà anh quý, mỗi cán bộ cấp cao, Nguyễn Huy Tưởng đều tìm ra những ưu điểm tô hồng rậm rộ. Ai nấy đều cười và quen đến độ, Nguyễn Huy

Tường sắp khen, đã biết khen thế nào rồi. Nhưng về thành phố, từ lúc nào xuất hiện một Nguyễn Huy Tường làm lý, đăm chiêu, ít nói và nói cũng khác mọi khi. Nguyễn Huy Tường không bằng lòng mấy anh em quanh mình giấu diếm làm báo Nhân Văn, nhưng Nguyễn Huy Tường cho rằng chúng nó cũng vẫn là chúng mình cả thôi, chẳng lẽ chỉ biến đầu một lúc, trở lại là thằng khác à?

Những cơn nghĩ dày vò Nguyễn Huy Tường lúc ấy là tình hình thế giới. Vốn phục Ti tô, Nguyễn Huy Tường không bằng lòng với việc nước Nam Tư bị đuổi khỏi cục Thông tin quốc tế - một tổ chức tập hợp lực lượng dân chủ và tiến bộ thích ứng với tình hình mới. Dồn dập, tháng mười năm 1956, xảy ra sự kiện Hungari. Mấy đêm Nguyễn Huy Tường không chợp mắt được. Mở cửa trông sang cái hiệu Tàu vắn thẩn mì hôm trước đông khách suốt ngày tới khuya, bỗng có thì thào: vắn thẩn thịt chuột. Khách vắng hẳn. Buồn thiu như Nguyễn Huy Tường. Nguyễn Huy Tường nói:

- Nước Hungari trong phe xã hội chủ nghĩa, nhưng trước nhất nước Hungari là nước Hungari đã ông thấy thế nào? Các ông thấy thế nào? Tôi không hiểu, tôi không thể hiểu.

Nguyễn Huy Tường bần khoản. Nguyễn Huy Tường có những ý kiến khác những lời bình trên các báo. Nguyễn Huy Tường vốn kỹ luật, chịu khó viết nhật ký và sưu tầm tài liệu. Nhưng chắc Nguyễn Huy Tường đã không ghi lại những trần trở, những khủng hoảng như tôi vừa kể trên. Bây giờ, những ý kiến khác lạ không mấy ai dám nói ra và ghi lại. Thà chôn sâu trong lòng. Trò chuyện với Nguyễn Huy Tường cái cười vẫn đôn hậu thế, nhưng khác trước rồi. Có người bảo gần đây bác sĩ Phạm Ngọc Khuê dưới Hải Phòng hay lên chơi với Nguyễn Huy Tường. Khi còn trẻ, Nguyễn Huy Tường mê và phục thuyết Sinh lực mới của anh bạn có khuynh hướng tở tốt kit này. Nguyễn Huy Tường thân với Nguyễn Hữu Đang. Chúng tôi đã cùng hoạt động hội truyền bá Quốc ngữ và Văn hoá Cứu Quốc. Nguyễn Huy Tường quý bạn, bao giờ cũng phát hiện ra những khía tốt của bạn, nhưng tôi không tin Nguyễn Huy Tường thay đổi vì ảnh hưởng ai. Con người chân thành ấy chỉ nghĩ thực, nói thực Có khi tôi đùa:

- Ông là thằng cộng sản dân tộc.

Nguyễn Huy Tường cười hiền lành.

- Cậu bảo tớ bắt chước Ti tô? Không phải.

- Nguyễn Huy Tường là cộng sản Việt Nam. Nhưng mà nguy hiểm đấy. Chẳng nên đùa nhau thế.

Nguyễn Huy Tường nói nho nhỏ, cặp mày rậm rên con mắt hồn nhiên nhú lại, buồn hẳn. Chúng tôi không bao giờ đùa cợt và nhắc lại như vừa rồi nữa.

Bây giờ Nguyễn Huy Tường đang áp ủ dự định viết tiểu thuyết Sông mãi với Thủ đô. Sự tích hai tháng chiến đấu trong lòng Hà Nội của Trung đoàn 102 những ngày đầu. Đề tài ấy Nguyễn Huy Tường theo đuổi đã lâu, từ khi trung đoàn được thành lập giữa liên khu 1 ở nội thành, đến hôm trung đoàn vượt vòng vây ra, chúng tôi đã đi đón ở cánh đồng Gối, Nguyễn Huy Tường càng mê. ở Việt Bắc, Nguyễn Huy Tường đã có dịp đi nhiều chiến dịch với Trung đoàn Thủ đô. Nguyễn Huy Tường vốn có nghị lực và thiết thực, đã chuẩn bị thì phải viết và viết được.

Nhưng từ khi về Hà Nội, Nguyễn Huy Tường có hoàn cảnh được về luôn Lai Xá, doanh trại trung đoàn nhà cao cửa rộng ở đấy. Nguyễn Huy Tường đã đến ở lâu với trung đoàn. Ngót mười năm chinh chiến, hầu hết các đại đội trưởng, trung đội trưởng đã không còn. Những trận đánh nhanh nhẹn tài hoa phong cách thanh niên Hà Nội của Trung đoàn Thủ đô đã nổi tiếng khắp Việt Bắc trong các chiến dịch Biên giới, Trung du, Hoà Bình, Đông Bắc, Tây Bắc, Điện

Biên Phủ. Giữa những cuộc chiến dũng mãnh ấy, các chỉ huy đại đội, trung đội đã ngã xuống nhiều. Và cũng biết bao nhiêu tâm trạng phức tạp, éo le, trái ngược trong một con người chiến sĩ. Mấy tháng trời, Nguyễn Huy Tường cất công về Lai Xá. Kết quả thu được, Nguyễn Huy Tường sẵn hào hứng mới về một tác phẩm khác hẳn bản thảo ban đầu đã viết. Trung đoàn Thủ đô mới được Nguyễn Huy Tường phát hiện, khí thế và truyền thống, coi cái chết như không. Bao nhiêu chiến sĩ tín nghĩa, trung thực và cũng thật tàn bạo, - anh hùng và hoang dại, đảng nào cũng đều cực kỳ.

Vấn cái nhìn và phong cách Nguyễn Huy Tường, cái gì cũng tới chuẩn tối đa, nhưng không còn Nguyễn Huy Tường lúc nào cũng ngạc nhiên và trở mắt, khen không tiếc lời. Nguyễn Huy Tường định xây dựng và sáng tạo lại nhiều mặt cuộc sống mãnh liệt và phức tạp, tinh thần chiến đấu quên mình, sắc sảo tính cách Hà Nội, lẫn lộn và chống chọi với tâm địa hèn nhát, thói mặc cả tình thế. Trung đội trưởng Bạch Ngọc Liễn còn sống sót đến bây giờ đã hiện ra như một nhân vật tiêu biểu và cũng là người cho Nguyễn Huy Tường thấy được những góc cạnh u tối trong cuộc đời. ở chiến dịch Sông Thao năm 1949, tôi đã được đọc nhật ký của Bạch Ngọc Liễn. Cái hôm Bạch Ngọc Liễn đứng gác trên sân thượng nhà in Lê Cường phố Hàng Bò nhắc khẩu trung liên lia một băng đạn vào chiếc phi cơ spitphai vừa xà xuống bán phố Hàng Thiếc khu Đông Thành. Chiếc máy bay ấy rơi ngoài bãi Nghĩa Dũng bờ sông, có lẽ là chiếc máy bay đầu tiên của địch bị hạ trong cuộc trường kỳ kháng chiến. Những người còn sống mà Nguyễn Huy Tường đã gặp và những người đã chết Nguyễn Huy Tường được nghe bạn bè kể. Kỷ niệm làm sống lại những sự thực đã cho Nguyễn Huy Tường những khám phá mới. Nguyễn Huy Tường có ý muốn viết lại Sống mãi với Thủ đô.

Một đợt nghiên cứu chính trị của văn nghệ sĩ và cán bộ quản lý văn hoá văn nghệ ở Trung ương. Hai mươi ngày, lên hội trường ở cái gác làm sàn nhảy trên sân thượng khách sạn Rít ở Bờ Hồ. Ngoài cửa sổ, vòm lá sấu xanh rì, thấp thoáng bên kia mặt hồ Hoàn Kiếm. Giữa tình hình ấy, lớp nghiên cứu thật quan trọng. Nhưng chúng tôi không có trách nhiệm đáng kể và thói quen nhờn như của tôi thì vẫn thế. Đường sắt Hải Phòng - Lào Cai vừa khôi phục nối với Côn Minh bên Vân Nam. Tôi đi dự khánh thành trên một đoàn tàu khách, có cả Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tường... Làm thế nào mà Nguyễn Tuân cũng mò đi! Lúc ấy, Nguyễn Tuân đương làm Tổng thư ký hội văn nghệ cơ mà.

Có lẽ xưa nay văn nghệ văn nghèo vẫn thế, bảo là cần thì cần lắm, mà là thường thì cũng thường thôi. Dong duỗi đó đây thích hơn.

## Anh Tường Lê Đạt

Thoạt nhìn, Nguyễn Huy Tường không gây được nhiều thiện cảm. Anh người to, thô, mặt hơi nặng, mấp mé lạnh lùng. Cử chỉ chậm chạp, nhiều lúc vụng về, hơi công chức – anh là "thủ trưởng" cơ quan hội Văn nghệ Trung Ương suốt thời gian kháng chiến chống Pháp. Nguyễn Tuân đã gọi đùa Nguyễn Huy Tường là ông Phán Đoan do thời Pháp anh làm ở sở Thương Chính thành phố Hải Phòng.

Một lần họp chi bộ, Tô Hoài đã phê bình Nguyễn Huy Tường như sau:

"Tôi thấy đồng chí Tường có phần xa cách anh em – lần nào cu Thái (liên lạc của Hội) đem quần áo của anh ra suối giặt là anh em biết ngay vì dáng nó đi khuệnh khoạng, khác thường như bắt mọi người phải tránh ra cho nó đi"

Tường im lặng chịu trận, mặt chảy xuống càng nặng thêm, nửa buồn, nửa ngơ ngác.

Anh tâm sự với tôi:

"Có thể là mình quan liêu, thì cứ nói thẳng ra, những lời phê ác khẩu như vậy làm mình hết sức nản lòng"

Tôi an ủi người bạn lớn tuổi:

"Nếu đơn giản như vậy thì còn gì là Dế Mèn nữa. Anh em văn nghệ ít nhiều có cá tính, ông còn lạ gì, đũa nào không ác khẩu? Giận họ thì giận cả đời"

"Minh cũng biết thế, nhưng nó vẫn làm mình "đau lòng".

"Gót phê bình Victo Huygô còn độc miệng hơn nhiều – Ông có biết Gót nói thế nào không?... Huygô nếu viết ít hơn và lao động nhiều hơn thì tốt"

Tưởng cười, ho sặc sụa:

"Câu tha những của quái quỷ ấy ở đâu về thế?"

Hai người im lặng đi một quãng đường, bỗng Tưởng đi chậm lại

"Lắm lúc mình cũng muốn thân mật với anh em, nhưng vụng quá chẳng biết làm thế nào –

Tuân nó gọi mình là Phán Đoan cũng phải (!!!)"

Một lần khác anh nói với tôi:

"Có lẽ mình không phải một nhà văn nòi – Minh chủ yếu là một người yêu văn học"

Thời kỳ làm Phán Đoan ở Hải Phòng – Hồi này anh đã có truyện đăng trên báo Tri Tân (lẽ dĩ nhiên đó không phải là một chứng chỉ sang trọng đối với một nhà văn).

Nghe tin Trương Tửu về thăm đất cảng (lúc đó Trương Tửu đã là một ngòi bút phê bình nổi đình đám) anh có nhờ người dẫn đến ra mắt Trương tiên sinh và đưa cho Trương một bản thảo nhờ xem hộ.

Mấy ngày sau khi anh đến tiếp kiến, nhà phê bình nổi tiếng nhìn anh một cách thương hại:

"Anh viết văn đã lâu chưa?"

"Dạ, cũng gần được chục năm"

"Tôi rất buồn phải nói với anh rằng, anh không có khiếu viết văn. Nhưng nếu cố gắng, cũng có thể có dăm cuốn sách xuất bản được"

Tưởng cười buồn

"Ngoài cái thái độ kiêu kỳ đáng trách ấy, ý kiến của Trương Tửu có phần đúng"

Tôi biết anh nói thật chứ không phải làm dáng như một số nhà văn khác.

Nguyễn Huy Tưởng không có cái tài hoa của Nguyễn Tuân, cái mẫn tiệp của Nguyễn Đình Thi, cái tinh quái của Tô Hoài.

Những gì anh đạt được đều do mồ hôi thứ thiệt anh đổ xuống trang chữ.

Tôi đã có may mắn được đọc một số bản thảo của anh. Lỗ nhỗ không ít những biểu thức sáo mòn đến vô cảm. Nào *nộ khí xung thiên*, nào *lửa giận ngút trời*, nào *ình keo sơn*, *môi hở răng lạnh* v.v... kèm không ít những đoạn du dương biền ngẫu kiểu *Nam Phong*.

Nguyễn Huy Tưởng đã cần cù đọc lại, đã quyết liệt sửa.

Những trang viết của anh chỉ chit những tẩy xóa, những ngoặc lên ngoặc xuống hết như một trang morat của Banzăc.

"Với mình việc sửa chữa bản thảo còn mệt nhọc hơn là sáng tác lần đầu"

Tôi bỗng nghĩ tới nhận xét của một nhà thơ đại gia người Pháp

"Người ta đánh giá nhà văn trên những gì anh ta công bố và cả những gì anh ta không muốn công bố"

Một lần anh đột nhiên phê bình tôi:

"Những bài *toa* viết nhiều tính từ quá"

Một nhà văn chuyên nghiệp phải rất cảnh giác với chúng vì chúng thường làm nhão câu văn.

Tôi đã học được rất nhiều ở lao động chữ tạp dịch phu phen của Nguyễn Huy Tưởng.

Một lần anh tâm sự:

"Lê Đạt có biết trong số nhà văn Tây phương *moa* thích nhất ai không?"

"Lép Tônxtôi chứ gì (anh em thường gọi đùa Nguyễn Huy Tưởng là ông Tônxtôi vì anh luôn miệng nhắc đến bộ "Chiến tranh và hòa bình")

Tưởng cười rất tươi và hóm hỉnh (hiếm khi tôi thấy anh cười như vậy).

"Không phải, người mình thích nhất là Bótxyê"

Tôi tưởng mình nghe lầm.

"Bốtxuyê thế kỷ XVII, vị thầy tu chuyên điếu văn cho các ông hoàng bà chúa?"

"Đúng, Bốtxuyê là một nhà văn rất kỹ tính, tên ông ta là kết hợp ba đầu ngữ *Bos suetus aratro* – Lê Đạt ngày trước có học tiếng La Tinh, chắc *toa* hiểu *Bos suetus aratro* là *con bò kéo cày*."

Giai thoại trên có phải anh muốn cảnh cáo tôi không?

Từ hồi thanh niên, tôi đã mắc bệnh mất ngủ - Một đêm vào 2 giờ sáng, tôi chợt thức giấc (thời gian này, cơ quan hình như đóng ở nhà ông Chánh Cuốn cây số 5 đường Hà Tuyên) thấy Nguyễn Huy Tưởng nằm ngủ gục trên bàn bên cạnh đĩa dầu đọc còn thức. Hồi tối, Nguyễn Huy Tưởng đã nói với anh em:

"Tạp chí sắp đưa nhà in mà bài *Ký sự Cao Lạng* mình chưa viết xong, đêm nay có lẽ phải thức trắng."

Vào khoảng mười giờ, anh uống liền hai tách cà phê cầm tằm để thức. Tưởng ngủ gục trên bàn và ngáy rất to. Biết rằng anh quá mệt, tôi không nỡ đánh thức.

Bốn giờ sáng, tôi dậy tập thể dục, đã thấy chiếc gạt tàn thuốc lá đầy ắp. Anh dậy từ lúc nào. Mà không phải chỉ có một đêm. Tôi không bao giờ quên tối hôm đó, trước lớp đấu tranh Thái Hà II độ một tuần, lúc gió đã bắt đầu thổi hơn cấp 10 có nguy cơ trở thành bão lớn. Chúng tôi ở nhà Tô Hoài trên Nghĩa Đô về, có Nguyễn Huy Tưởng, Kim Lân, tôi và Nguyễn Văn Bổng, một nhân vật chống Nhân Văn khét tiếng cùng trong ban phụ trách lớp Thái Hà II với Nguyễn Đình Thi.

Cuộc đồng hành bất đắc dĩ và không khí thật nặng nề. Bổng Nguyễn Huy Tưởng nói khá to:

"Các ông ấy thật buồn cười, bắt mình học một tháng chứ học một năm, mình cũng không bao giờ kết luận thẳng Lê Đạt là phản động, mình ở với nó mãi, mình còn lạ gì"

Nguyễn Huy Tưởng biết rất rõ phát biểu như vậy là hết sức nguy hiểm, nó có thể khiến anh dễ dàng bị buộc tội là ủng hộ Nhân Văn và tức khắc trở thành một tên phó phản động, chí ít, cũng là một phần tử lạc hậu, lúc này anh vẫn còn trong Đảng đoàn văn nghệ.

Chúng ta thường có một thói quen không tốt là khi viết điếu cho một đồng nghiệp ít nhiều có tiếng, ta thường tổng tiền họ bằng những lời khoa trương tiện lợi và công cộng như "nhà văn lớn", thậm chí "cây đại thụ" v.v... (sinh thời Nguyễn Tuân gọi đó là *văn tế ruổi*)

Tôi bất cần biết Nguyễn Huy Tưởng là nhà văn lớn hay nhỏ, là cây đại thụ hay đồ sộ thụ, tôi chỉ biết anh là nhà văn hiếm hoi có tư cách mà tôi đặc biệt quý mến và kính trọng trong giới cầm bút đương đại.

Anh Tưởng,

Ở cõi bên kia, tôi nghĩ anh có quyền yên ngủ và ngáy thật ròn rã sau một cuộc đời lao lực nhọc nhằn và trung thực cày vỡ xứ đồng tiếng Việt.

## Một bài thơ không thành

*(trích Nhật Ký Của Nhà Văn Nguyễn Huy Tưởng)*

*Được tin bác Nguyễn Hữu Đang qua đời, tôi bảo với vợ tôi: «Thế nào mình cũng thay mặt gia đình đến viếng bác». Với ai tôi còn thế, huống nữa là với bác Nguyễn Hữu Đang. Bác là một người bạn thân của cha tôi. Một người bạn chiến đấu, có thể nói, ít nhất là trong những năm tháng hai ông hoạt động cách mạng sôi nổi ở Hải Phòng rồi Hà Nội. Riêng với tôi, bác đã để lại những ấn tượng thật đặc biệt, chỉ qua đôi ba lần bác đến thăm gia đình chúng tôi. Lần đầu, bác đến cho cuốn tạp chí điện ảnh, trong có bài đầu tiên bác được ký tên thật sau một thời gian bị mất quyền công dân. Ấy là bài bác kể lại việc dựng Lễ đài để Hồ Chủ tịch đọc Tuyên ngôn Độc lập ngày 2-9-1945. Lần khác, bác đến thắp hương cho cha tôi và làm rằm khấn: «Hôm nay tôi đến tưởng niệm anh trước bàn thờ. Tưởng niệm anh là tưởng niệm một nhà văn có tài đã đành, nhưng trước hết là tưởng niệm một con người lương thiện... Nếu cái trung của anh ai cũng thấy rõ thì cái trực của anh chỉ một số người nào biết đến mà cũng chỉ mới biết một phần nhỏ. Bởi vì anh vốn là người khiêm tốn, đằm đằm, sống nội tâm nhiều hơn bộc lộ» (bác đã cẩn thận viết ra*

giấy những dòng này và để lại cho gia đình chúng tôi). Hôm ấy, ra về, bác còn cầm theo đúng ba quả táo xanh để làm quà. Bác không có gia đình riêng, nhưng đi đâu cũng nhớ mang quà về cho ba người già, trẻ trong gia đình người cháu mà bác ở cùng...

Dẫu vẫn biết bác là người có «vấn đề», nhưng một người đã thuộc về lịch sử như bác Nguyễn Hữu Đang, tôi tin chắc chắn đám tang của bác sẽ được tổ chức trọng thể và đưa tin rộng rãi. Thế nào rồi mình cũng sẽ biết mà đến viếng. Nào ngờ mọi cái đã diễn ra lặng lẽ và tôi thì chỉ còn biết trách mình đã lỗi hẹn với người thiên cổ. Sinh thời, cha tôi từng có lúc «muốn làm một bài thơ» tặng bác, với những cảm xúc trước sự xả thân của bạn khi đến với phong trào Truyền bá quốc ngữ ở Hải Phòng. Có thể vì lý do nào đó, bài thơ đã không thành, nhưng những dòng nhật ký của cha tôi về bác Nguyễn Hữu Đang thì còn đó. Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Nguyễn Huy Thắng

\*\*\*

16-6-1942

Anh Nguyễn Hữu Đang xuống làm việc cho Truyền bá quốc ngữ từ hơn hai tháng nay. Anh xin nghỉ ở sở Tài chính [Hà Nội] xuống đây làm việc nghĩa. Đức hi sinh của anh thực không thể nào tả được. Nhờ anh mà phong trào quốc ngữ ở Hải Phòng chết đi nay sống lại. Anh như một ông tướng khuyến khích được cả một đạo quân chiến bại. Muốn làm một bài thơ tặng anh ấy.

30-7-1942

Anh [Lưu Văn] Lợi thiết tiệc anh Đang. Mình cũng đến. Nghe Đang nói chuyện, tự thẹn. Anh đã biểu lộ ngay từ bé một tính cách đặc biệt, hùng hổ và ngang tàng. Không sợ, khinh quyền thế, biến báo giỏi, biết thân phận mình, tin ở tài mình, đó là những tính cách của một người giỏi. Nhà nghèo. Anh đi đến đâu là làm bật nổi một phong trào. Tường như anh toàn là lửa. Muốn làm một bài thơ, nói anh như một vùng sáng, toàn thân sáng tỏa, thoát hiện, thoát ẩn. Một bài thơ tiễn biệt.

Đêm nói chuyện đến 2 giờ sáng, không biết mỏi.

12-4-1943

Trời mưa râm. Nghĩ đến mộ mẹ. Chua xót. Nghĩ đến lúc trên giường bệnh, mẹ rên rỉ, se sẽ: «Tôi khổ lắm.» Nghĩ đến khi, những lúc còn tưởng không chết, mẹ nói: «Phen này sống thì dù ăn rau ăn cháo cũng sướng.» Ôi lòng tha thiết sống, mà bị hành hạ bao nhiêu cũng không được sống.

Tuất, Nam, Đang viết thư chia buồn. Đang nói muốn báo hiếu, chỉ có cách là làm việc cho xuất chúng để xứng đáng với tinh thần mẹ.

15-5-1943

Xem Dương Đức Hiền và Đặng Ngọc Tốt diễn thuyết. Tốt nói có lửa, ca tụng những sức mạnh của non sông, nhắc lại những anh hùng, kêu gọi thanh niên: hùng hồn lắm.

Ăn cơm nhà [Quần Xuân] Nam. Uống rượu say. Phong trào sắp tới lớn lao, định đoạt số phận nước mình. Nghe các anh Nam, Đang bàn định những chương trình cứu nước, mình cũng bằng bột, nhưng lại sợ nguy hiểm và lo cho bản thân. Ôi khổ nạn!

14-7-1943

Cùng Đang đi chơi. 14 Juillet (14-7, Quốc khánh Pháp - BT). Đang nói anh cũng là người dân. Nhưng không coi ái tình làm trọng vì nó mất thì giờ. Không bao giờ viết thư cho gái.

24-2-1944



Đang viết thư vay Nguyễn Sơn Hà tiền. Hà giới thiệu với một sở làm guốc, và hứa sẽ bỏ ra 5000 đồng giúp Đang. Mới đây, Đang đã trả nhờ là vay để tiêu, chứ không có ý kinh doanh làm giàu, và kết luận: Nếu cả nước ai cũng mong làm giàu thì kết quả là nước không giàu mà trái lại.

Từ 15 Mars (tháng 3-1944)

Đang ốm nặng, phải vào nhà thương, nhức đầu không chịu được, nhiều triệu chứng chết. Đêm vào thăm bạn ở nhà thương: nắm bóp cho bạn.

Lòng lo khôn xiết, vì Đang là một người tài trí, nếu có mệnh hệ nào thì bao nhiêu công việc đình trệ. Nghĩ đến cảnh đọc điệu văn bạn. Dự định nếu bạn khỏi thì thiết tiệc mời anh em đến mừng bạn.

Nhưng may, Đang đã đỡ và đã gần bình phục.

\*\*\*

Vào dự hội nghị Ban kịch Hà Nội. Có thiếu Đang mới biết anh ta cần. Trong cuộc tranh luận, không có ai đủ tài trí áp được những hỗn độn.

11-7-1944

Nguyễn Hữu Đang bình phẩm về *An Tư*. Sau *Đêm hội Long Trì*, tôi tưởng anh có thay đổi lối viết, vì *Đêm hội Long Trì* là cuốn đầu tiên, không nói làm gì.

Anh vẫn ít tả cảnh, mà chịu khó làm cho câu văn linh động. Anh thiên về kể chuyện, nhưng một cách tầm thường (plat). Tựu trung có mấy điều này.

- Không nên để cho nhân vật tiểu thuyết nói những lời của tác giả, vì thế không nên có những câu dài, mà nói có vẻ tuồng. Phải xen vào những lời, những nét của đối phương người nói để rút ngắn đoạn nói ấy đi.

- Phải chịu khó tìm những tình, những cảnh (ngoại vật), nét mặt, dáng đi, cảnh chung quanh, để làm bật tình cảnh, chứ đừng nói mà sinh nhạt nhẽo, như mình vẫn thường làm. Nghĩa là phải tả, chứ không ghi một cách vội vã, tầm thường.

\*\*\*

Thực là những nhời vàng ngọc. Mình viết thực cầu thả, trong khi hành văn, cố tìm cho câu văn kên kiệu, chứ không nghĩ đến sự làm cho nó linh động. Thậm chí trong lời nói của các nhân vật, cũng gọt giũa, trong khi lời nói ấy cần phải tự nhiên, hàm hồ, lúng cụng, chứ không kiểu sức, và tuồng.

Sẽ thay đổi cách viết, và viết thận trọng. Mà viết ít thôi, cố làm sống, chứ không cố văn hay.

17-8-1944

Đang ngồi trong sở thì có dây nói gọi. Lê Văn Mai nói Nguyễn Hữu Đang đã bị bắt: «Nó bắt thằng ấy rồi, trưa đừng về nhà nữa.»

Lòng buồn rười rượi. Đi báo tin cho mấy người bạn. Về phố Lê Lợi, vào nhà mẹ Lê Văn Mai xem bạn có đầy không. Con nuôi Mai nói có khám ở nhà. Giật mình lo sợ. Vì trong ấy có cả sách của mình, nhất là bản thảo *An Tư*. Sao mà tập tiểu thuyết ấy nhiều phiêu lưu thế.

Vừa lo, vừa chán, vừa tiếc bản thảo *An Tư*. Chiều báo động, vào nhà dì. Nói chuyện huyền thuyên, cười cợt, nhưng trong lòng não như tương, tơ bời như vườn gió. Định ở đến tối, nhưng sốt ruột lại lên xe đi dạo phố. Tìm Siêu mấy lần mới gặp. Siêu nói bây giờ không nên trốn, mà cứ đường hoàng về, sự đã đến thế, đành vậy. Biết đâu, mình sẽ kinh nghiệm thêm về việc đời, và nếu phải tù thì chịu. Biết đâu sự không may ấy không làm mình thay đổi thái độ, và khiến mình quả quyết về một con đường chưa định.

Lê Văn Siêu lại có ý chỉ trích công việc làm của Nguyễn Hữu Đang, vì không tính đến cái rapport des forces (*tương quan lực lượng*). Khi nào sức mạnh của dân chúng đã đủ chống với

chính phủ thì mới hành động được, chứ như bây giờ, sức mạnh của chính phủ áp đảo được một cách dồi dào, thì làm những công việc ấy chỉ vô ích mà uổng công lao.

Sáng hôm 18, đi làm. Vào sở không thiết làm một việc gì. Nhật ký, tập khởi thảo *Tính cách xã hội trong thơ Đỗ Phủ* đã giấu đi từ ngay khi biết tin Đàng bị bắt. Làm cho khuây khỏa. Ngồi trong sở trông ô-tô chỉ sợ mật thám đến bắt.

Chiều đi hồi lung tung. Đội mưa về. Đến nhà thấy Lê Văn Mai đang quét nhà, bắt tay nhau, buồn cười và cảnh khôi hài. Một chút yên tâm: Nguyễn Hồng cũng bị bắt với Nguyễn Hữu Đàng, Như Phong, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi đã được tha về. Hồng nói bọn bốn người đã bị giải đi Nam Định để đối chất rồi.

Anh em cười nói. Nghĩ thương Đàng ốm yếu, từ hôm bị bắt chưa được ăn một miếng cơm nào. Sáng hôm qua, họ cho một nắm cơm, nhưng không ai ăn.

19-8-1944

Chiều thứ bảy, trời u ám, lên phố Tràng Tiền tìm Khái để hỏi thăm tin tức Nguyễn Hữu Đàng. Nhớ đến tiếng cười tiếng nói, buồn vì nỗi hiu quạnh, cô đơn, nhớ bạn, muốn khóc.

Đáng nhẽ mình sẽ nói chuyện ở lớp huấn luyện [Truyền bá quốc ngữ] miền Bưởi. Nhưng sau khi Đàng bị bắt, Nguyễn Quý Khôi, tức Trưởng miền Bưởi, lại thay đổi chương trình, không cho mình nói: viện cớ rằng mình có Đàng làm hậu thuẫn thì mới hùng.

Sự khinh miệt ấy làm cho mình đau đớn và kích thích.

Nhận thấy cần phải hoạt động để:

1/ tỏ rằng mình có tài;

2/ bù vào chỗ thiếu Đàng.

1-9-1944

Tin Đàng được tha bổng. Vừa mừng cho bạn, vừa lo cho mình. Vì không có Đàng mình sẽ bật nổi được mà có Đàng thì mình rất dễ lu mờ. Nghiệm thấy trong thời kỳ Đàng bị bắt, mình hoạt động, anh em nhiều người hỏi ý kiến, lại dám đứng trước công chúng nói (nghe chừng cũng không kém lắm).

14-10-1944

Trưa yên tĩnh. Trời mát dịu. Trước hồ Hoàn Kiếm, nước như gương. Cùng đi với Nguyễn Hữu Đàng, xem ba ba nổi trên tháp rùa. Cảnh đẹp và khêu gợi.

15-10-1944

Dự buổi họp với các bạn văn: Tô Hoài, Trần Huyền Trân, Nguyễn Hồng, Như Phong, Nguyễn Hữu Đàng với Đỗ Xuân Dũng, tại nhà xuất bản Người Bốn Phương.

Tự nhận thấy trách nhiệm. Vui sướng.

5-3-1945

Về tờ báo mà Đàng chủ trương, anh ta yêu cầu mình giữ mục Revue de la presse (*Điểm báo*). Lượm những tin cũ ở các báo, đối chiếu với những ngôn luận bây giờ.

Không làm được. Đàng có ý giận. Nói phải chịu khó, không có công việc gì to mà lại không làm việc một cách tận lực: bỏ bữa cơm, thức suốt đêm, quên hết.

Mình có ý thẹn. Chính mình là hạng người ấy. Không làm việc gì một cách say mê. Nghĩ đến mình quá! Vụ lợi nhiều!

9-3-1945

Có tin Nhật sắp diệt Pháp. Tám giờ đến nhà Nguyễn Hữu Đàng. Qua một góc phố, thấy một sĩ quan (hay hạ sĩ quan) Nhật dặn dò mấy chú lính Nhật, như cất đặt công việc khởi sự.

Ngồi trên gác số 73 Hàng Quạt. Đàng nói chuyện thì nghe tiếng tành tạch. Mấy bác thợ thêu ngơ ngẩn. Đã biết trước, nhưng vì người Nhật rập rình từ bao nhiêu lâu không dám hành động,

nên vẫn hoài nghi. Đến lúc tiếng súng đi, tiếng súng lại, mới biết là sự thực. Không ngờ họ khởi sự sớm thế.

Nguyễn Hữu Đang ở ngoài chạy xô vào, bắt đóng kín các cửa lại. Tiếng súng nổ mỗi lúc một đều, tuy không rền. Có tiếng còi đội xếp (họ tưởng là báo động). Người ngoài phố chạy một cách ngây thơ. Có tiếng súng thần công ở bên. Nhà bên cạnh thấy nhà mình vẫn thấp đèn, chửi rầm lên. Lão chủ nhà và mẹ chủ nhà chạy lên hỏi làm thế nào, trách Đang không nói rõ (Đang chỉ đưa cho mấy nghìn bạc để đóng gạo). Nhà hôm ấy nấu bánh chưng. Có cảm tưởng như đêm 30 Tết với tiếng pháo tếp và tiếng pháo đùng. Một ngày lịch sử và quyết liệt cho vận mệnh nước nhà, mình lấm bầm và thâm thán phục những dự đoán của anh em, thế nào Nhật Pháp cũng phải có phen tự diệt.

Nằm lo cho tiền đồ quốc gia. Một phần chương trình đã thực hiện rồi đây. Rồi ra phải thế nào? Thái độ của mình phải thế nào? Nằm không ngủ được. Đang, anh chàng đầy sáng kiến cũng trùm chăn ngủ, nhưng chắc đang nghĩ gì đây. Trưa hôm ấy, anh ta báo tin cho mình biết, và đã bàn bạc với Như Phong xem bổn phận của anh em trong nhóm Văn hóa phải như thế nào.

10-3-1945

Trở dậy. Mặc quần áo. Đang cũng mặc quần áo, bảo mình viết cho một mảnh giấy nói là đi ra lệnh cho các công chức cứ làm việc như thường. Rồi anh chàng đi tìm Thẩm Hoảng Tín và Mai Văn Hàm để lấy tiền tiêu, nhất là để dùng nếu muốn trốn đi. Trưa hôm qua, sau khi đưa cho mình 20 đồng, có cho mình mấy cái địa chỉ chỗ anh ta trốn đi. Giờ phút sao mà nặng nề, đá màu thiêng liêng như thế!

Đi thăm phố. Ra xem lính Nhật đánh thành cửa Đông. Trong thành súng vẫn bắn ra. Hai bên thành cầu, lính Nhật nấp, lưới lê dựng ngược. Vài quân cảm tử đã vào gầm cầu: trông chồm chồm như chó giả tiền rồi. Gọn thon lòn, và lùn nực cười.

Chiều về nhà Đang ăn cơm. Nói chuyện về thời sự. Đang thích nghĩ về công việc của người Nhật: một sự liêu, và một công việc có tính cách binh bị, không có chút tính cách chính trị nào. Vì thế những người chính khách như Trần Trọng Kim, Ngô Đình Diệm không chịu nhúng tay làm. Sau việc khởi sự, quân đội Nhật mới «xù» ra một lũ bù nhìn. Họ lúng túng không sao lập được một chính phủ. Anh em thanh niên đến nhà Đang đông như mắc cửi để bàn về thời sự.

11-3-1945

Bốn giờ rưỡi lại Đang. Đang cho Nghĩa những huấn lệnh để cổ động anh em sinh viên đừng mù quáng tin theo phong trào Đại Việt.

Chiều tối, lại nhà Lê Văn Mai ăn tiệc. Ăn khỏe quá. Và nói cũng khá, không đến nỗi lì xì. Thuyết về chỗ người Pháp không ở lại nữa, và hôm 9-3 là ngày họ hết uy quyền ở Đông Dương. Pháp đã bị gạt ra, Nhật đương phải sửa soạn đánh Anh - Mỹ. Giữa lúc ấy, một đảng chân chính xuất hiện và sẽ giao thiệp thẳng với các nước mà đòi quyền độc lập cho giang sơn.

Nói có lửa. Cử tọa có vẻ phục mình lắm. Biết đâu, phần nhiều là lấy lại những lời của Nguyễn Hữu Đang cả. Nhưng rất là hùng biện.

15-3-1945

Gặp Nam Cao. Mở cặp của Nguyễn Hữu Đang thấy có *Cột đồng Mã Viện* của mình. Nói, thôi còn cần gì nữa. Xếp bút nghiên thôi.

Lòng bồng ân hận, vì chưa thành một tác phẩm gì. Dấu sao, cũng phải nhất định đi vào con đường văn sĩ. Khởi đào mãi mãi.

Chính trị xong, nhất định lại trở lại văn chương. Rất nhiều hi vọng.

16 - 19-7-1945

Dự bộ biên tập T.P. (Tiên Phong). Chị dâu có ý sợ. Con trai, con rể hoảng hốt. Sinh - Thái - Như Phong - Trang(1) - mình.

Càng ngày càng quý Sinh - Thái: chỉ đặt quyền lợi đoàn thể lên trên mọi thứ.

-----  
(1) Thái: bí danh của bác Nguyễn Hữu Đang (Phạm Đình Thái); Sinh: bí danh của đồng chí Khuất Duy Tiến; Trang: bí danh của đồng chí Mười Hương, tức Trần Quốc Hương.

15-11-1947

Chuyện Tham Ý(1). Phục các cán bộ Việt Minh. Trong khi nói chuyện, thỉnh thoảng lại hỏi: Sao anh Tường, anh Lợi bây giờ lên to thế? To quá nhỉ. Phục Đang. Hỏi thăm một người: Có phải là cánh tay phải của Cụ Hồ không? Bản khoán không biết bây giờ Đang về khu này thì phải vào chức gì cho xứng? Theo ý anh tham biện ấy, thì ở đây không có một chức gì cao hơn để Đang làm cả, vì Đang trên cả ủy ban kháng chiến.

-----  
(1) Một người bạn cũ của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng trước Cách mạng.

21-4-1955

Chung quanh vấn đề tranh luận thơ Việt Bắc. Lê Đạt, Trần Dần, Hoàng Cầm tụ tập nhau. Bè phái trong văn nghệ.

Nguyễn Hữu Đang tiêu cực. Ở đâu cũng thấy không vừa ý. Người có caractère (cá tính), ở đâu cũng có ảnh hưởng đến anh em. Anh em Tòa soạn khen là chí công vô tư, nhưng tư tưởng rất là nguy hiểm. Một điển hình của một chiến sĩ làm cách mạng bất mãn.

24-4-1955

Đầu óc nặng vì bài Đang công kích thuế. Hữu khuynh. Trách nhiệm với nhân dân. [Vớ] Tổ quốc.

3 - 23-6-1955

Học tập tình hình và nhiệm vụ.

Nguyễn Hữu Đang không học tập. Đứng hôm góp ý kiến cho Tiểu ban thì đến. Đặc biệt đã kích mình: in *Gốc đa*, v.v...

21-8-1956

Từ khi ở Lào Kay về, những tin tức chung quanh không lấy gì làm tốt, làm cho mình băn khoăn, lo nghĩ, rồi những việc văn nghệ sĩ phê bình lãnh đạo văn nghệ làm cho không ngủ được.

Không muốn ăn, ăn muốn nôn. Người suy nhược.

Trương Tửu đến họp ban giải thưởng, có vẻ khuyên bọn mình kiểm điểm thì chỉ có lợi cho uy tín. Phan Khôi: Chúng tôi làm cách mạng, không làm cái lương. Hoặc tôi có công to, hoặc là tội to. Các anh là melchevik (*thiếu số*), chúng tôi là bolchevik (*đa số*). Nguyễn Hữu Đang nổi lên. Tiếc rằng kéo anh ta về văn nghệ để làm rầy rà mình. Chính người chửi mình nhất là Nguyễn Hữu Đang.

26-8-1956

Tổng kết lớp lý luận. Nguyễn Hữu Đang có quần chúng ủng hộ. Lời phát biểu của Tố Hữu không được anh em lấy làm thỏa mãn.

Nói chuyện với Nguyễn Hữu Đang. Đang đã chán, vì những ý kiến của mình không có ai nghe. Nay có quần chúng, nên lao vào việc đấu tranh trong văn nghệ.

Trước đây, Đang không muốn làm gì, vì đã làm là phải đem hết cả cái thân mình vào công việc, mà đã không làm là không làm. Thà về nuôi các cháu, sống đời điền viên còn hơn. Nhưng từ khi có Đại hội 20 Đảng Cộng sản Liên Xô thấy phấn khởi, đang ở cái cách ruộng đất muốn về ngay Hà Nội hoạt động như thời «beau vieux temps» (thời xa xưa tươi đẹp). Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 9 lại làm cho Đang chán nản.

Kể chuyện một bà bác. Có rất nhiều uy tín trong làng, cư mang hết cả mọi người. Hồi phát động quần chúng giảm tô, bà thách ai gọi bà là nó. Nhưng đến cải cách ruộng đất, bị đấu. Thằng cháu giằng cơm của bà, tát bà. Bà ta chết. Không có gì vô nhân đạo hơn.

23-9-1956

Gặp Đàng. Giữa lúc gay go. Đàng nói lãnh đạo ngoan cố nên anh em phần nộ, chính lãnh đạo dồn họ vào thế bí. [Báo] *Nhân văn* là con bài cuối cùng. Nếu không ra được, đấy là chứng tỏ không có tự do. Và họ sẽ xin ra nước ngoài (Mỹ Diệm thì họ không chơi rồi), dù là phải hành khát. Họ vừa gặp báo vừa nói thế. Vấn đề giải quyết cũng không khó gì. Lãnh đạo tự kiểm điểm. Giải quyết những yêu cầu của anh em. Đoàn kết lại trở lại như thường.

Vấn đề của Đàng, một trí thức tiểu tư sản khi vào Đảng là muốn đem trí tuệ của mình phục vụ, đóng góp cho Đảng, không phải là vấn đề thừa hành một cách ngoan ngoãn. Muốn bảo vệ chế độ này, phải phát huy dân chủ, làm cho Đảng liên hệ mật thiết với quần chúng.

Nói xấu và đả kích chế độ, nhất định là có hại, nhưng cũng như Đảng Cộng sản Liên Xô dám đem việc Staline ra cũng biết là có hại, Mỹ sẽ phản tuyên truyền, nhưng cái lợi thì lớn hơn. Ấy là Đảng lớn lên. Con người lớn lên.

Đối với Đàng, có phải là vấn đề sung sướng cho riêng mình đâu. Nếu không phải là một *homme de coeur* (người tâm huyết), thì chẳng cần gì cả. Làm thủ tướng một nước mà có những sai lầm lớn thế này thật không đáng vui gì.

9-12-1956

Sau khi có nghị quyết của Bộ Chính trị mà do Tố Hữu truyền đạt, ở các cơ quan đã có những hiện tượng đả nhau. Một anh công đoàn ghi: «Nguyên văn», chứng tỏ anh ta chẳng biết Nhân văn là cái gì. Thế mà là những người đấu Nhân văn đấy.

Viết thư cho ông Trường Chinh phản đối biện pháp đối với Nhân văn. Chả biết ông ấy nghĩ sao!

11 - 12-12-1956

Anh em Nhân văn(1) họp để nhận định tình hình. Có người nói nên thôi đi, để các ông ấy đánh vào chỗ không người, nhưng cũng có người nói thôi thì có hại, trong Nam nó sẽ tuyên truyền là miền Bắc bóp nghẹt dân chủ, nên cứ ra dù có thể có người đến đánh. (Trần Hữu Thung khuyên Hoàng Cầm nhà có súng, có dao thì cất đi, kẻo dễ xảy ra án mạng). Nghĩ thương cho anh em Nhân văn, thương Đàng, Lê Đạt, Hoàng Cầm, v.v...

-----

(1) Những người làm báo hoặc viết cho báo Nhân văn (chỉ ra được 5 số từ 15-9 đến 20-11-1956 do Phan Khôi làm chủ nhiệm), sau được gọi chung là nhóm Nhân văn.

13-12-1956

Gặp đồng chí T.C. Khi mình nói không nên có thành kiến với Nguyễn Hữu Đàng, thì thiếu bình tĩnh ngay. Rồi quay ra vặc: Sao anh chỉ trách Đàng mà không trách bọn họ?

Họp Đảng đoàn kiểm điểm. (...) buộc tội Trần Duy, Nguyễn Hữu Đàng là khuynh hướng địch. Vẫn chẳng hiểu gì về Đàng. Đàng đưa ra các vấn đề cũng chỉ là để đi đến vấn đề tự do dân chủ, trăm hoa đua nở, phát triển văn học nghệ thuật. Làm sao cho không khí văn nghệ đỡ ngột ngạt. Thế thôi. Mắc một cái oan nặng. Sự thật chỉ là do dự lớp văn nghệ, rồi anh em tín nhiệm, rồi lao đầu một cách vô tư vào công việc, đấu tranh cho quyền lợi chung của văn nghệ, chứ chẳng mưu đồ mục đích riêng tây nào. Ta để cho việc này trôi đi ư? Tin vào nhiều điều dựng đứng do những báo cáo không đúng, hoàn toàn bịa của các cấp gửi Trung ương ư? Đã bao nhiêu người oan uổng vì những báo cáo không xác thực này! Nguyễn Hữu Đàng dững cảm, vô tội, trở thành một người phản Đảng. Những thành kiến đi đến giết người!

14-12-1956

Buổi trưa, Đang đến. Mặt hốc hác, không vui. Thực ra, Đang đã phân trần rằng anh ta không phải là chủ chốt, mà vẫn là ý kiến số đông quyết định. Nhưng các vị đã quá nghi ngờ như Tào Tháo rồi, tin chỗ ấy thế nào được. Lại suy diễn câu nói trong bài của Đang, sẽ đăng trên số sáu Nhân văn, chưa in. Đây là câu: Nếu nhân dân Hung ga ri biết sớm nổi lên lật đổ tập đoàn Rakosi và Ghêro(1) thì không xảy ra vụ 23/10(2). Và: Hiến pháp Trung Quốc quy định quyền biểu tình chứa ngay vào Chính phủ. Thế là các vị từ một bài lý luận, mà cũng chưa in, suy luận rằng Đang hô hào lật đổ Trung ương và Chính phủ.

\*\*\*

(1) Mátyás Rákosi (1892-1971): Nhà hoạt động chính trị Hungari, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Hungari từ 1945 đến tháng 6-1956, khi Erno Gero lên thay; Ghêro: phiên âm tên của Gero, người lên thay thế Rákosi trong một thời gian ngắn, cho đến khi xảy ra cuộc chính biến ở Hungari.

(2) Tức là cuộc chính biến, nổ ra vào ngày 23-10-1956, khi hàng trăm ngàn người dân Hungari nổi dậy chống lại Chính phủ.

Gặp Trần Lê Văn, Lê Đại Thanh, Quang Dũng. Họ nói thật chẳng khác mấy đứa con làm chuồng gà, mà bố giận đánh thậm tệ, không còn biết chạy đi đâu. Họ không gặp nhau, nhưng lúc này họ xiết chặt lấy nhau, ôn lại những ngày làm việc với nhau, một cách rất nghệ sĩ, chẳng có chủ trương, đường lối gì, mạnh ai nấy viết. Việc quản lý thì không hề biết đến. Bây giờ họ họp nhau, chỉ để bàn cách trang trải số nợ với các đại lý. Vì công đoàn vận động công nhân không in, báo không được ra, phải trả [lại] tiền đại lý. Có người đã đến cửa nhà Nguyễn Hữu Đang đòi. Bàn xem lấy tiền đâu. Đóng góp thì ít có tiền. Vay tư sản thì họ giữ kẽ. Họ đến gặp nhau, để chia xẻ bù ngọt với nhau. Người nào cũng hốc hác, không ngủ được. Phan Khôi khuyên mọi người: bình tĩnh. Và khôi hài: họp ba người thôi. Rồi lại nhìn sang nhà bên cạnh có công an rình. Họ khổ nhất là đường đường những người kháng chiến, nay mắc những tiếng là phản động.

Anh em lo nhất cho Nguyễn Hữu Đang. Mấy hôm nay gầy guộc. Lo trang trải công nợ, không thể đi đâu được, không trả thì sẽ bị kết tội là bội tín: cũng ra trước pháp luật. Lo cho Đang sẽ phải ra tòa. Lo nhất là có thể bị đánh, vì Nguyễn Hữu Đang là người nhiều người biết. Thương hại cho Đang mà anh em ai cũng thương yêu, thực sự là người săn sóc cho anh em, đấu tranh, lo liệu. Ngao ngán những ngày vui chiến đấu, tự nhận là majorité, bolchevik (đa số) để bây giờ đi đến những tan rã như thế này. Vinh và nhục đi liền. Mấy hôm nay, Trần Lê Văn ngao ngán. Lo cho mình thì ít, nhưng lo cho Đang thì nhiều. Tiền nong cho gia đình thì thiếu, con lên sởi, lo vì công việc, lo cho bạn, không sao ngủ được. Cái nhóm: Trần Lê Văn, Quang Dũng, Hữu Loan, Lê Đại Thanh, Thanh Châu vắng vẻ chuyện trò.

Đang liều quá, định đưa báo in ở Terexa! Vẫn là anh chàng: Tất cả để đạt được mục đích.

Thậm chí nói: Biết con mẹ Thụy An là đứa có vấn đề chính trị, nhưng nó là một người bất mãn đối với lãnh đạo thì cũng cứ dùng. Đúng là một tay thủ đoạn dùng đủ mọi khía cạnh để đánh thắng. Nhưng mặt khác lại có những điểm rất đáng yêu: Để giả nợ nhà in, bán quần áo đi để lấy tiền. Anh em Nhân văn cảm động về cái chữ chỉ viết giấy: Tôi, Nguyễn Hữu Đang, nhận bán cho ông... bộ quần áo này, v.v... Nhớ lại câu nói: Trước không có ai nghe, nhưng nay nói có người nghe, thì ra hoạt động.

15-12-1956

Họp Chi bộ Văn nghệ để thảo luận về Nhân văn. Chị Nhị sĩ vả, nói muốn ăn gan nuốt sống bọn nó. Võ Huy Tâm cường điệu về giai cấp công nhân. Lê Đạt bệnh vực Đang. P.K.A. mạt sát Lê Đạt gọi là hèn nhát. Huy Phương nói về công tâm con người đảng viên trong vụ này. Minh tỏ ý thương anh em Nhân văn (chúé quá. Điều nhúú lông mày. Thi không đồng ý). Bồng đề nghị có biện pháp cho anh em an tâm. Thi gạt đi một cách cương quyết (Trường Chinh không gặp Phan Khôi - Nguyễn Hữu Đang không được gặp Xuân Thủy). Chắc là có chủ trương kiên quyết.

Độc nghị quyết Trung ương. Không khí nặng nề. Kim Lân mừng không phải giơ tay. Không phải ký kiến nghị phản đối báo Nhân văn.

Buổi tối, [Nguyễn] Tuân đến nói không nên siu đi. Lúc này càng phải hăng hái. Thực ra thì mình cũng đang sút tinh thần. Bộ máy của cách mạng mở chạy, nó thật tàn nhẫn cho tình cảm con người. Bảo vệ tổ chức: nhiều trường hợp khó khăn như thế này, chỉ còn một cách là dựa vào tổ chức. Buồn là có khi bảo vệ cái tổ chức làm sai, trái với lòng mình!

20-12-1956

Đến chơi Nguyễn Hữu Đang. Anh ta bình tĩnh. Phàn nàn rằng càng ngày càng thấy mình làm đúng. [Nhưng người ta] lấp việc nọ sang việc kia để kết luận một cách hồ đồ. Ví dụ việc đưa báo in ở Terexa là khi mới bắt đầu ra Nhân văn số 1 chứ không phải là số 6, thì lại nói là không in được ở Xuân thu thì đưa lại Terexa...

Mấy anh em Nhân văn buồn. Quang Dũng nói dù có hoang mang, nhưng lòng trong trắng nên vẫn bình thản. Đang khoe mua được lọ hoa đẹp. Đêm Noel đi chơi. Điều này chứng tỏ anh em không làm điều gì lương tâm cắn rứt, mới thản nhiên như thế được.

## Nguyễn Huy Tưởng - một nhà văn Hà Nội Phạm Xuân Nguyên



“Cái đất khôn khổ này cần chúng ta hiểu thêm để yêu thêm”  
(Nguyễn Huy Tưởng).

Thế nào là một nhà văn Hà Nội?

Nhà văn đó có thể sinh ở Hà Nội hoặc không, có thể sống ở Hà Nội hoặc không, nhưng phải viết về Hà Nội.

Nhà văn đó viết về Hà Nội, nhưng cái viết phải có chất Hà Nội.

Chất Hà Nội là gì? Đó là chất kinh kỳ và kẻ chợ.

Nguyễn Huy Tưởng (1912 - 1960) là một người con Hà Nội (ông sinh ở Dục Tú, Đông Anh).

Và ông là một nhà văn Hà Nội. Đối với ông, cái đất kẻ chợ và kinh kỳ ấy là một niềm tự hào, một lòng luyến tiếc, một nỗi xót xa, một sự đau đớn.

Nguyễn Huy Tưởng yêu Hà Nội với đầy niềm tự hào và luyến tiếc lịch sử. Kịch *Vũ Như Tô* ông viết năm 1943 có nhiều tầng ý nghĩa, nhưng có một ý nghĩa nổi bật mà tác giả không giấu giếm: nỗi buồn vì Cửu trùng đài không được xây dựng. Không có Cửu trùng đài, Thăng Long mất đi một vẻ đẹp kỳ vĩ, đủ để biến nó “thành nơi kinh kỳ lộng lẫy nhất trần gian” như lời Đan Thiềm nói với Vũ Như Tô. Nguyễn Huy Tưởng không biết “Như Tô phải hay những kẻ giết Như Tô phải?”, và tuy ông tự hỏi “Đài cửu trùng không thành, nên mừng hay nên tiếc” nhưng có thể

thấy ông tiếc, vì ngay sau câu hỏi ấy là một câu so bì: “Tháp người Hời nguyên là giống Angkor!”.

Trong tiểu thuyết *Sống mãi với Thủ đô*, Nguyễn Huy Tưởng đã có những trang bàn luận sâu xa về Thăng Long - Hà Nội ở cảnh bữa tiệc sinh nhật của Tân với bốn người khách bất chợt được mời vào giữa lúc Pháp sắp nổ súng gây chiến. Một người là thầy giáo (Trần Văn), một người là học sinh (Vũ Minh), một người là nhạc sĩ (Thu Phong), một người là thợ ảnh (Benla). Một cuộc gặp gỡ lạ lùng của các nhân vật nhưng là một trường đoạn tiểu thuyết được nhà văn dựng lên để thể hiện tình yêu và những suy tư về Hà Nội của ông. Câu chuyện của năm người xoay quanh cuộc chiến sắp nổ ra và số phận của Hà Nội trong khói lửa chiến tranh đã đưa ra một cách nhìn, một thái độ như vừa yêu vừa giận của Nguyễn Huy Tưởng về Hà Nội. Trả lời câu hỏi của Thu Phong nếu Pháp nổ súng mà người Hà Nội không dứt điểm được chúng trong một đêm thì sao, Vũ Minh hùng hồn:

- *Thì thiêu đốt kinh thành ra tro. Thành La Mã đẹp là thế mà thằng bạo chúa Neron còn đốt trong một trận điên cuồng kia mà. Huống chi là cái thành phố cổ lỗ này, xấu xí và bẩn thỉu, vá vúi và lai căng, bé bằng cái hồng mũi, trơ trẽn như một con đĩ, cái thành phố đầy những cai Công, cai Mơ, những J. Dod, Kính què, những mụ cai đen, những mụ bé Tý, những đóc Sao, những Trịnh Thục Oanh, những Cả Vê, Hai Cua, còn gì nữa cái thành phố ấy, thì để làm gì mà không đốt nó đi để mà xây dựng một cái mới.*

Trần Văn cãi lại:

- *Hà Nội có chín trăm năm lịch sử. Ông nên nhớ cái vinh quang của Thăng Long, Đông Đô. Nó còn lâu đời hơn cái Paris lộng lẫy kia.*

Vũ Minh:

- *Vì Paris lộng lẫy nên thằng Pháp không đánh đã hàng. Hà Nội xấu xí cho nên ta đốt nó đi và cùng với nó đốt luôn cả thằng Pháp. Để xem dân tộc Pháp anh hùng hay dân tộc Việt Nam anh hùng. Vậy thì nâng cốc vì Tổ quốc, vì Cụ Hồ, vì thắng lợi, vì sự tàn phá của Hà Nội. Không nên để Hà Nội làm gì. Hà Nội xấu, Hà Nội ô nhục...*

Trần Văn:

- *Chúng ta không nên nói thế.*

Vũ Minh:

- *Xin lỗi ông, đau lòng đấy, nhưng là sự thật. Hà Nội xấu lắm. Hà Nội không có Acropole, không có Arc de Triomphe, không có Saint Pierre. Hà Nội nhục lắm. Đến cả cái đền Bạch Mã Hàng Buồm, thờ ông thành hoàng của chúng ta, mà cái tượng Mã Viện vẫn còn sờ sờ, vẫn có người lễ bái. Phát khóc lên được.*

Trần Văn:

- *Hà Nội không xấu đâu, ông ạ. Hà Nội thiếu lâu đài, nhưng không thiếu cảnh. Các cụ ngày xưa chả nói Hà Nội là đất của năm núi, hai mươi tám đảo, của Thăng Long đại bát cảnh đấy ư? Ở trên thế giới đâu có Hồ Gươm, Hồ Tây ở giữa thủ đô. Ở đâu có con sông nước đỏ chảy qua? Ta đừng trách Hà Nội mà trách những kẻ làm xấu, làm hại Hà Nội. Và Hà Nội cũng không nhục đâu, ông ạ. Nó có Đống Đa, có Đông Kinh nghĩa thực. Muốn hay không muốn, nó vẫn là Thủ đô toàn quốc. [1]*

Cảnh bữa tiệc này là những trang viết tôi thích nhất trong vở kịch của Nguyễn Huy Tưởng. Các phát ngôn của nhân vật ở đây chất chứa lòng yêu, niềm tự hào và nỗi buồn đau của Nguyễn Huy Tưởng về Hà Nội, đất kinh kỳ - kẻ chợ. Ông vẫn tiếc Hà Nội không to đẹp với những lâu đài tráng lệ. Ông tự hào với quá khứ lịch sử của Hà Nội ở những giá trị tinh thần. Và ông lo lắng thấy Hà Nội bị xâm phạm cả xác và hồn bởi kẻ thù ngoại quốc, và bởi cả những người không biết yêu Hà Nội. Nhưng ông tin Hà Nội không chết, nước Việt không mất, vì mãi còn trong máu người Thăng Long, người dân Việt khí thế Diên Hồng. Hồn nước từ nơi hội tụ khí thiêng sông núi này luôn bừng thức mỗi lần non sông bị đặt trước nguy cơ tồn vong đến từ ngoại bang. Tiếng các cụ bô lão đời Trần hô “Quyết đánh!” trong điện Diên Hồng năm 1284 vọng đến tai



chàng trai Nguyễn Huy Tưởng 29 tuổi năm 1941 giữa Hà Nội “như một nhời cảnh báo, hơn nữa, như một nhời đe dọa” kẻ thù.

“Người ta chỉ biết ca tụng cái chiến công oanh liệt là Bạch Đằng. Nhưng không ai biết rằng trận Bạch Đằng không lạ; mà hội nghị Diên Hồng mới lạ, Bạch Đằng chỉ là cái kết quả tất nhiên của cuộc hội nghị có tính cách hoàn toàn dân chủ kia” [2], đó là nhận thức sâu sắc có ngay từ hồi còn trẻ của Nguyễn Huy Tưởng về Hà Nội, về đất nước. Nhận thức này sẽ xuyên suốt các trang viết của ông: những con người bình thường, những người dân bình thường chính là những người làm nên lịch sử, không ai được phép chà đạp và lãng quên họ.

Nhật ký Nguyễn Huy Tưởng sau ngày tiếp quản thủ đô (10/1954) càng bộc lộ rõ niềm trăn trở đau đáu của nhà văn đối với cảnh và người Hà Nội. Kháng chiến chống Pháp thành công, Hà Nội hòa bình bắt tay kiến thiết xây dựng cuộc sống mới, nhưng ngay từ rất sớm, từ những ngày đầu về lại thủ đô, Nguyễn Huy Tưởng đã buồn và đau cho Hà Nội khi người chiến thắng đã có những biểu hiện thái độ thô thiển và thô bạo đối với vùng đất ngàn năm văn vật.

Ngày 8/6/1956 ông ghi: “Đi với Chế Lan Viên. Hồ Gươm lặng thẳm. Chung quanh đèn điện mờ mờ. Thành phố không vui. Có cái tự hào của chủ nhân, nhưng không có cái say sưa, cái gọi là chấp cánh. Cảm thấy không có cái vui tươi. Một màu xám”. [3]

Ngày 25/9/1956 ông ghi nhật ký: “Hồ Hoàn Kiếm khuya. Ngọc (Trịnh Hữu) nói: Ở đâu phải đẹp đấy. Đáng nhẽ hai năm (sau giải phóng) phải đẹp lắm rồi. Nhưng xấu thêm. Ước ao bên hồ có nhiều chỗ giồng hoa, có những chuồng chim lạ, cá lạ. Trẻ em tung tăng bên hồ vui sướng biết bao. Chán phê với những hòm rác, những bảng trưng bày hình ảnh các nước bạn, nó làm xấu hồ đi, và chỉ là nơi muỗi ở, xấu mắt và ngượng quá cho Thủ Đô.” [4]

Nhật ký ngày 10/4/1959 Nguyễn Huy Tưởng ghi lại ý kiến của Nguyễn Tuân góp ý cho ông về kịch bản phim *Lũy hoa* nói về Hà Nội mùa đông 1946: “Ngoài việc chiến đấu, phải gọi lên cảnh Hà Nội. Cảnh Hà Nội thật nên thơ, thật cổ kính, của một thời kỳ đã qua. Nhưng rồi sắp hết trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phải ghi lại những hình ảnh của Hà Nội, về người, về cảnh, về phố phường. Vì nó sắp mất. Mà nó sẽ có tác dụng ở trong nước. Ở ngoài nước. Ở Varsovie. Ở Khmer, khi đồng bào miền Nam tới xem: có thể có người khóc”. [5] Và Nguyễn Huy Tưởng cho biết thâm tâm ông đồng ý với lời khuyên của Nguyễn Tuân cả về việc tập trung cho kịch bản này, cả về việc trong kịch bản có chú trọng ghi lại những cảnh sắc Hà Nội. Bây giờ đọc lại những dòng ghi của ông, sau nửa thế kỷ, ta cảm nghe được nỗi lòng nhà văn Hà Nội ở Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Tuân sâu nặng và day dứt biết bao. Con mắt và tấm lòng nhà văn ở họ như đã dự báo và nhắc nhở cho những ai có liên quan đến Thăng Long - Hà Nội.

Chính Hà Nội ấy, Hà Nội mang chứa trong mình Thăng Long lịch sử, Hà Nội sau tám năm tạm chiếm đón người chiến thắng trở về, Hà Nội trở mình thay đổi theo một định hướng mới, đã phơi bày những cái chưa được của người tiếp quản và làm chủ Hà Nội, rộng ra là làm chủ đất nước. Nguyễn Huy Tưởng nhìn Hà Nội những ngày sau 1954 như nhìn một con người, một con người văn hóa, và đòi hỏi cho Hà Nội phải được trân trọng và đối xử như một con người văn hóa. Ông bức bối, ông tức giận tất cả những cái gì áp đặt, choàng phủ lên thành phố thủ đô làm nó méo mó, xấu xí, khô cằn, kệt cớm, xa lạ.

Bài ký “Một ngày chủ nhật” (11/1956) chuyển tải những ý nghĩ, suy tư dằn vặt, lo âu của nhà văn trước thời cuộc trong nước và thế giới hồi bấy giờ, và không thể tách rời với những quang cảnh Hà Nội mà ông thấy chướng tai gai mắt.

Đoạn nhật ký ngày 25/9/1956 nêu trên sẽ được ông viết dài ra trong bài ký này: “Tôi đi một vòng quanh hồ, mong tìm ở đây một chút khuấy khuấy. Tôi vốn yêu hồ vì cảnh đẹp, và cũng vì nó mang dấu vết của người anh hùng yêu nước mà trước đây tôi đã có ý ngợi ca. Nhưng Hồ Gươm đã mất nhiều vẻ đẹp lắm rồi. Nước hồ gợn váng, ven đầy rác rưởi. Bờ không được sạch, lung củng những quảng cáo vụng về, bày vô tổ chức, những biển giới thiệu hình ảnh các nước bạn, hầu như không ai săn sóc, vì mặt kính không mấy khi sạch xác ruồi muỗi. Có cảm tưởng hồ bị bưng kín, và bé lại. Đường đi có nhiều chỗ lầy lội. Thùng rác như chiếc quan tài lù lù bên lối đi. Bàn tay cách mạng tới đâu là phải sửa sang, tô điểm thêm đến đấy. Hoàn cảnh

hoà bình, thời kỳ kiến thiết đòi hỏi không được luộm thuộm. Nghĩ tới những đồng chí có trách nhiệm ở đây, vừa giận mà cũng vừa cảm thông. Không nghi ngờ gì cái ý tốt muốn phục vụ, muốn sửa sang, muốn đổi mới. Nhưng cái khổ là không biết cách làm. Bận túi bụi, chẳng cái gì làm đến nơi đến chốn...”. [6]

Từ thủ đô, Nguyễn Huy Tưởng phóng chiếu cái nghĩ về lịch sử và cái nhìn vào hiện tại của công cuộc kiến thiết đất nước, ông thấy ra nhiều sự bất cập, sai lầm. Ông báo động một cách khẩn thiết: “Chúng ta muốn đổi mới cho mau đến nỗi chúng ta muốn bỏ hết. Đến cả tên của nhiều làng, rất Việt Nam mà cũng rất thi vị, người cán bộ cũng bỏ đi, thay bằng những danh từ mang tính chất tuyên truyền chính trị. Không phân biệt được làng nào với làng nào với những tên đồng loạt: Tiến bộ, Hạnh phúc, Quyết tâm, Quyết tiến... rất ít âm hưởng trong lòng người. Có nơi còn rục rịch thay những tên xóm nô nê bằng những con số! Những niên hiệu các triều đại ghi trên hoành phi, câu đối của một ngôi đình cổ kính bị xóa đi bằng vôi trắng. Trên mặt tấm hoành phi treo giữa một ngôi chùa gần Hà Nội, người ta dán lên khẩu hiệu: Đảng Lao động Việt Nam muôn năm. Các đồng chí có biết không? Trong khi các đồng chí làm những việc kỳ dị ấy, thì Đảng lo khôi phục chùa Một Cột, kéo lại chuông lên gác chùa Keo! Hình như nhiều cán bộ quan niệm rằng cách mạng là xóa bỏ tất cả cái gì là quá khứ, là di tích, coi là phong kiến tất. Đừng đi quá nữa. Cuộc đời không phải chỉ có cách mạng, mà còn có lịch sử, còn có cái âm vang truyền qua các thời đại, những cái bây giờ tưởng là không dùng nữa, nhưng không có thì cuộc đời trở thành trơ trẽn, lạnh lùng...”.

Tôi muốn đọc to lên những dòng viết này của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng từ hơn năm mươi năm trước vào chính lúc này, giữa những ngày kỷ niệm Thăng Long - Hà Nội ngàn năm tuổi. Bài ký “Một ngày chủ nhật” đã khiến nhà văn bị lao đao vì bị quy kết về tư tưởng, nhất là ông khi đó đã và đang là một yếu nhân của giới văn học. Nhưng “Người là thật, phải thật với người”, Nguyễn Huy Tưởng không thể dối lòng mình với nhân dân, với Hà Nội, với đất nước. Và ông đúng! Những điều ông lo lắng, cả lo sợ nữa, trước cái cách hành xử thô thiển và thô bạo đối với văn hóa Hà Nội, văn hóa Việt Nam cho đến nay vẫn còn, và còn không ít. Người ta đã thay tên gọi sân vận động Hàng Đẫy bằng “sân vận động Hà Nội”, ga Hàng Cỏ bằng “ga Hà Nội” từ hàng chục năm rồi. Trong dịp nghìn năm này, quan sát hành trình kỷ niệm thành phố, ta thấy có hai quá trình song song ngược nhau diễn ra. Một mặt tìm ra được chứng tích, dấu tích gì của ngàn năm trước thì mừng rỡ. Mặt khác, những dấu vết thời gian đang tích tụ hiện nay thì lại bị xóa đi. Cái nghìn xưa và cái nghìn sau như đang nhòam nhoam giữa Hà Nội nay.

“Mỗi lần đau, anh lại đến Tây Hồ/ Chữa lành anh là hoa súng tím”, đó là Chế Lan Viên. Còn Nguyễn Huy Tưởng, ông đem cả tâm tư lòng mình soi vào Hồ Gươm. Những di tích quanh hồ im lặng, những cây xanh trầm lặng, mặt nước hồ xanh lặng lẽ, đối với ông, là chứng nhân của Thăng Long xưa, Hà Nội nay, là nơi kiểm nghiệm những thay đổi thời thế. Đó là chốn đưa lại sự yên tĩnh và tự tin cho ông khi trải qua những cơn sóng gió trong tâm tưởng. Hồ Gươm xấu xí, bẩn thỉu, ông buồn. Hồ Gươm vắng bóng trai thanh gái lịch, vắng bóng những sắc màu tươi vui, ông buồn. Hồ Gươm cô quạnh những cán bộ miền Nam tập kết, ông đau. Hồ Gươm có điện sáng đêm, ông vui. Hồ Gươm với những bóng hình phụ nữ dạo quanh trên bức sơn mài của Nguyễn Sáng bị mất vì họa sĩ không có gỗ vẽ đã phải phá đi tấm tranh làm rồi, ông tiếc (Nhật ký ngày 29/12/1959).

Từ Hồ Gươm, Nguyễn Huy Tưởng yêu và xót Hà Nội. Nhà văn ngắm Hồ Gươm qua con mắt của người thầy giáo Trần Văn trước khi cuộc chiến nổ ra: “Lá rụng trên vai anh. Gió lạnh của Hồ Gươm phả vào mặt anh, làm cho anh dịu dịu. Nước hồ phẳng như gương, lá cây và vầng nước xanh vẫn. Hàng liễu trên bờ phía Cầu Gỗ buông rủ những mảnh thấp thoáng như sương. Những con đường nhỏ lượn dưới bóng những cây cổ thụ quạnh hiu, cuốn bay vài tà áo màu còn sót lại. Cầu Thê Húc, khom khom, đã ngả màu hồng nhạt. Trấn Ba Đình ủ rũ thấp xuống như bị chìm. Tất cả đều im lìm, chờ đợi. Những con rùa lịch sử, chiến thắng và hòa bình, không thấy bóng tăm trên mặt nước. Cả đến đàn cò, từ năm này qua năm khác, không bao giờ rời cái

cây gạo thân cao thẳng vút và trắng toát, cũng không xào xạc như mọi khi. Chúng đi đâu hay đã nằm im trong tổ. Cái hồ yêu dấu như cũng cảm thấy dân tộc đang gặp khó khăn, và lắng xuống lo âu”. [7]

Đoạn văn tả này cho thấy nỗi niềm xao động của nhân vật và tác giả đối với thủ đô và đất nước ở những khúc quanh, bước ngoặt, điểm dừng. Đó là một khúc trữ tình trong bản hùng ca Hà Nội lữ hoa.

Nguyễn Huy Tưởng vĩnh biệt Hà Nội khi thành phố thủ đô vào tuổi chín trăm năm mươi. Ông đã viết nhiều về Thăng Long - Hà Nội, nhưng hình như điều sâu xa nhất ông vẫn chưa nói hết, nói trọn, nói xong. Ông ra đi, mang theo tất cả những trăn trở và ước vọng của một người con Hà Nội, một con người Hà Nội và một nhà văn Hà Nội cho xứ kinh kỳ - kẻ chợ đẹp hơn lên, văn hóa hơn lên, phong phú hơn lên, cả trên mặt đất và trong hồn người. Tưởng như bất cứ cái gì đụng đến Hà Nội hôm qua, hôm nay, và ngày mai, vẫn khiến ông xúc động và lo lắng, dù đã tan vào cõi thinh không nửa thế kỷ nay. Và những con chữ trên trang viết của ông về Hà Nội, cho Hà Nội, vì Hà Nội đọc lên dịp nghìn năm Thăng Long vẫn thấy động cựa, xôn xao. Trên tất cả, Nguyễn Huy Tưởng yêu Hà Nội, yêu những con người biết/dám sống và chết cho Hà Nội. “Cái đất khốn khổ này cần chúng ta hiểu thêm để yêu thêm”, ông đã nói vậy.

*Hà Nội 9/9/2010*

[1] Sống mãi với thủ đô, in trong: Nguyễn Huy Tưởng, Toàn tập, tập IV, nxb Văn Học, 1996, trang 380-383

[2] Tri Tân, số 17, đặc san về Trần Hưng Đạo, 3/10/1941. Dẫn lại theo: Nguyễn Huy Tưởng, Toàn tập, sđd, tập I, trang 771.

[3] Nguyễn Huy Tưởng, Nhật ký, tập 3: Nghệ sĩ và Công dân, nxb Thanh Niên, 2006, trang 100.

[4] Nguyễn Huy Tưởng, sđd, trang 145.

## Sống mãi với Thủ Đô

*(...trích đoạn)*

“...Một tay dắt xe đạp, một tay đẩy cửa, Nhật Tân bước vào cái gian nhà ngoài trông như cái phòng dọn để cho thuê. Con Lu lu đã quen cái nhà này, nhảy trên sàn đá hoa. Người bếp già chạy ra. Con chó mừng cuống quít, đứng thẳng người lên, quắp lấy hai bên sườn người bếp. Nhật Tân hỏi:

- Cậu Tân đâu?

Người bếp còn uống rượu, mặt có những mảng đỏ phơn phớt, mắt lơ lơ nhìn Nhật Tân, nói:

- Thưa cậu, chắc là ở trên gác.

- Sao lại chắc?

- Con không dám lên.

- Ông bà tản cư rồi chứ?

- Thưa cậu, bà và hai cô con về quê. Ông mới ra, nhưng vẫn ở trên Hàng Bông. Mấy hôm nay cậu không lại chơi?

- Anh tưởng tôi rồi lắm hẳn. Cậu đã vào tự vệ chưa?

- Thưa cậu ở Hàng Bài đây nó thế nào ấy, không được như trên phố.

Nhật Tân lắc đầu thay cho thờ dài. Anh bấu môi, búng tay kêu như tiếng mõ nhỏ, và trèo hai bậc một lên gác. Nhật Tân với Tân là đôi bạn chí thiết từ nhỏ. Bố Nhật Tân hỏi còn sống là một nhà văn chuyên viết truyện kiếm hiệp và rất thân với bố Tân là một nhà thầu khoán lớn. Nhật Tân và Tân học cùng trường, cùng lớp suốt từ bé. Đến năm thứ ba thành chung thì Nhật Tân bỏ trường, vì bố không nuôi nữa. Ông ta có chủ trương là chỉ nuôi con, trai cũng như gái, đến hết

mười bảy, quá cái tuổi ấy thì con cái phải tự lập lấy. Ông cho là làm như thế thì chúng mới thành những con người tháo vát. Thấy bạn bỏ trường, Tân cũng bỏ. Nhà giàu, Tân thường giúp đỡ Nhật Tân, nhất là từ khi bố Nhật Tân chết, bà Ký - mẹ Nhật Tân thường được gọi như thế, vì ông có làm kỹ rượu mấy năm - phải nuôi tám đứa con, kể cả Nhật Tân mà hồi chồng còn sống bà vẫn giám giữ cho tiền. Sau ngày Nhật đảo chính, Nhật Tân vào Việt Minh, Tân không đồng ý nhưng vẫn giúp. Hồi Nhật Tân xung phong cùng đoàn học sinh Hà Nội đi Nam tiến, Tân bảo Nhật Tân là gốc, tuy vậy vẫn sắm sửa, từ quần áo đến thuốc men để cho Nhật Tân lên đường. Bốn tháng sau Nhật Tân về, ôm một trận. Tân vừa chửi bạn vừa săn sóc chữa chạy. Tân có cảm tình với đảng Quốc dân. Một hôm Nhật Tân bắn nhau với một tụi trong đảng ấy. Chúng đông hơn đuổi anh và sắp bắt được, Nhật Tân chạy trốn vào nhà Tân. Tân bảo Nhật Tân: tao ghét Việt Minh, nhưng không thù bạn, và không giao Nhật Tân cho bọn kia. Sau vụ Ôn Như Hầu, Tân chán đảng Quốc dân và chỉ nghĩ đến ăn chơi.

Vào cái xa-lông riêng, Nhật Tân thấy cả một sự bừa bãi. Trên bàn, một chai sâm-banh cổ vàng chưa dùng hết nửa, nút văng xuống thảm. Bốn cái cốc pha-lê, một cái đầy, một cái đổ xuống bàn, rượu làm ướt sũng cái khăn bàn đặng-ten, và tràn vào cái hộp Cờ-ra-ven A mới lấy ra dăm bảy điếu. Lê, táo thì phần lớn là cắn dở, gọt dở, vỏ vứt trên các đĩa kẹo, bích quy. Bình hoa cúc vàng nằm đè lên một con dao và cái mở nút chai. Trên đi-văng kê sát cửa trông ra Hàng Bài, đồng hồ Oméga đeo tay, cây đàn vi-ô-lông vút trên bộ quần gạch, áo màu xanh chai Tân hay mặc. Thoang thoang mùi nước hoa và phấn. Trên một ghế bành, một tờ giấy nát bị người ta ngồi lên. Nhật Tân nhặt xem thì là tờ giấy để ký tên phản đối quân đội Pháp chiếm đóng sở Tài chính. Đã vài chục người ký. Anh lắc đầu, lấy bàn tay là lại tờ giấy:

- Thằng này hỏng quá!

Nhật Tân rót một cốc sâm-banh uống một hơi hết, đặt phịch xuống bàn, lẩm bẩm:

- Thằng bé làm cái gì mà vỡ nợ thế này.

Anh giơ ngón tay trở lên ngang trán, gật gù:

- Có gái. Được. Thế này mới bảnh.

Anh rót rượu, nốc một cốc nữa, phanh ra-gờ-lăng ra, rút khẩu súng lục, tung nó trên bàn tay mấy cái, vổ vào lưng con Lu lu, chỉ cho nó nằm một chỗ, rồi huýt sáo bước vào phòng Tân.

Cửa không đóng, anh mở toang. Trên giường ngủ, lù lù một đồng chăn trắng. Anh tiến sát lại, thét:

- Mort aux Việt Minh! <sup>(1)</sup>

Anh giơ súng và tung chăn ra. Tân nằm ôm chặt một người con gái trần như nhộng, trắng lóp. Tiếng kêu của người phụ nữ giọng đầm. Họ giằng lấy cái chăn trùm vội lên che thân thể. Tân ngồi nhồm dậy, tóc chải mượt chỉ hơi xộc xệ. Tân nhận ra bạn. Lúc này Nhật Tân đã quay mặt đi, ôm bụng cười. Tân nói:

- Mày làm cái gì lạ thế. Bước đi cho người ta ngủ.

Nhật Tân quay lại:

- Ra tao bảo. Không tao bắn chết.

Anh giơ súng chĩa vào Tân. Người con gái hé đôi mắt nâu nhìn ra, thấy Nhật Tân quay lại thì rú lên, kéo chăn trùm kín đầu. Nhanh như cắt, Tân lấy khẩu súng lục trên đầu giường chĩa vào mặt Nhật Tân, thét:

- Hạ súng xuống không mày chết!

Nhật Tân cho súng vào trong túi ra-gờ-lăng:

- Tao muốn nói chuyện với mày.

Tân quăng súng xuống sàn:

- Ra nhà ngoài chơi. Tao ra ngay. Le charogne <sup>(2)</sup>.

Một lúc, Tân sang xa-lông, chân đi bít tất xỏ vào đôi dép Nhật, mặt mụ mị vì rượu và ngái ngủ. Tân là một thanh niên tầm thước, lẻo khoẻo, để tóc mai dài, bộ ria nhỏ như một nét bút chì kẻ nhỏ. Anh giơ tay nắm chân trước con Lu lu, như bắt tay, ép nó vào người, dẫn nó đến ghế, ra hiệu cho nó ngồi lên. Anh thọc tay vào túi áo dài mặc trong buồng, rút ra khẩu súng lục mà lúc này đã quăng xuống sàn, đưa cho Nhật Tân. Anh ngáp dài. Không nhìn bạn, Tân nói:

- Cho mày để đi đánh nhau.

Tân ngồi xuống ghế bành đối diện, chân nọ gác lên chân kia, tay quờ sang sau tìm cái dây lưng và thắt lại. Nhật Tân gần như nằm trên ghế, giày đạp lên cái bàn tròn thấp, ngửa mặt lên trần, nói:

- Phải đợi đến súng lục của mày à? Thuốc lá đâu?

Tân cúi xuống gầm bàn, lấy ra một hộp Cờ-ra-ven A còn mới liệng cho Nhật Tân, nói:

- Lần sau tao cấm, nghe chưa?

Nhật Tân hút thuốc lá và quăng cái hộp thuốc lá cho Tân, chìa cái giấy lức nãy ra:

- Sao mày không ký?

- Ký thêm một tên để làm gì?

- Mày không ký thì đưa cho người khác ký, sao lại ngồi nát cả ra?

- Nát còn hơn đưa cho Pháp. Nó cười cho cái trò trẻ con!

- Tao nản cho mày lắm.

- Lại tuyên truyền hả?

- Chứ sao! - Nhật Tân vừa nói vừa nhồm dậy.

Tân cười, nhe hàm răng trông như sún, đen ngòm khói thuốc lá, đánh diêm hút thuốc, nghiêng người qua tay vịn của ghế bành, vuốt ve con chó nằm ở ghế bên:

- Lu lu! Lu lu! Mày cũng ở lại với thằng Nhật Tân chứ?

- Và mày nữa, mày cũng phải ở lại.

- Phải? Mày không biết tao không muốn bị ai bảo "phải" bao giờ à?

Nhật Tân chồm dậy, giơ ngón tay trở gí sát vào mặt bạn:

- Đúng. Cũng như tất cả mọi người bây giờ bảo mày phải ở lại, đúng thế, phải, phải và phải.

- Không, không, và không.

Bàn tay ẻo lả đeo một cái nhẫn vàng to và nặng nề, khế đập vào ngực, Tân nói:

- Tao là một người tự do, nghĩa là tao chỉ nghe có một người, ấy là tao. Chỉ có một người quyết định được cho tao, ấy là tao. Tao làm khi nào tao muốn. Cái nhà này là của ông cụ tao, nhưng sau khi ông cụ cho tao, sang tên hẳn hơi rồi, tao cấm ông cụ không được đến, ông cụ cũng phải chịu cơ mà. Tao là thế.

- Ông cụ mày vừa làm một việc phi thường là hạ cái biển hàng tiếng Việt, treo lại cái biển hàng tiếng Pháp: Phạm Quang Kính, entrepreneur<sup>(3)</sup> lên, tao không nể mày thì tao đã bắt. Mày giỏi thế sao không cấm ông cụ mày?

- Tao không muốn xâm phạm đến quyền tự do của ai cả. Còn mày bắt thì cứ việc bắt, đó là quyền tự do của mày. Nói tóm lại con người là phải hoàn toàn tự do. Ăn uống, may mặc, chơi gái - Tân nháy mắt một cách cà lơ - là việc riêng của từng người, không ai có quyền gì mũi vào. Thế gọi là sống.

- Mày bận phải không?

- Xong rồi. Trong những ngày Hà Nội buồn như chết thế này, không ngờ còn sót lại một con mèo đẹp và vạm vỡ. Đằm lai, đuôi vệ nữ, không hiểu sao thằng Pháp nó không lấy làm P.P.O.<sup>(4)</sup> mà ta thì cũng chẳng thằng nào có mắt. Thôi được, để cho nó đi. Mày ngồi đây một tí, tao sang ngay.

Tân đứng dậy, lấy cái áo măng-tô màu xanh vắt trên lò sưởi, vút điếu thuốc mới cháy một đầu mẩu, đi vào. Một lúc trở ra. Có tiếng gót giày phụ nữ nện nhẹ dưới cầu thang. Tân lại hút thuốc, dang hai tay ra đặt trên thành lò sưởi, và hỏi bạn:

- Đánh đấm thế nào mày? Chán ngấy lên rồi!

Nhật Tân quặp con Lu lu giữa hai cái đùi dài lều nghều của anh, áp cái tai vênh của nó bên má:

- Có thể đêm nay nó đánh mình.

- Trời ơi, trời ơi, trời ơi! Mày dọa một thằng trẻ con đấy à, Nhật Tân?

- Tao không dọa mà đây là một sự thật, một sự thật tàn nhẫn. Mày suy nghĩ đi. Mày bắn giỏi, mày nên ở lại.

- Mày nên nhớ họ Phạm nhà tao mấy đời chỉ có một con trai. Tao là con cầu tự.

- Nhưng mày hoàn toàn tự do kia mà.

- Ông ục cho mày một cái bây giờ. Thằng này ăn nói đợc.

Nhật Tân bước lại, đứng bên Tân. Hai người cùng hút thuốc. Anh nói một cách nghiêm trang:

- Tao vì mày, Tân ạ, vì không muốn để cho mày mang tiếng là một thằng hèn nên tao mới đến đây bảo mày một lần cuối cùng. Mày chửi Hiệp định sơ bộ, mày cho là Cụ Hồ đầu hàng, rước Pháp về một lần nữa. Thế thì bây giờ mày đánh đi. Nếu không thì là tao chửi mày chứ không phải mày chửi tao nữa. Tản cư mày không đi, đánh nhau mày không dám, mày ở đây với Pháp à?

Tân ném điếu thuốc lá lên mặt bàn một cách hững hờ, nhìn Nhật Tân khiêu khích:

- Tao đi với Việt Minh thì có lợi gì?

- Tao nói chuyện cứu nước không nói chuyện Việt Minh. Tao sót ruột với mày lắm, Tân ạ.

- Mày tưởng tao không sót ruột vì mày sao? Tao đang muốn nói chuyện Việt Minh kia. Đây là quyền tự do của tao.

- Thì mày nói đi. Đánh nhau đến nơi rồi mà mày còn muốn cà khịa với tao nữa sao?

Tân bước tới bàn, rót hai cốc rượu đầy, đưa cho Nhật Tân một, mình cầm một:

- Mày uống đi, uống cạn đi rồi chia tay nhau. Tao rất thương mày, thương hơn tao nữa. Tao không biết mày đúng hay tao sai, hay ngược lại. Nhưng có lẽ mày đúng, vì mày là zéro<sup>(5)</sup>. Còn tao không phải là zéro thì đi với Việt Minh để làm gì? Tao muốn nói cái tụi Việt Minh chính cống, tụi Việt Minh cộng sản, chứ không nói cái hạng Việt Minh léng téng, loại Việt Minh như mày? Uống đi.

Họ cùng cạn cốc. Tân vứt cái cốc xuống sàn, vỡ tan tành:

- Tao đi với Việt Minh thì rồi cũng thế này thôi. Nghĩa là đánh xong Pháp, thì đến lượt chúng tao họ làm cỏ, của cải, họ đem chia. Đây rồi mày xem, có đúng không. Buồn lắm, Nhật Tân ạ. Có lẽ mày không bao giờ thương tao cả.

- Tao không muốn nghe mày một tí nào cả. Còn có Cụ Hồ.

- À, tại sao chúng mày nói Staline mà không dám gọi Hồ Chí Minh không thôi? Tao vẫn tự hỏi tại sao? Nhưng đây còn là chuyện nhỏ. Chuyện lớn là lối sống kia. Lối sống ấy thì hợp gì với tao? Có thể ông ấy là một anh hùng, một ông hiền, một ông thánh nữa. Nhưng tao nghĩ như Muýt-ta-pha Kê-man cũng ăn chơi, cũng nhẩy đầm, cũng rượu chè, cũng trai gái, nghĩa là cũng như tao, có lẽ tao thú hơn. Cái lối sống khắc khổ, nhạt nhẽo và gò bó, ăn không cần ngon, mặc không cần đẹp, hùng hục làm việc, mày nghĩ xem, còn có cái thú gì? Tàn đời thôi. Không, đối với tao, sống phải là một cuộc sống rộng rãi, phong phú, sang trọng, hoàn toàn tự do, không phải là một cuộc sống đạo đức lạnh lẽo, nghèo nàn. Mày là một thằng học trò ngoan, một con người tốt. Nhưng tao thì khác. Muốn tao học giỏi thì khuyến khích bằng cách gì? Không thể bằng tiền, bằng của đợc. Mà phải bằng cách là bố tao nói với ông chú họ tao làm ở Mê-tờ-rô-pôn, mỗi chủ nhật cho tao vào xem đầm tắm một lần. Chỉ có cái đó mới làm cho tao học. Bây giờ tao có đợc cái sung sướng ấy không? Của phải chia cho mọi người. Sống không đợc theo ý mình. Có đúng thế không? Mày bảo tao theo Việt Minh thì có ích lợi gì cho tao? Tao chỉ thấy thiệt.

- Con người có phải chỉ có ăn, ở, đụ, ỉa đâu, Tân ơi. Con vật cũng thế thôi.

- Cái phần đẹp của con người lại là ở chỗ con vật. Hết con vật thì không còn con người. Nhưng không cãi nữa. Nên trọng tự do của nhau thôi. Mày đến chơi, tốt, ăn uống với tao, tốt, muốn có gái chơi, đợc, tiền tha hồ. Nhưng đừng tuyên truyền. Nhật Tân ơi. Tao có đợc nhẹ nhõm như mày đâu. Mày đã đứng hẳn về một phía, còn tao...

Tân nhún vai, thở phì một tiếng, và như chẳng biết làm gì, lại vớ lấy hộp thuốc lá, rút ra một điếu, nhưng không hút, lặng lẽ đưa cho bạn. Nhật Tân nhìn Tân, con mắt nhỏ chứa cả giận và tuyệt vọng:

- Mày thích cái lối sống của mày. Tao thích cái lối đời sống mới. Mày muốn sống thế nào? Như Nguyễn Hải Thần nhà mày bói toán hút thuốc phiện ư? Như Nguyễn Tường Tam thụt két của Chính phủ ư? Như Trịnh Thục Oanh đưa gái cho Sa-ten ư? Cái thời đại như nhốc ấy đã qua rồi. Hà Nội bây giờ đã giản dị lắm. Người ta không phải đánh giá nhau bằng một bộ cánh. Phụ

nữ không phải bán thân đi để được mặc sang. Nhưng hãy để chuyện ấy đấy. Bây giờ tao hỏi mày. Thế thì mày đứng đâu? Phía Pháp à? Tao rùng mình cho mày đấy.

- Tao muốn à? Mày bảo tao muốn à? Không, không, không.

Tân đến đứng bên Nhật Tân, nói một giọng rất kịch:

- Tao ghét Pháp cũng nặng như tao sợ Việt Minh. Cho nên tao không có chỗ đứng. Có lẽ chỗ đứng của tao là ở nghĩa địa. Còn sống ngày nào thì chơi, hoàn toàn tự do, hoàn toàn tận hưởng những cái gì mà cuộc đời có thể cho tao.

- Tao buồn cho mày. Cái Tổ quốc này, cái Thủ đô này, mày bỏ cho nó mất một lần nữa ư? Cũng là cái chết, sao mày không chết trên đài danh dự, có hơn không, Tân? Tất cả Hà Nội đã thế sống chết với Thủ đô, kể cả những người giàu có bằng vạn mày nữa. Tất cả mọi người đều đoàn kết lại để chặn tay thằng Pháp. Sao mày còn có thì giờ mà nghĩ lảm nhảm như một thằng điên! Tân, Tổ quốc kêu gọi mày đấy.

Tân cười rũ rượi, và như không đứng vững, đầu anh ngã vào vai Nhật Tân, tay anh ôm choàng lấy bạn:

- Đã nói hết chưa? Nói hết chưa? Chưa hết thì nói đi, thằng bạn học đòi vেম của tôi ọi! Sao chúng mày khoe tuyên truyền thế, tuyên truyền cả trong tình bằng hữu, đem cả Tổ quốc ra để thỏa thích cái thói quen, cái tật tuyên truyền của chúng mày. Bao giờ cho chúng mày im đi và thật thà hơn một chút? Nhật Tân này, mày còn khá đấy, chưa nặng lắm, nhưng phải coi chừng. ừ. Mày là thằng bạn thân của tao, sao mày không nói với tao như ngày trước, mà phải làm ồn lên như thế. Sao mày lại phải tuyên truyền tao? Những thằng đi tuyên truyền thường coi người mà chúng nó tuyên truyền là ngu hết. Tao không muốn thế. Tao muốn là tao, tao nghe tao, tao quyết định lấy tao. Đừng nói nữa. Hay mày cứ nói đi, vì mày có quyền tự do nói, nhưng để mà tao không nghe.

Nhật Tân bỏ Tân ở lò sưởi, ra đứng sát cửa kính, đầu gối quỳ lên đi-văng. Anh nhìn xuống phố vắng tanh, thở dài:

- Thôi, tao về. Có hai thằng, thế là mỗi thằng đi một ngả. Sao mày không cùng đi với tao?

- Được. Nói thế đúng hơn. Thôi mày về đi, không tự vệ nó chửi cho bỏ mẹ!

Tân vỗ vai Nhật Tân, kéo vào ngồi xuống ghế, lại rót hai cốc rượu, đưa cho bạn một. Anh ngồi trên cái tay vịn, nhìn Nhật Tân mắt đã đỏ ngầu:

- Uống đi rồi về. Mày thương lấy tao, chứ đừng giận tao, đừng trách tao. Nếu như chốc nữa, hay ngày mai, ngày kia tao nghĩ lại, thì là vì tao, vì mày, chứ không vì cái gì cả. Có cần gì không? Súng đấy, cầm lấy, tao mua cho mày đấy, đừng khách khí nữa, vì tao biết chúng mày có cái gì đâu mà đánh Tây. Tao có một khẩu súng của tao rồi, để tao tự xử. Cần gì nữa? Tiền? Tao biết hỏi thế thì mày tự ái, nhất là lúc này, nhưng khách sáo gì giữa mày và tao. Thuốc lá, lấy mấy tút đi. Tao trừ hàng tháng hút liên miên không hết, để lấy nó thay mày đấy. Còn tao. Mày đánh thay tao vậy. Tao giúp mày là vì thế.

Tân vào phòng, rồi trở ra, ôm một bọc thuốc lá, cúi xuống bàn cầm khẩu súng mà Nhật Tân còn để đấy, đưa cả súng và thuốc lá cho Nhật Tân. Anh nắm lấy tay bạn:

- Mày đừng chết nhớ.

Tân đến hôn con Lu lu:

- Cả mày nữa, đừng chết nhớ.

Nhật Tân nói:

- Được. Tao lấy tất cả những thứ này. Nhưng tao không chịu ơn mày.

- Cũng được. Tự do. Tự do. Dù sao thì cũng là của tao chứ của ai. à, mày có cưới nữa không?

- Tình hình này còn nói chuyện cưới à? Hỏi để làm gì?

- Để tao lo mừng. Con Hiền nó đâu?

- Nó ở lại kháng chiến.

- Tốt. Đừng để cho nó chết. Con gái hơ hớ.

- Kệ tao với nó, không việc gì đến mày.

Chợt Tân quay lại bảo Nhật Tân:

- Hay là ở chơi đến chiều. Cãi nhau mãi.

Nhật Tân nói:

- Để làm gì nữa?

- Mà không nhớ cả ngày sinh nhật tao nữa ư? Chiều hôm nay tao làm một bữa tiệc. Có thì giờ không?

Nhật Tân dứt khẩu súng của Tân vào túi áo, kẹp bọc thuốc lá vào nách, đứng nhìn Tân lâu lâu, răng nanh hé ra ngoài, cái mép nhếch lên cười một cách đau đớn:

- Nếu là tiệc ngày chết của mày thì tao dự!...”

*(Sống mãi với Thủ đô,  
NXB Hội Nhà văn, 2004)*

1. Giết bọn Việt Minh!
2. Cái thầy ma.
3. Thầu khoán.
4. Nhà thổ cho sĩ quan Pháp.
5. Số không.

## Nguyễn Đình Thi với cha tôi Nguyễn Huy Thắng

*Hóa ra, tôi từng gặp nhà văn Nguyễn Đình Thi nhiều hơn là mình nghĩ. Gặp ở ngoài đời - những lần chú Thi đến chơi nhà, những lễ tưởng niệm, những buổi nói chuyện văn nghệ...*

Gặp trên trang sách, trên sân khấu - những gì chú Thi viết mà chúng tôi say sưa đọc, những kịch của chú Thi mà chúng tôi thích thú xem. Nhưng nhiều hơn cả là gặp trên các trang nhật ký của cha tôi. Trong nhật ký của cha tôi - nhà văn Nguyễn Huy Tưởng - cái tên Nguyễn Đình Thi bắt đầu xuất hiện từ năm 1943, và từ đó luôn thường xuyên hiện diện. Có khi ông viết kỹ, có khi chỉ đôi ba dòng, nhưng bao giờ cũng với giọng thân quen gần gũi.

Năm 2006, Nhà xuất bản Thanh Niên xuất bản trọn bộ *Nhật ký* của cha tôi. Là người biên soạn bộ sách, tôi có trách nhiệm đưa ra một văn bản thật sự khách quan, đúng tinh thần của người viết. Với những gì cha tôi viết về nhà văn Nguyễn Đình Thi cũng vậy, ngay cả khi giữa hai ông có sự không thuận. Chẳng hạn, trong thời kỳ Nhân văn Giai phẩm, cha tôi đã rất khổ tâm trước việc hai người không thống nhất về quan điểm dẫn đến sự rạn nứt trong tình bạn: “Không có gì khổ bằng có những người bạn hiểu không đúng về mình. Quan hệ giữa ta và Thi kém đi, gần như không dung được nhau. Chờ đợi những ý kiến đối lập. Lạnh lẽo. Thi có vẻ khinh mình và tự coi như Thi mới là đúng” (nhật ký 9/12/1956).

Sách ra được một thời gian, một đài phát thanh nước ngoài đã phỏng vấn tôi, trong đó có một câu riêng về quan hệ của cha tôi với nhà văn Nguyễn Đình Thi. Tôi đã trả lời rằng, trong suốt cuộc đời, nếu như người ta có lúc này lúc khác nghĩ không tốt về nhau thì cũng là chuyện bình thường. Điều quan trọng là cái cốt lõi còn đọng lại. Riêng tôi, trong nhật ký của cha mình, ấn tượng nhất về chú Thi có lẽ là câu này, viết trong một ngày kháng chiến ông đi công tác xa về lại cơ quan thì được tin bạn đã đầu quân: “Thi đi bộ đội rồi. Bàng hoàng nhớ Thi” (nhật ký 21/3/1953). Giữa biết bao nhiêu “ấn tượng” Nguyễn Đình Thi, tại sao một sự bàng hoàng nhớ bạn của cha tôi lại khiến tôi nhớ thế, điều này tôi vẫn không lý giải được. Nhưng sự thực đúng là như vậy...

Cha tôi ở lần gặp chú Thi đầu tiên, ngày 24/7/1944, có lẽ cũng đã cảm thấy bàng hoàng, như ông có ghi lại trong nhật ký: “Nguyễn Đình Thi, trẻ tuổi, thờ ra sức khỏe và tự tin, đến chơi tìm Nguyễn Hữu Đang. Không để ý gì đến mình”. Bấy giờ nhà văn (tương lai) Nguyễn Đình Thi vừa tròn 20 tuổi, còn cha tôi thì đã 32. Một năm sau, cả cha tôi và chú Thi được cử đại diện cho Văn



hóa cứu quốc, đi dự Quốc dân đại hội Tân Trào. Một năm sau nữa, Toàn quốc kháng chiến bùng nổ, cha tôi và nhà văn Nguyễn Đình Thi được đoàn thể giao tổ chức đưa đoàn văn nghệ sĩ lên chiến khu tham gia kháng chiến. Khi đã thân với nhau rồi, cha tôi mới rõ đằng sau cái vẻ tự tin của chú Thi là cả một tâm hồn nhạy cảm và cũng nhiều băn khoăn. Sự băn khoăn trước hết là ở chính công việc sáng tác cá nhân, như cha tôi đã phác họa về ông trong bài *Các văn nghệ sĩ với cuộc thi Việt Bắc kháng chiến*: “Tôi biết anh đau khổ lắm. Đau khổ vì sáng tác. Lo đứng lo ngồi để có tác phẩm dự thi. (...) Anh loay hoay mãi. Anh ngồi trước bàn. Anh hút thuốc lào. Anh nhai kẹo vừng. Anh ra phẩn nằm ngửa mặt nhìn lên mái lá. Mái lá có gì đâu? Anh nằm sấp người. Đầu gục xuống im lìm. Chỉ thấy một đống tóc. Lông mày rậm, râu ria tua tủa, tóc xum xòa rủ xuống bờ tai. Có lẽ đấy là một nhà nhập thiền, chim đang làm tổ trên tóc, chứ không phải là Nguyễn Đình Thi. Bỗng anh vùng lên, anh ngâm thơ. Anh đi đi lại lại trong nhà, anh hát. Tôi chưa biết anh chọn hình thức văn chương nào để dự thi. Chỉ biết là anh đau khổ lắm. Nhạc, tùy bút, truyện ngắn, truyện dài, rộn múa trong đầu anh; mỗi con ma ấy đòi lấy phần mình. Đêm nay, không, quá đêm rồi, gần sáng, mưa như trôi cả núi rừng. Ngọn đèn hoa kỳ leo lét. Mớ tóc bù, bộ lông mày rậm và bụi râu ria đang hý hoáy viết trước bàn. Cuộc thi Việt Bắc đã có một tác phẩm của anh. Ấy là một tập thơ” (*Văn nghệ số 2*, 1948).

Câu kết ở đoạn văn trên dường như cũng báo trước một hướng đi có phần tập trung hơn và cũng nhiều sáng tạo của chú Thi trong những năm đầu kháng chiến. Chỉ sau một thời gian, ông đã tạo dựng được một giọng điệu thơ riêng, hay như bây giờ ta thường nói, một thương hiệu: “thơ không vần Nguyễn Đình Thi”. Tại Hội nghị tranh luận văn nghệ Việt Bắc mùa thu năm 1948, người ta đã dành hẳn một buổi để thảo luận về nó. Cuộc tranh luận diễn ra rất sôi nổi, với nhiều ý kiến khen chê mà chê là chính. Như ý kiến của nhà thơ Xuân Diệu chẳng hạn: “Tôi không tán thành hình thức và nội dung toàn bộ thơ anh Thi”. Trong không khí của hội nghị, tác giả Nguyễn Đình Thi đã chân thành phát biểu: “Tôi đồng ý phần lớn những lời phê bình. Nhưng nói đến thơ, đó là một cái thiết tha nhất của tôi, và cũng là cái tìm tòi rất khổ của tôi (tuy nó có cái vui của nó)”. Về phần mình, cha tôi nhận xét không chỉ riêng về thơ, mà trước hết ông chia sẻ với cuộc sống nội tâm không dễ gì của bạn: “Tôi luôn luôn ngắm anh Thi. Ở hội nghị, anh ngang tàng, ở nhà anh lại hết sức cô đơn”. Và ông không giấu giếm tình cảm đối với bạn: “Giữa anh Thi và tôi có một sự đồng lõa, vì tôi cũng thích thơ không vần. Nên anh Thi bị công kích, tôi thấy tôi cũng bị công kích, và khen anh Thi thì tôi cũng được khen”. Dẫu sao, ông cũng thấy cần chỉ ra sở trường sở đoản của bạn, như ông vẫn quen làm với bất cứ ai khi động đến chuyện sáng tác, quan niệm về sáng tác: “Thơ anh như hạt ngọc lung linh chứ không phải dòng suối lời cuốn người ta đi... Anh Thi chỉ thành công khi nào anh không phải quay cuồng với chính mình, mà đi gần đại chúng để phát biểu tiếng nói của đại chúng”.

Đó là cha tôi với Nguyễn Đình Thi. Còn chú Thi với cha tôi thì sao? Năm 1946, cha tôi xuất bản vở kịch *Bắc Sơn*, cuốn sách đầu tiên của ông dưới chế độ mới. Lời “Tựa” vở kịch in trang trọng ở đầu sách là của Nguyễn Đình Thi. Có thể, những lời đánh giá về tác phẩm còn khá dè dặt - điều này cũng dễ hiểu: sách mới ra, các ông lại cùng trong Văn hóa cứu quốc với nhau, nói quá lên, mang tiếng chết! - nhưng nỗi niềm sẻ chia của người viết thì thật đáng cảm động: “*Bắc Sơn* là một bước đầu, một sự tìm tòi và một thí nghiệm” và “cuộc tìm tòi của Nguyễn Huy Tưởng đã làm vững thêm lòng tin chung của chúng tôi và của những người rất đông, với chúng tôi hiện đang cùng cảnh ngộ”. Sau thành công của vở *Bắc Sơn*, đầu kháng chiến chống Pháp, cha tôi soạn vở *Những người ở lại*. Không rõ nhà văn Nguyễn Đình Thi đã góp với cha tôi những gì, chỉ biết khi sách được in ra, ở “Mấy lời của tác giả” cuối sách có những lời này: “... đặc biệt hai bạn Nguyễn Đình Thi, Đoàn Phú Tứ đã giúp nhiều ý kiến về phương diện xây dựng, bố cục, phân tích tâm lý nhân vật, nói chung, đã uốn nắn lại vở kịch vốn non nớt dưới tay người soạn”. Không, tôi không nghĩ ông khiêm tốn chỉ để mà khiêm tốn; ở đây có sự trân trọng thực sự những ý kiến đóng góp cho tác phẩm của mình.

Cũng với sự trân trọng đó, cha tôi sẽ còn tham khảo ý kiến nhà thơ Nguyễn Đình Thi khi viết *Lũy Hoa*. Bấy giờ là gần giữa năm 1959, cha tôi đi thực tế Điện Biên về, viết xong truyện dài *Bốn năm sau* lại bắt tay viết tiếp kịch bản điện ảnh *Bảo vệ Thủ đô* (tức truyện phim *Lũy Hoa*).

Nhật ký của cha tôi cho biết, ông chỉ quyết định viết sau khi nhận được ý kiến đóng góp rất tốt của chú Thi. Và ông nhớ lại: “Rút lại, những cái ý kiến giúp mình thường vẫn ở Nguyễn Đình Thi” (27/4/1959).

Ngày 25/7/1960, cha tôi qua đời. Đám tang ông được tổ chức trang trọng, do Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam Nguyễn Đình Thi vừa làm Trưởng ban tổ chức lễ tang, vừa là người đọc diếu văn. Lời diếu có nhiều câu thật xúc động, nhưng tôi nhớ nhất câu này của chú Thi: “Không bao giờ nhiều lời huênh hoang, anh đã hiểu sâu sắc cái sứ mệnh của người viết văn và cái trách nhiệm của nghề cầm bút, nó là cái nghề xây dựng tâm hồn nhưng cũng có thể phá phách tâm hồn con người. Vì vậy anh thật thà với từng ý nghĩ, với từng dòng chữ viết ra. Anh có thể có lúc lầm lẫn nhưng ngòi bút anh không bao giờ chịu viết một lời dối lừa”.

Khỏi phải nói, cha tôi mất đi là một mất mát không gì bù đắp nổi cho gia đình chúng tôi. Lúc bấy giờ mẹ tôi còn chưa đi làm, trong sáu chị em chúng tôi, chị lớn nhất đang học đại học ở nước ngoài, chị thứ hai thì còn chưa tốt nghiệp phổ thông. Sở dĩ chúng tôi vượt qua được những ngày khó khăn ấy là nhờ có Hội Nhà văn luôn quan tâm giúp đỡ, mà với gia đình chúng tôi, Hội Nhà văn gần như đồng nghĩa với chú Thi. Chú Thi giải quyết cho mẹ tôi vào làm ở Hội, lo thủ tục giúp chúng tôi có được tiền tuất của cha tôi, đặc biệt, chú đã cùng các bạn văn khác của cha tôi lo xuất bản các bản thảo chưa in của ông. Trong số đó có tiểu thuyết *Sống mãi với Thủ đô!*...

Tôi xin không đi sâu vào những tình tiết này vì ít nhiều chúng đều có tính cách riêng tư. Điều tôi muốn nói là, không chỉ lúc bấy giờ mà mãi về sau này, nhà văn Nguyễn Đình Thi vẫn luôn nhớ đến cha tôi. Đầu tháng 5/1992, báo *Văn nghệ* có tổ chức lễ tưởng niệm nhân 80 năm ngày sinh người. Đến dự có nhiều văn nghệ sĩ và bạn của cha tôi - nữ nghệ sĩ Song Kim, các nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát, Văn Cao, nhà ngoại giao Lưu Văn Lợi, các nhà văn nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh, Kim Lân, Phạm Hồ, Vũ Tú Nam, Hữu Thịnh... và đương nhiên, nhà văn Nguyễn Đình Thi. Nhiều người đã phát biểu về nhiều khía cạnh, chủ yếu là những kỷ niệm văn nghệ. Riêng nhà văn Nguyễn Đình Thi lại quan tâm đến vấn đề khác. Như phóng viên đã ghi lại, ông nói: “Tôi muốn nhắc lại những kỷ niệm về anh Tường với tư cách là một con người hoạt động xã hội. Khi Văn hóa cứu quốc bị khủng bố, anh Tường là người kiên trì, đứng trụ. Sau Cách mạng tháng Tám, anh Tường là người được Đảng giao cho nhiều việc quan trọng... Các hồi ký viết về anh, đặc biệt là thời kỳ hoạt động cách mạng trước 45, theo tôi là chưa có sự công bằng”. Và đúng như chú Thi mong muốn, “rồi đây sẽ có thêm nhiều hồi ký điều chỉnh lại những gì chưa thỏa đáng”, tôi nhận thấy về sau người ta có chú trọng hơn đến khía cạnh này. Hàng loạt hồi ký, chuyên luận đã cho thấy ngày càng rõ hơn vai trò to lớn của cha tôi trong việc xây dựng nền văn hóa văn nghệ mới, độc lập, dân chủ và tiến bộ.

Tuy vậy, khẳng định trên giấy là một chuyện, còn việc đãi ngộ trên thực tế lại là chuyện khác. Gần đây, nhân kỷ niệm 60 năm Hội Văn Nghệ Việt Nam, được gặp nhiều gia đình văn nghệ sĩ lão thành, tôi mới ngờ ra cha tôi thuộc... số ít người hoạt động trước 45 chẳng hề được (truy) tặng huân chương bậc cao nào, như Huân chương Độc lập, Huân chương Hồ Chí Minh mà nhiều người hoạt động cùng, thậm chí sau cha tôi cũng đã được nhận. Lại còn chuyện này nữa, cách đây mấy năm Nhà nước có chính sách hỗ trợ nhà đất cho cán bộ lão thành cách mạng. Tôi, vì trách nhiệm trước gia đình, đã tìm đến các cấp có thẩm quyền để hỏi về trường hợp của cha tôi. Ở một cơ quan nọ, người ta hỏi tôi về quyết định công nhận lão thành cách mạng của cha tôi. Tôi nói cha tôi mất lâu rồi, hỏi ấy chưa có chủ trương làm quyết định công nhận lão thành cách mạng. Nhưng nếu các anh muốn, tôi có thể đưa ra rất nhiều văn bản ghi nhận cha tôi hoạt động trước 45, thậm chí từ 43, khi tham gia Văn hóa cứu quốc (trong thâm tâm tôi đã nghĩ ngay đến lời phát biểu của chú Thi). Người đại diện cơ quan công quyền liền nói: “Tôi biết, tôi có biết chứ cụ nhà hoạt động từ trước Cách mạng. Nhưng về nguyên tắc, vẫn phải có quyết định, anh ạ”.

Tôi: “Vâng, thế thì chịu rồi”. (Giá như bây giờ thì tôi đã nói: “Vâng. Thế là bó tay chấm com!”)

\*\*\*

\*\*\*

## Phụ đính I : Nguyễn Huy Tường VS Thụy Khuê



### Nói chuyện với nhà văn Nguyễn Huy Thắng Thụy Khuê

Nhật ký Nguyễn Huy Tường (ba tập) ghi chép những sự việc xảy ra hàng ngày trong cuộc đời của nhà văn từ 1930 đến 1960, năm ông mất. Đây là một tác phẩm văn học có giá trị cao về mặt xã hội và nhân văn, do nhà văn Nguyễn Huy Thắng, con trai Nguyễn Huy Tường biên soạn và nhà xuất bản Thanh Niên phát hành cuối năm 2006 tại Hà Nội. Xin mời quý vị nghe nhà văn Nguyễn Huy Thắng nói về quá trình biên soạn này.

*Thụy Khuê: Thưa anh Nguyễn Huy Thắng, anh là một trong số rất ít những người con của nhà văn đã chăm sóc việc in ấn các tác phẩm của cha sau khi cha mất, một cách trọn vẹn. Có lẽ chỉ có Nguyễn Huy Tường và Nhất Linh là có cái may mắn này. Chúng tôi được biết là công việc này anh đã làm từ nhiều năm nay, vậy thưa anh, bắt đầu từ lúc nào anh đã nghĩ đến việc phải sắp xếp lại bản thảo và in lại nhật ký của cha anh?*

Nguyễn Huy Thắng: Trước hết xin cảm ơn nhận xét của chị. Tôi nghĩ không riêng gì tôi, mà con của nhiều nhà văn tôi biết, nhiều người cũng đau đầu về sự nghiệp của cha mình và cũng rất muốn làm điều này, điều nọ, để bạn đọc và công chúng hiểu thêm về cha mình. Tôi là người may mắn, gần đây biên soạn bộ nhật ký của cha tôi, cũng được nhiều người quan tâm và nhận được những lời khích lệ.

Tôi bắt đầu đọc một cách hệ thống nhật ký của cha tôi từ khi tôi có nhận thức rõ về cha mình và ý thức được trách nhiệm của mình: trước hết là phải hiểu thấu đáo về cha mình vì tôi có nỗi thiệt thòi là cha mất sớm, ông mất khi tôi mới năm tuổi. Ban đầu tôi chỉ được nghe mẹ tôi và các chị lớn kể về cha mình thôi. Từ những điều tôi biết được qua lời kể đó, tôi luôn luôn hình dung cha mình là người rất quý vợ con và đặc biệt là chăm lo cho tôi. Nỗi khát khao muốn tìm hiểu cha mình đã dẫn tôi đến ý thức trước hết tìm đọc ông qua tác phẩm, và đến một ngày nào đó, tôi bắt đầu tiếp cận những trang nhật ký của cha tôi...

Khi đọc nhật ký của cha tôi, tôi thấy toàn bộ con người ông, toàn bộ cuộc đời ông hiện lên một cách rất cụ thể, sống động. Đọc những trang nhật ký đó, tôi thấy ông là người rất thật, ông nghĩ gì thì viết ra như thế chứ không có dè dặt trong việc ghi chép riêng tư của mình. Càng đọc ông, tôi càng hiểu ông. Càng đọc ông tôi càng yêu ông, và tôi nghĩ tại sao mình không giới thiệu nhật ký của cha mình để mọi người cùng hiểu, cùng biết thêm về ông. Khi tôi bắt đầu công bố dần những trang nhật ký của cha tôi, có khi chỉ vài trang thôi, tôi nhận thấy bạn đọc đều quan tâm. Dần dần, tôi nghĩ đến việc biên soạn toàn bộ nhật ký của nhà văn Nguyễn Huy Tường, thứ nhất là để tái hiện toàn bộ cuộc đời ông, thứ hai là để cha tôi hiện diện một cách trọn vẹn nhất, một cách chân thực nhất với đông đảo bạn đọc. Tất nhiên, trong quá trình biên soạn nhật ký của

cha mình, tôi cũng có những khó khăn nhất định. Ví dụ như: cha tôi viết nhật ký là chỉ viết riêng cho mình thôi, nên có nhiều điều ông không viết kỹ hoặc không cần giải thích những suy nghĩ của mình. Khi biên soạn, tôi có trách nhiệm phải làm sao để mọi điều nhà văn Nguyễn Huy Tưởng ghi chép riêng cho mình, cũng phải đủ sáng tỏ với bạn đọc.

T.K.: *Trong bao nhiêu năm chiến tranh như thế, làm sao mẹ anh giữ được bản thảo một cách tương đối khá trọn vẹn như vậy?*

N.H.T.: Như sau này tôi được biết, mẹ tôi đã giữ lại tất cả những gì cha tôi để lại, từ những hiện vật như chiếc khăn mùi-xoa, con dao díp, nhất là chiếc bút máy Parker mà cha tôi đã viết những tác phẩm cuối cùng, và chiếc đồng hồ Omega ông dùng trong thời gian đi kháng chiến đến khi hòa bình lập lại; mẹ tôi đều giữ lại tất cả và đặc biệt mẹ tôi trân trọng những gì có bút tích của ông. Tôi hiểu ra là mẹ tôi, một cách bản năng, vì tình yêu thương của người vợ đối với chồng đã khiến bà giữ gìn tất cả những gì cha tôi để lại. Đương nhiên là mẹ tôi giữ gìn một cách rất cẩn thận những cuốn nhật ký bên cạnh những bản thảo của cha tôi. Bản thảo mẹ tôi xếp riêng ra, nhật ký thì cho vào một va-li nhỏ. Hồi đi sơ tán, mẹ tôi luôn mang theo chiếc va-li đó, bên trong đó hơn 40 tập nhật ký lớn, nhỏ và hai di vật quan trọng hơn cả là chiếc bút máy Parker và chiếc đồng hồ Omega của cha tôi.

T.K.: *Cha anh mất từ năm 1960, sau khi cha mất, mẹ anh làm sao đã có thể tự mình nuôi được gần ấy người con?*

N.H.T.: Cha tôi mất đi là một tổn thất không thể bù đắp được cho gia đình, đó là điều tôi ý thức được, đặc biệt là đối với mẹ tôi. Trong thời gian cha tôi lâm bệnh, mẹ tôi có lúc, có thể nói là đã bị hoảng loạn, rất may là nhờ bạn bè cha tôi động viên, thăm nom, giúp đỡ về vật chất và tinh thần. Tôi nghĩ là trước hết, bản năng nuôi con đã giúp cho mẹ tôi trụ lại được. Bản năng ấy, theo tôi, là yếu tố quan trọng nhất, nhưng đồng thời, sau khi cha tôi mất, nhiều tác phẩm của ông lần lượt được in ra. Số tiền nhuận bút có được, với thời giá lúc đó, là rất quan trọng đối với gia đình tôi, và mẹ tôi đã có sự hỗ trợ vật chất cần thiết. Và với bà, đó cũng chính là sự hỗ trợ tinh thần chồng mình để lại, điều này đã giúp mẹ tôi có phương tiện nuôi con, vượt qua những khó khăn tưởng như khó có thể vượt qua được.

T.K.: *Thưa anh, xin hỏi anh một chút về cách anh biên tập Nhật ký Nguyễn Huy Tưởng. Theo tôi được biết, lần đầu tiên cách đây khoảng 10 năm, anh đã in được một phần ba và lần này anh in toàn bộ?*

N.H.T.: Nhật ký của cha tôi đã được biên soạn và công bố dần dần. Bắt đầu là những trang nhật ký in trên các báo. Đến năm 1996, khi nhà xuất bản Văn Học làm *Toàn tập Nguyễn Huy Tưởng*, giám đốc nhà xuất bản khi đó là nhà thơ Lữ Huy Nguyên, đã ý thức rằng nhật ký Nguyễn Huy Tưởng là một bộ phận cấu thành trong di sản của nhà văn. Hồi đó, theo phân bố của nhà xuất bản, toàn tập của cha tôi gồm 5 tập và nhật ký sẽ đưa vào tập 5. Với phân bố như thế, tôi đã chọn ra khoảng 350 trang nhật ký để công bố. Sau khi toàn tập của cha tôi ra đời, tôi nhận thấy bạn đọc đặc biệt quan tâm đến tập 5. Về tác phẩm của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng, thì những người yêu văn học họ đã đọc rồi; nhưng đây là lần đầu tiên những trang nhật ký của ông được công bố khá hệ thống; đó là một điều mới mẻ và nhiều người đã tìm đọc tập 5 với 350 trang nhật ký của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng.

Đến năm 2006, khi đã có thể công bố nhật ký của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng một cách rộng rãi hơn, tôi đặt ra phương châm là sẽ công bố toàn bộ nhật ký của cha tôi tới mức tối đa. Như chị cũng biết, một tác phẩm văn học - tôi quan niệm nhật ký Nguyễn Huy Tưởng là một tác phẩm văn học - khi ra đời cũng phải được xem đi xem lại, viết đi viết lại, hướng chi là nhật ký của cha tôi, trước hết là viết cho mình. Ông mất đi để lại những trang nhật ký đó, tôi là người được thừa hưởng di sản tinh thần của cha tôi và có trách nhiệm công bố nhật ký của ông; đương nhiên tôi cũng phải làm việc giống như sự thao tác của nhà văn, tức là phải biên soạn cẩn thận, kỹ lưỡng, sao cho nhật ký của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng đem lại cho bạn đọc

những thông tin bổ ích nhất, những điều thực sự là quan thiết đối với đời sống tinh thần, với chân dung nhà văn.

T.K.: *Thưa anh, trong lần in này chắc cũng có những chỗ anh cắt bỏ, vậy anh dựa theo tiêu chuẩn nào để quyết định đoạn nào cắt bỏ, đoạn nào giữ lại?*

N.H.T.: Những đoạn tôi không đưa vào có mấy dạng như thế này: Thứ nhất là những sự lặp lại, có khi là chuyện cơm áo gạo tiền thôi, nhưng lúc đó rất hệ trọng đối với cha tôi và ông đã trở đi trở lại; trong trường hợp này, tôi chỉ chọn lấy một đôi lần ông đề cập đến vấn đề đó thôi. Thứ hai, có rất nhiều chuyện riêng tư của cha tôi, chuyện riêng tư trong đời sống vợ chồng của hai ông bà; những chuyện riêng tư, nếu nó giúp soi sáng thêm đời sống tinh thần của nhà văn thì vẫn có thể công bố, nhưng nếu chỉ thuần túy... chuyện buồn the chẳng hạn thì tôi không đưa vào. Ngoài ra, có thể lúc sinh thời cha tôi viết về một chuyện gì đó, hay nhận xét về ai đó, cha tôi viết rất chân thành, viết rất thật những suy nghĩ của mình, nhưng bây giờ người đó không còn nữa và cả hai ông đều đã mất rồi; những nhận xét đó nếu in ra, tôi e rằng sẽ mang tính chủ quan từ một phía; trong trường hợp này, nếu là chuyện tế nhị có thể gây cho người đọc hiểu đây là tiếng nói một chiều, thì tôi không đưa vào.

T.K.: *Thưa anh, theo tôi thì ba nhà văn Tố Hữu, Nguyễn Huy Tưởng và Nguyễn Đình Thi là ba người đã theo cách mạng từ đầu đến cuối nhưng riêng chỉ có nhà văn Nguyễn Huy Tưởng là giữ được nhân cách nhà văn của mình trong suốt giai đoạn Nhân Văn Giai Phẩm, và cũng qua nhật ký chúng ta có thể hiểu rõ con người Nguyễn Huy Tưởng qua những gì ông viết về Nguyễn Hữu Đang, về Lê Đạt và cũng biết là ông không đồng ý với Tố Hữu và Nguyễn Đình Thi, vậy xin hỏi anh là khi biên tập bộ nhật ký này, có phải vì mối ân tình với các nhà văn Tố Hữu và Nguyễn Đình Thi mà anh đã cắt bỏ những đoạn mà cha anh chỉ trích họ?*

N.H.T.: Trước hết, những nhà văn, nhà thơ mà chị vừa nhắc đến như nhà thơ Tố Hữu, nhà văn Nguyễn Đình Thi, hay nhà thơ Lê Đạt hoặc bác Nguyễn Hữu Đang là những người tôi rất kính trọng và tôi hiểu là cha tôi cũng rất quý trọng và rất thân thiết nữa. Trong nhật ký của cha tôi, tôi nghĩ là cha tôi đã dành những lời rất tốt đẹp cho những người bạn thân của mình, những người bạn, người đồng chí của ông. Tôi vẫn nhớ câu cha tôi viết về nhà thơ Tố Hữu trong kháng chiến như thế này: «Nghĩ đến Tố Hữu, rục rờ như vàng, như ánh sáng.» Tôi nghĩ lúc đó nhà thơ Tố Hữu đã có ảnh hưởng rất mạnh đối với cha tôi. Hay có lần, cũng trong kháng chiến, cha tôi đi công tác về thì nhà thơ Nguyễn Đình Thi đã đầu quân. Cha tôi có viết: «Thi đi bộ đội rồi. Bàng hoàng nhớ Thi.» Tôi biết là cha tôi đã có mối quan hệ rất gắn bó với nhà thơ Tố Hữu, nhà văn Nguyễn Đình Thi. Còn với bác Nguyễn Hữu Đang, cha tôi cũng rất thân và gắn bó suốt một quãng đường dài. Tuy nhiên hai ông chưa hẳn lúc nào cũng hiểu nhau hoặc như người ta hay nói là nhất trí với nhau đâu. Bác Nguyễn Hữu Đang là người rất sắc sảo, nhiều khi bác nói với cha tôi rất thẳng thắn, có nhiều ý kiến phản biện chứ không phải là không đâu. Tôi nghĩ các ông là những con người của lịch sử, và các ông cũng đã rất sòng phẳng với nhau, rất thẳng thắn với nhau trong cuộc đời cũng như trong công tác. Còn việc biên soạn nhật ký của cha tôi, như tôi đã nói ở trên, tôi có nguyên tắc là trong những trường hợp cha tôi có những nhận xét liên quan đến một người khác mà người đó đã mất rồi, tôi cho rằng sẽ không thỏa đáng nếu để cha tôi có những phán xét trái chiều với người thiên cổ. Tôi nghĩ các ông đều đã mất rồi, bây giờ chỉ một người nói về người kia, mà không có sự trao đổi, không có sự phản bác lại thì tôi cho rằng như thế là không thỏa đáng. Chính vì vậy mà trong một số trường hợp, tôi không đưa vào trong ba tập nhật ký được công bố.

T.K.: *Xin anh một câu hỏi chốt là theo anh, tại sao cha anh viết nhật ký?*

N.H.T.: Bác Lưu Văn Lợi là một người bạn thân của cha tôi, người bạn chí cốt của cha tôi từ thời đèn sách ở Hải Phòng, những năm 30; bác Lưu Văn Lợi có nhận xét về cha tôi thế này: "Anh Tưởng là người vụng ăn nói, vụng ứng xử." Đọc nhật ký của cha tôi thì thấy cha tôi hay bần khoản với khả năng phát biểu của mình. Nhiều lần trong các cuộc họp, cha tôi, với trách

nhệm của mình phải có ý kiến, phải phát biểu. Nhưng thường cha tôi không hài lòng về khả năng "hùng biện" của mình, thậm chí có thể nói ông đã rất khổ tâm về khả năng ăn nói của mình. Tôi nghĩ chính vì sự hạn chế khả năng ăn nói mà cha tôi tìm cách tự giải bày mình trong nhật ký.

T.K.: *Xin thành thật cảm ơn anh Nguyễn Huy Thắng.*

## Nguyễn Huy Tưởng (1912-1960) Thụy Khuê

Sáng tác của Nguyễn Huy Tưởng dựa trên ba tiêu đề chính:

Tác phẩm lịch sử: hai tiểu thuyết *Đêm hội long tri*, *An Tư* và kịch *Vũ Như Tô*, sáng tác trong khoảng 1939-1945. Tác phẩm thời đại: kịch *Những người ở lại* và tiểu thuyết *Sống mãi với thủ đô*, viết trong khoảng 1954-1960. Và *Nhật ký Nguyễn Huy Tưởng* trải dài trong 30 năm, từ 1930 đến 1960.

Chúng tôi đã có dịp giới thiệu các tác phẩm lịch sử của Nguyễn Huy Tưởng trong bài *Nguyễn Huy Tưởng, một quan niệm về lòng yêu nước* đăng trên Hợp Lưu số 46, tháng 4-5/1999, in lại trong *Sống Từ Trường II*. Và hôm nay, với Hợp Lưu 96, tháng 9-10/2007 chúng tôi xin giới thiệu cùng quý vị những tác phẩm thời đại và Nhật ký Nguyễn Huy Tưởng.

\*\*\*

Một nhà thơ nói rằng: *"Rời ra, những gì còn lại đáng quý hơn cả nơi một nhà văn, trên cả tác phẩm, vẫn là lòng thành thực và nhân cách"*. Trong điều kiện lịch sử ngặt nghèo của đất nước, bao nhiêu nhà văn còn giữ được *"lòng thành thực và nhân cách"* dưới chế độ toàn trị, trừ một vài trường hợp ngoại lệ, trong đó có Nguyễn Huy Tưởng.

Nhà văn trong trường hợp ấy, nếu không im lặng hoặc đổi nghề cũng khó có lựa chọn nào khác ngoài sự rập khuôn theo mẫu chính thống, sẽ phải đánh mất mình, và tác phẩm dù được trọng dụng, thậm chí trở thành sách giáo khoa trong thời này, nhưng khi đất nước bước qua thời khác, cái được gọi là "tác phẩm" ấy sẽ khó tồn tại, vì nó đã được nâng cấp một cách giả tạo, bản thân nó chưa phải là tác phẩm văn học. Văn chương là món hàng không thể làm giả, cũng không dễ cấp huân chương. Người ta có thể đi đường tắt vào lịch sử, thậm chí có thể chế tạo ra anh hùng, nhưng không thể dùng lối tắt vào văn chương, cũng không thể nặn ra nhà văn tiền chế.

Tố Hữu, Nguyễn Huy Tưởng và Nguyễn Đình Thi là ba nhà văn có tài và có địa vị cao trong thời cách mạng. Nếu Tố Hữu và Nguyễn Đình Thi có công lớn trong việc xây dựng nền văn chương tiền chế, hy sinh chữ nghĩa và nhân cách để tiến thân, thì Nguyễn Huy Tưởng, cùng ở vị trí lãnh đạo văn nghệ, nhưng đã bảo toàn được nhân cách nhà văn, nhà trí thức, qua hành động và những gì ông để lại trong tác phẩm và trong nhật ký.

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua từ ngày cách mạng tháng Tám bùng lên, ngày nay chúng ta đã có đầy đủ khoảng cách cần thiết để nghiên cứu về giai đoạn văn học cách mạng này, trực tiếp qua tài liệu của những người trong cuộc: một số hồi ký và nhật ký giá trị đã xuất hiện, trong đó phải kể đến nhật ký Trần Dần (in ở hải ngoại) và nhật ký Nguyễn Huy Tưởng.

Trần Dần và Nguyễn Huy Tưởng ở địa vị gần như đối lập nhau, cả hai đều gửi gắm tâm sự riêng vào nhật ký, chữ nghĩa của họ, có thể coi như những tư liệu rỗng về giai đoạn Nhân Văn, một giai đoạn lịch sử văn học đầy biến động, cho đến nay vẫn còn bị tấm màn kiểm duyệt và tự duyệt niêm phong.

Đối chiếu hai nhật ký, một bên viết từ một người trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, và một bên từ một người thuộc thành phần lãnh đạo văn nghệ, chúng ta sẽ có hai cái nhìn đối xứng đáng

tin cậy. Những tư liệu nguyên chất này, ngoài giá trị văn học, còn có giá trị xã hội và nhân văn: Sự nói thẳng và nói thật trong nhật ký, sẽ góp phần không nhỏ trong việc dựng lại không khí chính trị và văn học, xác định trách nhiệm tinh thần của mỗi nhà văn trong điều kiện lịch sử mà họ đã trải qua.

Nhật ký Nguyễn Huy Tưởng -trải dài trên 30 năm (1930-1960)- mô tả chi tiết hành trình con người Nguyễn Huy Tưởng: sự xây dựng nghiệp văn của một thanh niên ở thập niên 30, chịu ảnh hưởng giao thoa giữa tinh thần sử thi Hy Lạp và nghĩa khí Trần Hưng Đạo, hai yếu tố căn bản tạo nên tinh thần yêu nước trong con người ông và được thể hiện trong sáng tạo. Và trên tất cả là sự rèn luyện đạo đức bản thân, đạo đức của người cầm bút mà Nguyễn Huy Tưởng đã học được trong sách, trong sử, ngay từ hồi trẻ.

Nguyễn Huy Tưởng sinh ngày 6/5/1912, tại làng Dục Tú, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc huyện Đông Anh, tỉnh Hà Nội. Cha là một ông Tú nghèo sống nhờ vợ tần tảo buôn bán. Bấy tuổi cha mất, mẹ gửi ra Hải Phòng ở với gia đình người chị, học tiểu học ở trường Bonnal. Năm 1932, 20 tuổi, đậu bằng thành chung và cũng bắt đầu học chữ Hán. Sau ba năm vất vả tìm việc, đến 1935 thi đậu vào ngạch thư ký nhà đoan. 1939, cưới vợ con quan. Những yếu tố trên đây sau này sẽ ảnh hưởng đến tác phẩm của ông. Song song với đời sống công chức nhà đoan là một sinh hoạt nội tâm cô đơn và giàu có của người trí thức: chăm đọc sách, chịu khó tìm ý tưởng, hàng ngày viết nhật ký. Từ năm 1938, ông đã hoạt động cho hội Truyền bá quốc ngữ. Năm 1942 gặp Nguyễn Hữu Đang trong khung cảnh của hội, trở thành bạn đồng hành. Cuối năm 1944, bắt đầu tham dự các buổi họp bí mật của hội Văn hoá cứu quốc. Tháng Tám 1945, dự đại hội Tân Trào. 1/1 năm 1946, gia nhập Đảng Cộng Sản Đông Dương cùng với Nguyễn Đình Thi và Lưu Văn Lợi. Giữ địa vị quan trọng trong ban lãnh đạo văn nghệ.

Nguyễn Huy Tưởng qua đời ngày 25/7 1960 tại Hà Nội, ở tuổi 48. Ông bắt đầu viết nhật ký năm 18 tuổi và chỉ ngừng lại trên giường bệnh ít ngày trước khi mất vì ung thư.

### **Con người mới trong kháng chiến**

Một phần nhật ký, đã được in trong bộ *Nguyễn Huy Tưởng toàn tập*, quyển V (nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1996). Trong cuốn sách này, ngoài nhật ký còn có phần biên bản các cuộc họp hoặc các buổi làm việc (mà Nguyễn Huy Tưởng cho biết là ông đang soạn lại để in thành sách). Sự ghi chép này rất quý, cho ta biết rõ không khí làm việc thời ấy như thế nào. Ví dụ, một số biên bản của Nguyễn Huy Tưởng (đã in trên báo Văn Nghệ, xuất bản tại Việt Bắc trong các tháng 5/11/12 năm 1949, in lại trong tập V) về những hội nghị văn nghệ quan trọng ở Việt Bắc, đặc biệt Hội Nghị Tranh Luận Văn Nghệ tổ chức những ngày 25/26/27/28 tháng 9 năm 1949, với Ngô Tất Tố, Nguyễn Tuân, Tố Hữu, Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Đỗ Cung cùng chủ tọa. Nhờ bản ghi khá chi tiết của Nguyễn Huy Tưởng về hội nghị này, mà ngày nay, chúng ta có thể thấy không khí thảo luận văn học tại Việt Bắc, tháng 9 năm 49, vẫn còn khá khoáng đạt, tức là tương đối dân chủ: có phê bình và có quyền trả lời, có tranh luận hai chiều giữa những người phê phán và các tác giả bị đem ra bàn cãi. Và cũng trong hội nghị, Nguyễn Huy Tưởng đã phải tự phê bình vở kịch "*Những người ở lại*" của mình. Nói chung, ở thời kỳ này, hình thức kiểm thảo hãy còn nhẹ nhàng, chưa đạt tới mức độ quy chụp và áp chế như trong thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm.

Để trả lời ý kiến của Nguyễn Đình Thi yêu cầu tác giả tự phê bình nội dung vở kịch *Những người ở lại*, về sự sống trong đó và về cách nhìn của tác giả và thái độ của tác giả đối với cuộc kháng chiến, Nguyễn Huy Tưởng có nói một câu:

*"Tôi là một người ngờ ngác trong cuộc sống mới, nhiều lúc cũng dao động, cho nên những nhân vật của tôi, phần nhiều nhần nhục như anh Thi đã nói và thiếu cái phần tích cực của những con người mới, thường nắm phần chủ động trong cuộc đời"* (trích biên bản *Tự phê bình "Những người ở lại"*, Nguyễn Huy Tưởng toàn tập, tập V, trang 265).

Qua lời biện hộ của tác giả, chúng ta có thể có những nhận xét sau đây:

1/ Cách mạng đưa ra khái niệm "*con người mới*" với hai đặc tính: "*tích cực*" và "*nắm phần chủ động*". 2/ Những "*con người mới*" này phù hợp với tính chiến đấu, với tình thế kháng chiến đương thời. 3/ Nhưng trước đó, nó cũng đã từng là nội dung "người hùng" của Lê Văn Trương trong mục đích giáo dục thanh niên. 4/ Chắc chắn người hùng của Lê Văn Trương xuất thân từ "*surhomme*" của Nietzsche.

Bốn nhận xét dây chuyền này dẫn đến một thực tại: triết thuyết *surhomme* của Nietzsche trong tay nhà văn có thể trở thành một phương tiện rèn luyện con người; nhưng khi rơi vào tay những nhà độc tài, nó có thể bị trưng dụng và bóp méo: Hitler, Mussolini xử dụng nó để vinh tôn dòng giống Arien da trắng, mắt xanh, tóc vàng và triệt hạ giống nòi Do Thái. Staline dùng nó để đề cao giai cấp lao động, triệt hạ trí thức và tư sản. Khi cách mạng kháng chiến tung ra khái niệm "*con người mới*" với hai đặc tính "*tích cực*" và "*chủ động*", chúng ta có thể nhìn thấy ngay trong "*con người mới*" này, bàn tay giáo quyệt của Staline trong cách bóp méo tư tưởng của Nietzsche.

Nhưng phải công bằng mà nhận rằng: nhiều trí thức lỗi lạc cũng đã một thời say mê Staline, trong đó có J.P. Sartre. Và Nguyễn Huy Tưởng cũng đã không thoát khỏi "hiệu ứng Staline". Cho nên những câu thơ Tố Hữu:

*"Xta-lin! Xta-lin!*

*Yêu biết mấy, nghe con tập nói.*

*Tiếng đầu lòng con gọi Xta-lin"*

(trích bài *Đời đời nhớ ông* trong tập *Việt Bắc*)

thường được đem ra chế giễu, thực ra chỉ thể hiện sự ngây thơ, mù quáng chung của con người trước những nhân vật lịch sử. Câu hỏi mà chúng ta có thể đặt ra ngày hôm nay là tại sao một triết thuyết lớn lao như *surhomme* của Nietzsche, khi rơi vào tay các nhà độc tài như Staline, Mussolini, lại có thể trở thành vũ khí giết người? Vì triết thuyết của Nietzsche là *cái gương nội soi trong con người*, áp dụng cho việc sửa mình: con người tự soi để nhìn thấy sự yếu kém của chính mình; nhưng khi bị những nhà độc tài trưng dụng, họ dùng nó để chiếu ra ngoài, *chiếu vào người khác*, đặc biệt vào các thành phần ngoại vi của chính thống: đối lập hoặc giai cấp (được coi là kẻ thù) để quy kết và định tội (người khác) từ sự chủ quan của chính mình.

Nguyễn Huy Tưởng theo kháng chiến và trở thành nhà văn cộng sản. Nhưng ông khác những nhà văn chính thống theo đúng đường lối 100%. Chính ở điểm đó mà ông giữ được mình trong sạch. Khi viết về những con người "*nhấn nhục như anh Thi nói*", là ông đã đứng về phía họ những kẻ nhấn nhục, tức là ông đã bước ra ngoài vòng chính thống: ông hiểu họ bởi ông cũng bơ vơ như họ. Nếu ông có thán phục Staline, thì cũng bởi ông chưa biết được khía cạnh địa ngục của Staline, ông cũng sai lầm như những người khác. Nhưng trong thâm tâm, Nguyễn Huy Tưởng luôn đứng về phía con người, những người tầm thường như chúng ta, không can đảm, không biết đánh nhau, đều ngơ ngơ ngác ngác trước kháng chiến và các biến cố lịch sử. Theo bên này hay bên kia, họ không dứt khoát, thường bị lôi kéo, thụ động, nói khác đi, họ thiếu cái *phần tích cực* như "*anh Thi nói*". Chính vì vậy mà những nhân vật của Nguyễn Huy Tưởng trong kịch *Những người ở lại* hay trong tiểu thuyết *Sống mãi với thủ đô* sẽ sống lâu hơn những *nhân vật tích cực* của "anh Thi" trong *Xung kích*, *Vỡ bờ*, nói riêng, và tất cả những nhân vật tích cực khác, trong nền văn học tiền chế, nói chung. Hôm nay, đọc lại những tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng, chúng ta vẫn còn cảm thông với những nhân vật, với những bối rối của họ, bởi họ không phải là những *con người mới*, *con người tích cực* mà chỉ đơn giản là *con người* với những khổ đau, dằn vò trong sự lựa chọn trước mỗi hoàn cảnh.

### **Phê bình trong kháng chiến**

Từ những cuộc thảo luận văn học thời ấy, ta đã thấy le lói thái độ chính thống hoá phê bình qua lời tuyên bố của Nguyễn Đình Thi, trong phiên họp chiều ngày 26/9/1949 tại Việt Bắc: "*Vai trò của nhà phê bình là đứng trung gian giữa tác phẩm và quần chúng. Khi xong tác phẩm, nhà*



*phê bình phải nhận xem nó là bạn hay là thù của quần chúng. Là thù (tức là thù kháng chiến của dân tộc) thì đập không tiếc tay. Là bạn thì phê bình bạn hữu để tác giả sửa chữa"* (sđd, trang 219). Như thế, quan niệm phê bình "ta-địch, bạn-thù" đã được tung ra như một nguyên tắc của văn học kháng chiến, rất có thể từ hội nghị văn hoá toàn quốc đầu tiên, do Trường Chinh chủ trì tháng 7 năm 1948. Và cũng rất có thể vì phản đối quan niệm này mà Nguyễn Hữu Đang đã không tham dự hội nghị và từ đó ông ngừng mọi hoạt động với chính quyền cách mạng để trở về Thanh Hoá (xem bài phỏng vấn Hoàng Cầm, trong Hợp Lưu số 94, tưởng niệm Nguyễn Hữu Đang). Dù sao chăng nữa, nhờ vài dòng ghi chép trên đây của Nguyễn Huy Tưởng ta có thể hiểu thêm rằng: Nguyễn Đình Thi, không chỉ là người thừa hành, mà ông đã là một trong những người góp phần xây dựng nên nguyên tắc văn học kháng chiến, trong đó có quan niệm phê bình "bạn-thù". Vai trò của Nguyễn Đình Thi không chỉ nổi trội trong vụ đánh Nhân Văn Giai Phẩm, mà chín năm trước, ngay từ 1949, ông đã là một trong những người đề xướng đường lối *chính thống hoá phê bình*. Trường hợp Nguyễn Đình Thi khác Tố Hữu. Tố Hữu không thuộc thành phần trí thức như Nguyễn Đình Thi. Tố Hữu đi cách mạng khá sớm, vào tù ra khám, về mặt tư tưởng và lý luận văn học, Tố Hữu không chuyên. Ngược lại, Nguyễn Đình Thi là người trí thức, đọc nhiều, biết rộng, ông hiểu rõ nguyên tắc tự do sáng tạo hơn ai hết, nhưng ông đã hy sinh tự do sáng tạo để phục vụ đảng quyền. Nguyên tắc phê bình bạn-thù mà ông đưa ra, là phản văn học. Chính vì thế mà Nguyễn Đình Thi có trách nhiệm nặng hơn Tố Hữu trong việc xây dựng nền văn học xã hội chủ nghĩa dựa trên quan niệm ta-địch, phủ nhận tự do, trừ dập những người bước ra ngoài tư tưởng chính thống. Quan niệm văn học ta-địch này - trở thành tư tưởng chủ đạo, trải rộng sang địa hạt khác từ sáng tác đến biên khảo và được duy trì đến ngày nay- tuy đi từ chính trị sang văn nghệ, nhưng lại chính nhờ văn nghệ mà nó bắt rễ vào đời sống, ảnh hưởng đến con người, trở thành những nguyên nhân gây chia rẽ trong lòng dân tộc mà hậu quả đến nay vẫn chưa lường được.

Như vậy, đôi khi chỉ một vài dòng ghi chép công tâm của một nhà văn như Nguyễn Huy Tưởng, đã có thể giúp ta nhìn lại một số vấn đề trong kháng chiến. Ngày hôm nay, sự sùng bái cách mạng đã qua, con người đã có khoảng cách để nhìn lại quá khứ, nhìn lại không khí lãng mạn mà chúng ta vẫn thần tượng hoá về kháng chiến, nhìn lại những sản phẩm tuyên truyền của một thời: chính sự "tích cực" quá mức về lòng yêu nước đã biến con người thành khập khiễng, những nhân vật tích cực một chiều trở nên lố bịch, giả tạo, không còn chỗ đứng trong một nền văn học nhân bản. Nhờ những tư liệu đúng đắn, chúng ta có thể dần dần soi xuống chiều sâu của cuộc kháng chiến thần thánh trong một tinh thần khoa học hơn. Trong chiều hướng đó, nhật ký Nguyễn Huy Tưởng ghi chép của ông về sinh hoạt chính trị và văn học đương thời là nguồn tư liệu quý giá cho giới nghiên cứu mai sau.

### **Nhật ký Nguyễn Huy Tưởng**

Nhật ký Nguyễn Huy Tưởng là một trường hợp văn bản đặc biệt, vì dường như nhà văn Việt Nam ít có thói quen viết nhật ký, và nếu có, cũng không mấy ai được may mắn như Nguyễn Huy Tưởng: nhật ký cũng như các tập bản thảo của ông đã được bà quả phụ Nguyễn Huy Tưởng nhũ danh Trịnh Thị Uyên lưu giữ trong suốt thời gian chiến tranh và sau này, nhà văn Nguyễn Huy Thắng, con trai ông, sưu tầm biên soạn công bố dần từ hơn 10 năm nay. Những dòng nhật ký sớm nhất (được in ra) ghi ngày 2/11/1930, khi Nguyễn Huy Tưởng còn là cậu học trò đang học ban thành chung ở Hải Phòng. Trang cuối cùng đề ngày 21/6/1960 viết trên giường bệnh, trước khi ông qua đời. Dàn trải trong ba mươi năm sử đời, nhật ký Nguyễn Huy Tưởng xuyên suốt một thời đại với những giá trị xã hội và nhân văn đích thực. Viết nhật ký là viết cho mình, trên nguyên tắc không phải để in ra. Nhật ký là những ý nghĩ trực tiếp ghi lên giấy, không thông qua "lập trường", cũng không sợ người ngoài biết, đọc, tố cáo: nhật ký đích thực là tư tưởng chưa bị kiểm duyệt, chưa được nâng cấp, không son phấn như những nhật ký trá hình, hồi ký tư biện, mà chúng ta thường thấy nhan nhản trên thị trường chữ nghĩa. Đối với Nguyễn Huy Tưởng *"Nhật ký là cuốn sách chân thật hơn cả các sách mà cũng*

*rộng rãi tự nhiên hơn các sách khác" và ông tự răn mình: "Phàm kẻ học trò nên tập cách viết nhật ký". Nhật ký đối với ông là phép luyện văn đồng thời cũng là phép tập suy nghĩ, tập nhìn lại mình, là một đạo đức sống nữa.*

Nhưng trong điều kiện toàn trị, nhật ký còn là lối thoát của nhà văn: ghi lại những dữ kiện mà mình không thể viết ra được trên tác phẩm công khai. Nhật ký là nhân chứng im lặng, một thứ ánh sáng của người dưới mộ, một thứ *mémoire d'outre tombe*, ký ức xuyên mờ.

Nhật ký Nguyễn Huy Tưởng tổng hợp những ý nghĩa ấy.

So sánh nhật ký Nguyễn Huy Tưởng với những hồi ký đã được in ra trước đây của Đặng Thai Mai, Đào Duy Anh, Vũ Ngọc Phan v.v..., thì quả đây là bộ sách giúp chúng ta tìm hiểu rộng rãi hơn cả về thời đại và con người vì Nguyễn Huy Tưởng đã không phải tự kiềm mình khi đặt bút, vì vậy, qua những dòng ông để lại, chúng ta có thể hình dung cuộc sống của ông, một *nhà văn cộng sản* như nhận xét của người bạn thân nhất Lưu Văn Lợi, và cung cách sáng tác cùng những hành động chính trị của ông và bạn hữu. Trong số đó, đặc biệt nổi bật lên chân dung Nguyễn Hữu Đang, người bạn thân thân mà ông mến phục, nhưng không cùng hướng chính trị, một người bị đàn áp trong hơn nửa thế kỷ, chân dung bị phủ mờ, không được quyền tự do phát biểu từ sau vụ án Nhân Văn đến lúc mất. Qua những khuôn mặt như thế, tác giả đã vẽ lại hình hài những người bị xóa sổ trong cuốn phim ba mươi năm đời ông, và vén màn cho ta thấy thực trạng xã hội miền Bắc trong những ngày u ám nhất, bí mật nhất, mà cho đến nay vẫn còn nhiều điểm chưa ai soi rọi.

Trong bài *Nhà tôi* bà Trịnh Thị Uyên cho biết: *"Nhớ lại giai đoạn từ giữa năm 1956 đến đầu năm 1958, tôi nghĩ đó là những ngày đau đớn nhất của anh ấy những năm cuối đời. Đêm nào nhà tôi cũng thức viết nhật ký rất khuya, dường như tất cả những gì anh ấy không thể nói ra với ai hay chưa thể hiện được lên trang in, anh ấy dồn hết vào những cuốn sổ tay chỉ viết cho riêng mình. Bạn bè biết tính nhà tôi hay ghi chép, đi đâu về thường làm quà cho anh ấy những cuốn sổ tay. Chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi kể trên tôi để ý thấy nhà tôi thay đến ba quyển nhật ký dày cộp mà giá như tôi có viết cả đời cũng không hết."* (trích *Nhà tôi*, của bà Trịnh Thị Uyên, in trên *Hợp Lưu* số này).

Như vậy, những gì Nguyễn Huy Tưởng viết về giai đoạn Nhân Văn, trong tình trạng in ẩn hiện nay, hẳn là gia đình chưa thể công bố hết được. Và có lẽ sẽ còn phải chờ đợi một thời gian nữa, chúng ta mới có thể biết rõ toàn bộ nội dung *ba quyển nhật ký dày cộp* của Nguyễn Huy Tưởng viết về giai đoạn này.

\*\*\*

Từ những nhận xét của một thanh niên 18 tuổi ghi ngày: 19/12/ 1930: *"Phận sự của một người tầm thường như tôi muốn tỏ lòng yêu nước thì chỉ có việc viết văn quốc ngữ thôi"*. Đến nhận xét sâu xa của một người cầm bút lúc cuối đời ghi ngày 18/1/1960: *"Muốn viết một truyện xưa thật poignant [xót xa] nói về cái quý của một mạng con người, bất cứ là người gì. Mà cần phải quý phải nâng niu, mà giết một người ấy là anh mang tội lớn"*.

Chúng ta thấy rõ con đường đi của người thanh niên này: sống cho sáng tác và bằng bất cứ giá nào phải bảo vệ cuộc sống.

Nhật ký Nguyễn Huy Tưởng, toàn bộ dày khoảng 1700 trang, được Nguyễn Huy Thắng chia làm ba tập với ba chủ đề khác nhau:

Tập một: *"Đến với văn chương và cách mạng"* từ tháng 11/1930 đến tháng 7/1945.

Tập hai: *"Những năm kháng chiến"* từ tháng 5/46 đến tháng 10/53

Tập ba: *"Nghệ sĩ và công dân"* từ tháng 9/54 đến tháng 6/60.

Cách chia này phù hợp với những mốc chính trong đời sống của Nguyễn Huy Tưởng: Tập một, viết về quãng đời thanh niên, kiếm việc làm, lấy vợ, cũng là thời bắt đầu trăn trở về chữ nghĩa, tư tưởng, tìm cách xây dựng nghiệp văn. Tập hai: bỏ gia đình theo kháng chiến, giữ trọng trách trong cơ quan văn nghệ của Đảng. Tập ba: sau ngày tiếp quản thủ đô, trở về Hà Nội, sống với

gia đình, tiếp tục công việc trong ban lãnh đạo văn nghệ. Sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm, ông từ nhiệm, trở về nhà sáng tác, được một thời gian ngắn thì mất vì bệnh ung thư.

Nhà văn đã ghi lại hành trình của đời mình dưới hai dạng đan cài:

Dạng thứ nhất: ngòi bút chiếu ra ngoài, vào người khác, vào sự kiện, khung cảnh, bằng những nét phác, đôi khi chỉ một câu ngắn, nhưng gợi nhiều trong tâm cảm người đọc. Dưới dạng thứ nhất này, tác giả mô tả toàn bộ đời sống của mình và những người chung quanh từ người chủ nhà, đến bạn hữu, lãnh tụ. Phần chân dung dài và kỹ nhất dành cho Nguyễn Hữu Đang, từ những ngày mới quen nhau, mền phục tài năng, sự đổi chất chính trị trong thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm: Nguyễn Hữu Đang đã chỉ trích thẳng cánh lãnh đạo văn nghệ. Nguyễn Huy Tưởng là người bị lên án nặng nề, điều này làm ông rất đau khổ.

Nguyễn Huy Tưởng không thích Phan Khôi, những lời ông viết về Phan Khôi khá nặng, có lẽ vì Phan Khôi đã phê phán gắt gao *Truyện Anh Lược* của ông và những tác phẩm khác của ban lãnh đạo văn nghệ (như *Ngôi Sao* của Xuân Diệu) được giải thưởng văn chương năm 55. Ông cũng không thích nhóm trẻ trong Nhân Văn Giai Phẩm, như Trần Dần, Đặng Đình Hưng, Lê Đạt, ông cho họ là bọn tự kiêu, bướng bỉnh. Nhưng cuối cùng, khi Nhân Văn bị nạn, Nguyễn Huy Tưởng là người duy nhất đã dám bênh vực Nhân Văn. Ông đã, vừa nói thẳng, vừa viết thư cho Trường Chinh, để phản đối biện pháp đối xử với Nhân Văn Giai Phẩm.

Một nét đặc biệt nữa trong nhật ký là chân dung Tố Hữu và Nguyễn Đình Thi, hai người bạn thân trong thời kỳ kháng chiến: Nhưng dần dần, chính những quan điểm và hành động đối với văn nghệ sĩ, đã làm cho ông thấy rõ bản tính của họ hơn, và trong thời kỳ Nhân Văn Giai phẩm thì dường như sự bất đồng đã lên rất cao. Tiếc rằng trong điều kiện hiện hành, chúng ta chưa được đọc hết những tập nhật ký dày cộm mà bà quả phụ Nguyễn Huy Tưởng nhắc đến trong bài viết.

Dạng thứ nhì: ngòi bút chiếu nội, là phần tác giả viết về mình, tự phân và tự phê; ghi lại những ý nghĩ và phản ứng của mình trước sự việc xảy ra, đồng thời phân tích và phê phán gắt gao mọi hành động của mình. Dưới dạng này, ông hiện ra như một người suốt đời bất mãn vì không tìm được con đường sáng tác đúng như ý muốn, luôn luôn trăn trở trong việc sửa mình, viết lại tác phẩm. Nhưng qua những trăn trở của ông, chúng ta có thể hiểu được những trăn trở chung của cả một thế hệ. Bởi có thể nói miền Bắc sau 1954 tập trung hầu hết nhân tài văn chương nghệ thuật và trí thức toàn quốc. Nhưng trong suốt hai mươi năm đất nước chia đôi, những nhân tài này đã không sáng tác được gì nhiều, ngoài một số tác phẩm tuyên truyền, nay đã quá dated. Có thể đổ trách nhiệm cho đảng Cộng Sản, nhưng không chỉ có đảng Cộng Sản, mà còn những nguyên do khác, xuất phát từ con người: Có trí thức xung phong, có nhà văn biết sợ, có kẻ a dua, người cầu vinh, người nhắm mắt đưa chân, người đối kháng, người đích thực có lòng: Bi kịch kháng chiến và sự thất bại của văn học kháng chiến có thể tìm thấy trong nhật ký Nguyễn Huy Tưởng. Tác phẩm vẽ nên một giai đoạn lịch sử, khá rõ, tuy chủ quan, nhưng thành thật. Khiến người đọc vừa thích thú vì tính cách linh động của hoạt cảnh chính trị xã hội, đọc như một cuốn tiểu thuyết dù biết rằng mọi sự diễn ra là thật.

### **Sự tiếp nhận thông tin trong nhật ký Nguyễn Huy Tưởng**

Bí mật ra hậu phương, dự hội nghị Tân Trào tháng 5 năm 1945, trở về, ông dặn vợ đưa ba con đi tản cư (rồi về thành) cùng ông bà nhạc. Trong 6 năm xa cách, gia đình tưởng như tan vỡ, vì những cán bộ có vợ trong thành như Nguyễn Huy Tưởng được quy định lấy vợ khác. Đến 1951, vợ ông mới đem được đưa con gái nhỏ nhất ra chiến khu với chồng, hai con lớn ở lại Hà Nội với ông bà ngoại. Nhạc gia thuộc thành phần quan lại, bố vợ là tri phủ, ông vợ là tuần phủ. Năm 1954, ông bà nhạc di cư gửi hai cháu ở lại để sum họp với cha mẹ. Tình cảnh gia đình Nguyễn Huy Tưởng cũng giống tình cảnh nhiều gia đình Việt Nam trong thời kỳ ấy. Cho nên đôi khi ông chỉ cần viết vài dòng về gia cảnh của mình là cũng dấy lên trong lòng người đọc những xúc động về một quá khứ đau thương chia lìa cũ.

Ngoài đời sống và kỷ niệm, nhật ký còn có phần nhận định chính trị của một ngòi bút cán bộ, cho nên ngày nay chúng ta nên đọc nhật ký này như thế nào? Tất cả những gì tác giả ghi trong nhật ký đều có thể tiếp thu mà không cần suy nghĩ chằng?

Chắc chắn là không. Mà không chỉ riêng đối với nhật ký Nguyễn Huy Tưởng, đối với những cuốn sách khác cũng vậy. Mỗi tác phẩm đòi hỏi độc giả một cách tiếp nhận. Để có thể hiểu những thông tin trong nhật ký Nguyễn Huy Tưởng mà không bị lôi cuốn vào những mê chấp do điều kiện lịch sử mà nhật ký này được viết ra, chúng ta phải tìm được một cách đọc sáng suốt và thích hợp.

Lấy ví dụ một số trích đoạn ghi ngày 11/7/1954: *"Qua phố Hàng Lọng, không gặp bố mẹ vợ. Tới nhà cũ, mang máng là nhà ông bà nhạc, người ta đang sửa. Hỏi, một người đàn ông nói đây nhà người ta đi Nam rồi (...)* Việc buôn bán càng ngày càng khó khăn. Đồng bào mừng được độc lập, vui vẻ về tinh thần, nhưng không buôn bán làm ăn được. Nhiều người vào Nam. Tây đen vào Nam. Bọn phản động xé khẩu hiệu, tung dư luận Mỹ sẽ chiếm lại Bắc bộ (...)" *Thành phố vội dân. Người đi Nam, người về nhà quê. Giời hiu hiu, mọi năm, mùa này quần áo tha thướt, nay loáng thoáng. Phản động tuyên truyền thuốc độc. Chợ giời không bán được. Kiếm được vài trăm rất chật vật. Không biết chính phủ có chương trình gì để giải quyết cho chúng (...)* *Rạp cải lương: Kim Xuân đông khách. Trần Việt Long dự định về. Lạc Việt vắng khách, xin hiến cho chính phủ. Đối phương công khai cưỡng ép di dân ở Phát Diệm, bắn giết lòng cán bộ ở miền Nam. Bấy nhiêu việc, không biết gì hết, chúi vào Hà Nội.*(trích Nhật ký, tập 3, các trang 15, 16, 17).

Trích đoạn trên đây cho biết tình hình Hà Nội lúc bấy giờ, những tin tức như: người dân mừng được độc lập, nhưng Hà Nội vắng đi, đời sống chật vật thêm, bớt áo quần tha thướt, người đi Nam, người về quê, cải lương Kim Xuân đông khách... v.v... có thể tiếp nhận như những thông tin trung thực, bởi tác giả đứng ngoài cuộc, ghi lại những nhận xét khách quan của mình.

Trái lại, với những câu: *Bọn phản động xé khẩu hiệu, tung dư luận Mỹ sẽ chiếm lại Bắc bộ/ Phản động tuyên truyền thuốc độc /Đối phương công khai cưỡng ép di dân ở Phát Diệm, bắn giết lòng cán bộ ở miền Nam*, tác giả không còn là nhân chứng khách quan nữa, mà ông đã đứng về một phía, phía chính quyền miền Bắc, hoặc rõ hơn, ông đã ghi lại thông tin tiếp nhận từ báo chí hoặc đài phát thanh Hà Nội. Ông dùng ngôn ngữ chính thống, với những nhận xét chủ quan ta-địch, ghi lại những dữ kiện *ông chưa kiểm chứng được*. Với loại thông tin gián tiếp này, chúng ta nên thận trọng: những gì mà chính quyền miền Bắc coi là phản động như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Ngô Đình Diệm, ... đối với một độc giả khách quan ngày nay, không bị chủ nghĩa ta-địch chi phối, đã trở thành vô nghĩa; bởi: Một là dưới cái nhìn khách quan và dân chủ, không ai gọi đối phương hay đối lập là phản động. Hai là, về những tin tức như "phản động tuyên truyền thuốc độc", "đối phương công khai cưỡng ép di dân ở Phát Diệm", "bắn giết lòng cán bộ ở miền Nam", chính tác giả đã phủ nhận nó khi ông viết: "không biết gì hết, chúi vào Hà nội". Và thứ ba, về logique: Phát Diệm là vùng công giáo, mà giáo dân thì tự động họ di cư, chẳng cần phải cưỡng bách. Ngoài ra, ai dám xác định rằng trong Nam người ta bắn giết lòng cán bộ, ngay từ 1954?

Nói chung, với những *tin tức ở phía Bắc về tình hình trong Nam và ở trong Nam về tình hình ngoài Bắc*, trong suốt thời kỳ chia đôi đất nước, từ hai phía chính quyền tung ra, chúng ta đều phải đọc một cách rất thận trọng, tìm cách kiểm chứng lại; nếu không, sẽ bị rơi vào lưới tuyên truyền của chính phủ hai miền. Họ lấy hận thù làm phương pháp sách động quần chúng, lôi dân tộc vào một cuộc chiến tương tàn. Vì vậy, để thoát khỏi cái nhìn chủ quan, một chiều trong quan hệ ta-địch của thời ấy, trước hết, chúng ta phải đọc sách trong một tinh thần vô tư không thành kiến.

### **Giá trị lịch sử, xã hội và nhân văn trong nhật ký**

Khi đã giữ được khoảng cách cần thiết với những thông tin thời sự chính trị, chúng ta có thể đọc lại trích đoạn trên đây trên một tầm mức khác: Tác giả cho ta thấy lại khung cảnh Hà Nội những ngày lịch sử bằng cách xen lẫn tình hình thời sự và tâm trạng con người. Lối tạp ghi báo chí, nói trống không, nêu những sự kiện mà không bàn, làm nổi bật tính khách quan, khiến người đọc tin vào tính xác thực của thông tin. Ngay cả những tin chính trị đáng ngờ mà chúng ta vừa phân tích ở trên, khi ghi lại trong nhật ký, *người viết đã hoàn toàn tin tưởng như thế* vì ông viết không phải cho người khác đọc mà cho mình, viết để giúp trí nhớ tồn tại. Vì vậy chúng ta có thể hiểu tại sao, người Việt Nam ở hai miền, trong thời điểm đó, đã có thể tin vào những thông tin thất thiệt như vậy, để cầm súng đánh nhau.

Mục đích của nhật ký là giúp trí nhớ tồn tại, ghi lại những xúc động tại chỗ, không màu mè son phấn, chỉ toàn các dữ kiện: *"Qua phố Hàng Lọng, không gặp bố mẹ vợ. Tới nhà cũ, mang máng là nhà ông bà nhạc, người ta đang sửa. Hồi, một người đàn ông nói đây nhà người ta đi Nam rồi"*. Tính cách dữ kiện làm chìm đi, chết đi, chôn vùi nỗi xúc động âm thầm của kẻ đi kháng chiến: tưởng chín năm hy sinh gian khổ sẽ được bù đắp bằng niềm vui giải phóng thủ đô, gặp lại gia đình, nhưng người thân đã bỏ đi. Lý do đơn giản: ông nhạc là tri phủ, nếu ở lại sẽ bị đầu tố. Tất cả những nỗi niềm này, tác giả không viết ra, nhưng chúng âm thầm sống trong chữ, dưới chữ, ngoài chữ, và một lần người viết đã viết ra, và người đọc đã đọc được, nó lại nổi lên, dày vò ám ảnh, như hồn vua cha theo Hamlet trong mọi ngõ ngách thâm u của tâm hồn. Theo cách nói của Sartre, người đọc đánh thức những con chữ bị bỏ quên đã lâu ngủ im trên trang giấy. Sự *bỏ đi* của ông bà nhạc trên sân bay Gia Lâm Hà Nội 1954, sẽ được lập lại trong những điều kiện kinh hoàng gấp ngàn lần trên bãi biển Đà Nẵng, mười một năm sau. Tất cả tính chất bi đát của chiến tranh, của hoàn cảnh lịch sử Nam Bắc, nằm trong lời ghi ngắn gọn đó: bởi chiến tranh (tất cả các thể loại chiến tranh kể cả chiến tranh cứu nước, chiến tranh giải phóng) chưa bao giờ là giải pháp lý tưởng. Sự tương phản, đối chất, luôn luôn dày vò con người, và chính tính tương phản đã tạo nên bi tráng kịch. Văn nghệ cách mạng chủ trương triệt tiêu một vé của bi tráng kịch, chỉ thể hiện phần chiến thắng, phân tích cực, và loại những kẻ đã bỏ đi: anh hùng cách mạng vì không có đối trọng, trở nên nhạt nhẽo, máy móc, phồng đá. Nguyễn Huy Tưởng đã bước lên trên hùng tính cách mạng, kể cả trong nhật ký, để ghi lại những đau xót, trần trụi, *to be or not to be* của con người.

Ngày 5/8/1956: Nguyễn Huy Tưởng viết: *"Người ta sợ. Trai gái không ai dám khoác tay nhau. Không ai dám diện. Không ai dám mua tranh (...) Hiện nay phong trào tố khổ lên cao, có nơi tố khổ cán bộ như đấu"*.

Ngày 5/9/1956 Nguyễn Huy Tưởng ghi: *"Đốt tay người bị tra. Nhục hình tàn khốc. Bắt anh đấu em, vợ đấu chồng, con đấu bố, bạn đấu bạn. Kích diện tích, sản lượng lên. Một thứ vô nhân đạo kinh khủng, tạo nên một thứ căm hờn giả tạo nguy hiểm. Văn Cao nói: Không gì sợ bằng thằng đốt nắm chính quyền"*.

Ngày 11/9/1956: *"Đại biểu khu phố Hà Nội là một con sen. Đi vận động các nhà làm sao được. Than ôi! Thành phần chủ nghĩa, cứ nhắm mắt mà làm"*

Ngày 19/9/1956: *"Rất buồn cho cái lối tuyên truyền láo toét của mình. Lên báo cáo với bộ chính trị về tình nhóm Nhân Văn. Gặp Bác. Nghe thảo luận của bộ chính trị. Bác ngồi chủ tọa. Ngày 23/9/1956: "Gặp Nguyễn Hữu Đang. Giữa lúc gay go. Đang nói Nhân Văn là con bài cuối cùng (...)*

*Vấn đề của Đang, một trí thức tiểu tư sản khi vào đảng là muốn đem trí tuệ của mình phục vụ, đóng góp cho đảng, không phải là vấn đề thừa hành một cách ngoan ngoãn. Muốn bảo vệ chế độ này, phải phát huy dân chủ, làm cho đảng liên hệ mật thiết với quần chúng. Ngày 24/10/1956: "Ta muốn duyệt lại các tác phẩm cổ điển. Muốn duyệt lại đường lối chính sách cải cách ruộng đất. Muốn duyệt và có khuynh hướng bỏ công việc. Phủ nhận tác dụng của chính huấn: nguồn gốc sai lầm trong cải cách ruộng đất"*. Ngày 28/10/56: *"Qua hồ Gươm, bản quá, mùi khai, bùn. Xơ xác. Mất cả vẻ mỹ quan của Hồ Gươm (...)*

*Đồng bào miền Nam ăn mặc lam*

*lũ. Người bỗng con, người túm năm túm ba, người đứng một mình ngơ ngác(...) Ôi! Những nét mặt thân yêu, đau khổ, của những kẻ xa cha mẹ, vợ con, hàng xóm! (...) người như bị cắt khúc làm đôi.* Ngày 6/11/56: *Một điều chua xót: Ta nói dối. Chế độ dầy nông dân nói dối*". Ngày 10/11/56: *"Chiều gió lộng. Đến thăm Nguyễn Xuân Khoát. Trên gác ba. Hai buồng, một lớn, một nhỏ. Nước, vệ sinh dưới nhà. Ngoài 2 đứa con, còn người em vợ mới được gọi ra để cho đi học: nhà bị quy là địa chủ, không có gì ăn (...) Thương bạn. Nghề sĩ nghèo quá, nghèo mà lại không sáng tác được. Chế độ thực là phí các nhân tài.* Ngày 1/12/56: *"Cái độc đoán về tư tưởng thật là ngọt ngào. Cái danh từ vì Đảng, vì Dân đã phạm bao nhiêu tội lỗi"*. Ngày 9/12/56: *"Viết thư cho ông Trường Chinh phản đối biện pháp đối với Nhân Văn. Chẳng biết ông ấy nghĩ sao!"*. Ngày 11/12/56: *"Nghĩ thương anh em Nhân Văn, thương Đăng, Lê Đạt, Hoàng Cầm, v.v..."* 13/12/56: *"Gặp đồng chí T.C. Khi mình nói không nên có thành kiến với Nguyễn Hữu Đăng, thì thiếu bình tĩnh ngay. Rồi quay ra vạch: Sao anh chỉ trách Đảng mà không trách bọn họ?"* Ngày 14/12/56: *"Anh em nghe nói Nhân Văn không ra nữa! Buồn. Người dân Hà Nội cũng buồn. Hoàng Lập Ngôn nói: Thôi thế là lại: thứ nhất ngồi lý, thứ nhì đồng ý!"* 20/6/58: *Muốn viết một kịch về "Nhân Văn"*.

Nhật ký khép lại ở thời kỳ bán lẻ: năm 60, nhà văn mất. Chưa kịp viết kịch về Nhân Văn. Chính quyền miền Bắc vừa dẹp xong Nhân Văn và cả hai bên Nam Bắc đang dồn lực lượng vào trận chiến kéo dài 15 năm. Nguyễn Huy Tưởng, người suốt đời vận động cho cuộc sống, đã phải nhìn thấy cảnh huynh đệ tương tàn.

Ngay từ 18 tuổi, Nguyễn Huy Tưởng đã có ý thức xét tự mình và muốn xây dựng sự nghiệp văn chương. Ông cho rằng: viết văn quốc ngữ là để tỏ lòng yêu nước và là phận sự của một người tầm thường như ông. Như vậy quan niệm văn chương của Nguyễn Huy Tưởng gắn bó với quan niệm yêu nước. Và lòng yêu nước ở ông, được nung đúc từ những vị anh hùng trong lịch sử mà hai khuôn mặt tiêu biểu là Trưng Vương và Hưng Đạo. Để dựng lại những chân dung anh hùng, Nguyễn Huy Tưởng đã tiếp cận kỹ thuật sáng tạo sử thi Hy Lạp, nhưng Homère không phải là nguồn duy nhất, còn một nguồn khác, ảnh hưởng Đông phương, mà ông tiếp thu qua sách vở chữ Hán. Người thanh niên này đọc nhiều sách Tây phương, ảnh hưởng những tư tưởng dân chủ của thời kỳ ánh sáng. Những thanh niên có học thời ấy thường rất Âu hoá: đọc sách Tây, nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp, nhật ký có đoạn viết tiếng Tây. Lan Khai, Khái Hưng là hai nhà văn mà ông mơ ước đều là những tiểu thuyết gia lịch sử nổi tiếng.

Về khuynh hướng chính trị, ông xác định trong nhật ký ngày 20/6/38: *"Tôi chán với cái thuyết thế giới đại đồng. Tôi không muốn trông xa, tôi không ước vọng gì cả: tất cả mục đích của tôi chỉ gồm trong hai chữ: quốc gia. Tôi chỉ biết có nước Việt Nam, có một góc đất ở hoàn cầu nó đau khổ và chỉ biết làm thế nào cho nó được giải phóng mà thôi. Tôi hoàn toàn theo chủ nghĩa quốc gia"*. Vẫn trong nhật ký, có chỗ ông ghi là có đọc Mác mà không thích. Một chỗ khác: đọc Gide giới thiệu Nietzsche, say mê tư tưởng của triết gia này. Ngày 20/10/38: *"Tôi cảm phục nhà triết học thâm trầm ấy, ngạo mạn ấy. Cái người đã ca tụng sự sống một cách thiết tha, cái người đã khuyên ta nên sống một đời mãnh liệt, can đảm, mạo hiểm, không biết sợ là gì"*.

Trong tác phẩm, Nguyễn Huy Tưởng đã *ca tụng sự sống một cách thiết tha*, và khi bênh vực nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, dường như ông đã *không biết sợ là gì*. Khi cáo án từ quan sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm, ông không bị chính quyền sách nhiễu. Đó là phong cách Nguyễn Huy Tưởng. Khác với Nguyễn Tuân, một nhà văn biết sợ. Câu nói nổi tiếng của Nguyễn Tuân trở thành phương châm cho một thế hệ văn nghệ sĩ biết sợ để sống còn, cho đến nay họ vẫn còn trích, trưng lời Nguyễn Tuân để biện hộ cho sự nhát sợ của chính mình. Đó là lý do giải thích cao trào bôi bút trong thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm và giải đáp câu hỏi tại sao trong hơn nửa thế kỷ qua, miền Bắc giữ gần trọn bộ nhân tài của đất nước mà không làm nên được một nền văn học đích thực: bởi dường như hầu hết đều đã và còn đang biết sợ.

Nguyễn Huy Tưởng trở thành mẫu mực duy nhất của người trí thức cộng sản không biết sợ dưới chế độ cộng sản.

## Những người ở lại

Tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng hoà hợp hai yếu tố: tinh thần yêu nước và tình yêu sự sống, cùng phát xuất từ chữ yêu nhưng đối lập và bổ xung cho nhau để giữ thế quân bình. Nếu chỉ yêu nước mà không yêu sự sống, sẽ dẫn đến mù quáng, đến thái độ cực đoan, điều hâu, chủ chiến: sẵn sàng hy sinh sự sống của mình và của người khác nhân danh tổ quốc. Nhưng nếu chỉ thích sống mà không màng đến số mệnh của dân tộc, con người trở nên ích kỷ, tham sống, sợ chết, thành kẻ nô lệ. Giành độc lập cho quê hương bằng giải pháp hoà bình, Gandhi đã hoà hợp tình yêu nước và tình yêu sự sống.

Nhật ký 17/1/32: "*Tôi chỉ hiểu một chữ: là chữ yêu. Tôi không muốn thù ghét*". Yếu tố tình yêu bao trùm tình yêu nước lẫn tình yêu sự sống của ông đối chất với hệ *căm thù* chính thống đã làm cho tác phẩm của ông đứng vững đến ngày nay. Khác với những tác phẩm cùng thời, viết theo quan niệm phân chia giai cấp, ta-địch, gây chia rẽ, hận thù giữa người trong nước, giữa người với người, tác phẩm của ông - dù viết về chiến tranh Việt - Hoa dưới thời nhà Trần, như *Đêm hội long tri*, *An tư* hoặc về chiến tranh Việt - Pháp như *Những người ở lại*, *Sống mãi với thủ đô* - luôn luôn giữ thế quân bình, nhân bản: không hạ bệ quân thù, không coi đối phương như những kẻ bạo tàn, như loài vật, mà tôn trọng con người, nhìn đối phương như một khách thể. Phô bày những phức tạp của chiến tranh, những tàn mạt của con người trong trận chiến, đưa ra những giải pháp khác, ngoài biện pháp chiến tranh, ông muốn tránh chém giết, nhìn nhận trách nhiệm của dân tộc trong thái độ chủ chiến, chứ không đổ riệt lỗi cho quân thù, không kéo dân tộc vào một cuộc hận thù khác, bằng cách gây căm phẫn giữa người với người.

Kịch *Những người ở lại* và tiểu thuyết *Sống mãi với thủ đô* viết về giai đoạn then chốt của cuộc kháng chiến chống Pháp xảy ra trong tháng 12/46, thời điểm gay go nhất, trước khi nổ súng.

Theo Đoàn Thêm, trong cuốn "*Hai mươi năm qua 1945-1965, việc từng ngày*", diễn biến lịch sử đã xảy ra như sau: 3/12/46: *Lính Nhảy dù mũ đỏ của Pháp phá phách, giật cờ, xé ảnh ở phòng thông tin Hà Nội.* 7/12: *Võ Nguyên Giáp ra lệnh chuẩn bị tấn công.* 8/12: *Các đoàn thể Việt Minh kêu gọi dân chúng đoàn kết ủng hộ chính phủ, chuẩn bị kháng chiến, đào hầm đục tường xuyên nhà nọ nhà kia, tản cư khỏi các thành phố...* 10/12: *Dân chúng Hà Nội đã bắt đầu tản cư khá nhiều về các vùng ngoại ô. Hàng ngày có nhiều tin đồn: đánh máy Pháp kiều ở khu phố này, giết máy lính Pháp ở khu phố khác. Các công sở được lệnh thu xếp hồ sơ, dụng cụ để đem đi các nơi an toàn.* 17/12: *Tự vệ khu Quan Thánh Hà Nội giết vài lính Pháp. Pháp phản công, bắn phá ở đường Hàng Bún, chết 17 thường dân Việt.* 18/12: *Hoàng Hữu Nam, Thứ trưởng Nội vụ, họp công chức tại Bắc Bộ phủ, cho chỉ thị tản cư, phòng gian, liên lạc với các cơ quan sau khi ra khỏi Hà Nội. Tự vệ và lính Pháp bắn nhau gần chợ Đồng Xuân, một số chết và bị thương.* 19/12: *Bộ Tư Lệnh Pháp gửi thư cho Hoàng Hữu Nam, phản đối về thái độ của Tự Vệ, đòi chấm dứt mọi sự bạo động, dẹp bỏ các chướng ngại vật đặt ở nhiều đầu đường, v.v... Hoàng Hữu Nam trả lời sẽ trừ liệu các biện pháp cần thiết để giải quyết mọi vụ xung đột. Vào khoảng 20 giờ, nhà máy điện bị phá, điện tắt và súng nổ tại Hà Nội.*

*Trong đêm nay, ở khắp các nơi có quân đội Pháp đóng, cuộc giao tranh bắt đầu. Hồ Chí Minh và một số cơ quan trọng yếu lánh vào tỉnh lỵ Hà Đông và các vùng phụ cận như Chùa Trầm.* (Trích Đoàn Thêm, "Hai mươi năm qua, 1945-1964, việc từng ngày" xuất bản tại Sài Gòn).

Tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng xoáy vào những ngày lịch sử ấy. *Những người ở lại* dựng trên một bi kịch gia đình. *Sống mãi với thủ đô* vẽ nên toàn cảnh Hà Nội trong những ngày sửa soạn chiến tranh. Trong nhật ký ngày 22/7/56, Nguyễn Huy Tưởng cho biết: ông dự tính viết một cuốn tiểu thuyết về cuộc kháng chiến, chia làm ba giai đoạn: Từ chiến đấu Liên khu I đến Việt Bắc 47. Từ Việt Bắc 47 đến Biên giới. Và từ Biên giới đến Điện Biên Phủ. Nhưng ông mới chỉ viết được cuốn đầu tiên thì mất.

Kịch *Những người ở lại*, đặt trọng tâm trên sự đối chất giữa hai cha con: bác sĩ Thành và Sơn. Bác sĩ Thành là một trí thức tiếng tăm đã từng ở trong chính phủ Trần Trọng Kim. Sơn con trai ông, vì hoàn cảnh gia đình (cha mẹ bỏ nhau) đã từ cha, không gọi ông là bố. Sơn làm công

nhân, theo Việt Minh, vào Tự vệ. Trong giây phút nghiêm trọng của Hà Nội trước khi nổ súng, Sơn được "tổ chức" gửi về để thuyết phục Bác sĩ Thành ra hậu phương theo kháng chiến. Bác sĩ Thành tin là mình có một vị thế đặc biệt đối với Pháp và với quốc dân, ông muốn ở lại trong thành, giữ vị trí trung gian để điều đình với Pháp.

Kịch bản trình bày hai khuynh hướng chính trị đối lập nhau qua lời đối thoại giữa hai cha con Bác sĩ Thành và Sơn:

*Bác sĩ Thành: "Cái làm lẫn là ký hiệp định sơ bộ mong sáu tháng ba"*

*Sơn: "Thưa ông, nó đã cứu sống nước ta thì đúng hơn"*

*Bác sĩ Thành (cười nhạt) : Mất thủ đô!*

*Sơn: Con tưởng mất thủ đô mà giữ được nước thì mất hai ba thủ đô cũng được. Con xin ông trở lại vấn đề*

*Bác sĩ Thành: Về việc tôi rời Hà Nội!*

*Sơn: Vâng*

*Bác sĩ Thành: Nhiều người đã bảo tôi ra*

*Sơn: Con biết lắm. Không những chính phủ, các bạn hữu, mà toàn thể dân tộc đang mong mỗi thế. Riêng một cử chỉ ra cũng làm cho mọi người nức lòng rồi.*

*Bác sĩ Thành, hoài nghi: Tôi không tin*

*Sơn: Đó là một ảnh hưởng tinh thần rất lớn*

*Bác sĩ Thành: Anh cũng nói đến tinh thần?*

*Sơn: Vâng*

*Bác sĩ Thành: Tôi tưởng anh là một người theo chủ nghĩa duy vật*

*Sơn: Vâng, nhưng lúc này không phải là lúc thảo luận về lý thuyết. Việc cứu nước cần hơn.*

*Người Việt Nam bây giờ chỉ có một chủ nghĩa là cứu nước. (...)*

*Bác sĩ Thành trầm ngâm: Yêu nước không phải cứ tranh đấu bằng gươm súng. Làm cho nền khoa học rục rở cũng là yêu nước. Tôi chọn con đường ấy."*

(trích Nguyễn Huy Tưởng tác phẩm chọn lọc, nxb Hội Nhà văn, 1994, trang 577-578).

Kịch bản đề cao giải pháp điều đình. Bác sĩ Thành nói với con gái: "*Cậu tin rằng bây giờ điều đình lợi hơn kháng chiến. Pháp nó cũng không muốn kéo dài chiến tranh đâu. Nhưng Cụ Hồ đứng ra điều đình thì không được, vì bọn Pháp nhiều amour propre lắm. Cậu tin rằng cậu có thể làm việc ấy. Cậu quen nhiều Pháp, cậu là người trung lập, chỉ biết yêu nước thôi, không theo chủ nghĩa nào, thứ ba nữa là cậu cũng có ít nhiều uy tín đối với quốc dân*". (sđd, trang 704).

Người đọc tìm thấy ở bác sĩ Thành, hình ảnh của một người trí thức quốc gia, muốn ở lại Hà Nội, để làm nhịp cầu thương thảo Pháp-Việt. Bác sĩ Thành có thể là một Hoàng Xuân Hãn, một Phan Anh hay một Vũ Văn Hiến, qua cách phân tích, suy luận và xử trí với tình hình đất nước. Họ biết vị trí và uy tín của họ đối với giới trí thức, trọng lực của họ đối với Pháp. Yêu nước, nhưng không theo cộng sản, họ băn khoăn, suy tính, tìm cách hành động theo con đường riêng của mình.

*Những người ở lại*, không những nói lên tính cách đối lập mà còn biện hộ cho những lập trường đối lập, những lập trường chống/tránh chiến tranh, không coi chiến tranh là con đường duy nhất để giải quyết các vấn đề của đất nước.

Bên cạnh bác sĩ Thành là những thanh niên trẻ theo kháng chiến trong nghĩa lãng mạn nhất, khía cạnh mà Nguyễn Tường Bách đã mô tả những thanh niên Quốc dân đảng trong hồi ký "*Việt Nam những ngày lịch sử*", khía cạnh mà Phạm Duy, Văn Cao và các nhạc sĩ tiền chiến đưa vào ca khúc: theo kháng chiến vì cảnh quyền rũ của núi rừng, vì tiếng suối reo, vì giọng ca sơn nữ. Đi biểu tình như thầy hội. Không ai thực sự ý thức được những chết chóc đợi chờ. *Những người ở lại* viết về khoảng thời gian lơ lửng trên cao ấy, góc trời mơ mộng của thanh niên về kháng chiến, trước thực tế chiến tranh, phũ phàng và tàn bạo.

Tâm sự của Bác sĩ Thành có thể là tâm sự của một Hoàng Xuân Hãn, hay một Phan Anh, đứng trước sự lựa chọn ở lại trong thành hay ra hậu phương theo kháng chiến. Hoàng Xuân Hãn ở lại, tiếp tục công việc nghiên cứu và để lại những tác phẩm như chúng ta đã biết. Phan Anh ra hậu phương và chúng ta cũng biết con đường ông đi.



Nhưng tâm sự này cũng còn là tâm sự riêng tư của Nguyễn Huy Tưởng. Ông cũng là người theo "chủ nghĩa quốc gia", ông cũng muốn sống để sáng tạo. Suốt đời ông chỉ muốn phụng sự đất nước bằng ngòi bút sáng tạo. Và ông cũng như bác sĩ Thành, bắt buộc dĩ phải theo con đường kháng chiến.

Quyết định nổ súng là một thất bại nặng nề giữa đôi bên Pháp Việt và cũng là thất bại chung của con người khi đã quyết xông vào vòng chiến.

### **Sống mãi với thủ đô**

*Những người ở lại* viết năm 47, in năm 48, gây tranh luận, Nguyễn Huy Tưởng bị phê bình, phải viết bài tự kiểm điểm trên báo Văn Nghệ cuối tháng 12/49. Tuy địa vị văn nghệ của ông không thay đổi, nhưng ông đã phải thay đổi cách sáng tác, viết những tác phẩm như *Anh Sơ đầu quân*, *Ký sự Cao Lạng*, mang tính cách tuyên truyền. *Ký sự Cao Lạng* được giải thưởng văn nghệ 51-52. Nhưng tháng 1/52 không hiểu vì lý do gì, ông lại phải viết một bản tự kiểm thảo. Sang năm 53-54, ông tham gia công tác giảm tô và cải cách ruộng đất, và cũng lại phải viết bài tự kiểm thảo về thời kỳ này.

Sau 54, về Hà Nội, ông viết *Truyện anh Lục*, một tác phẩm tuyên truyền, được giải thưởng văn học 54-55 cùng với tập thơ *Ngôi sao* của Xuân Diệu. Cả hai tác phẩm đã bị Phan Khôi chỉ trích nặng nề trong bài *Phê bình lãnh đạo văn nghệ* in trên *Giai phẩm* mùa thu, tập một. *Truyện anh Lục* dựa trên truyện thật của một gia đình nhưng tác giả đã biến đổi đi cho phù hợp với đòi hỏi của cách mạng. Không ngờ sự hư cấu này lại gây nên thảm họa cho gia đình ấy, khiến Nguyễn Huy Tưởng phải ghi trong nhật ký ngày 6/11/56 như sau: "*Không ngờ hậu quả tai hại thế. Không nên bao giờ viết người thực việc thực cả. Một điều đau xót: Ta nói dối*".

Tất cả những yếu tố trên đây giải thích lý do tại sao khi viết *Sống mãi với thủ đô*, trong lúc vụ án Nhân Văn xảy ra, ông đã chọn *trở lại với văn học đích thực*, giữ khoảng cách với văn chương tuyên truyền, điều có thể gây nguy hiểm cho ông.

Tiểu thuyết *Sống mãi với thủ đô*, khởi viết tháng 7 năm 1957 và viết xong tháng 4 năm 1958, trong thời kỳ gay go nhất của Nhân Văn Giai Phẩm. Viết xong cuốn một, tuy chưa in, nhưng có lẽ ông đã thấy trước là sách có thể gặp khó khăn, cho nên, thay vì viết tiếp cuốn hai, ông ngừng lại để viết truyện phim *Lũy hoa*. *Lũy hoa* được coi như bản sơ thảo toàn bộ *Sống mãi với thủ đô*, "tích cực" hơn với ngày về chiến thắng của Trung đoàn thủ đô, dưới rừng hoa, biển cờ.

Nguyễn Tuân, trong hai bài bạt cho *Lũy hoa* và *Sống mãi với thủ đô*, tin rằng sau khi xong tập đầu *Sống mãi với thủ đô*, Nguyễn Huy Tưởng đã dừng lại để viết chuyện phim *Lũy hoa* theo đơn đặt hàng thương mại (rất có thể chính Nguyễn Huy Tưởng đã nói ra điều ấy để che mắt thế gian). Nhưng ngày nay, chúng ta có thể hiểu một cách khác: tác giả viết *Lũy hoa* theo lối tuyên truyền, phim *Lũy hoa* sẽ ra trước, sẽ là lá chắn, lá bùa hộ mệnh cho tác phẩm *Sống mãi với thủ đô*. *Sống mãi với thủ đô* mới đích thực là *Chiến tranh và hoà bình* của Nguyễn Huy Tưởng, tác phẩm mà ông nung nấu và muốn nó được tồn tại mãi mãi.

Đây là một tiểu thuyết viết về kháng chiến, nhưng không ca ngợi anh hùng, không đề cao kháng chiến. Tác giả nhìn về phía *con người*, mô tả thái độ của mỗi cá nhân khi cuộc chiến bắt đầu: họ đã bị lôi kéo vào cuộc chiến, lạc vào chiến tranh như thế nào, với những lý do, những tâm tư, những phản ứng khác nhau. Đủ mọi *hạng người*: Người theo kháng chiến, người theo Pháp, người quốc gia, người cộng sản, người Việt, người Pháp, kẻ xâm lăng, người cứu nước, kẻ Việt gian, người anh hùng, kẻ tiểu nhân, người quân tử, kẻ hèn nhát, người can đảm, kẻ sống, người chết, v.v... *Mỗi người* có một định mệnh, một tự do trong mỗi quyết định của mình, và chịu hậu quả của sự lựa chọn ấy.

Ngay cái tựa "*Sống mãi với thủ đô*" Nguyễn Huy Tưởng đã loại trừ chữ "*chết*" trong khẩu hiệu "*Sống chết với thủ đô*" được tung ra thời ấy. Dường như chữ chết không có trong ngôn từ và tư tưởng chủ đạo của Nguyễn Huy Tưởng, dù chết vì gì đi chăng nữa. Đây là một đặc điểm khiến ông khác người cùng thời, khác dân tộc ông: trong khi quốc ca quốc kỳ, của cả hai miền

Nam Bắc đều cất tiếng gọi máu, gọi cờ, gọi chết cho tổ quốc. Một nước mà có hai tổ quốc khác nhau. Vậy tổ quốc nào là thật, tổ quốc nào là giả?

Nhà văn đã giữ được khoảng cách với những khái niệm dễ bị trưng dụng ấy. Ông chọn đường sống cho dân tộc, cho con người.

Trong kịch *Vũ Như Tô*, Đan Thiềm hai lần khuyên Vũ Như Tô lựa chọn đường sống, phải sống còn để sáng tác.

Trong *Sống mãi với thủ đô*, Nguyễn Huy Tưởng mở rộng sự sống ra ngoài địa hạt nghệ thuật, đề đến với nhân sinh: "*Con bé sống sót của chiến tranh, trở nên quý giá vô ngần. Mùi thơm của cái chần và mùi sữa hoi hoi như át được mùi tanh tươi của máu và mùi khét của súng đạn đầy trong không khí của cái đêm giá lạnh*" (sđd, trang 296). Một nhân vật của ông đã khen người Pháp biết đầu hàng để bảo toàn Paris văn hoá, Paris lịch sử và Paris con người. Một nhân vật khác cho rằng *kẻ bắn súng khai chiến là kẻ xuẩn ngốc*.

*Sống mãi với thủ đô* không phải là cuốn tiểu thuyết viết về cuộc chiến đấu oanh liệt của Trung đoàn thủ đô những ngày cuối cùng năm 46, như nhiều người lầm tưởng. Ngược lại, trong tác phẩm, người đọc hầu như không thấy sự hiện diện của Trung đoàn thủ đô, mà chỉ thấy những người dân vừa xung vào tự vệ, súng chưa biết cầm, chưa kịp học nạp đạn. Những người tự vệ chưa hề biết đánh nhau, đã phải đơn phương, bảo vệ những chốt điểm, mà bộ đội chính quy đã âm thầm rút khỏi Hà Nội. Một Bắc bộ phủ không người, một hiệu triệu, một truyền đơn, một mệnh lệnh chiến đấu đến từ xa, từ những người vắng mặt.

Hà Nội bỏ ngõ, hầu như không có người chỉ huy, không thấy người chỉ huy. Hà Nội không hào hùng, như trong các bài hát, mà lầm lũi trong u tối, lo sợ. Hà Nội đấng cay, tủi nhục. Hà Nội lam lũ tản cư. Hà Nội hôi của. Hà Nội chém chóc. Hà Nội tự vệ ô hợp. Hà Nội không biết đánh nhau. Hà Nội không có súng ống. Hà Nội không biết bắn súng. Hà Nội được lệnh đào hầm. Hà Nội loạng choạng trong đạn lạc. Hà Nội đem con bỏ chợ. Con gái Hà thành đi cứu thương: "*Các chị bảo học tiêm thì tay Lan run bắn. Nó bắn vào chợ. Lan chết khiếp đi*" (trang 167). Con trai cũng không khá hơn: "*Mấy tay công tử phát phơ ấy, đi đào hố một tí đã xin về về tắm rửa, bắt đầy tờ xoa bóp*" (trang 175). Tình hình Hà Nội: "*Toàn Liên khu một, chúng ta không đầy một trăm đồng chí. Vào dân chúng? Thì Hà Nội là đất của tiểu tư sản, bấp bênh và quay quắt, cách mạng lên thì nó ào ào đi, cách mạng xuống thì nó quay lưng lại, Pháp cũng theo, Nhật cũng theo, và nếu Mỹ vào thì cũng đi với Mỹ*" (trang 181).

Vậy mà Hà Nội đã tuyên chiến. Tiếng ông bí thư: "*Các đồng chí, tám giờ tối hôm nay, trước cái hạn tối hậu thư, thủ đô sẽ nổ tiếng súng đầu tiên của kháng chiến*" (trang 193).

Hàng trăm bộ mặt khác nhau của người Hà Nội, được phác hoạ như thế. Nhưng có thể nhận diện được bóng hình Nguyễn Huy Tưởng qua nhân vật Trần Văn.

Trần Văn, dạy học, "*anh chỉ là một kẻ bị trôi theo thời cuộc*" (trang 22). Anh không muốn học trò anh xông vào kháng chiến vì trong thâm tâm: "*Anh chợt thấy bất nhẫn không muốn để cho những người đang tuổi đi học kia phải xếp quyền võ lại để cầm một thứ vũ khí nào đó*" (trang 21) và "*Tự đáy lòng anh, anh ghét chiến tranh, ghét cả cái tên của nó*" (trang 23). Nhưng Trần Văn đã tham gia kháng chiến, với tính mẫn cảm, anh dần dần nhận ra những điều khó hiểu chung quanh: "*Trần Văn đứng gác sau cái ụ bao cát sông Hồng, tàn ngàn nhìn theo một tốp người mà anh biết chắc là bộ đội, lặng lẽ rời phố kéo đi. Những cái bóng nhấp nhô không quay lại. Tiếng giầy bước đều, tiếng vũ khí chạm vào người mà cái tĩnh mịch rì rầm và ran ran của chung quanh khuấy động thêm lên. Họ đã đi xa rồi mà những tiếng ấy vẫn còn vọng lại, khẽ dần, khẽ dần và lâu lắm còn lách kích bên tai Trần Văn. Cái thành phố đã vắng và rỗng lấm ròi lại vắng và rỗng thêm, mềm nhẽo hẳn đi, như thân thể một con người không còn xương sống. Một nỗi buồn làm rã người xâm chiếm lòng anh. Bộ đội đi đâu? Anh tự hỏi và đứng ngậy người nhìn ra phía Hàng Gai mà gió lạnh đánh vật vờ mấy mẫu thuốc lá còn cháy vút trên đường*" (trang 211).

Rồi Trần Văn nhìn kỹ hơn vào tâm trạng và tình trạng của chính mình:

"Trần Văn nhìn cái ụ bao cát, do những bàn tay không biết đánh nhau là gì chồng chất lên, mảnh như đồ mã. Mấy cái hố đào bên vỉa hè mà ban đêm anh tưởng là sâu lắm, nay thấy nó nông chòen. Anh rùng mình nghĩ đến những trận đánh. Anh sẽ nấp ở đấy mà ném lựu đạn vào quân Pháp tiến vào. Anh nghĩ đến bài giảng của Văn Việt: "Khi xe tăng giặc đến thì mình phải nhảy ra mà ném chai ét xăng cò rếp, rồi quăng lựu đạn. Dừng cảm hơn, phải lao vào xe, cầm một khúc gỗ đút vào xích xe cho nó bật ra khỏi bánh. Anh vốn chậm chạp, anh không hiểu con người phải nhanh đến như thế nào mới làm được ngần ấy việc trong nháy mắt. Anh lè lưỡi sợ hãi một mình, tưởng như cả cái khối sắt kia sẽ đè lên anh và nghiền nát. (...) Sao những người thiện chiến là bộ đội lại đi? Họ có trở về không? Anh tự nghĩ: Dù sao thì mình cũng chỉ biết được cho mình. Anh đã ở lại. Anh đã chia tay với mẹ. Anh đã bỏ cái nhà ấm cúng, cuộc đời dạy học mà anh thiết tha, công việc nghiên cứu sử anh đã làm trong mấy năm nay. Anh đã viết cái lời thề sống chết. Quen hay không quen, sống hay chết, anh vẫn cứ phải đi vào cuộc chiến đấu" (trang 214).

Vài giờ trước khi đánh nhau, tình cờ Trần Văn được mời dự bữa tiệc của một kẻ lập dị, có lẽ trước viễn tượng cái chết cận kề, anh nhận lời. Bữa tiệc đưa Trần Văn sang vị trí khác hẳn: anh có cảm tưởng như mình bị hất ra ngoài cuộc chiến, và chính anh cũng cảm thấy cái vô lý và vô ích của chiến tranh, anh thấy mình hữu ích hơn trong việc cứu người trực tiếp và anh đã chọn dẫn hai mẹ con người tình cũ, thoát khỏi vòng khói lửa.

Trinh, người tình cũ của Trần Văn, đã bỏ anh để lấy chồng giàu, quen cuộc đời xa hoa đài các, khinh bỉ kháng chiến. Khi súng nổ, chồng Trinh đang sửa soạn đưa gia đình đi Pháp thì bị chết. Trinh ngỡ ngác như đứa bé lạc mẹ, lang thang trong thành phố với người vú ẵm con cho nàng, người vú trúng đạn chết. Trinh rũ ra như chiếc lá, nàng chịu hậu quả tàn ác của chiến tranh mà không hiểu gì cả.

Những hoàn cảnh khi khô hài, khi bị đất chồng chất lên nhau. Mỗi người là một bị kịch riêng tư, một nỗi lo âu khác biệt, một sự đổi hướng từng giây từng phút. Kẻ theo kháng chiến thuyết phục người đứng ngoài và kẻ ở ngoài phê bình người cầm súng. Kính trọng độc giả, ông không chỉ trước cho biết, ai đắt giá hơn ai, ông giữ khoảng cách với với quan niệm chính tà, ta-địch và ông để độc giả tự nhận thức. Nói khác đi, Nguyễn Huy Tưởng để nhân vật thoát khỏi tay mình, họ có quyền tự do suy nghĩ, tự do phát biểu và hành động độc lập. Nếu dùng chữ của Bakhtine, thì có thể nói *Sống mãi với thủ đô* là một tác phẩm đa âm, theo đúng nghĩa của nó, tức là tác giả không đứng trên lập trường cách mạng để tạo ra nhân vật, cũng không dựa vào sự chủ quan của mình để sáng tác, mà ông giữ vai trò nhạc trưởng điều khiển một bản giao hưởng, trong đó mọi âm giai trầm bổng xen kẽ nhau, tác động lên nhau, trong cảnh đời chìm nổi.

Tác phẩm viết về kháng chiến, ở thời điểm Nhân Văn Giai Phẩm, nhưng không ca tụng kháng chiến mà nói lên cái thất bại của chiến tranh, cái thất bại của sự chủ chiến. Tác phẩm vén màn lên những cay đắng của những người lính tự vệ ngỡ ngác bị bỏ rơi, cầm cuốc xẻng xông vào địch thủ có đội ngũ với vũ khí tân kỳ. Nhà văn soi ánh sáng vào những hành động đáng ngờ của bộ chỉ huy, những quyết định bí mật đảng bộ, gạt những người chiến đấu không có chân trong Đảng ra ngoài. Dường như có chủ trương bí mật để quân tự vệ, không có kinh nghiệm đánh nhau, ở lại đương đầu với Pháp: dùng tự vệ làm lá chắn cho bộ đội chính quy rút lui. Nhà văn soi ánh sáng vào những chỗ đáng ngờ ấy, vào những xác chết Pháp Việt, vào những bức tường đục nhám nhờ, vào số phận bọt bèo của những cụ già, phụ nữ, trẻ thơ chạy loạn, lạc mẹ, lạc nhà. *Sống mãi với thủ đô* tìm hiểu mọi hành động của con người, tìm hiểu mỗi lựa chọn của cá nhân dù hùng hay hèn, dù hay hay dở, phải hay trái, dường như đều có những lý do sâu xa.

Về mặt kỹ thuật Nguyễn Huy Tưởng ghi lại cục diện cuộc chiến trong thành Hà Nội qua những tài liệu chính xác. Cuộc chiến bày ra không có gì là hoành tráng, ở đây là kháng chiến cuộc xẻng, kháng chiến đục tường, chặt cây, tự vệ cầm tử với những phương tiện thô sơ nhất mà lòng người thì không hề hợp nhất: những Diên Hồng, những Bình Than chỉ là ảo ảnh của lịch sử, chỉ có trong trí tưởng tượng của con người. Ở đây, Hà Nội trước giờ nổ súng: "*Hồ gươm*

*nằm rúi rúi trong bóng tối.... Hàng Trống đen như làng xóm trong đêm khuya" (trang 280), "Ở bên hồ bông có mấy tiếng cú kêu buồn thảm tanh tưởi. Lần đầu tiên giữa Hà Nội người ta nghe thấy cái tiếng ghê rợn báo chết này" (trang 291).*

Hà Nội chờ những thói tật của toàn dân: ngay trong những lúc ngặt nghèo nhất, dân Việt vẫn tranh giành thua đủ, tranh nhau vì một cái lỗ trong tường. Tranh giành giữa các lực lượng Vệ quốc quân, Công an và Tự vệ. Tình cảnh này trở lại 19 năm sau, trên bãi biển Đà Nẵng: dày xéo nhau để chiếm chỗ lên tàu. Dân mình đầy tính đố kỵ. Ai cũng muốn cướp lấy độc quyền yêu nước. Cách làm ăn tài tử, luộm thuộm, hiếu kỳ, lộ ra trong mọi trường hợp: *"Tất cả lão nháo bản thân, ngơ ngác gần như chẳng có ai chỉ huy cả và họ cứ đi. Hiếu kỳ nhiều hơn là hăng hái..." (trang 288).* Sự phân chia giai cấp, gây phân hoá trầm trọng trong hàng ngũ những người chiến đấu: *"Không biết tiểu tư sản thì có tội gì? Đi Nam đánh chết thôi cũng tiểu. Xin thêm bộ đội vào đây cũng tiểu. Bảo trung dụng quốc xằng cũng tiểu. Còn cái gì không tiểu nữa."* (trang 75). Lệnh theo dõi những người ngoài Đảng đã mạnh nha. Những thành phần trí thức tiểu tư sản dù có hết lòng cũng chỉ là những kẻ ngoại cuộc, chưa thể tin dùng. Văn Việt, một chiến sĩ, nói: *"Tôi chỉ có 2 tội: tôi là tiểu tư sản và tôi là người ngoài đoàn thể"* (trang 424). Hà Nội trong trận chiến thủ đô chỉ là một chốt mồi, một tọa điểm để Nguyễn Huy Tưởng thu gọn tình hình đất nước và mô tả bản chất người Việt trong chiến tranh chống Pháp: tinh thể ấy và bản chất này là một thực tại. Ông đã gián tiếp giải thích tại sao chúng ta thất bại trong mỗi giao tình giữa người Việt với người Việt. Thông điệp của nhà văn: chúng ta nên sáng suốt hơn, khi nghĩ và viết về dân tộc mình, và phải giữ khoảng cách với những quan niệm điều hâu trong lòng dân tộc. Về những cuộc chiến, kháng chiến hay nội chiến, con người vừa là nạn nhân vừa là thủ phạm. Hiếm hoi là những tác phẩm viết nên được cả hai khía cạnh định mệnh và phi định mệnh ấy. Những nhà văn tầm thường tìm cách minh họa cho một đường lối duy nhất: nếu viết về kháng chiến thì coi người mình là nạn nhân, luôn đứng về phe ta. Rất hiếm nhà văn có thể đạt tới thịt da, cân não của chiến tranh, để tìm hiểu nhân tâm con người. Nguyễn Huy Tưởng là một trong những cây bút đã đạt đến chiều sâu ấy, để biện hộ cho sự sống ông đã không ngại đến gần sự thật tàn khốc, lật ngửa những dối trá của chiến tranh, chạm đến sự thoái hoá của dân tộc. Tác phẩm của ông đã thoát ra khỏi những hào nhoáng của văn bia, văn bài, của lịch sử giản lược và tô hồng.

Paris 3/8/2007

## Phụ đính II :



## Nguyễn Huy Tưởng VS Nguyễn Huy Thắng

Người gác chữ cho chồng  
Nguyễn Huy Thắng

Cụ Trịnh Thị Uyên, người bạn đời của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng đã ra đi ngày 7/3, hưởng thọ 89 tuổi. Sống giản dị, khiêm nhường, nhưng chính cụ đã góp phần quan trọng làm nên sự nghiệp của chồng.

*Dưới đây là bài viết của ông Nguyễn Huy Thắng, trưởng nam của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng và cụ Trịnh Thị Uyên.*

\*\*\*

Những năm chống Mỹ, có thời gian chúng tôi theo cơ quan mẹ sơ tán về một vùng đất Sơn Tây. Mẹ tôi làm ở Nhà xuất bản Văn học, bên cạnh công việc thủ quỹ còn được cơ quan giao thêm việc đếm chữ. Bấy giờ nhuận bút sách tính theo số chữ. Sách ra, có bản in thử, người ta sẽ cho đếm số chữ rồi nhân với mức nhuận bút được trả. Mức cao nhất là A1, khoảng hơn ba lăm đồng một trang tác giả (tức là một nghìn chữ); mức này rất hiếm khi được trả, mà cũng chỉ trả cho các tác giả lớn cấp lãnh tụ, hoặc cho những cuốn sách đặc biệt, cần được tôn vinh (như những cuốn *Từ tuyến đầu Tổ quốc* hoặc *Sống như Anh...*, nếu tôi nhớ không nhầm). Mức tiếp theo, A2, cũng là danh giá lắm, thường chỉ trả cho những tác phẩm thực sự có giá trị về văn học của những nhà văn có “thương hiệu”, đâu như trên ba mươi đồng một trang tác giả. Tiếp đến là mức B1, trên hai mươi đồng, cũng chỉ dành cho những cuốn khá khá một chút, còn mức B2 mới là đại trà, được trả cho những cuốn “thường thường bậc trung”... Tuy thế, dù là mức nào thì vào thời buổi ấy, được in một cuốn ở Nhà xuất bản Văn học cũng là tốt lắm rồi, khi mà các tác giả, tác phẩm thường là phải “xếp hàng” hàng năm mới đến lượt được xuất bản hay tái bản, sau khi đã qua đủ các khâu xét duyệt mà khâu nào cũng đồng nghĩa với hàng tháng trời chờ đợi...

Mùa hè nóng nực, chúng tôi thường chờ tắt nắng một lúc là mấy mẹ con mang chõng, mang ghé ra góc sân gần vườn ngò. Khi ấy trời đã dịu mát và còn đủ sáng để tranh thủ làm một cái gì đó. Tôi thì đọc sách (mẹ tôi làm ở nhà xuất bản, coi như “cửa nhà trông được”). Còn mẹ tôi thì đếm chữ trên một bản in thử vừa mới được chuyển từ Hà Nội xuống. Bà ngồi hơi cúi người, bản in thử để mở trên đùi, một tay cầm bút chì, một tay chiếc quạt giấy. Cả hai tay đều làm việc liên tục. Tay quạt luôn phe phẩy trong khi tay bút liên tục đưa chiếc bút dò trên các hàng chữ, miệng nhẩm lẩm đếm theo. Năm, mười, mười lăm... bà cứ thế đếm từng năm chữ một, cho đến khi tròn một trăm thì dừng tay, gạch một nét mảnh ở sau chữ thứ một trăm đó. Đồng thời gạch thêm một nét ở ngoài lề, đậm hơn. Sau đó, bà sẽ đếm các nét ngoài lề đó, cứ mười nét thì bà lại gạch chéo một cái, để biết là đã được một nghìn chữ, tức là một trang tác giả... Cuối cùng, cộng các gạch chéo sẽ ra con số hàng nghìn, các gạch đậm ngoài lề sau cái gạch chéo cuối cùng sẽ ra con số hàng trăm, và đếm số chữ còn lại sau nét gạch mảnh cuối cùng sẽ ra con số hàng đơn vị. Rồi nhân lên với hệ số trang tác giả, sẽ ra số tiền chính xác đến từng chữ một. Mẹ tôi làm việc đó vô cùng cẩn thận, mỗi khi cảm thấy bị nhầm là đếm lại ngay, kéo “để thiệt cho tác giả”, như bà vẫn nói. Tôi đọc mãi cũng mỏi, thỉnh thoảng ngừng đọc, ngẩng lên, vẫn thấy bà cặm cụi đếm, tôi không khỏi ngạc nhiên vì sự cần mẫn của bà. Đôi khi thấy bà ngừng tay, dướn người ngòai thẳng dậy, vươn vai, vắn người, tôi mới biết bà cũng mỏi. Nhận thấy tôi đang nhìn về dò hỏi, bà quạt vờ sang cho tôi mấy cái, chắc là nghĩ tôi nóng...

Bẵng đi một dạo, tôi không thấy mẹ tôi đếm chữ nữa. Tôi hỏi thì được bà cho biết bây giờ đã có thêm người đếm chữ ở dưới Hà Nội, không phải đưa lên nơi sơ tán nữa. Tôi mừng cho mẹ tôi bớt việc, nhưng lại tiếc thế là không được đọc “ké” các bản in thử nữa; dù chúng có lẫn các nét gạch chì giữa các hàng các chữ, lại chưa được đóng thành tập cho dễ mở để đọc thì cũng còn tốt chán so với không có gì mà đọc!

Nhưng rồi một hôm, tôi lại thấy mẹ tôi đếm chữ. Không phải đếm trên bản in thử, cũng không phải đếm cho một tác giả nào khác, mà chính là đếm cho... cha tôi. Đó là cuốn *Bắc Sơn*, vở kịch nổi tiếng của cha tôi hồi đầu Cách mạng, nay được tái bản. Không phải nói mấy mẹ con chúng tôi vui sướng đến thế nào. Không chỉ niềm vui tinh thần thôi đâu, kèm theo đó sẽ là tiền nhuận bút, tuy không nhiều nhận gì nhưng cũng thật quý báu đối với gia cảnh chúng tôi khi đó.

Thấy mẹ tôi đếm chữ cuốn sách sắp ra trên một bản in cũ gia đình còn giữ được, thoát đầu tôi cứ ngỡ bà sợ người ta đếm thiếu chữ của cha tôi, làm thiệt cho mình. Tôi liền gạt đi, bảo rằng chẳng ai đếm sai đâu, mà nếu có sai có thiếu đôi chút thì cũng cho qua cho nhẹ người. Mẹ tôi không nói gì, nhưng vẫn cặm cụi đếm, thỉnh thoảng lại ngừng tay, dướn người cho đỡ mỏi, quạt mạnh một hồi liền như cho bã cơm nóng... Một tuần, hai tuần, rồi một tháng, hai tháng sau, sách của cha tôi đã ra, gia đình đã nhận được 10 cuốn bản quyền, còn lại là khoản nhuận bút mà cả nhà đều trông mong. Thế rồi cũng đến ngày mẹ tôi được mời lĩnh nhuận bút. Tôi nhớ hôm ấy đi học về, thấy mẹ tôi đang bày bàn thờ bố tôi, bên cạnh nải chuối to và lọ hoa hồng mới cắm, bà đặt cả mấy cuốn sách bản quyền và một tập tiền mà tôi đoán ngay là tiền nhuận bút cuốn sách. Không kìm được, tôi liền hỏi mẹ tôi: “Được bao nhiêu hả mẹ?” Mẹ tôi ngừng tay chỉnh lọ hoa, quay lại tôi nói, vẻ tươi cười nhẹ nhõm như vừa trút được gánh nặng: “Sách bố con được xếp loại A2!”

Bấy giờ tôi mới hiểu ra. Mẹ tôi đếm chữ không phải lo nhuận bút sẽ được bao nhiêu, có bị tính nhầm tính thiếu gì không, mà là để biết sách của chồng mình được xếp loại gì. Nếu bị xếp loại thấp, hẳn bà sẽ buồn lắm, buồn và tủi cho chồng mình. Thật mừng cho chúng tôi, vở kịch *Bắc Sơn* của cha tôi mà khi ra đời từng được đánh giá: “*Bắc Sơn* mở ra một nền kịch mới”, “*Bắc Sơn* xứng đáng là vở kịch cách mạng thành công nhất từ trước tới nay” - đã được xếp loại A2, không phải mức cao nhất trong thang nhuận bút, tất nhiên rồi, nhưng là mức cao nhất có thể cho một tác phẩm văn học không thuộc loại thời sự!

Song không phải bao giờ mẹ tôi cũng được toại nguyện như vậy. Vài năm sau khi cha tôi qua đời, Nhà xuất bản Văn học làm tuyển tập kịch của ông. Đương nhiên trong các tác phẩm được tuyển chọn có vở kịch *Vũ Như Tô*. Vở kịch này của được xuất bản năm 1946, nhưng không in kèm lời *Đề tựa*, mặc dù cha tôi đã viết nó từ năm 1942, khi soạn xong lần đầu. Sau này, khi sách ra, ông mới dán lời *Đề tựa* được đánh máy lại vào một cuốn và mang theo suốt những năm kháng chiến. Được biết về tập sách, mẹ tôi liền giới thiệu lời *Đề tựa* vở kịch với nhà xuất bản và đã được chấp nhận. Như về sau bà kể lại với các con, bà rất thích cái lời đề ấy, đặc biệt câu kết: “Than ôi! Như Tô phải hay những kẻ giết Như Tô phải? Ta chẳng biết. Cầm bút chẳng qua cùng một bệnh với Đan Thiềm”. Thực ra, bà cũng không hiểu lắm ý nghĩa của những lời ấy đâu, nhưng cứ nghĩ một khi chồng mình đã viết ra tất phải có lý do; khi ông còn sống nó chưa được in ra thì nay có điều kiện bà phải làm việc ấy! Vậy nên mẹ tôi đã thật bất ngờ khi gặp nhà văn Nguyễn Tuân, bà có kể lại sự việc thì bác lắc đầu nói: “Ấy chết, sao chị lại đại thế. Bây giờ đâu đã phải lúc làm cái việc ấy”. Quả nhiên, sau khi sách ra, bà để ý người ta thường trích dẫn lời *Đề tựa* vở kịch để phê phán tác giả hơn là khen. Việc này quả đã khiến bà khổ tâm không ít, e rằng có khi mình làm hại chồng mình cũng nên. Bà chỉ thực sự yên tâm khi đến thời Đổi mới, vở kịch *Vũ Như Tô* được nhìn nhận lại, và cùng với nó là cái lời *Đề tựa* mà có người thậm chí còn cho rằng, đó là một phần hữu cơ không thể thiếu của tác phẩm.

Cũng trong mối lo bảo toàn di sản của chồng mình, mỗi khi đi sơ tán mẹ tôi đều mang theo nhật ký của ông trong một chiếc va li nhỏ. Cho đến một lần, Mỹ leo thang ném bom miền Bắc, không khí chiến tranh đặc biệt nghiêm trọng. Mẹ tôi lo ngại mình có bị làm sao thì nhật ký của chồng có thể lọt ra ngoài, trong đó có một số đoạn mà bà cho rằng rất không có lợi cho ông. Bà đành lách khéo đi những đoạn ấy cho được yên tâm. Nhưng như thể không đang tâm hủy bỏ một phần máu thịt của chồng mình, bà lại cất mấy mẫu cất ròi ấy vào giữa những trang bản thảo, giấy tờ khác của cha tôi. Về sau, khi soạn lại các tài liệu của ông, may sao tôi đã tìm được những mẫu ấy và dán lại vào các trang nhật ký. Tôi không chỉ mừng đã bảo toàn được nhật ký của cha, mà còn thật vui khi khoe với mẹ mấy trang nhật ký “châu về Hợp Phố” ấy, và thấy bà nâng niu như đón người thân trở về...

Mẹ tôi vốn không được học nhiều, mới chỉ học đến lớp bốn bỏ túc. Nhưng do đọc nhiều lần các tác phẩm của cha tôi nên bà gần như thuộc lòng nhiều đoạn, nhiều câu. Năm 1972, tiểu thuyết *Sống mãi với Thủ đô* của cha tôi được tái bản. Nhận được sách bản quyền, mẹ tôi tức thì đọc ngay. Cuốn sách in trang trọng, bề thế, có cả ảnh tác giả. Ai nấy đều khen. Mẹ tôi đọc say sưa, mãi miết, vẻ rất hài lòng. Nhưng rồi càng đọc, mẹ tôi càng tỏ vẻ băn khoăn. Đến lúc

đọc xong, gấp cuốn sách lại, mẹ tôi có vẻ thẫn thờ. Tôi còn nhớ như in buổi chiều hôm đó, mẹ tôi gọi tôi lại, chỉ cho hai chỗ đánh dấu. Chỗ đầu ở ngay đầu sách, chỗ thứ hai ở gần cuối sách. Mẹ tôi bảo, như bà nhớ thì ở lần in đầu đoạn cha tôi tả đám đông tản cư ở chương 2 có cảnh một cụ già ốm yếu cõng một đứa cháu quặt quẹo chút khấn đại tang lê bước về phía ga. Còn ở chương 18, đoạn tả dòng suy nghĩ của nhân vật chính Trần Văn trong lúc gác đêm một ngày trước hôm Toàn quốc kháng chiến bùng nổ, có một câu mà bà rất thuộc: "Chiến tranh đang đến, vô lý như một định mệnh". Thế mà nay đọc lại, không thấy hai đoạn ấy đâu cả. Tôi cũng đọc đi đọc lại để kiểm tra, cũng không thấy thật. Tức thì mẹ tôi đến nhà xuất bản nêu thắc mắc. Bà được giải thích rằng bây giờ đang lúc chiến tranh, hai chi tiết đó không có lợi cho bạn đọc, nên biên tập viên đã cắt bỏ. Việc đã rồi, mẹ tôi chỉ còn biết yêu cầu, lần sau những việc như thế các anh phải báo cho tôi biết chứ...

Buổi tối cả nhà ngồi ăn cơm, mẹ tôi kể lại chuyện mà giọng vẫn còn run run xúc động. Rồi bà nói, như tự bảo mình mà cũng như nói với chúng tôi: "Bao giờ in lại, phải bảo người ta lấy lại mấy chỗ ấy mới được".

Điều này, may sao chúng tôi đã thực hiện được sau ngày hòa bình lập lại, khi Nhà xuất bản Văn học làm Tuyển tập và sau đó là Toàn tập của cha tôi!

Đã có nhiều đổi thay diễn ra trong nghề xuất bản. Từ in ti-pô chuyển sang in ốp-xét. Từ sắp chữ chì đến chế bản điện tử. Từ nhuận bút tính theo trang tác giả chuyển sang tính theo giá bìa... Các sách của cha tôi cũng lần lượt được tái bản, nâng cấp, nhiều cuốn thật sang trọng, bề thế. Gia đình chúng tôi cũng có điều kiện ở tốt hơn nên đã lập một góc lưu niệm cha tôi. Ở đó chúng tôi bày những cuốn sách cũ, mới của ông, đương nhiên trong đó có những cuốn bề thế, trang trọng như tôi vừa nói. Nhưng quý nhất trong số đó, đối với gia đình chúng tôi, là cuốn *Bắc Sơn* in năm 1946 được mẹ tôi dùng đếm chữ ngày nào. Quý vì thời điểm xuất bản đã hơn sáu mươi năm đã đành, lại càng quý hơn vì ở đó có các nét bút tích của mẹ tôi. Đặc biệt hơn nữa là cuốn nhật ký có những trang cắt dán như trên đã nói. Một trong những trang ấy đã được gia đình chúng tôi dùng làm phụ bản cho bộ *Nhật ký* của cha tôi mới xuất bản thời gian gần đây. Tất nhiên nó được sao chụp lại nguyên dạng, với vết cắt dán có thể gây khó hiểu cho bạn đọc. Với kỹ thuật vi tính, người ta hoàn toàn có thể "tẩy" cái vết cắt dán ấy đi. Nhưng tôi đã yêu cầu giữ nguyên như một chứng tích về sự lao tâm khổ tứ của mẹ tôi - người gác chữ cho chồng mình...

## Nhà tôi - Kỷ niệm của một thời và mãi mãi Trịnh Thị Uyên



Tôi với nhà tôi lấy nhau là do có sự mối manh giữa hai gia đình. Các cụ tôi đồng ý gả tôi cho nhà tôi là vì nghĩ anh ấy người hiền lành, gia đình tử tế, lấy anh ấy đời tôi sẽ được êm ấm. Không hiểu sao trong họ tôi mọi người vẫn cho rằng con gái họ Trịnh số vất vả, nhất là về đường chồng con. Tôi cũng bằng lòng với quyết định của các cụ tôi, nhưng không phải vì cái ý nghĩ sâu xa ấy. Lần đầu tiên biết anh ấy, tôi đã có cảm tình ngay. Đó là hôm anh ấy theo người cháu gần bằng tuổi cậu đến ra mắt ở nhà tôi. ở trong buồng nhìn ra, tôi thấy anh ấy

người cao lớn, dáng từ tốn, hơi có vẻ ngượng nghịu trong cái vai khó nói của mình. Nhưng chỉ một lát sau, anh ấy đã phá tan được bầu không khí lúng túng giữa những người cùng nói chuyện, chinh phục được thiện cảm của các cụ tôi - và của cả tôi nữa - bằng thái độ thật thà cởi mở, và đặc biệt là nhờ nụ cười rất mực hồn nhiên của mình. Nhìn anh ấy cười rạng rỡ hết cả mặt mày, với hai lúm đồng tiền ẩn hiện hai bên má, đôi lông mày nhướng cao đầy vẻ hồ hởi chân thành, không ai còn có thể giữ thái độ dè dặt với anh ấy. Và tôi đã đặt tất cả lòng tin vào cái nụ cười vừa mới chọt lóe lên của anh ấy.

Lấy anh ấy, ai cũng cho là tôi "tốt số". Nhà tôi có việc làm ổn định ở sở Đoan, người lại đứng đắn, và có chí hướng. Mặc dù anh ấy chưa phải là người nổi danh, nhưng những người thân quen với nhà tôi đều biết anh ấy đang ôm mộng văn chương, thậm chí đã có thơ, văn in ở nơi này nơi khác. Tôi cũng rất mãn nguyện với số phận của mình, sung sướng tận hưởng tuần trăng mật với người chồng yêu kính mà không mấy may nhờ vực hạnh phúc của mình. Ai ngờ chưa đầy một tháng sau khi cưới, chúng tôi chỉ vừa mới quen hơi bén tiếng nhau thì có tin anh ấy bị đổi xuống Hải Phòng. Tôi choáng váng cả người, suốt mấy ngày liền chỉ những nước mắt lưng tròng, cứ nghĩ tới cảnh nay mai phải sống xa anh ấy là lại khóc nức lên như con trẻ. Bất giác tôi nhớ tới lời mọi người trong nhà vẫn nói là con gái họ Trịnh số vất vả. Vừa than thân trách phận, tôi vừa thương thay cho nhà tôi, chẳng hay vì lấy tôi mà phải chịu lấy cái số vất vả, không chừng bị đẩy đi một nơi xa lạ.

Cuộc sống chồng một nơi, vợ một nẻo của chúng tôi bắt đầu từ đây. Chúng tôi quyết định với nhau là trước mắt nhà tôi xuống ở với người chị gái ở Hải Phòng, còn tôi hằng ở lại Hà Nội với các cụ tôi. Khi nào dành dụm đủ tiền anh ấy sẽ thuê một căn buồng nhỏ và tôi xuống ở hẳn với nhà tôi. Cho tới khi đó, sự sum họp giữa chúng tôi, rút lại trông chờ vào những ngày nghỉ anh ấy về thăm tôi, hoặc thỉnh thoảng tôi xuống sống dăm bữa nửa tháng cùng anh ấy ở nhà người chị gái, hoặc, trở trêu thay, khi một trong hai chúng tôi có người ốm, cần có sự chăm sóc, nâng đỡ của người kia. Một lần, được tin nhà tôi ốm, tôi tức tốc đi ngay chuyến tàu đầu tiên xuống với anh ấy. Tại một ga xếp nọ, trong lúc chờ đợi để tránh tàu, tôi đang ngồi cầu trời khẩn phật cho nhà tôi chóng qua khỏi thì như thấy hút bóng anh ấy trên chuyến tàu đối diện chạy vụt qua. Tôi nghĩ là vì mình cứ quá lo nghĩ về anh ấy mà tưởng tượng ra thế, nhưng cũng không khỏi băn khoăn. Biết đâu lại chẳng là anh ấy thật. Và tôi đã đánh liều "đặt cược" với mình thế này. Nếu không phải là anh ấy đang đi ngược chiều với tôi, thì chúng tôi sẽ sớm được đoàn tụ với nhau mãi mãi. Còn nếu quả là anh ấy thật, thì đây là điềm báo trước duyên phận của chúng tôi rồi đây còn gặp nhiều long đong, lận đận. Càng gần đến Hải Phòng, tôi càng nóng ruột, linh tính như mách bảo tôi sẽ không gặp được anh ấy. Quả nhiên đến nơi, người chị gái cho biết nhà tôi đã về Hà Nội. Anh ấy vẫn chưa khỏi hẳn, nhưng sợ tôi mong - hôm ấy là cuối tuần - nên cứ nhất định đi, ở nhà gần thế nào cũng không được. Thì ra, dù ở xa hay gần, dù khỏe hay yếu, lúc nào anh ấy cũng hướng về tôi.

Mặc dù vẫn năng đi về được với nhau, chúng tôi rất khổ sở với cảnh sống vợ chồng gần ít, xa nhiều. Lần nào lâu gặp một tí là thể nào anh ấy cũng viết thư về. Thư anh ấy viết cho tôi thường là ngắn gọn, nhưng rất mực âu yếm, tình cảm. Tôi thì lúc nào cũng nghĩ đến anh ấy, nhưng lại rất ngại viết thư. Phần thì sợ mình chữ xấu, phần thì không biết nói gì, chỉ sợ xem thư anh ấy lại cười cho. Hãn hữu lắm, khi không được, tôi mới đánh liều viết thư cho nhà tôi. Nghĩ đến những lá thư của anh ấy hay tới mức tôi nhớ đến thuộc lòng, tôi lại giận cho sự kém cỏi của mình, không làm sao diễn tả được điều mình muốn nói. Và tôi hình dung anh ấy sẽ phải thất vọng ra sao khi đọc những lá thư chữ thì nguệch ngoạc, lời lẽ thì lúng cúng của tôi. Ngờ đâu, sau này tình cờ đọc nhật ký của nhà tôi, tôi lại thấy chính những lá thư - nổi xấu hổ của tôi ấy - được dính ngay ngắn giữa những hàng chữ ghi lại cảm giác thích thú của anh ấy khi đọc thư tôi. Thậm chí, có những lá thư của tôi còn được anh ấy chép lại bằng một thứ chữ đều tăm tắp, có đánh thêm những dấu chấm, phẩy vào những chỗ cần thiết, đúng với thói quen của anh ấy không thể nào viết một câu văn không gọn.

Cũng do đọc nhật ký của nhà tôi mà tôi biết thêm được nhiều điều về tình cảm của anh ấy. Nhà tôi cứ sợ mình già so với vợ - anh ấy hơn tôi đến chục tuổi - nhưng tôi lại không nghĩ thế một



chút nào. Thậm chí tôi nghĩ tính tình nhà tôi còn có phần "trẻ con" nữa là đằng khác, với cái tính hay dối của anh ấy. Có lần, không nhớ vì lý do gì mà anh ấy giận tôi. Biết ý anh ấy, tôi cố làm ra vẻ không hay biết gì, bắt chuyện với anh ấy để cho qua đi. Mặc cho tôi hỏi gì, nói gì, nhà tôi vẫn cứ làm làm lì lì. Tự ái, tôi tấm tức khóc, đắp chăn trùm kín cho anh ấy khỏi biết. Một lát, ý chừng hối hận, anh ấy gọi tôi. Lần này thì đến lượt tôi không chịu trả lời. Biết là thành chuyện, anh ấy lại bên giường, gỡ chăn ra, xoay người tôi lại. Không kìm được nữa, tôi òa khóc nức nở, trách anh ấy qua hàng nước mắt: "Chán anh lắm! Giận gì mà giận dai!" Nhà tôi vừa ra sức vỗ về tôi, vừa lấy khăn tay lau nước mắt lăn xuống trên má, trên môi vợ. Thế là chúng tôi đã làm lành được với nhau trước khi anh ấy ra ga xuống Hải Phòng.

Chuyện tưởng chỉ có thế. Nào ngờ đọc nhật ký của anh ấy tôi mới biết rằng, suốt một thời gian sau nhà tôi còn khổ tâm về chuyện đó. Và anh ấy đã giữ nguyên cái khăn mùi soa trên có in hằn môi của vợ bị nước mắt làm nhòe, coi đó như một sự nhắc nhở mình phải độ lượng hơn với vợ. Vào sở làm việc, thỉnh thoảng nhà tôi lại giữ chiếc khăn tay ra xem, chỉ xem chứ không nỡ chùi, sợ làm mất đi cái vết son đỏ nhỏ nhoi mà anh ấy những muốn áp môi lên, nếu như bên cạnh đấy không có mấy anh đồng僚 tục mạch. Như thế thì làm sao có thể nghĩ anh ấy già được.

\*\*\*

Nói sao cho hết nỗi vui mừng của chúng tôi khi nhà tôi được đổi lại lên Hà Nội. Ấy là vào quăng tháng 10 năm 1943, vừa đúng bốn năm kể từ cái ngày anh ấy bị chuyển xuống Hải Phòng. Trong thâm tâm tôi đã nghĩ từ đây là chấm dứt cảnh sống xa cách giữa vợ chồng, bố con - lúc ấy chúng tôi đã có cháu gái đầu lòng. Chúng tôi về ở với ông bà nội tôi, vì ước muốn thuê nhà riêng vẫn chưa được khả năng tài chính cho phép, nhưng được cái ở với các cụ cũng thoải mái vì ông bà nội rất quý cháu rể. Sau những năm tháng sống xa nhau tới hơn trăm cây số đường xe lửa, sự đoàn tụ lúc này của chúng tôi mới thật là giá trị. Nhà tôi nói nửa đùa nửa thật là rút cục mình đã được vui thú "điền viên". Hàng ngày anh ấy vào sở làm việc hoặc đi công việc gì đó, tối về lại miệt mài ngồi viết, thường là tới rất khuya. Ngoài việc viết văn, hoạt động Hướng đạo và tham gia Truyền bá quốc ngữ là những việc nhà tôi theo đuổi từ hồi ở Hải Phòng, tôi có cảm giác giờ đây anh ấy còn dự vào một công việc gì đó có phần đặc biệt hơn. Sau này, cách mạng thành công, tôi mới biết là anh ấy hoạt động Việt Minh, và cái tổ chức mà anh ấy giấu tôi kia chính là nhóm Văn hóa cứu quốc. Còn lúc đó tôi chỉ biết giữ kín mối lo trong lòng, tôn trọng mọi công việc của anh ấy với lòng tin rằng không bao giờ nhà tôi làm việc gì có hại cho gia đình.

Cuộc sống ổn định của chúng tôi lần này hóa ra cũng chỉ kéo dài được mấy tháng, cho tới cái ngày máy bay Anh - Mỹ ném bom Hải Phòng, Hà Nội. Lo sợ cho sự an toàn của tôi và cháu nhỏ, nhà tôi khuyên tôi theo các cụ tạm lánh về Tiên Hưng (Thái Bình). Tôi không muốn xa anh ấy chút nào, nhất là để anh ấy lại một mình ở nơi nguy hiểm, nhưng rồi cũng bị anh ấy thuyết phục. Thế là một lần nữa, chúng tôi lại xa nhau.

Đầu năm 1945 (?), nhà tôi thuê một căn gác ở phố Pescadore (nay là phố Phù Đổng Thiên Vương). Việc này anh ấy tự quyết định lấy một mình, không hỏi ý kiến tôi. Thậm chí có nhà riêng rồi anh ấy vẫn không đón tôi về. Vốn quen tôn trọng mọi quyết định của chồng, tôi không thắc mắc gì, song cũng không khỏi băn khoăn về cách giải quyết của nhà tôi. Thì ra, như sau này được biết, anh ấy thuê căn gác ấy là để lấy chỗ đi lại cho các anh em trong tổ chức. Và anh ấy đã dồn tất cả tiền nhuận bút của mấy cuốn sách đang được đăng tải vào việc thuê nhà.

Theo như anh Tô Hoài kể lại thì nhà tôi dùng một cái khóa số cho căn gác ấy. Số khóa: 1789 - trùng với năm nổ ra Cách mạng Pháp. Ai biết số cứ việc mở vào. Dần dần căn gác ấy trở thành một thứ "trụ sở" của nhóm Văn hóa cứu quốc. Các anh Trần Huy Liệu, Khuất Duy Tiến vượt ngục ra cũng về đây ở tạm. Tất cả những việc này về sau tôi mới được biết, chứ lúc ấy anh ấy giấu kín. Kể cả cái việc anh ấy lên chiến khu dự Quốc dân Đại hội cũng vậy. Nhà tôi làm cái việc "tày đình" ấy mà tôi tuyệt nhiên không hay biết gì, cho tới khi anh ấy về, cờ đỏ sao vàng đã

tung bay trên khắp các phố phường Hà Nội. Tôi hiểu chẳng qua là vì anh ấy muốn tránh mọi liên lụy có thể cho vợ con!

Những ngày sau Cách mạng tháng Tám như một cơn lốc cuốn hút anh vào việc. Nhà tôi đi tối ngày, nhiều khi về nhà là chỉ để báo lại có việc phải đi tiếp. Sung sướng nhất là những hôm nhà tôi làm việc ở nhà, chủ yếu là những khi anh ấy cần viết một cái gì đấy. Tiếng là ở nhà, nhưng cũng chẳng mấy khi vợ chồng trò chuyện được với nhau, vì anh ấy cứ ngồi viết suốt. Nhưng chỉ cần thấy bóng anh ấy trong nhà, cắm cúi bên bàn làm việc, là tôi thấy căn buồng như bừng sáng lên. Có lần, nhà tôi ở lì nhà cả tuần liền. ấy là vào quãng đầu năm 1946 gì đó, tôi không nhớ rõ nữa. Anh ấy cứ thế ngồi viết mãi miết, từ sáng đến khuya, hết ngày này sang ngày khác. Thường thì nhà tôi viết rất khó khăn, nhiều lúc cứ ngồi thừ ra bên bàn, đến khi viết được thì cũng lại dập xóa luôn. Nhưng không hiểu sao lần này anh ấy viết có vẻ dễ dàng thế, nét mặt cũng không căng thẳng như mọi khi, mà có phần say sưa, sảng khoái. Kịch bản sân khấu Bắc Sơn đã ra đời sau mấy ngày nhà tôi làm việc như thế.

Một ngày đầu tháng tư năm 1946, nhà tôi phần khởi báo cho tôi biết, tối hôm ấy tại Nhà hát Thành phố công diễn vở kịch Bắc Sơn của anh. Để bày tỏ sự hân hoan trước sự kiện trọng đại này - cái gì liên quan đến anh ấy mà chẳng quan trọng đối với tôi! - tôi cố gắng trang điểm thật đẹp, diện một chiếc áo dài mà anh ấy thích nhất. Và tôi biết mình đã làm vừa lòng anh ấy. Chúng tôi đến nhà hát sớm hơn bình thường, vì nhà tôi muốn được tự mình đón tiếp các bạn bè, khách khứa. Nhìn anh ấy tươi tắn đi đi lại lại dưới ánh đèn rực rỡ của nhà hát, bắt tay người này, chào hỏi người nọ, chưa bao giờ tôi thấy nhà tôi đẹp đến như thế. Và tôi thật sung sướng, tự hào khi được anh ấy nắm tay dắt vào lô riêng của mình.

Màn vừa mở, tiếng nhạc trầm hùng của nhạc sĩ Văn Cao vừa tấu lên, anh ấy lại nắm lấy tay tôi. Ngạc nhiên vì cái nắm tay quá chặt, tôi quay sang và hiểu rằng nhà tôi đang hết sức xúc động. Mặc dù đã là một người hoạt động văn học nghệ thuật nổi tiếng, đây là lần đầu tiên một vở kịch của anh ấy được trình diễn trên sân khấu của nhà hát quốc gia. Những tiếng lạch cạch khó chịu phát ra từ các hàng ghế chưa ổn định xong chỗ ngồi khi vở diễn đã bắt đầu cứ như xoáy vào tai anh ấy. Một tiếng ho khan đầu đó khi tất cả đã ửng xướng cũng khiến anh ấy giật mình. Đến khi khán giả đã bị cuốn hút vào hành động kịch, chăm chú nhìn lên sân khấu thì anh ấy lại quay ngang quay ngược, nhìn hết phía này sang phía khác, cố gắng đoán đọc nét mặt của người xem. Tôi nhìn nhà tôi và cũng bị lây cái tâm trạng chờ đợi căng thẳng của anh ấy. Vở kịch đã đi đến hồi kết. Màn vừa hạ xuống, cả nhà hát bùng lên trong tiếng hoan hô vang dậy. ánh sáng được thiết lập trở lại ánh lên trên những gương mặt hoan hỉ của khán giả. Riêng anh ấy thì vẫn ngồi lặng đi như bị thôi miên bởi cảnh tượng tung bừng của những đợt sóng vỗ tay không dứt. Có lẽ, trong cả nhà hát hôm ấy, duy chỉ có anh ấy là không vỗ tay cho vở kịch của mình. Mãi cho đến lúc ra về, nhà tôi vẫn giữ sự im lặng sâu lắng ấy. Lúc chỉ còn hai đứa chúng tôi, anh ấy khẽ rỉ tai tôi nói nhỏ:

- Uyên này, em có biết không, Cụ Hồ cũng đến xem đấy!

Nhìn ánh mắt anh ấy sáng lên trong đêm tối, tôi biết là anh ấy xúc động ghê lắm.

\*\*\*

Những ngày vui sau cách mạng sao mà ngắn ngủi. Bóng đen của chiến tranh không biết từ lúc nào đã len tới ám ảnh tâm trí mọi người. Bầu không khí chính trị căng thẳng, sự có mặt của các đạo quân hết Tàu Tưởng lại đến Pháp với tất cả sự nhiễu nhiễu của chúng, khiến cho cuộc chiến như có nguy cơ bùng nổ bất cứ lúc nào. Một buổi tối giá rét tháng 11 năm 1946, nhà tôi từ cuộc họp về thẳng nhà, giục tôi phải mau chóng đi tản cư cùng với gia đình. Cho tới lúc đó, chuyện tản cư đâu còn là việc xa lạ gì đối với người Hà Nội, nhưng tôi vẫn nán ná chưa muốn đi, vì không muốn lại phải xa chồng. Lần này, sự thể có vẻ nghiêm trọng hơn nhiều, với việc quân Pháp gây hấn ở Hải Phòng, và tăng cường lấn lướt ta ở Hà Nội. Trước những lý lẽ cương quyết của nhà tôi, tôi đành phải theo gia đình về Cói, một làng quê ở bên kia sông Đuống, để anh ấy ở lại nơi mà giờ đây tôi thấy đầy rẫy những tai ương.

Cái đêm 19 tháng Chạp năm 46 như một bàn tay tàn phũ đã xóa tan mọi hy vọng mong manh về hòa bình còn sót lại đến bây giờ. Đứng ở bên đê nhìn về Hà Nội, thấy đồ rục lên cả một góc trời với những đường đạn đan chen ngang dọc bầu trời, thỉnh thoảng lại vọng lại những tiếng ì ầm như sấm rền, tôi chỉ nghĩ đến nhà tôi không biết giờ này anh ấy ở đâu, trong hay ngoài cái bể lửa sôi sục ấy.

Chiến sự loang ra nhanh chóng đe dọa cả đến cái làng Cói hiền hòa. Các cụ tôi quyết định phải chạy trước khi có nguy cơ địch đánh đến. Một nách ba mụn con nhỏ, tôi có thể làm gì hơn là bám theo gia đình, nhờ cậy các cụ tôi và mấy chị em đỡ neho nhóc hơn. Chúng tôi về ấp Thanh Trí ở trên Phúc Yên, nhưng về yên hàn nơi đây càng làm cho tôi thấm thía về sự xa cách mỗi lúc một tăng giữa hai chúng tôi. Vậy mà lần mò thế nào nhà tôi cũng tìm đến được và đưa tôi lên Bắc Kạn, nơi cơ quan anh ấy đóng.

Ở Bắc Kạn được mấy tuần, nhà tôi lại có việc đi công tác xa. Trong những ngày đầu kháng chiến đầy bỡ ngỡ, việc sắp xếp chỗ ăn ở cho vợ một cán bộ cũng khó khăn, lúng túng như mọi công việc lớn nhỏ nào khác. Để tránh phiền hà cho cơ quan, nhà tôi bàn với tôi hãy tạm về Thanh Trí, đợi sau này khi mọi việc ổn định sẽ đón tôi lên.

Thế rồi có tin giặc nhảy dù Bắc Kạn. Tin có đánh nhau to trên ấy khiến tôi hết sức lo lắng cho nhà tôi. Mấy lá thư liền tôi viết cho anh ấy đều không có trả lời làm cho tôi nghĩ hết khôn đồn đến đại. Giữa lúc ấy thì các cụ tôi cũng cạn sạch tiền, không còn biết lấy gì duy trì cho cuộc sống hàng ngày của cả một đại gia đình đông đúc. Thật là họa vô đơn chí! Trong tâm trạng rối bời ấy, tôi đành theo gia đình lộn về Hà Nội, để rồi sẽ lại tính chuyện ra sau.

Những ngày sống ở Hà Nội bị chiếm đóng sao mà buồn! Cứ nghĩ đến cảnh anh ấy lúc này còn hay mất, lành lặn hay đã bị làm sao, tôi lại thấy náo cả lòng. Ăn một miếng cơm cũng nghĩ đến anh ấy không biết có gì ăn không, ngủ đắp chăn bông ấm áp lại nghĩ biết đâu anh ấy lúc này lại không đang ngủ bờ ngủ bụi, mưa nắng dãi dầu. Nhiều lúc nhớ quá, tôi lại giở những quần áo cũ của nhà tôi ra. Ngắm nghía những vật vô tri vô giác mà lúc này như có hồn, tôi lại thấy hiện lên tất cả bóng dáng quen thuộc của chồng mình. Tôi chọn lấy mấy cái áo ngắn của anh ấy mặc bên trong, cả một chiếc áo trấn thủ sờn rách, và thấy ấm áp lạ. Các cụ tôi thương con chỉ biết thở dài.

Cuộc sống chỉ trở lại bình thường với tôi khi vào đầu năm 48, có hai người lạ mặt xuất hiện ở nhà tôi, tự xưng là người của anh ấy và báo tin anh ấy vẫn khỏe mạnh và đang nóng lòng đón tôi ra. Tôi những muốn ra đi ngay để được về bên anh ấy, nhưng đến lúc bàn bạc trong gia đình mới thấy nảy ra một vấn đề. Số là lúc bấy giờ địch đang lúng túng to ở chiến trường nên chúng ra sức kiểm soát ở "hậu phương". Ngày nào cũng có người của chúng qua lại từng nhà một, đặc biệt là các nhà có dính dáng đến kháng chiến, để kiểm tra nhân khẩu và răn đe mọi người không được tiếp tay cho Việt Minh. Nếu tôi mà đi thì người đầu tiên phải gánh chịu hậu quả là cậu tôi mà lúc này đã tuổi già sức yếu, chắc gì đã chịu được sự khủng bố của địch. Tôi đành gạt nước mắt nhờ các anh nói lại với nhà tôi về tình cảnh gia đình và hẹn để thư thư cho ít lâu nữa. Từ đó tới cuối năm, nhà tôi còn hai lần nữa cho người vào đón tôi ra, nhưng cả hai lần sau này cũng vậy, tôi đều không thể bắt nhả ra đi. Tôi biết tôi khổ tâm thế nào thì nhà tôi cũng đau khổ thế ấy, nhưng tôi biết làm gì hơn được. Chỉ mong sao anh ấy hiểu cho tôi phần nào và thông cảm với nỗi lòng tôi.

Sau gần chục năm thành vợ thành chồng, nhà tôi nào còn lạ gì tính tôi. Dẫu có thế nào anh ấy cũng không bao giờ nghi ngờ tình cảm của tôi đối với chồng. Song trong điều kiện kháng chiến, khi mà sự phân định giữa các khái niệm ta và địch, tốt và xấu, đi kháng chiến và ở lại trong thành... bao giờ cũng được đặt ra một cách rạch ròi, dứt khoát, thì sự cương quyết của nhà tôi trong việc đòi hỏi tôi phải ra bằng được cũng là điều dễ hiểu. Cho đến đầu năm 51, anh ấy báo tin cho tôi, nếu tôi không ra ngay thì coi như giữa chúng tôi không còn có sự ràng buộc, và mỗi người được tự do lo liệu cuộc sống riêng của mình. Trước đó, tôi đã nghe đồn có nhiều người thương anh ấy vô võ một mình, khuyên anh ấy lấy vợ. Nhưng cũng có người hiểu và tin tôi, động viên nhà tôi cố đợi. Anh Tố Hữu là một trong những người ấy.

Bán tín bán nghi, tôi quyết định đi ngay. May sao, lúc này sự kiểm soát của địch ở trong thành đã có phần lơ lửng, tôi ra đi cũng được yên tâm hơn về gia đình. Theo một người bà cô, vợ của nhà văn Nguyễn Triệu Luật dẫn đi, tôi mang theo cháu thứ ba lần mò qua các vùng tề và lên được Thái Nguyên, vùng tự do biết bao trông ngóng. ở đây, tôi bắt liên lạc được với mấy người cháu của nhà tôi và nhờ nhắn tin hộ. Một người cháu của anh ấy tên là Nguyễn Huy Ngạc, công tác ở báo Cứu quốc tỉnh, cho đăng ngay tin trên số báo đầu tiên. Tôi thấp thỏm chờ đợi, không biết sự thể sẽ thế nào. Nhưng anh ấy đã không để tôi phải đợi lâu. Một ngày tháng ba năm 51, nhà tôi, có anh Nguyễn Văn Mãi và chú Thái liên lạc đi cùng, tìm đến nơi tôi ở. Gặp nhau, vợ chồng mừng mừng tủi tủi, bao nhiêu dị nghị trước đây phút chốc đều tan biến. Nhà tôi cho biết, được tin, cả cơ quan đều mừng cho anh ấy. Anh Tố Hữu giục nhà tôi đi ngay, "kẻo chị ấy mong", và bố trí hai anh đi cùng để đón các cháu nhỏ.

Nhớ lại những ngày ở Việt Bắc sao thấm thiết lạ. Cuộc sống của những người đi kháng chiến tuy có gian lao vất vả, nhưng lại bội phần đầm ấm, chan chứa tình thân. Nhà tôi đi công tác suốt. Mà không riêng gì anh ấy, các anh chị khác cũng vậy. Ngay lần về đón tôi ở Thái Nguyên, nhà tôi cũng chỉ đưa tôi lên tới Bờ Đậu, rồi chia tay tôi đi công tác luôn, giao phó tôi cho hai đồng chí đưa hộ về cơ quan đóng ở Tuyên Quang, một nơi heo hút nhưng lại có cái tên đầy thi vị là Cây Đa Nước Cháy. Thường thì cơ quan vắng ngắt vì các anh ấy không mấy khi ở nhà. Nhưng các anh ấy đi đâu thì thôi, hễ cứ về đến nhà là cả cơ quan lại tíu tít lên, tưng bừng như mở hội. Nhìn các anh ấy gặp nhau, tay bắt mặt mừng, hân hoan báo cho nhau những tin vui mới nhận, hay ngậm ngùi chia sẻ với nhau những rủi ro trong cuộc sống riêng chung, tôi lại thấy thêm tin tưởng vào sự nghiệp mà các anh ấy đang quên mình phấn đấu. Mà cuộc sống trên ấy cũng có nhiều cái lạ. Kham khổ, thiếu thốn thì khỏi phải nói, ăn đói mặc rét là chuyện thường tình, không riêng gì người lớn mà cả trẻ con. Nhưng khi có dịp thì các anh ấy lại hết sức "phóng túng", uống rượu với nhau có khi thâu đêm suốt sáng, sẵn sàng say sưa với mọi sự, từ chuyện đàn hát, ngâm ngợi, cho đến việc tranh luận nảy lửa với nhau. Tôi quên sao được những buổi cơ quan tổ chức đấu bóng chuyền, những tối diễn kịch cho nhân dân quanh vùng xem, hay những đêm sinh hoạt lửa trại, vòng người ngồi vây quanh đồng lửa bập bùng, càng lúc càng sít lại vào nhau để cho hơi ấm con người xưa bớt đi cái cảm giác tê buốt của sương giá mỗi lúc một buồng dày đặc. Và tôi hiểu vì sao, sau này, khi về sống giữa phố phường Hà Nội, mỗi khi có điều gì buồn bực, nhà tôi lại hay nhắc đến những ngày Việt Bắc "ấm áp tình người".

\*\*\*

Hòa bình lập lại, về tiếp quản Thủ đô, nhà tôi thuê một căn buồng ở phố Bà Triệu - nơi giờ đây chúng tôi vẫn ở. Hai vợ chồng với năm đứa con - cháu gái lớn đã đến tuổi có nhu cầu sinh hoạt riêng, cháu thứ năm, cháu trai duy nhất, thì vừa mới lọt lòng - nhét vào cùng một căn buồng vuông chẵn chẵn quả là bất tiện, ấy là chưa nói đến chỗ làm việc của nhà tôi. Nhưng nhà tôi vẫn lạc quan. Anh ấy cho đấy chỉ là ở tạm, sau này đời sống khấm khá lên, chúng tôi sẽ tậu một ngôi nhà ở ngoại thành, vừa để "vui thú điền viên", vừa để anh ấy được yên tĩnh mà viết sách. Đau đớn thay, mơ ước đó của nhà tôi cho đến lúc mất vẫn chỉ là mơ ước! Còn tạm thời, để lấy chỗ làm việc, anh ấy dùng phen tre ngăn một phần hành lang cạnh phòng thành một không gian riêng cho mình và gọi là "buồng con", thay cho mỹ từ "phòng làm việc" quá to tát so với cái vẻ xoàng xĩnh của nó. Sau này, anh Trịnh Hữu Ngọc, một người thích "người tử tế" thấy chỗ làm việc của nhà tôi tội nghiệp quá, tự động đưa gỗ và thợ đến đóng lại cho thành một cái vách ngăn hẳn hoi. (Việc làm này của anh Trịnh Hữu Ngọc hoàn toàn là vô tư, cũng như mọi mối quan hệ khác giữa nhà tôi với anh ấy. Vậy mà vẫn có người thắc mắc về sự giao du của ông Tường với ông Ngọc, một nhà kinh doanh bị quy là tư sản!)

Thời gian đầu nhà tôi bận bịu suốt, hầu như không có mấy lúc được rảnh mà ngồi viết. Hết hội họp liên miên lại đến các công việc hành chính sự vụ ngập đầu. Lúc đầu anh ấy coi đó là chuyện đương nhiên, vì bao giờ mà chẳng thế, mỗi một sự đổi thay đều phải bắt đầu bằng công tác tổ chức, xây dựng. Nhưng rồi càng ngày tôi càng cảm thấy về bút rút khó chịu hiện rõ

trên nét mặt nhà tôi. Một lần, ở một cuộc họp về, anh ấy buột miệng nói như là với ai ai: "Bàn việc sáng tác thì chả bàn, chỉ đọc những thắc mắc nhau!" Điều làm nhà tôi khổ tâm nhất là sau những năm tháng kháng chiến đầy những hy sinh mất mát, bản thân các anh ấy cũng phải tạm gác lại tất cả những dự định sáng tác lớn lao để chờ đến ngày thắng lợi, thì giờ đây, khi đã về sống trong khung cảnh hòa bình ổn định, anh ấy không những không viết được cái gì cho ra hồn mà còn bị mất đi tâm trạng thanh thản của những tháng năm qua. Giải thưởng văn nghệ dành cho Truyện anh Lục cũng không làm cho nhà tôi vui lên được mấy tí, vì tự anh ấy cho đó mới chỉ là quặng thô, chưa phải đã được mài giũa như ý muốn. Thế rồi có những tin tức không hay về cải cách ruộng đất, về cuộc chính biến ở Hungari, trong khi tình hình văn nghệ lại đang diễn biến hết sức phức tạp. Tất cả những cái ấy đã tác động đến tâm trạng nhà tôi một cách ghê gớm. Nhớ lại giai đoạn từ giữa năm 1956 đến đầu năm 1958, tôi nghĩ đó là những ngày đau đớn nhất của anh ấy những năm cuối đời. Đêm nào nhà tôi cũng thức viết nhật ký rất khuya, dường như tất cả những gì anh ấy không thể nói ra với ai hay chưa thể hiện được lên trang in, anh ấy dồn hết vào những cuốn sổ tay chỉ viết cho riêng mình. Bạn bè biết tính nhà tôi hay ghi chép, đi đâu về thường làm quà cho anh ấy những cuốn sổ tay. Chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi kể trên, tôi để ý thấy nhà tôi thay đến ba quyển nhật ký dày cộp mà giá như tôi có viết cả đời cũng không hết. Lóe sáng lên duy nhất trên cái nền âm đạm mà tôi nhớ về nhà tôi những ngày này, là cái ngày chủ nhật mừng 4 tháng 11 năm 1956 đáng ghi nhớ ấy, khi đang đêm anh Nguyễn Tuân xộc đến báo tin mừng cho nhà tôi về tình hình Hungari đã trở lại ổn định, rồi các anh ấy hớn hờ rủ nhau đi truyền tin vui cho các anh em khác. Được khích lệ bởi cái sự kiện đem lại niềm tin vào một thực tế tốt đẹp hơn, nhà tôi đã hoàn thành bài tùy bút vẫn để lay lút suốt mấy hôm liền, cái công việc mà anh ấy biết trước là: "Nói những cái sai lầm, mà bút run run, rồi sẽ bị đả kích đến thế nào?" (nhật ký ngày 26-11-1956). Bài tùy bút Một ngày chủ nhật đã ra đời trong bối cảnh như vậy, và theo lời một nhà phê bình văn học mà nhà tôi ghi lại, sẽ có hại cho cả đời anh ấy (!)

Một ngày quãng tháng ba tháng tư gì đó của năm 58, nhà tôi đi họp về, người bạn thân. Hôm ấy đã là ngày thứ bao nhiêu rồi của một đợt họp kéo dài, tôi không còn nhớ rõ. Chỉ nhớ là, chính vào một dịp như thế, chứ không phải trong những lúc anh ấy vật vã với những trang bản thảo, nhà tôi đã thốt ra cái câu nói mà giờ đây tôi còn thấy xót xa cho anh ấy. Nhìn chăm chặp đứa con trai bé bỏng mà anh ấy chăm lo hơn cả bản thân mình, nhà tôi chép miệng thở ra: "Sau này các con đừng cho chúng nó theo nghề văn làm gì cho nó khổ!" Và tôi biết là anh nói hết sức nghiêm túc.

May sao, ngay sau đó nhà tôi thôi công tác lãnh đạo. Kể từ đây, nhà tôi mới được tập trung vào sáng tác, ngoài việc lo toan cho cái nhà xuất bản Kim Đồng mà anh ấy đã coi như gia đình thứ hai của mình. Tôi nói "may" đây không phải chỉ riêng cho anh ấy được chuyên tâm vào công việc mình thực sự yêu thích, mà cả cho tôi nữa, từ nay được thường xuyên thấy cái bóng dáng quen thuộc của chồng mình cắm cúi bên bàn làm việc ở nhà. Nhà tôi viết chủ yếu về đêm. Ban ngày anh ấy hay đi lại với bạn bè. Hay đến với nhà tôi hơn cả là các anh Nguyễn Tuân, Kim Lân, Nguyễn Sáng, Dương Bích Liên... Anh Nguyễn Hồng ở trên Bắc Giang về Hà Nội lần nào cũng qua chỗ chúng tôi, và thường là ở lại. Nhà tôi đặc biệt quý các anh em miền Nam, cũng như các anh ấy có về mền nhà tôi, thường xuyên lui tới luôn, trong đó hay thấy có các anh Nguyễn Văn Bổng, Đoàn Giỏi, Nguyễn Quang Sáng, Phạm Hồ... Nhưng có lẽ gần bó hơn cả với nhà tôi lại là một người bạn công tác ở một lĩnh vực khác hẳn. Đó là anh Lưu Văn Lợi, người bạn thủy chung như nhất với nhà tôi từ lúc thiếu thời ở Hải Phòng, người đã từng chia sẻ với anh ấy giấc mộng văn chương của những năm đèn sách, nhưng sau này lại chuyển sang công tác ngoại giao...

Mỗi khi có bạn bè đến chơi, nhà tôi mừng lắm. Anh vốn tính ít nói, thường khi ở nhà chẳng mấy khi nói gì nhiều bao giờ, nhưng hễ có bạn đến là nhà tôi hào hứng hẳn lên. Tôi có cảm giác không chỉ những lúc thao thao bất tuyệt vì đang hứng nói, mà cả những lúc ngồi nghe, nhà tôi cũng làm cho người cùng nói chuyện hứng thú vì sự chăm chú say sưa của mình. Với người bạn nào của anh ấy, tôi cũng chỉ được nghe nói đến mặt tốt, điều hay. Nhà tôi không chú ý đến

những điều vặt vãnh bao giờ, nhưng có những cử chỉ nho nhỏ của người khác làm cho anh ấy cảm động, nhớ mãi. Có lần anh Bùi Hiền làm quà cho anh ấy một lọ mực. Một lọ mực trong cả đời viết văn của mình, nhưng lại do một bạn văn tặng, đã trở thành một kỷ niệm không phai như nó đã đọng lại trên trang viết của anh ấy. Nhà tôi cứ nhắc mãi về chuyện đó, và một lần, sau khi viết xong được một đoạn văn, anh ấy nói nửa đùa nửa thật: "Đấy, nhờ có mực của anh Bùi Hiền cho mới viết được bao nhiêu chữ nghĩa như thế đấy!"

Cũng như phần lớn các anh chị nhà văn khác, nhà tôi chẳng lấy gì làm sung túc, thậm chí có thể nói suốt đời túng thiếu là đằng khác. Nhưng cũng giống anh Tuấn, nhà tôi hay thích được "vui" với anh em. Mỗi khi có nhuận bút là thế nào nhà tôi cũng không quên bớt lại một chút để "khao bạn". Khi thì anh ấy mời đi đặc sản, khi thì mời về nhà, điều mà có lẽ anh ấy thích hơn, duy chỉ ngại tôi vất vả. Tội nghiệp, nào có đáng gì cái việc ấy mà nhà tôi cứ phải bần khoản! Được chiều theo ý anh ấy là tôi thích rồi. Mấy mẹ con chúng tôi chuẩn bị cơm nước xong đâu đấy rồi lui ra ngoài "buồng con" với nhau, để các anh ấy được tự nhiên thoải mái. Vui rượu với bạn, nhưng không lần nào nhà tôi quên ra xem "mấy mẹ con có đủ ăn không". Cũng có khi có anh uống quá thành say. Anh Nguyễn Hồng là một người hay thế. Thấy tôi cứ lúi húi dọn dẹp mãi, nhà tôi thường tỏ vẻ ái ngại, có lần còn ngỏ ý được làm đỡ, làm cho tôi phát hoảng lên, chỉ sợ anh ấy lại làm bần thêm ra. Một lần, nhà tôi nhận được thư của anh Dương Bích Liên từ Cẩm Phả gửi về. Đọc xong, anh ấy vui lắm, chỉ cho tôi xem đoạn kết và bảo: "Anh Liên anh ấy khen em đây này". Thì ra, đó là câu anh Dương Bích Liên hẹn gặp nhà tôi mà tôi xin trích lại nguyên văn: "Gặp nhau thế nào chúng ta cũng phải có một buổi tối như ở Trịnh Tây, nhưng đối với tôi, ám cúng hơn cả vẫn là ở trong khung cảnh gia đình thân yêu của anh!" (tôi nhấn mạnh - T.T.U.). Tôi cảm động chỉ biết nhìn anh ấy tỏ ý biết ơn vì sự tế nhị của anh ấy trong cách khen tôi, nhưng cũng không khỏi ngạc nhiên vì cứ nghĩ, trong việc tề gia nội trợ, mình còn vụng về lắm.

Do tính chất công việc, nhà tôi hay đi về thất thường. Nhưng bất luận anh ấy đi lâu hay chóng, đi quốc hay đi giày, mang theo xe hay đi người không, hễ anh ấy về đến dưới nhà là tôi đã biết. Dù nhà tôi có về muộn đến mấy, tôi cũng cố thức chờ bằng được. Cũng có khi mệt quá ngủ thiếp đi, nhưng chỉ cần nghe tiếng chân anh ấy là tôi đã choàng tỉnh. Tôi ra mở cửa sẵn sàng để anh ấy khỏi phải gọi. Nhà tôi thấy thế vui lắm, nhưng không muốn tôi phải đợi lâu, lần nào cũng bảo tôi lần sau đừng thức khuya như thế, cứ để anh về gọi cửa cũng được. Nhưng tôi nghĩ tôi làm việc ấy cũng chẳng khó khăn gì, mà lại đem lại được niềm vui đến thế cho anh ấy, thì có gì lại không cố thức đợi! Và còn những lần nhà tôi đi xa về nữa. Thường anh ấy không mấy khi báo trước. Nhưng chỉ cần xe về đến dưới nhà là thế nào mấy mẹ con cũng biết. Làm sao chúng tôi có thể nhận ra được tiếng xe anh ấy giữa muôn vàn âm thanh của đường phố không lúc nào ngớt tiếng tàu xe, tôi không thể nào cất nghĩa được. Song không lần nào linh tính chúng tôi không mách bảo. Sau một tiếng reo: "Bố về!" là cả nhà ùa xuống, tíu tít vợ chồng, bố con, đứa thì nhảy tót lên lòng bố, đứa thì giành lấy mấy quả bưởi, bố mía anh ấy mua về làm quà cho vợ con.

Giờ đây, khi ngồi nghĩ lại những ngày này, tất cả những kỷ niệm kia sao mà gọi nhớ, gọi thương. Nhưng có lẽ hẳn sâu nhất trong tôi trước sau vẫn là cái hình ảnh nhà tôi đêm đêm ngồi làm việc. Ôi cái góc phòng bé nhỏ được chiếu sáng yếu ớt bởi một ngọn đèn 40W cho đỡ tốn điện, trên mặt bàn bề bộn những trang bản thảo cũ mới, ở một góc nào đó, lẫn trong đồng giấy má, tài liệu ngổn ngang là cái ca sắt tây khiếm nhường tôi pha sữa đậu nành "tắm bổ" cho anh ấy, hay một hai quả chuối mà anh ấy không chịu vượt quá "khẩu phần"! Cái góc phòng ấy mùa đông thì lạnh buốt vì không được che kín, mùa hè thì hầm hập nóng vì chật hẹp, chính là nơi nhà tôi ngày ngày ngồi làm việc. Thương nhất là những đêm hè vì nhà tôi vốn không chịu được nóng. Anh ấy ngồi viết mà mồ hôi chảy ròng ròng trên mặt, trên người. Những lúc không nghĩ ra văn, nhà tôi lại ngồi thừ ra khổ sở, rồi như sực nhớ tới cái nóng khủng khiếp, anh ấy vớ lấy cái khăn mặt lau qua, hy vọng một chút mát mẻ của hơi nước sẽ làm mình tỉnh táo ra. Cái dáng ngồi thừ ra của nhà tôi, cộng với nét mặt đờ đẫn trên khuôn mặt hơi dài của anh ấy những lúc như thế, đã được anh Nguyễn Hồng đặt cho cái tên. Mao Thuồn, để phân biệt với nhà văn Mao

Thuần của Trung Quốc. (Anh Nguyễn Hồng còn hay gọi nhà tôi là ông Chánh Hòa mà tôi không biết vì sao. Riêng anh Tô Hoài thì đặt cho anh ấy cái tên Tônxtôi vì sự ngưỡng mộ đến say mê của nhà tôi đối với văn hào Nga này, và cũng vì sự giống nhau giữa anh ấy với nhà văn bậc thầy của mình, là khi về "già" cùng xoay ra viết cho thiếu nhi và nhờ đó có được những trang trong sáng nhất trong đời viết văn của mình). Mấy ai biết được, để có được những trang viết hào hùng về cuộc kháng chiến của Thủ đô mà tôi đọc cứ thấy ngất ngây vì cái chất men say lý tưởng, hay những trang viết trong sáng, đầm ấm cho các em được thể hiện bằng một lối kể chuyện hết sức tự nhiên, nhà tôi đã phải vất vả đến thế nào! Phần tôi chỉ biết để sẽ bớt những nỗi nhọc nhằn của anh ấy, những lúc xong việc, tôi lại ra ngồi bên quạt cho nhà tôi đỡ nóng. (Giá mà chúng tôi có tiền sắm một cái quạt máy thì còn nói làm gì). Tôi cứ ngồi lặng lẽ quạt, nhưng cũng có lúc buồn ngủ quá - tôi vốn quen dậy sớm để dọn dẹp nhà cửa - tôi thiếp đi lúc nào không biết. Không muốn làm phiền tôi, nhà tôi vào giường nằm để cho tôi cùng được ngủ. Nhiều khi ngủ được một giấc dài, tôi mơ màng quờ tay sang thì giật mình không thấy nhà tôi đâu nữa.

Lắng nghe tiếng bút sột soạt cày trên giấy từ ngoài "buồng con" lọt vào lúc này đã có vẻ đều hơn, tôi biết là anh ấy đang có đà làm việc. Hiểu là không nên đánh động, tôi chỉ biết cầu trời chóng dịu dịu đi một chút để cái nghề viết văn của anh ấy đỡ khổ!

\*\*\*

Cuộc sống đang tốt đẹp là thế thì vào một ngày cuối tháng 5-1960, nhà tôi đi khám bệnh về và cho biết, các bác sĩ quyết định anh ấy phải vào nằm viện. Nhìn vẻ lo lắng không giấu nổi của tôi, nhà tôi vội nói ngay để tôi yên tâm: "Chắc cũng chỉ vài ngày thôi. ở trong ấy mới có phương tiện điều trị".

Thực ra cho đến khi ấy, nhà tôi đã phải vài lần nằm viện. Nhưng không hiểu sao, lần này, tôi cảm thấy có cái gì khang khác. Nhà tôi cũng làm ra vẻ bình thản, nhưng tôi có cảm giác anh ấy còn giấu tôi điều gì. Thì ra, lý do để anh ấy phải vào viện là vì các bác sĩ phát hiện ra anh ấy có một cái u. Cái u ở bụng ấy, nhà tôi đã sờ nắn thấy từ lâu, nhưng vẫn cho là bình thường, thậm chí cũng không nói cho tôi biết. Đến bây giờ, trước quyết định của bệnh viện, anh ấy mới thấy hết tính chất nghiêm trọng của nó.

Sáng hôm vào bệnh viện, nhà tôi dậy sớm soạn lại các tài liệu, "để hôm này về, lúc làm đến đỡ phải tìm mệt". Giờ đến một tập bản thảo dày cộp, anh chìa ra với tôi và bảo: "Sửa xong được tập này thì phải biết, cả một gia tài để lại cho mẹ nó với các con!" Như sau này tôi biết, đó chính là bản thảo tiểu thuyết Sống mãi với Thủ đô.

Cũng như trước mọi chuyến đi đâu xa khác, nhà tôi chia tay với chúng tôi và kết thúc bằng việc ôm chặt lấy "chú Thắng" của anh ấy vào lòng. Rồi buông con ra, quay sang tôi bảo: "Thôi anh đi". Cả nhà nhìn theo và thật vui mừng khi mấy phút sau thấy anh ấy quay trở lại, tay cầm một bó hoa. Nhà tôi giải thích: "Thấy mấy bông hồng tươi quá, mua cắm cho mấy mẹ con vui cửa vui nhà". Và anh bảo tôi: "Đầu phố có bán muỗm. Em xuống mua cho các con ăn" (muỗm là một trong những hoa quả nhà tôi rất thích, và có lẽ cũng chính vì thế mới có cái hình tượng cây muỗm quả ăn vào mát lòng mát dạ trong thiên truyện Tìm mẹ). Thế là, trong khi mấy mẹ con gọt muỗm thì anh ấy lúi húi cắm hoa. Khốn nạn, cả nhà chỉ có độc một lọ hoa thì lại vừa bị con mèo vồ chuột thế nào làm rơi vỡ mất. Anh ấy đành lấy một cái cốc thủy tinh cắm tạm. Xong cái "công trình" của mình, nhà tôi lùi ra xa ngắm nghía và nói về hải lòng: "Cũng được! Cái chính là được cái hoa tươi". Rồi anh ấy ra đi, nhưng cả lần này nữa, nhà tôi cũng quay trở lại ngay. Anh bảo nhân thể cầm luôn tập bản thảo Lá cờ thêu sáu chữ vàng sang cho Kim Đồng, để tôi đỡ phải đi.

Sau này, khi đã tỉnh trí lại, tôi thường hay ôn lại những sự kiện xảy ra trong những ngày cuối cùng của nhà tôi. Tôi băn khoăn tự hỏi không hiểu vì sao nhà tôi lại làm tất cả những việc mà anh ấy đã làm vào cái hôm ấy. Phải chăng vì biết mình sắp đi xa, hay do số trời đã định, mà anh ấy lại dùng dằng như thế? Phải chăng vì biết rồi đây, thiếu anh ấy, mấy mẹ con sẽ khó khăn, buồn tủi đến thế nào, mà anh ấy đã chuẩn bị cho chúng tôi chu đáo như thế? Cơ hồ bằng

việc để lại dở dang tập bản thảo Sống mãi với Thủ đô, nhà tôi đã lo liệu sẵn cho chúng tôi cả về tinh thần và vật chất - vâng, cả về vật chất nữa, bởi vì tiền nhuận bút cuốn Sống mãi với Thủ đô ra gần đúng một năm sau khi anh ấy qua đời, đối với cảnh túng bần của chúng tôi quả là có ý nghĩa không gì thiết thực hơn! Cơ hồ vì biết vắng anh ấy, nhà cửa sẽ quạnh hiu trống trải mà anh ấy đã để lại mấy đóa hoa tươi; mấy cánh hoa ấy, mãi sau này khi đã héo tàn, mấy mẹ con chúng tôi vẫn nhất định không thay, để lưu giữ như một sự mê tín cái hơi hương truyền lại từ anh ấy. Hay như việc nhà tôi muốn tự mình cầm cái bản thảo Lá cờ thêu sáu chữ vàng sang cho Kim Đồng, mặc dù trước đây đã giao cho tôi đưa hộ, tôi cũng nghĩ chắc chắn không phải vì sợ tôi nhớ đâu làm mất, mà hay chăng là vì anh ấy muốn chia tay với cái tập thể cũng đã trở nên thân thiết như gia đình mình. Nhưng dù vì duyên cớ nào chăng nữa thì cái chính vẫn là anh ấy không thể nào chia tay với gia đình, cơ quan mà lại không lưu luyến cho được.

Ròng rã hai tháng trời nhà tôi nằm viện là hai tháng thấp thỏm những lo âu cùng hy vọng. Lúc đầu, vấn đề đặt ra cho chúng tôi chỉ là anh ấy phải nằm lâu hay chóng, rồi chuyển sang có phải mổ hay không, và cuối cùng là liệu có hy vọng nào qua khỏi? Bản thân nhà tôi cũng chuyển dần từ đấu tranh với đau đớn, bệnh tật sang vật lộn với cái chết. Mặc cho anh ấy luôn luôn hy vọng, mặc cho gia đình, bạn bè hết lòng chăm sóc, động viên, mặc cho mọi sự cố gắng cứu chữa của các giáo sư, bác sĩ, cái chết vẫn như một cái gì không tránh khỏi càng ngày càng hiện rõ trên cơ thể đang mất dần đi sự sống nơi anh ấy, trở thành một sự mặc nhiên thừa nhận giữa anh ấy với những người xung quanh, dù không ai hé ra. Mặc dù không bao giờ chấp nhận nổi cái ý nghĩ là chồng mình đang chết, sẽ chết, tôi đau đớn như thể anh ấy đang rời bỏ mấy mẹ con chúng tôi. Tôi cứ nhìn anh ấy mà ứa nước mắt. Nhiều lúc cũng chẳng buồn giấu người bệnh nữa. Đến một khi nào đó, tôi chỉ còn ý thức được một điều là làm sao để nhà tôi được nhẹ nhõm những ngày này. Tôi đem chuyện "chú Thắng" kể với anh ấy. Anh ấy thật vui khi biết "chú Thắng" mơ thấy bố khỏi, bố về. Nhà tôi cứ hỏi đi hỏi lại mãi: "Thế à? Chú Thắng nói thế à?" Rồi sau một lát nghĩ ngợi miên man, anh ấy nói như đề hỏi mà cũng như tự trả lời: "Lời trẻ nói biết đâu chẳng thật?" Tôi vội vàng nói luôn: "Chứ không à! Thì bao nhiêu lần hỏi con có mưa không đấy, có bao giờ sai đâu!"...

Sự có mặt của bạn bè cũng giúp cho nhà tôi rất nhiều. Nhìn anh ấy đang nằm lờ đờ thế, mà hễ có bạn vào là tỉnh hẳn lên, tôi lại thầm nuôi chút hy vọng. Các anh Nguyễn Tuân, anh Nguyễn Hồng, anh Kim Lân là những người hay vào thăm nhà tôi nhất. Trong suốt hai tháng trời nhà tôi nằm viện, đặc biệt là sau khi mổ, hầu như ngày nào cũng có mặt các anh ấy, không người này thì người kia. Ngoài những bó hoa tươi, điều nhà tôi mong đợi nhất ở bạn bè là các tin tức của cuộc sống bên ngoài. Nhưng rồi chuyện gì thì chuyện, cuối cùng các anh ấy lại quay trở về với đề tài muôn thuở là bàn về tác phẩm. Không khí tức thì sôi nổi hẳn lên. Cả nhà tôi nữa cũng trở nên hưng phấn. Về phần tác phẩm của mình, có lẽ nhà tôi tâm đắc nhất với vở kịch Vũ Như Tô. Rất nhiều lần trong câu chuyện, tôi thấy nhà tôi nhắc đến vở kịch này. Một lần, nhà tôi tỏ ý tiếc là chưa hoàn chỉnh được bảo thảo Sống mãi với Thủ đô. Anh Nguyễn Tuân, với tất cả sự tinh tế và tính nói thẳng của mình, liền an ủi nhà tôi: "Tôi chưa được đọc bản thảo tiểu thuyết Liên khu I của ông mà tôi đồ rằng sẽ hay, vì đây chính là đề tài sở trường của ông. Nhưng suy cho cùng, ông Tưởng ạ, cả một đời làm thơ viết văn, người ta có khi cũng chỉ dám mong có được một bài thơ, một cuốn sách đọng lại được với đời. Như ông đây, tôi thiết nghĩ, cứ với cái kịch Vũ Như Tô là có thể yên tâm được rồi". Nhân lại nói đến chuyện phê bình, nhà tôi phàn nàn về lối phê bình chụp mũ hiện nay, quy cho tác phẩm đủ mọi cái nó không có hoặc tước đi của tác phẩm những cái nó có. Anh Nguyễn Tuân lại nói cho nhà tôi yên lòng: "Đúng là có cái tình trạng ấy thật. Về mặt này, ông đau như thế nào thì tôi cũng đau thế ấy. Nhưng đã là của thật thì tác phẩm nó vẫn còn đó. Dù người ta có bóp méo nó như thế nào thì rồi ra tác phẩm vẫn cứ tồn tại như bản thân cuộc sống vậy. Mà xem ra, ông đã có sự chuẩn bị cho tác phẩm của ông rồi còn gì. Cứ với cái lời "Tựa" kịch Vũ Như Tô thì người đời không thể không hiểu ông cho được. Thế hệ này chưa hiểu thì thế hệ khác sẽ trả lại giá trị cho nó. Như lời cái cô cung nữ Đan Thiềm của ông đã nói với nhà kiến trúc Vũ Như Tô ấy mà"(1).



Mặc dù không hiểu mấy những điều các anh ấy nói, nhưng tôi vẫn cảm thấy anh Nguyễn Tuân nói thật đúng với những suy nghĩ của tôi. Đơn giản là tôi thấy những lời đề tựa ấy của nhà tôi sao mà hay, mà thấm thía! (Chính vì thế mà sau này, khi nhà xuất bản đặt vấn đề in tuyển tập kịch của nhà tôi, tôi đã giới thiệu với các anh ấy cái lời Tựa kịch Vũ Như Tô mà nhà tôi đã tự đánh máy lấy và dán vào trang đầu cuốn sách. Đến khi gặp anh Nguyễn Tuân, tôi có kể lại việc đó thì anh ấy nói: "ấy chết, sao chị lại dại thế! Đâu đã phải lúc làm cái việc ấy!" Quả nhiên, sau khi sách ra, tôi để ý thấy các nhà phê bình hay vin vào lời Tựa kịch của nhà tôi để phê phán hơn là khen!).

Rồi đến lúc cả đến những câu chuyện văn chương cũng không còn làm cho nhà tôi chú ý. Gần như suốt ngày anh cứ thiếp đi trong trạng thái nửa mê nửa tỉnh. Vào một ngày cuối tháng 7, hôm ấy nhà tôi đã kém lắm rồi, bản thân tôi cũng rũ ra vì nỗi buồn mòn mỏi, tôi chợt chờn mơ thấy bóng mẹ tôi lướt thoáng qua và tiếng Người vọng lại như gió thoảng: "Thương cô Uyên quá!" Và như trong mơ vẫn thế, tôi chợt nhớ tới lời các cụ tôi vẫn nói là con gái họ Trịnh khổ, và bật khóc thành tiếng, như thể chính anh ấy đi mất chứ không phải mẹ tôi vừa lướt qua. Giữa lúc ấy thì tôi ú ớ tỉnh dậy. Nước mắt lã chã như khóc thật, tôi thật mừng khi nhận thức được rằng đấy chỉ là một giấc mơ, và nhà tôi vẫn còn đấy. Quả là nhà tôi vẫn còn đấy, trên giường nệm trắng kê bên, nhưng không hiểu sao tôi thấy có điều gì đó khác hẳn. Về chiều, khi các cháu vào thăm, nhà tôi có vẻ tỉnh táo lên, và tôi đã nghĩ cứ thế này biết đâu anh ấy lại không qua khỏi. Nhưng tôi đã vội mừng. Như sau này tôi hiểu ra, lúc sắp chết con người ta thường hay có biểu hiện như thế, giống như ngọn đèn bùng lên lần cuối cùng trước khi tắt hẳn. Về tỉnh táo ở anh ấy biến đi cũng nhanh chóng như khi xuất hiện. Tình trạng sức khỏe trở nên nguy kịch, và lần đầu tiên sau hai tháng trời nằm viện, nhà tôi, như đã mất đi ý thức, cất tiếng rên: "Đau tai quá!" Thế rồi anh ấy hôn mê, và vào 2 giờ sáng ngày 25 tháng 7 năm 1960, nhà tôi rời bỏ cõi trần.

Tất cả những gì tôi nhớ về nhà tôi đều dừng ở đây, còn sau đó là một khoảng trống trong ký ức. Cùng với sự ra đi của anh ấy, toàn bộ sự sống trong tôi cũng đổ sụp theo. Tôi không còn ý thức được điều gì, kể cả về nỗi bất hạnh của mình. Mọi sự đối với tôi đều ngưng trệ, duy chỉ có lễ tang anh ấy thì vẫn cứ tiến hành. Dù có hay không sự lo toan, cất đặt của tôi.

Đúng là lễ tang của nhà tôi từ đầu đến cuối đều là do các cơ quan, đoàn thể lo liệu. Tôi thật biết ơn Hội Nhà văn, biết ơn các anh Tố Hữu, anh Nguyễn Tuân, anh Nguyễn Hồng, anh Nguyễn Đình Thi, anh Tô Hoài và nhiều các anh chị khác đã lo liệu đám tang nhà tôi thật chu đáo! Nếu như không có Hội, không có các bạn bè của nhà tôi thì tôi có thể làm được gì trong những ngày bối rối ấy, và cả rất lâu sau đấy nữa.

Thời gian và bổn phận đã làm được điều mà lý trí không giúp nổi. Bản năng nuôi con của người mẹ đã giúp tôi hồi phục, trở lại thực hiện cái nhiệm vụ mà bằng ánh mắt nhà tôi đã giao phó cho tôi suốt mấy chục năm qua, là thay anh ấy nuôi dạy con cái. Nỗi buồn dần dần trở thành nỗi nhớ. Nỗi đau rồi cũng mất đi về sắc cạnh ban đầu. Sự xót xa cho cái số mình vất vả mãi cũng phải nguôi ngoai. Chỉ còn lại lảng trong tôi duy nhất một cảm giác mãn nguyện tốt lành mà cùng với thời gian càng trở nên thấm thía: được là vợ của anh ấy!

*Đêm 22-9-1990*

*Trời đã dịu sau một mùa nóng kéo dài*

*Nguyễn Huy Thắng ghi*

---

(1) Có lẽ nhà văn Nguyễn Tuân muốn nhắc tới lời cung nữ Đan Thiềm nói với họ Vũ trong vở kịch Vũ Như Tô: "Ông cứ xây lấy một tòa đài cao cả. Vua Hồng Thuận và lũ cung nữ kia rồi mất đi nhưng sự nghiệp của ông còn lại về muôn đời. Dân ta nghìn thu được hãnh diện, không phải thẹn với những cung điện đẹp nước ngoài, thế là đủ. Hậu thế sẽ xét công cho ông, và nhớ ơn ông mãi mãi" (N.H.Th.).

## Nhà văn Nguyễn Huy Tưởng với quê hương Dục Tú Nguyễn Huy Thắng

Dục Tú là quê hương chúng tôi và cũng là tên của chị tôi. Cha tôi đặt cho chị cái tên này khi mẹ tôi sinh chị ra trong những ngày ông bà theo cơ quan văn nghệ đi kháng chiến mãi sâu trong vùng rừng núi Tuyên Quang. Với cha tôi, quê hương trước hết là những người thân nhất trong gia đình. Ông nội tôi mất sớm. Cha tôi lớn lên trong sự chăm sóc của bà nội, một hiền mẫu mà hình ảnh còn in đậm trong những trang nhật ký của cha tôi. Nếu như bà nội là người có ảnh hưởng lớn nhất đến sự hình thành nhân cách của cha tôi, thì đến lượt mình, cha tôi cũng dành cho bà những tình cảm tốt đẹp nhất mà tôi dám nói, khó có gì trên đời này sánh được. Một trong những biểu hiện tình cảm của ông đối với cụ được lưu lại thật cảm động qua lời đề tặng cuốn tiểu thuyết An Tư viết năm 1943, không lâu sau khi cụ qua đời: “Kính tặng hương hồn mẫu thân”.

Cha tôi cũng đặc biệt gắn bó với người anh cả ở quê là bác Nguyễn Huy Ý. Bác Ý hơn cha tôi nhiều tuổi, con trai bác là anh Sa cũng gần bằng tuổi cha tôi, cha tôi coi anh Sa như em và coi bác Ý vừa như anh vừa như một bạn hiền. Những dịp giỗ tết, nếu không phải vì lý do đặc biệt, thế nào cha tôi cũng về nhà với anh, cũng như trước kia ông mong về với mẹ. Nhật ký của ông còn ghi lại, vào dịp Tết Ất Dậu 1945, đoàn thể thông báo triệu tập một cuộc hội nghị bí mật của các nhà văn “tiền tuyến”. Được tin, ông không hề nghĩ đến những nguy hiểm có thể xảy đến với mình, mà chỉ băn khoăn “không được về ăn Tết ở nhà quê với anh”. Một ngày tháng 7/1951, giữa những ngày khó khăn gian khổ ở Việt Bắc, cha tôi nhận được thư anh Sa báo tin giặc quây nơi bác Ý đang công tác ở huyện nhà. Ông rất lo cho bác, và tự nhận rằng “anh vào sinh ra tử hơn mình... Anh đang ở đâu trong những ngày mưa gió này? Lặn lội hay bị cầm tù? Giận giặc vô cùng”. Do hoàn cảnh gia đình, cha tôi sớm phải xa nhà. Khoảng năm cha tôi lên bảy thì ông nội tôi mất. Bà nội một thân lo gánh vác gia đình, giải lảm cũng chỉ chạy đủ ăn. Để cho con trai được tiếp tục học hành, bà gửi cha tôi xuống Hải Phòng ở với chị gái là bác Nguyễn Thị Cung. Bác Cung lấy chồng làm thông phán Bưu điện ở Hải Phòng, tuy không thật sung túc nhưng cũng lo được cho em ăn học. Với một người hiếu học như cha tôi, đây đương nhiên là một cơ hội giúp ông được thỏa chí tang bồng. Nhưng đến lúc ra đi, ông đã không thể cầm lòng để lại những vần thơ tê tái:

*Xa quê, xa mẹ, mối sầu  
Xa anh, xa chị, xiết bao là buồn  
Mắt tha thiết nẻo cây vườn  
Chân tê thêm một bước đường một xa*



Ngôi nhà của Nguyễn Huy Tưởng ở làng Dục Tú.

Với cha tôi, quê hương không chỉ là hoài niệm, mà còn là cuộc sống thường nhật rất cụ thể của bà con làng xóm. Năm 1943, khi cha tôi làm công chức sở Đoan (sở thuế quan) Hà Nội, ở quê xảy ra việc viên tri phủ Từ Sơn không cấp sợi cho dân làng - làng ông có nghề dệt vải, công ăn việc làm của bà con đều trông vào nguồn sợi này. Biết chuyện, ông đã về quê làm đơn kêu cho dân làng. Gửi được đơn đi, ông thấy tinh thần nhẹ nhõm, và rất vui khi nghe tin đã có cuộc điều tra của nhà chức trách, và dân làng ông sắp được sợi. Ông coi đây là “cái kết quả đầu tiên của sự biết trông vào thực tế” của mình. Thế rồi cha tôi tham gia cách mạng, hoạt động trong nhóm Văn hóa cứu quốc bí mật. Sau Nhật đảo chính Pháp (tháng 3/1945), phong trào cách mạng dâng cao. Nhóm Văn hóa cứu quốc của ông được đoàn thể giao nhiệm vụ ra một tờ báo bí mật, lấy tên là Tiên phong. Để chuẩn bị cho số báo đầu tiên, cha tôi đã đưa các đồng chí của mình về quê họp bàn và biên tập bài vở. Ngôi nhà năm gian ở quê chúng tôi mà giờ đây vẫn còn giữ nguyên được hình hài, chính là nơi chứng kiến cha tôi cùng các đồng chí Khuất Duy Tiến, Trần Ngọc Hương, Nguyễn Đình Thi, Như Phong, Nguyễn Hữu Đang bí mật vào ra với những chỉ thị của Đảng, những truyện ngắn, bài thơ, tiểu luận có nội dung tiến bộ mà các ông gom góp hoặc tự mình viết cho tờ báo...

Cách mạng, kháng chiến rồi hòa bình. Cha tôi sẽ còn nhiều lần đưa các bạn văn của mình về chơi quê mà ông rất đỗi tự hào. Không tự hào sao được khi làng Dục Tú quê hương ông nằm lọt giữa vùng đất cổ kính xứ Kinh Bắc, một trong những cái nôi của nền văn hóa Việt Nam, nơi phát tích những tập tục lâu đời, những truyền thuyết lịch sử, văn hóa đầy màu sắc. Trong bài tùy bút Bắc Ninh quê hương tôi viết nhân lần đầu tiên về thăm quê sau chín năm kháng chiến, cha tôi kể lại rằng ngay từ bé ông đã say sưa với những hình ảnh phi thường về Đức Thánh Gióng, “người anh hùng đầu tiên trong lịch sử, mà vó ngựa còn in lại trên những cánh đồng khô của Phúc Yên lân cận”, với các giai thoại về những ông trạng lừng danh của đất Bắc Ninh văn học, “trạng Me đề trạng Ngọt”, những sự tích về bà chúa Chè người Kinh Bắc bên kia sông Hồng, cách Dục Tú có một thôi đường... Nhưng có lẽ Cổ Loa mới là niềm say mê hơn cả của cha tôi. Hồi ký của nhà văn Tô Hoài, nhà thơ Hoàng Trung Thông... - những người không chỉ một lần được cha tôi mời về quê chơi - đều kể rằng, từ Dục Tú, cha tôi hay cùng các ông sang thăm Cổ Loa. Nhà văn Tô Hoài nhớ lại: “Nguyễn Huy Tưởng say sưa muốn làm cho chúng tôi thấy được bên trong làng xóm, đồng bằng hôm nay, nơi này xưa kia đã nguy nga những thành quách có một không hai ở phương Nam với bao cuộc đấu tranh của vua Hùng, của vua Thục, của Triệu Đà... Làm sao phải thấy được cả vùng những Phong Khê và Kinh Bắc xa xưa...”. Những tích lũy của cha tôi về vùng đất Phong Khê lịch sử ấy, rồi đây sẽ được ông viết nên một áng văn xuôi như thơ cho thiếu nhi, truyện An Dương Vương xây thành ốc.

Một câu hỏi tự nhiên được đặt ra. Vậy thì, Nguyễn Huy Tưởng đã viết những gì về làng quê Dục Tú của mình? Trái với cảm nhận ban đầu, cùng với thời gian những trang viết của cha tôi về quê hương bản quán ngày càng có dịp đến với bạn đọc. Ngay từ “tác phẩm” đầu tay Cái đời tôi ông viết cho riêng mình, Nguyễn Huy Tưởng đã dành hầu như trọn vẹn những trang viết đầu đời để kể về quê hương và gia đình. Hãy nghe ông nói về làng mình khi mới mười tám tuổi: “Nó có cái mãnh lực kéo tôi về tận chỗ mạnh nhất của nó, là cái chỗ mà chúng tôi thấy nắng thì ắn, thấy mưa thì núp, là cái chỗ tối đến chúng tôi cùng nhau lăn lóc ngủ say, bên cạnh sẽ có thầy mẹ tôi sẵn sóc suốt đêm, rét thì đắp chăn cho, nực thì quạt mát cho, có muỗi thì buông màn, giạt mình thì ôm ấp. Chỗ đó, chẳng phải là cái nhà gianh vách đất, ở ngay giữa cái làng Dục Tú quý báu kia ư?... Nó không có tôi thì nó là vật không hồn, tôi không có nó thì tôi như con chim không tổ, con thú không hang”.

Thế rồi, lần hồi, ông kể lại chuyện mình, từ khi bắt đầu ý thức được về sự chăm ẵm của mẹ đến khi biết quan sát con người và cảnh vật quê hương. Đó là cái xường gỗ của cha mẹ ở ngay cạnh chùa làng, bên một cây si to tướng, nơi ông cùng anh Nhị ngày ngày lên chơi với những người thợ xẻ, chạy nhảy trên những khúc gỗ vừa to vừa tròn. Đó là cảnh đêm thu trăng tỏ, nhà

nào nhà nấy đóng cửa mà thi nhau đập lúa, tiếng lúa đập xuống cối đá kêu ùm ụp, cùng tiếng thóc vãi tứ tung, xen lẫn với tiếng cười nói luôn mồm; trong nhà, ông tôi kê bàn đèn vừa hút vừa nói chuyện với mấy người đập lúa ở ngoài; thỉnh thoảng, nghe chùng thấy mỗi và thấy chán tay, họ nghỉ đập vào bên bàn đèn của ông tôi, chậm rãi, dềnh dàng hút điếu thuốc lào, ăn miếng giầu, uống hớp nước[1]. Rồi là chuyện ông tôi cho làm cái chòi cao hóng mát, để cha tôi và cô Thứ có chỗ thoáng rộng mà chơi nghịch, vẽ vờ. Cái chòi ấy thực ra cũng nhỏ thôi, “chòi lợp rơm, lát ván, tường làm bằng phên trát vôi, bệ bằng đất có sáu bậc”. Ấy nhưng dưới con mắt cha tôi, người mà trong tương lai sẽ trở thành một cây bút có khuynh hướng sử thi, sự kiện cái chòi trong tuổi ấu thơ của ông bỗng có vẻ lớn lao khác thường. Khác thường ở chỗ nó liên quan đến một nhân vật khá thú vị là chú phó Cối, người được ông tôi thuê làm chòi. Đây là một người thợ “rất khéo léo về đường đục đẽo”, sở trường nhất là nghề chữa khung cửi. Và cha tôi đã không giấu giếm niềm say mê có phần thái quá đối với nhân vật này: “Thật là không có mấy tay thợ mộc làm được những cái mộng khít như chú”; “Chú chỉ cầm cái dùi đục, xem xét qua loa, biết hổng chỗ nào, cầm dùi gõ một cái, thế là xong, thế là khung cửi lại có thể dệt như thường mà có khi lại dễ hơn nữa”; “Giao cho chú làm việc gì, thì chú cầm đầu cầm cổ mà làm, không nghĩ một lúc nào, có khi mê mà quên cả ăn uống”... Bạn đọc yêu thích kịch Vũ Như Tô của cha tôi hẳn còn nhớ cái tên phó Cối ông đặt cho nhân vật phó mộc, một thợ thủ đắc lực của bác cả Vũ Như Tô trong việc xây Cửu trùng đài. Nhưng qua mấy dòng trên, ta còn thấy ông đã mượn hình ảnh của chính chú thợ phó Cối này để dựng nên những tính cách đặc trưng của nhân vật Vũ Như Tô: tài nghệ phi thường, mà cũng say mê đắm đuối đến quên mình. Ký ức về quê hương với những kỷ niệm thuở ấu thơ đã theo cha tôi ngay trong những sáng tạo đặc sắc nhất của ông.

Đến khi tham gia cách mạng, nhận rõ trách nhiệm phản ánh cuộc sống cần lao của thợ thuyền, ông cũng lại lấy vùng đất quê hương mình làm địa bàn sáng tác. Và lần này là về những người dệt vải ở ngay làng Dục Tú, trong đó có các cháu gái sống bằng nghề cửi canh của ông. Từ cuộc sống bấp bênh, cơ cực của dân làng, từ việc người dân bị đe dọa không được cấp sợi mà ông đã từng tham gia đấu tranh đòi lợi quyền, cha tôi có ý định dựng một cuốn tiểu thuyết về Những người dệt vải. Ngay trong những ngày viết đi viết lại Vũ Như Tô, ông lúc nào cũng đau đầu về cuốn tiểu thuyết này. Một ngày cuối tháng 11/1944, cha tôi lại về quê. Hôm ấy sáng trăng rất đẹp, Thiêm, đứa cháu gái xinh xắn của ông bỗng nói: “Trời đẹp thế này mà có sợi đánh ống thì đẹp biết bao”. Trong liên tưởng của cha tôi, đó sẽ là cả một cảnh đẹp trong cuốn Những người dệt vải tương lai của ông. Bất chấp những khó khăn của đời sống, bất chấp nạn đói đang dim chết mọi ý nghĩ cao xa, cha tôi vẫn miệt mài cấu tứ tác phẩm. Nhật ký ngày 7/5/1945 của ông ghi: “Bắt đầu viết Những người dệt vải. Hai giờ đêm còn cầm đầu trên giấy trắng. Viết chậm. Nhưng văn đã giản dị, nhẹ nhàng”. Nhưng rồi do yêu cầu công tác, chẳng mấy lâu sau ông đã phải ngưng sáng tác này: “Những người dệt vải đọng lại. Còn nhiều công việc quá. Lại còn đọc, viết trăm thứ” (nhật ký ngày 23/5/1945). Chúng ta biết rằng, vào thời gian đó Nguyễn Huy Tưởng đang được đoàn thể giao nhiều công việc, trong đó có việc viết bài cho các báo bí mật và chuẩn bị cho tạp chí Tiên phong sắp ra như đã nói ở trên. Sau đó ông lên chiến khu dự Quốc dân đại hội Tân Trào và bản thảo Những người dệt vải bị thất lạc, không còn có cơ được viết tiếp...

Cách mạng tháng Tám thành công, Nguyễn Huy Tưởng sẽ còn nhiều dịp trở về quê với nhiều tư cách khác nhau: người đi vận động Đời sống mới, ứng cử viên và sau đó là đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Ninh, nhưng trước hết là với tư cách một nhà văn. Trong bài tùy bút Ngày mùa ông viết nhân một ngày về thăm quê khoảng một năm sau Cách mạng thành công, ông ghi lại những hình ảnh vừa giản dị, thân quen mà cũng thật là cảm động: “Xe tôi đã qua đường nhựa, rẽ vào con đường đất quen quen. Một con khách đậu trên đỉnh một cây tháp đá xanh dựng ở đầu đường, nhàn hạ vỗ cánh bay. Một chú trâu già, đậu trên một đỉnh gò cao, cặp ngang đôi sừng đồ sộ, nhìn người lạ bằng đôi mắt chứa chan những mộng hiền lành. Ôi chim muông, đồng ruộng, người và vật và làng xóm thân yêu, ta lại về đây! Tuổi ta đã đứng, tính tình ta đã

khác, nhưng ta vẫn còn nguyên vẹn lòng hồn nhiên của kẻ quê mùa! Ta chào mừng ở các người và cả ở ta đây một cuộc hồi sinh vĩ đại!”.

Và với tấm lòng hân hoan ấy, ông đã hòa nhập vào cuộc gặt hái của bà con: “Tôi bỏ xe bên bờ ruộng và xuống với người quen... Tôi cảm liềm, giữa những tiếng cười bốn phía; tôi gặt được mười hàng lúa. Mẹ tôi hôm nay không lạnh lẽo, trái lại, đầy một hơi ấm mà người có thừa những ngày còn sống. Tôi thấy có một sự gì êm dịu. Không để ý đến tiếng sột soạt của liềm cắt lúa, tôi hình dung người mẹ đảm đang khi xưa, ngược xuôi buôn bán, vào sinh ra tử và làm lụng mãi cho đến giờ hấp hối...” Hẳn dưới tuổi vàng, bà nội tôi đã nghe được tiếng lòng của con trai mình nói với mình mà cũng là nói với mảnh đất quê hương nghèo khó mà sinh thành, đã cho một vụ mùa bội thu sau trận đói khủng khiếp: “Rơm phơi đầy trong các ngõ mấy cái làng tôi qua. Rơm làm bết bánh xe tôi. Chỉ những rơm là rơm... Nhiều gian nhà bỏ trống chất đầy một thứ rơm óng ánh như tơ... Lúa vàng làm cho tôi khuây khỏa”...

Mười năm sau, cha tôi lại có dịp về làng. Lần này, cũng lại một ngày mùa của năm 1956: “Mùa được lớn, thóc lúa reo cười, đầy tràn trong vựa, trên hè, ngoài sân. Đói bị đẩy lùi, đời no ấm mở ra rồi”. Niềm vui lẽ ra đã có thể rất trọn vẹn sau những gì quân Pháp gây ra ở làng ông: “Giặc Pháp đã càn đi quét lại cái làng trước đây trù phú. Cái lô cốt dựng đầu làng làm bờ ngõ bước chân quen thuộc. Nó mọc lên đồng thời với sự mất đi của biết bao nhiêu kỷ niệm, nào miếu Vua Bà, nào đền Đức Thánh, nào ngôi chùa nhỏ nhỏ bên đường, bị giặc san bằng không còn dấu vết”. Những năm kháng chiến làng ông bị lập tề, dân làng cơ cực không biết sống chết thế nào, ông vẫn khắc khoải mong đến ngày chiến thắng, cuộc sống lại từng bừng trở lại. Tiếc thay, những sai lầm trong Cải cách ruộng đất đã biến làng ông thành một thứ “thôn xóm im lìm” mà ông không thể không xót xa ghi lại trong bài tùy bút Một ngày chủ nhật: “Nhà nào sống nhà ấy, âm thầm lạnh lẽo, thiếu cái hơi nóng của họ mạc, láng giềng. Người gánh lúa gặp nhau ngoài đường cũng không niềm nở”; “Người cán bộ cải cách ít hiểu nhân tình thế thái, đã đi ngược lại những tình cảm họ hàng, làng mạc”, khiến cho “cuộc sống rời rạc, thiếu cái keo sơn của tình cảm”. Và ông “tự nhiên thấy tiếc cái vui vầy của tình lân lý, cái vồn vã của họ hàng, cái đon đả của bà cô, ông chú”. Bài tùy bút này về sau đã gây cho ông nhiều nỗi phiền, nhưng tôi dám chắc những nỗi phiền đó cũng không thể lớn hơn được điều phiền muộn diễn ra trong lòng ông khi ấy. Không phải kêu để mà kêu, than phiền để mà than phiền. Tình cảm quê hương với tất cả những sướng vui và buồn tủi, đớn đau và hy vọng... đã thôi thúc cha tôi tiếp tục nghĩ và viết về quê mình. Chúng ta biết rằng về cuối đời, Nguyễn Huy Tưởng thổi các công tác lãnh đạo để được chuyên tâm sáng tác. Chính trong lúc đang canh cánh việc viết lại Sống mãi với Thủ đô, sửa lại Vũ Như Tô, những tác phẩm tâm huyết nhất của ông, cha tôi đã nung nấu một đề tài mới. Ông khao khát dựng một bức tranh toàn cảnh về xã hội Việt Nam “với tất cả tâm hồn, nguyện vọng, quê hương, đất tổ, đồng ruộng, đền miếu, với đám cưới, đám ma, đám rước, với những légendes (truyện thuyết), với những câu chuyện lạ lùng, kinh khủng, với đạo Khổng, đạo Phật, đạo Lão, với căn nhà, mảnh ruộng, cái áo, nồi cơm...” (nhật ký ngày 22/4/1960). Trong cuốn tiểu thuyết sử thi ấy, ông dự định sẽ lấy hình ảnh mẹ mình để xây dựng nhân vật trung tâm, và lấy khung cảnh Bắc Ninh quê hương làm nền cho những diễn biến, đổi thay của nhiều thế hệ...

Chỉ ba tháng sau, tin nhà văn Nguyễn Huy Tưởng qua đời đưa về quê hương Dục Tú. Bệnh ác đã cướp ông đi thật bất ngờ, giữa lúc bút lực đang sung mãn, để lại biết bao dự định chưa thành. Có thể Nguyễn Huy Tưởng ra đi mà chưa viết được nhiều hơn về quê hương mình. Có thể cuộc sống bộn ba phần vì sinh kế, phần vì yêu cầu của cách mạng và kháng chiến đã khiến ông sớm thoát ly làng xóm thân yêu. Có thể dần dần, nhiều người Dục Tú cùng thời với ông, hiểu ông, đã từng gần bó với ông, cũng lần lượt ra đi... Nhưng có hề gì, một khi những trang viết của ông vẫn còn đó và ngày càng đến được với bạn đọc rộng rãi: những trang tác phẩm và cả những trang viết riêng tư trĩu nặng những nỗi niềm về con người, năm tháng, cuộc đời. Tất cả đều chứng thực một điều rằng, tình yêu quê hương - đó là những gì sâu lắng và bền bỉ nhất

của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng. Ông người làng Dục Tú, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội...

(Nguồn: Văn Nghệ, số ra ngày 1/7/2006)

[1] Dẫn theo Cái đời tôi, di cảo của Nguyễn Huy Tưởng, đăng lần đầu tiên trên báo Văn nghệ, 16/5/1992.

## Nguyễn Huy Tưởng - những điều mới biết qua con trai nhà văn Trần Nguyễn Anh

Anh Thắng nói rằng anh có ba kỷ niệm với cha mình - nhà văn Nguyễn Huy Tưởng. Tuy nhiên, anh không dám chắc đó có phải là những gì anh tận mắt nhìn thấy hay chỉ mường tượng ra, qua lời kể của mẹ. Anh nói: "Hồi nhỏ cha tôi hay cù tôi. Mỗi lần ông chìa ngón tay ra trước tôi là tôi cười ngặt nghẽo và vùng chạy cuống cuồng. Nhưng trong cái hình dung ấy, tôi còn... chưa đi vững cơ mà. Hay là chỉ do tôi tưởng tượng ra, nhỉ?".

Anh nói anh còn nhớ lần anh cùng chị gái nhìn trộm qua một cái lỗ nhỏ ở cửa, xem bố ngồi viết trong cái "buồng con" tự tạo. Bố mở cửa ra thì hai chị em ù chạy. Đó là hình ảnh duy nhất của anh về quá trình "tác nghiệp" của cha mình trong cái chái sáng tác.

Hình ảnh cuối cùng, đấy là khi anh nhào mình ra ngoài cửa sổ để vẫy tay với bố khi thoáng thấy bố ngồi trong chiếc xe cứu thương màu vàng chạy qua nhà.

Nhưng cái cửa sổ thì cao, anh lại bé xíu, làm sao anh có thể leo lên được? Đôi khi anh ngờ ngộ những ký ức ấy. Ví như chuyện chiếc xe cứu thương chạy qua nhà, dường như chính mẹ anh đã kể lại việc hôm ô tô chở Nguyễn Huy Tưởng đi mổ, ông đã đề nghị cho xe chạy qua nhà để chào từ biệt vợ con. Anh Thắng rút cục đã tìm thấy những ngày tháng của hai bố con anh, trong chừng bốn mươi cuốn nhật ký của bố để lại.

Nguyễn Huy Tưởng là mẫu nhà văn hay tự vấn, ít bằng lòng với công việc và bản thân, ông có thói quen viết nhật ký.

Thắng là con thứ năm, sau bốn chị gái. Nhưng ngày sinh ra anh, Nguyễn Huy Tưởng cũng chỉ viết rất ngắn gọn, như thói quen viết nhật ký của ông. Song với người con trai thì đó là những dòng chữ thiêng liêng.

**"4.5.1955**

*Bốn giờ sáng, vợ đẻ con gái. Không lộ vẻ mừng, nhưng trong lòng vui. Đặt tên cho nó là Thắng".*

Được hỏi về chuyện "cơm áo gạo tiền" của cha mình - các nhà văn xứ mình thường là sống chật vật, túng thiếu, liệu Nguyễn Huy Tưởng có phải là ngoại lệ - anh Thắng đáp:- Túng đấy. Thậm chí cho đến lúc cuối đời!

Tôi nhờ anh tìm cho ít dòng trong nhật ký Nguyễn Huy Tưởng ghi về chuyện túng thiếu. Nhật ký đã được lưu giữ trong vi tính. Anh Thắng đến vi tính và dùng công cụ tìm kiếm, gõ chữ "túng" chữ "tiền", thế là rất nhiều trang nhật ký hiện ra.

**"Ngày 16.12.1959**

*Bốn năm sau phát hành. Bản quyền không được là bao. Bản quyền mới tính từ 1-1-60 kia. Cái*

*việc mình làm thường cứ chất chường như vậy. Ta có mong gì có nhiều tiền đâu. Ta chỉ muốn có thêm phương tiện để mà làm cho được mấy cuốn tiểu thuyết đang dự định. Mà cũng không xong!”*

*“Ngày 1.2.1959*

*Những ngày cuối năm buồn tẻ. Lo cho sinh kế gia đình. áo quần không may được cho con. Tết nhất cũng chẳng có gì. Túng thiếu”.*

Anh Thắng giải thích: Mẹ tôi lúc ấy không đi làm, nhà lại đông con, chẳng có của ăn của để gì. Một người cả nghĩ như cha tôi không khỏi có lúc chạnh lòng.

*“Ngày 12.3.1959*

*Gia đình túng thiếu. Cạn tiền. Nghĩ đến nhiều anh em sung sướng hơn mình. Tô Hoài có hơn một triệu đổi tiền mới”.*

Nguyễn Huy Tưởng là mẫu người quen lao động trí tuệ, lầy lao động trí tuệ và sự suy ngẫm làm một giá trị lớn. Ông dường như chẳng mấy hòa nhập với cuộc sống cơm áo đời thường.

Năm hai mươi tuổi ông đã viết trong nhật ký của mình một câu rồi đây có thể coi là tư tưởng chủ đạo của ông: “Người không biết lịch sử nước mình là một con trâu đi cày ruộng. Cày với ai cũng được, mà cày ruộng nào cũng được”.

Cuộc đời của Nguyễn Huy Tưởng là một cuộc tìm kiếm ý nghĩa sự tồn tại của con người, khám phá lịch sử và từ đó xác định giá trị nhân tính của con người. Ông viết những tác phẩm nhiều màu sắc lịch sử xa xưa, như “Vũ Như Tô”, “Lá cờ thêu sáu chữ vàng”...

Nhưng phần lớn thời gian ông đào sâu vào lịch sử của thời đại mình, với những “Ký sự Cao Lạng”, “Lũy Hoa”, “Sống mãi với Thủ đô”... Tác phẩm “Bốn năm sau” mà ông đã nhắc ở trên là tác phẩm viết về Tây Bắc.

*“4.12.1958*

*Đường về Hà Nội, xe chạy băng băng... 16 giờ về đến Hà Nội. Mua ít mía cho con. Thắng nhớ bố: nó nói chuyện với chị nó không biết bây giờ bố thế nào. Không biết bố về có nhận được bố không. Cho cái Hòa cái kẹo thừa, Thắng phụng phịu”.*

Gia đình với Nguyễn Huy Tưởng là một chỗ dựa tinh thần thực sự. Ông dành rất nhiều trang nhật ký viết về gia đình đông đúc của mình, một người vợ không có việc làm và sáu đứa con nhỏ. Lịch sử, hiện hữu với ông, vừa là chàng Vũ Như Tô khí phách vừa là một gia đình đầm ấm nhưng con cái thì nhỏ mà lại hay ốm đau.

Trong hồi ức của mình, bà Trịnh Thị Uyên vợ nhà văn kể: “Phần tôi chỉ biết để sè bớt những nỗi nhọc nhằn của anh ấy, những lúc xong việc, tôi lại ra ngồi bên quạt cho nhà tôi đỡ nóng. (Giá mà chúng tôi có tiền sắm một cái quạt máy thì còn nói làm gì).

Tôi cứ ngồi lặng lẽ quạt, nhưng cũng có lúc buồn ngủ quá - tôi vốn quen dậy sớm để dọn dẹp nhà cửa - tôi thiếp đi lúc nào không biết. Không muốn làm phiền tôi, nhà tôi vào giường nằm để cho tôi cùng được ngủ. Nhiều khi ngủ được một giấc dài, tôi mơ màng quờ tay sang thì giật mình không thấy nhà tôi đâu nữa. Lắng nghe tiếng bút sột soạt cày trên giấy từ ngoài “buồng con” lọt vào...”

Nguyễn Huy Tưởng là mẫu nhà quản lý-nhà văn, khá đặc biệt. Có thời ông giữ chức ủy viên thường vụ Hội Văn nghệ Việt Nam, trực tiếp giải quyết nhiều việc lớn nhỏ của cơ quan, nhưng vì một vài bài viết tế nhị trong thời kỳ ấy ông thôi không giữ chức vụ nữa.

Tài sản chẳng có gì. Trong nhật ký ngày 5.1.1957 ông viết về việc này như sau : “Toại nguyện, nhưng cũng thấy buồn buồn... Và lo cho các con.

Rồi đây không ăn lương, không phụ cấp sẽ nuôi chúng nó bằng cách gì? Về ở đâu? Nhất là mình đã ăn trên ngồi chốc trên mười năm rồi, bỏ cái cuộc đời có đảm bảo ấy để sống một cuộc đời tự lực nhất định là lúng túng nhiều, nhất là không quen”.

Từ 1957, ông lao vào viết một loạt tác phẩm : “Sống mãi với thủ đô”, “Bốn năm sau”, “Lũy Hoa” “Lá cờ thêu sáu chữ vàng”, đến năm 1960 thì phát bệnh ung thư và qua đời.

Nhật ký ông viết:

*“27.5.1960*

*Bệnh trở nên đáng sợ. Tumeur abdominale. Tức là một thứ u ở gan. Ta đã sờ nắn thấy nó từ lâu, mà sao không đi bệnh viện? Sao không nói với vợ? Triệu chứng gì đã làm cho ta mê muội đến thế?”.*

*“1.6.1960*

*Trần trọc. Thương vợ. Chiều nào đến vợ cũng ứa nước mắt. Thắng, Chi đã khỏi sỏi. Lại ngày nào đi vào bệnh viện, Thắng hỏi bố phải mổ à? Vợ thương ta làm việc nhiều mà không được ăn uống. Lo mổ, lo cái u, chẳng biết đâu, chỉ thấy là nghiêm trọng rồi.*

*Ta chấp chớn, mê thấy mẹ trong một bữa cỗ. Lạ làm sao? Nghĩ gở. Nghĩ thương Thắng. Nếu là bệnh ung thư?! Đau khổ lạ lùng. Vợ và một lũ con nheo nhóc. Thục, Khánh, có còn được đi học nữa không? Vợ ta sẽ làm gì? Bao nhiêu sáng tác đang dự định. Và những sáng tác đã ra đời và phải hoàn mỹ: Vũ Như Tô, Bắc Sơn...”*

Anh Thắng nói: “Tôi lớn lên, đăng ký học bách khoa và được cử đi học xây dựng ở nước ngoài, không theo nghiệp văn chương. Đây là theo ý bố tôi - bố tôi không muốn chúng tôi phải vất vả”. Văn là nghiệp, không phải là nghề.

Bà Nguyễn Huy Tường, trong hồi ức của mình, kể lại: “Nhìn chăm chặp đứa con trai bé bỏng mà anh ấy chăm lo hơn cả bản thân mình, nhà tôi chép miệng thở ra: “Sau này các con đừng cho chúng nó theo nghề văn làm gì cho nó khổ”... (sách đã dẫn).

Anh Thắng trước làm ở báo Thiếu niên tiền phong khá gần báo Tiền Phong, viết phổ biến khoa học cho trẻ em, hiện nay biên tập mảng sách khoa học ở Nhà xuất bản Kim Đồng nơi Nguyễn Huy Tường là giám đốc đầu tiên.

Riêng có người em gái, là Nguyễn Phương Chi, hiện công tác ở Viện Văn, biên tập tạp chí Văn học. Thời sinh viên chị Chi đã sưu tầm được một số bài thơ và truyện thiếu nhi của cha mình viết từ trước Cách mạng.

Trong nhật ký của người con gái thứ hai, chị Nguyễn Thị Thục, những ngày tháng cuối đời của Nguyễn Huy Tường được ghi chép khá kỹ. Anh Thắng nói anh rất xúc động khi đọc những dòng viết của chị mình.

*“25.6.60*

*(...) Mổ cho bố có bác sĩ Tôn Thất Tùng và một giáo sư Liên Xô. Gần sáng họ mới mổ xong. Gan của bố ta như xơ mướp (...).”*

*“13.7.60*

*Chiều nay bác Phạm Văn Đồng vào thăm bố”.*

*“20.7.60*

*Phòng bố lúc nào cũng chật ních người vào thăm. Các cô các chú thay nhau mang hoa vào*



cắm.

Bác Nguyễn Tuân mua hoa đẹp nhất, bố vẫn khen. Bác Tuân bảo bây giờ phải phá tục lệ nên cắm hoa lúc còn sống, chứ chết rồi viếng hoa làm gì. Bố cười vui nhưng vẫn thấy được những nét buồn”.

“2.8.60

Hôm nay đã biết kết quả thi. Ta đã đỗ và được vào trường Trưng Vương. Ta không muốn đi học chút nào, chỉ muốn đi làm giúp mẹ cho mẹ đỡ vất vả.

Các bác, nhất là chú Thi (Nguyễn Đình Thi - BT) kiên quyết bắt ta đi học và bảo Hội sẽ có kế hoạch giúp đỡ gia đình.

Chú Tô Hữu chỉ thị cho Hội Nhà văn phải giúp đỡ gia đình chu đáo”.

Anh Thắng bảo anh thích nhất hình ảnh của cha anh qua nét bút của Nguyễn Minh Châu. Anh đọc gần như thuộc lòng một đoạn trong một bài anh viết về cha mình: “Một câu hỏi đặt ra cho tôi: Vậy thì về đại thể, bố tôi là người như thế nào? (...).

Mãi về sau này, khi đọc tiểu thuyết Lửa từ những ngôi nhà của nhà văn Nguyễn Minh Châu tôi mới tìm ra lời giải đáp... Ông đã tả bố tôi, cùng với vài chú bé Hà Nội khác, “ngồi ngắm liêu rù bên bờ hồ Hoàn Kiếm trên một chiếc ghế đá sau nhà bán hoa, giữa một buổi trưa xe háp-tờ-rắc của Pháp chạy âm âm trên đường Hàng Khay sau lưng” (sách đã dẫn).

Vâng, có thể trong mong muốn tưởng tượng của mình, anh Thắng nghĩ một trong những chú nhóc ấy chính là anh thừa nào?

Hà Nội đang có nhiều hoạt động kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Với rất nhiều cột mốc lịch sử, nhiều chiến thắng oai hùng. Và người ta không thể không nhắc đến những “Lũy Hoa” của Nguyễn Huy Tưởng, “Một lần tới thủ đô” của Trần Đăng.

Không chỉ là những tác phẩm của họ - những chàng trai Hà Nội đã viết về chính lịch sử thành phố mình. Mà người ta có thể còn nghĩ về “mấy ông nhà văn” lãng mạn ấy. Họ là ai? Cuộc đời họ thế nào nhỉ?

Những câu thơ của Nguyễn Huy Tưởng viết trong nhật ký, ngày 5.11.1934, có thể là một nét phác thảo về họ trong những thử thách khó khăn chẳng:

“Trông trời mù mịt sóng vỗ mạnh  
Bèo bọt lênh đênh, cảnh hiểm nghèo  
Thôi vậy, luyện tâm cho chắc chắn  
Lặng mình đi tới cõi cao siêu”.

12/05

\*\*\*

**Phụ đính II:  
Nguyễn Huy Tưởng VS Tô Hoài**

**Nguyễn Huy Tưởng**  
**Tô Hoài**  
(trích *Chân Dung Văn Học*)

Năm 1942, tôi quen Nguyễn Huy Tưởng trong một hội nghị ban dạy học hội *Truyền bá Quốc ngữ*.

Tôi làm giáo viên dạy buổi tối các lớp *Truyền bá Quốc ngữ* vùng Bưởi. Nguyễn Huy Tưởng có chân trong ban trị sự của Trung ương Hội.

Ở Hà Nội, phong trào chống nạn mù chữ đã nhen nhóm từ 1938, khi hội *Truyền bá Quốc ngữ* được thành lập, nhưng dần dần phải cho đến những năm 1940 mới phát triển ra khắp thành phố và ngoại thành, cùng nhiều tỉnh. Những người không biết chữ - phần đông là thợ thủ công, người, đi ăn đi ở các nhà giàu và thanh niên trong các làng nghề chịu khó đi học.

Nhưng cả người dạy học và người đi học đều không trong một tình hình bình thường. Hội *Truyền bá Quốc ngữ* phải công phu hù hào quyên góp thế nào cho có được sách bút mực phát không và kêu gọi đến thế nào cho có được người có tâm huyết sẵn sàng đêm đêm đi dạy học.

Trong những năm ấy, phong trào cách mạng đương lan rộng, tổ chức Việt Minh đã phát triển vào lực lượng giáo viên, học viên ở nội ngoại thành. Bởi vậy, những người có tinh thần tối nào cũng đi dạy học, đã nghiêm nhiên coi đây là một công tác có ý nghĩa to lớn. Điều đó đã được chứng thực ở Hà Nội ngay những ngày đầu cách mạng, tổ chức chống nạn mù chữ trở thành Nha Bình dân Học vụ, và hầu hết những anh chị em hội *Truyền bá Quốc ngữ* đều là cán bộ Bình dân Học vụ và các ngành văn hoá khác.

Với những người đi học, lại ở một cảnh khó khăn khác. Trong chiến tranh, bao nhiêu khát khe trói buộc của thực dân Pháp, lại thêm Pháp-Nhật ủng oảng, người ta phải hứng lấy đủ mọi tai bay vạ gió. Khủng khiếp nhất, nạn đói ập đến, như một cơn lốc, trời đất mịt mù. Thế mà những người cùng khổ ấy vẫn cắp sách đi học. *O tròn như quả trứng gà, Ô là đội mũ, Ô là thêm râu...* Người ta linh cảm những chữ i, chữ t, những lớp học toàn người nghèo, những thầy giáo tận tụy chỉ bảo, có điều gì khác thường. Không phải chỉ cố cho biết chữ, mà rồi còn có thể biết được một cái gì lớn lao đưa con người ta thoát ra ngoài những ngột ngạt khốn cùng của cuộc sống. Ở vùng tôi, cứ tối tối, các lớp học dưới Nghĩa Đô, trên Yên Thái quanh chợ Bưởi, trong ánh đèn le lói, đông nghịt người.

Tình cờ, Nguyễn Huy Tưởng ngồi cạnh tôi ở hội nghị, chúng tôi quen với nhau, anh bắt tay rồi cầm tay rất lâu, anh hơn tuổi tôi, người tầm thước, đĩnh đạc, đôn hậu. Bộ râu được cạo kỹ, chân râu xanh lên lặn má. Tôi kính trọng, khép nép trước vẻ đạo mạo của anh. Nhưng Nguyễn Huy Tưởng lại cười cười và nói: "Nhà văn, nhà văn trẻ quá, tôi rất phục, rất phục". Đôi mắt một mí của anh nhìn người ta một cách triu mến từ lúc thoát gặp. Đôi mắt ấy cũng bộc lộ nét riêng đức tính vốn quý người của anh. Và sự say mê cái đẹp cao cả thiêng liêng mà về sau, tôi càng hiểu rõ hơn. Đến với anh, người ta thương dễ có cảm tình ngay. Cũng như tình tình anh, con mắt đầu tiên nhìn người không lạnh nhạt, ơ hờ, mà độ lượng và sẵn sàng thân thiết.

Anh thường thấy ở người ta những cái đáng mến trước mắt.

Hồi ấy, tôi mới in được vài truyện ngắn đầu tay trên báo, cùng với truyện *Con đế mèn, Đế mèn phiêu lưu ký*. Nguyễn Huy Tưởng cũng có truyện dài lịch sử *Đêm hội Long Trì* đăng từng kỳ trên tuần báo Tri Tân.

Báo này chuyên về lịch sử hoặc khảo cổ, ít người đọc.

Rồi, tôi còn biết không phải đây là những sáng tác đầu tiên của anh. Yêu cái đẹp, đôi khi anh lại thiên về sùng bái. Nguyễn Huy Tưởng đã từng thích thú, thần tượng "triết lý sức mạnh" kiểu Phạm Ngọc Khuê. Để biểu hiện cái tư tưởng "siêu nhân" ấy, anh đã viết lý luận và sáng tác bằng tiếng Pháp. Tất nhiên, rồi cũng vứt đi hết những trang chữ viển vông, và cũng là câu chuyện tự cười mình, mỗi khi kể lại những ngông cuồng chốc lát của tuổi trẻ. Nghĩa là, Nguyễn Huy Tưởng đã có tước muốn cầm hút hần hoi mà chưa tới được đâu. Cho nên, Nguyễn Huy Tưởng mới bảo tôi: Đàng ấy mới là nhà văn. Còn tớ, cũng múa may đấy, nhưng chỉ là thằng "sớm vác ô đi, tối vác về".

Ấy là anh nói theo một cách tính giản dị, vừa đúng mà cũng vừa nực cười chua chát, anh đã ước muốn cuộc đời của tôi, một người thất nghiệp dở, sống còm cõi bằng vài đồng nhuận bút. Nhà văn Vũ Ngọc Phan có lòng tốt, đã trả nhuận bút, mỗi khi tuần báo *Hà Nội tân văn* của anh ấy đăng cho tôi một cái truyện ngắn.

Có lẽ cả Hà Nội chỉ có Vũ Ngọc Phan làm cái việc phúc đức ấy. Báo khác, kể cả những tờ tuần báo *Ngày nay*, báo *Chủ Nhật* của văn đoàn Tự Lực nổi tiếng đã in truyện ngắn *Mé gái* (Con gà mái ri) của tôi lên trang nhất, nhà văn Khái Hưng ra tiếp tôi, bắt tay thật chặt mà cũng không trả tôi xu nào và không cho tác giả được một tờ báo biếu! Bởi vì, không có thể lệ thế. Lý do: tự dung ông gửi bài cho tôi chứ không phải tôi mời ông viết. Tôi chỉ trả tiền người tôi mời viết. Thế là ông cần tôi, thì không lẽ gì tôi lại phải trả tiền ông. Dẫu cho cả năm ông gửi bài đến và tôi in, cũng vẫn là ông phải cảm ơn tôi. Luật rừng của nghề báo thời ấy.

Những hoạt động chống nạn mù chữ cứ đi vào giữa những trớ trêu, những khủng khiếp của tình thế. Nhưng mà phong trào vẫn lan rộng. Chúng tôi xuống Nam Định. Cùng đi với đội kích ban tuyên truyền của Hội.

Tôi nhớ đại khái ban kịch có một vở vui nhộn, cổ động đi học. Câu chuyện vợ chồng Vua Bếp và các thần đất, thần thổ tả hăng hái học quốc ngữ. Bấy giờ diễn kịch còn là một việc rất mới. Nhưng vở kịch này đến đâu cũng được người ta cười ngặt nghẽo. Chúng tôi góp nhật anh em lại, đã đi các lĩnh, lần này xuống Nam Định.

Những đêm kịch cổ động *Truyền bá Quốc ngữ* ở thành phố Nam Định thế nào, không còn nhớ. Chỉ nhớ trong số người đi với đoàn kịch có Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Huy Tưởng, Trần Kim Xuyên(1) - một công chức trẻ hăng hái. Tôi nhớ nhất những hôm ở Nam Định, anh Sắc bạn của Nguyễn Hữu Đang. Ông bầu Sắc của chi nhánh hội *Truyền bá Quốc ngữ* dưới ấy chúng tôi đã ăn no kèn bụng và sao mà ăn khoẻ, ăn ngon miệng đến thế. Khốn khổ, ở Hà Nội, nếu không cả lũ, thì ít nhất có Nam Cao và tôi đương đói vêu, ngày có một bữa. Bấy giờ được chén cơm thoải thuê, đến đổi chỉ ở Nam Định vài hôm mà có cảm tưởng trong người phồng phao hẳn lên.

Trên chuyến tàu thủy trở về, chúng tôi nằm dõn vào một góc boong tàu áp cái guồng quay rào rào đình tai. Chao ôi, những cái tàu thủy sông Hồng đường Nam Định, Thái Bình hồi ấy. Tàu Long Môn, tàu Bắc Kinh, và còn bao nhiêu con tàu, chủ tàu. Đã có lần tôi, viết về những chuyến tàu thăm hại này mà vẫn như chưa viết.

Con sông sống, con sông chết. Người vùng đói không thấy có cái tàu cứu mình bỏ xứ đi nơi nào đấy, hoạ may bới đất lật cỏ ở đâu mới ra cái ăn. Mỗi khi nghĩ lại, vẫn thấy lù lù những con tàu năm đói hiện ra những ghê rợn này. Cái tàu cô độc xinh xịch giữa sông.

Đêm cũng như ngày, trên bờ, đoàn người rách rưới nháo nhác nhìn theo chạy theo, tàu màn xé, người xô ra, ai ngã xuống sông cũng mặc, ai chưa lên được lại đuổi theo. Cái tàu nghiêng đi hất người xuống nước vì người ta trèo lên đông quá. Cái tàu lại đắm vì bị máy bay Đồng Minh đuổi đánh, máy bay Mỹ ném bom tất cả những cái di chuyển trên sông.

Chiếc tàu đem chúng tôi trở về Hà Nội cũng là cái tàu chở người đói như thế. Màn xé vào bến nào, người lao xuống, tàu chòng chành chênh cả chân vịt, cả guồng lên. Tàu không dám vào bến nào nữa. Cứ thế, chạy về Phà Đen.

Trời tờ mờ sáng, trong cảnh bối rối người tranh nhau lên. Không hiểu thế nào, hỏi há đi tìm cái ăn, không lên nhanh thì chết hay sao. Một tấm ván bắc chênh vênh. Mỗi lán lườn tàu nghiêng đi, tấm ván bập bênh rúm lại, người ngã lộn bộp xuống nước, tiếng rú thất thanh cũng rơi theo. Người cứ chen ra, cứ rơi...

Chúng tôi đứng chụm vào trong boong, rã rời cả người. Đêm qua oi quá. Cái guồng máy lại quay ào ào suốt đêm dưới gáy, ai nấy cởi trần nằm xếp quần áo gối đầu. Thế nào mà sáng ra Trần Kim Xuyên rờ thấy mát cái quần. Cũng chẳng có gì khó hiểu. Chắc là sức trai đương tuổi ăn tuổi ngủ, người nào đi qua đã rút mát.

Ngoài cầu, chốc lại tiếng rú, tiếng khóc. Nguyễn Huy Tường thở dài.

- Có khi cái quần của thằng Xuyên cũng ngã xuống nước rồi.

Câu nói đến lạnh rợn. Chúng tôi không ai nghĩ đến chuyện thế nào là ăn trộm, ăn cắp. Nạn đói ghê gớm đương trùm lên tất cả. Rồi Nguyễn Huy Tường bàn:

- Nhà máy ở trên dốc Hàng Than gần đây, hay là máy mặc cái quần của tao về rồi lại đem ra cho tao.

Mọi người đương dăm chiêu mà cũng phải cười gượng. Trần Kim Xuyên nói to:

- Có gì mà phái phiền nhiễu. Tớ chỉ lột cái sơ mi ra là chẳng khác gì cu-li xe cởi trần quần đùi đi làm đêm về. Rét bỏ mẹ mà kia lên đê khối người ở trần.

Trần Kim Xuyên cởi phăng áo cầm tay, và chúng tôi lên bờ. Chúng tôi bước im lặng.

Nguyễn Huy Tường nói một câu, như đương nghĩ dờ:

- Đến thế này thì dạy người ta biết chữ để làm gì!

- Phải làm thế nào?

- Những người chúng ta dạy chữ đương chết đói.

Tôi nói:

- Rồi đến chết cả chúng ta.

Nguyễn Huy Tường dăm dăm nhìn tôi.

- Chi có đoàn thể...

Tôi nhìn lại Nguyễn Huy Tường. Nguyễn Huy Tường đã có hoạt động bí mật. Hai chữ "đoàn thể" rất thiêng liêng đối với chúng tôi.

Ít lâu sau, một cuộc họp của một tổ *Văn hoá Cứu quốc* địa điểm được hẹn ở phố Giác-canh (Jacquin), một phố khuất sau Chợ Hôm. Đến nơi, mới biết đây là nhà Nguyễn Huy Tường. Chúng tôi, như vò lầy nhau. Điều bất ngờ, điều bất ngờ mà chúng tôi cảm thấy và mừng tượng ra, đã lâu.

Từ đây, Nguyễn Huy Tường là người liên lạc giữa mấy tổ, bí mật khác nhau...

Một điều, đặc biệt là mật thám Pháp đến cả những ngày cuối cùng đời thực dân ở Đông Dương, vẫn ráo riết khủng bố cộng sản. Một số anh em chúng tôi bị bắt năm 1944. Thế mà sau đảo chính Nhật 9 tháng ba 1945, đoàn thể cứu quốc các giới ở Hà Nội gần như công khai hoạt động. Tín phiếu của Việt Minh được rộng rãi mua ủng hộ, có người không làm Việt Minh cũng muốn có tờ tín phiếu. Nhiều tay sai mật thám Pháp còn lại, đã bị những đội trừ gian của Việt Minh tiểu trừ. Tên Sinh, mẹ Thiên Nga và bọn Cai Long, Ba Lự ở Bưởi đã phải đền nợ máu. Nhật càng điên cuồng, khát máu, chúng bắt và bắn tức khắc. Trên đường từ Phùng lên Sơn Tây vốn nhiều cướp đường, Nhật vào làng lôi người ra, chém đầu, treo lên cây. Phát xít Nhật cùng quẫn, hỗn loạn.

Trước thời cơ ấy, các đoàn thể cứu quốc trong thành phố đã rộ hẳn lên và ra mặt thị uy. Treo cờ nóc tàu điện. Rải truyền đơn giữa phố Pôn Be. Rạp Tố Như, Hàng Bạc đương buổi diễn, đèn phụt tắt, cán bộ Việt Minh lên nói chuyện hô hào tổng khởi nghĩa và tung truyền đơn. Kho thóc của Pháp, của Nhật ở làng Mọc ngoại ô bị phá chia cho người đói. Cả đến các kho ở phố Bắc Ninh và dưới Phà Đen cũng bị tan tành. Chợ Canh, chợ Diễn, phiên nào Việt Minh cũng mít tinh tuyên truyền võ trang. Người ta thì thảo súng ống đã được đưa từ chiến khu về: suốt đêm tải sang sông.

Những cán bộ nữ Việt Minh, chít khăn vuông, đeo kính đen, tay cầm súng lục, vừa đứng trên bàn diễn thuyết giữa cầu chợ, lại biến ngay đây. Tiếng đồn càng dậy lên.

Chúng tôi gặp nhau luôn. Không phải còn giữ bí mật nghiêm ngặt như mọi khi chỉ tổ ba người biết với nhau. Chị Tường đem các con đi tránh bom Mỹ về quê đã lâu. Một mình Nguyễn Huy Tường ở lại. Chẳng biết cái sở Đoan anh làm có còn ở Hà Nội hay đã đi trốn bom, chỉ thấy anh mặt quần soóc, với cái xe đạp trần trụi không phanh không chuông đi khắp nơi. Chẳng mấy ngày không lên Nghĩa Đô gặp Nam Cao và tôi.

Khi thúc bài cho báo Cứu Quốc, khi đem lên báo *Cờ Giải phóng*, tạp chí Cộng sản. Căn gác nhà Nguyễn Huy Tường có cửa khoá chữ, anh để số 1789, năm cách mạng Pháp, chúng tôi đều biết, ai đến cứ việc mở vào, lúc ngủ nhờ, lúc hội họp. Nguyên Hồng không còn ở dưới bãi Phúc Xá, anh đã đưa gia đình tránh bom về Thuận Thành bên Bắc Ninh. Thỉnh thoảng, hai vợ chồng đi một chuyến buôn nón và áo tơi. Cả cái xe bò nón lá của Nguyên Hồng cũng được đẩy đến để trước cửa, có khi tá túc mấy hôm rồi lại chồng cầm cang vợ ẫn xe qua cầu Long Biên về bên Bắc.

Những cuộc họp nghiên cứu tài liệu Việt Minh đọc các báo bí mật, có khi chúng tôi ở cùng

nhau liền mấy ngày. Hồi này, Lê Quang Đạo, bí thư ban cán sự đảng ở Hà Nội, sau lần bị mật thám bắt hốt ở nhà Vũ Quốc Uy, phó Phó Đức Chính bây giờ, đã lên chiến khu Việt Bắc. Nhưng các tổ *Văn hoá Cứu quốc* vừa được sự chỉ đạo trực tiếp của trung ương chặt chẽ và liên tục mà sau này tôi mới được biết cơ quan của thường vụ đóng ở Xuân Đỉnh, Phú Gia, Phú Thượng và các làng ven hai bờ sông Hồng. Trần Độ Trần Quốc Hương và Văn to đầu (Khuất Duy Tiến), các cán bộ phái viên của Trung ương thường đến với chúng tôi. Lúc thì ở nhà Nguyễn Huy Tưởng, khi vào làng Vạn Phúc trong Hà Đông, nhiều hôm ở nhà tôi trên Nghĩa Đô, có lần ở cái nhà nghỉ hè của nhà Như Phong xóm Cung bên Tây Hồ.

Trong những cuộc họp mở rộng ở nhà Nguyễn Huy Tưởng, ngoài các anh em, như Trần Huyền Trân, Nguyên Hồng. Nam Cao, thêm Hồng (Thép Mới) là sinh viên. Lưu Văn Lợi cùng làm sở Đoàn với Nguyễn Huy Tưởng và Nguyễn Cộng Mỹ, nhà giáo dạy dưới Hải Phòng cũng lên bắt liên lạc.

Chúng tôi đương sửa soạn in bí mật số 1 báo Tiên Phong, cơ quan của hội *Văn hoá Cứu quốc* Việt Nam.

Tình hình chuyển biến hết sức khẩn trương. Trong một cuộc họp ở Vạn Phúc trong Hà Đông, *Văn hoá Cứu quốc* được cử đại biểu trong đoàn trí thức Hà nội đi dự Quốc dân Đại hội ở Tân Trào: Nguyễn Hữu Đang: Nguyễn Huy Tưởng.

Bút ký *Lên chiến khu* của Nguyễn Huy Tưởng in nhiều kỳ trên tạp chí Tiên Phong sau Tổng khởi nghĩa đã kể lại chuyển đi với những kỷ niệm không bao giờ quên của anh về những ngày lên vùng trung tâm cuộc tổng Khởi nghĩa.

Trong những tưởng lượng hào hứng của chúng tôi ngày ấy, cả nước đã thành chiến khu, và thiêng liêng, bí ẩn vô cùng là các chiến khu biên giới phía bắc. Hình ảnh gương chiến sĩ đứng cảm, hy sinh được đọc trên báo bí mật *Cờ Giải phóng*, Kèn gọi lính, Cứu Quốc đã tường thuật những trận quân giải phóng phục kích Nhật ở châu Tự Do (Sơn Dương), ở Bắc Cạn: rồi trận tiêu diệt đồn Nhật trên núi Tranh Đẩu (Tam Đảo) giải phóng một trại tù binh Pháp ở Hà Nội, chỉ đứng trên đê sông Hồng đã trông thấy núi Tam Đảo xanh biếc.

Tin tức các nơi rầm rộ. Khắp nước, đã thành chiến khu, các Chiến khu Hoàng Hoa Thám. Lê Lợi, Quang Trung, Trần Hưng Đạo, Phan Đình Phùng, Trưng Trắc, Nguyễn Tri Phương, Hà Nội cũng được bí danh là thành Hoàng Diệu. Như đã trông thấy trên núi rừng phía bắc, các dân tộc Kinh, Thái, Nùng, Mán đoàn kết đương sôi sục chuẩn bị khởi nghĩa, cuộc khởi nghĩa sắp bùng nổ, tràn như nước cuốn về đây rồi.

Chiến khu! Chiến khu bí mật, hấp dẫn, mong ước, chờ đợi, tất cả ở hình ảnh chiến khu.

Nguyễn Huy Tưởng và tôi đương đi tàu điện Bưởi xuống Bờ Hồ.

Những cái hầm xây gạch nổi để nắp máy bay, lỗ chõ, vắn vèo lượn xung quanh hồ Hoàn Kiếm đã bị người đối các nơi về chiếm ở chi chít như tổ mối đùn.

Ngày nào cũng có báo động: Máy bay Mỹ đã ném bom xuống nhiều chỗ đông người trong thành phố, chợ Hàng Da, ngõ hàng Đũa sau ga Hàng Cỏ, các phố khu Đẩu Xảo và vùng Bưởi, Quận Ngựa... Tôi làm chân "phòng thủ thụ động" đi khiêng người chết không biết bao nhiêu mà kể, từ dưới Bờ Hồ lên dốc vào hàng Đào xe bò chất những bao gạo đóng tải

trắng nối đuôi nhau, người đẩy xe cúi rạp mãi miết. Đây là kho gạo dỡ ra hay đây là gạo Sài Gòn mà những chuyến tàu hoả, tàu thuỷ của nhà binh Nhật mới thoát bom đêm trước, lọt vào ga Hàng Cỏ hay bến Phà Đen. Không biết tải đi đâu.

Nhưng chắc không phải gạo phát chẩn. Lính Nhật đeo súng cưỡi xe đạp canh hai bên hàng xe.

Tiếng còi trên nóc Nhà Hát lớn bỗng rú từng hồi.

Báo động! Những chiếc xe bò gạo thành linh chững lại giữa dốc. Người cầm còng quỳ xuống. Không biết tại đói quá nặng quá hay hết hoảng quá, không ùn lên nổi nữa. Đoàn xe ùn lại. Người tứ phía nhao nhao ra: Bọn Nhật đã nằm ghếch súng nấp sau những chiếc xe đạp quảng chông gọng giữa đường. Mặc, người cứ xô đến cướp gạo, như sóng đen nghịt...

Máy bay âm âm tới, những chiếc phóng pháo hai thân hiện ra phía lòng Hồng, rồi một đoàn trắng xoá ba cái một, lừ lừ đến tiếng rú rền ngay trên đầu. Đạn cao xạ nổ ùng ục vào nền trời xanh nhể nhạt: người ta đã phân biệt được súng phòng không Nhật khói trắng khác súng Pháp khói đen sì ở pháo đài Láng và Xuân Tảo. Tiếng bom rơi nổ từng chập, dậy đất, nghe như... lại nhà xe lửa Gia Lâm... lại ở Sét, ở Giáp Bát...

Máy bay vẫn rền trên đỉnh đầu, bom xuống đây rồi, bom đến nơi rồi...

Bọn Nhật bỏ cả xe đạp, chạy chết. Những chiếc xe bò gạo đã được đám người đến xúm xít đẩy biến về phía phố Bắc Ninh. Trong chốc lát, giữa dốc chỉ còn lại xác người cầm còng ngã lúc nãy, đã bị lính Nhật đâm chết, máu loang khắp mặt đường. Chiếc xe bò trống không, cái trục gãy rời ra, hai bánh nằm úp như hai cái nong, mấy chỗ gạo lẫn máu - cái gạo máy Sài Gòn hạt tám hạt gầy trắng nhờn như vôi bột bắt đầu khô đen lại.

Đây là những cánh Hà Nội đau thương cuối cùng, khi chúng tôi chia tay.

Nguyễn Huy Tưởng thì thào:

- Cậu có biết trên chiến khu bây giờ, một lão đồng chí quốc tế về lãnh đạo cách mạng? Có nghe đồn Nguyễn Ái Quốc đã về chiến khu không? Tổng khởi nghĩa đến nơi rồi.

Rồi Nguyễn Huy Tưởng ghé sát tai tôi:

- Thôi, mình đi nhé.

Tôi cầm tay bạn sắp đi. Tôi không biết đi đâu, nhưng chắc đi xa. Cảm động, bùi ngùi, đau xót. Cái quang cảnh người chết, người cướp gạo vừa rồi đã lấy đi hết cả những câu nói của chúng tôi. Mỗi người không biết ngày mai thế nào. Chúng tôi chỉ nhìn nhau.

Rồi Cách mạng tháng Tám thành công. Trong cuộc họp đầu tiên gặp lại Nguyễn Huy Tưởng, ở nhà Trần Kim Xuyên trên Hàng Than, Tổng bí thư Trường Chinh đã phân công chúng tôi vào mọi công tác báo chí, tuyên truyền, thông tấn, phát thanh, bình dân học vụ...

Bề bộn những công việc mới. Nguyễn Huy Tưởng ở trong ban phụ trách hội Văn hoá Cứu

quốc, lại biên tập báo *Cờ Giải phóng*, cơ quan đảng Cộng sản Đông dương.

Một hôm, Nguyễn Huy Tưởng đến báo Cứu Quốc tìm tôi. Chúng tôi đạp xe lên ô Yên Phụ rồi ra Phú Gia.

Tôi cũng không hỏi đi đâu. Vẫn còn thói quen giữ bí mật công tác như dạo trước. Thì ra, Nguyễn Huy Tưởng rủ tôi đến một nhà cơ sở ở dưới bãi làng Gạ.

Trước khi lên chiến khu, Nguyễn Huy Tưởng đã được giao thông đưa đến đọi liên lạc ở đây. Rồi, anh để lại áo sơ mi, quần tây thường mặc. Ở trạm anh em đưa cho Nguyễn Huy Tưởng bộ quần áo nâu cũ và cái nón mê.

Anh sang sông, lên châu Sơn Dương. Đò sang ngang chỗ bến Hối.

Chúng tôi lên mặt đê, trông sang Hối. Chỉ thấy một làn dâu xanh mờ. Nước sông Hồng đương cỡ lớn, mênh mang đỏ rực. Nguyễn Huy Tưởng nhìn xa xôi, nghẹn ngào:

- Những ngày lên chiến khu, mình nhớ...

Nguyễn Huy Tưởng vốn người trầm mặc, dẫu gặp việc vồ vập, bồn chồn, anh vẫn thường giữ điềm nhiên.

Nay anh lại sa nước mắt. Cái vui của con người, dẫu cho bề ngoài âm thầm, không phải bao giờ cũng lặng.

\*\*\*

Nguyễn Huy Tưởng người làng Dục Tú. Dục Tú cạnh Lộc Hà, quê nhà văn Ngô Tất Tố. Những làng ven nội xinh đẹp, cổ kính ở bờ sông Hồng.

Tôi bỗng nhớ một chuyện thật sự thiết tha và tự nhiên của một ngòi bút với đất quê. Nguyễn Huy Tưởng, con người và tình cảm cùng trang giấy trắng trước quê hương.

Những lần về Dục Tú với Nguyễn Huy Tưởng.

Thường những ngày giáp tết hoặc tháng hai, tháng ba, vào buổi xuân sang hội hè, tết nhất ở các làng ngoài thành. Nguyễn Huy Tưởng hay rủ bạn về Dục Tú.

Mưa bụi vùn vùn trên cánh đồng màu. Có những đoàn người trẩy hội đi qua cửa đình. Không phải chỉ loàn những tiếng cười ròn của đám con trai quần phăng áo trần thủ ô trám và những cô gái sơ mi hoa đào. Mà còn thiết tha nhen nã các bà áo bông ngắn mặc ngoài tấm áo the nâu, miệng nhai trầu bồm bẻm. Trong làn mưa nhẹ như sương, xa kia, sừng sững mờ mờ không nhìn rõ là chân tường thành cổ hay những dãy nhà máy đang lên móng phía Đông Anh. Những gợi cảm thật lạ lùng. Trong cái vui xuân trên miền đất phát tích của dân tộc không phải chỉ có một bề hoài cổ, mà còn những nỗi niềm, những khát khao của mỗi người cầm bút hôm nay.

Về Dục Tú, lần nào cũng sang Cổ Loa. Tất nhiên, Nguyễn Huy Tưởng là người thuộc Cổ Loa nhất trong bọn, anh chỉ cho biết nên để ý, nên xem Cổ Loa những gì, như thế nào. Một



điều dị thường mà lại bình thường, mỗi khi ta thăm những nơi có di tích từ truyền thuyết đến hôm nay. Làm sao mà được cảm thông từ hồng hoang đến một lúc bây giờ. Vậy mà Nguyễn Huy Tưởng đã có những say sưa ấy. Đi trên những gò cỏ, những bờ thành đất, dưới cây đa cổ thụ, bước thẩn thờ trong đường quanh bờ tre những bãi mía xanh tốt và những làng xóm lá mít xum xuê mà trông ra nghìn xưa.

Nguyễn Huy Tưởng hằng hái làm cho mọi người thấy được bên trong làng xóm, đồng ruộng ấy, xưa kia đã nguy nga những thành quách có một không hai ở phương nam từ thuở ban sơ của đất nước với bạt ngàn chiến trận của vua Hùng, vua Thục, của Ngô Quyền.

Làm cho chúng tôi phải thấy được cả một trung du giáp núi giáp đồng bằng với những kẻ Nhồi, kẻ Vang, kẻ Chủ, đất nước của những con người mở đầu hiển hách thế nào. Nguyễn Huy Tưởng lúc nào cũng mê mải, suýt xoa, mỗi lần kể những điều anh mới biết thêm, mới nghĩ ra.

Vết tích của chợ Sa ở Cổ Loa. Chợ Sa là xa gần, chợ Sa là cái sa xe chỉ hay chợ Sa là tên người, tên họ, hoặc cái gì khác. Địa điểm chợ Sa chỗ nào tụ hội giữa thành hay đầu bến, chợ giữa thành và chợ đầu bến, tính chất khác nhau đấy. Những lúc ấy, Nguyễn Tuân - mà nơi sinh và quê gốc anh ở Mọc Thượng Đình huyện Từ Liêm, hào hứng vào chuyện: các anh chắc biết đường tiến quân của Đô đốc Bảo(2) sau khi đánh tan cả vạn quân Thanh ở Đàm Mực tôi tiến ra Đống Đa. Thế thì, cánh quân Đô đốc Bảo phải vu hồi lên Kim Giang, Kim Lũ rồi lập kết ở bốn làng kẻ Mọc chúng tôi chứ?

Chuyện đấy những đoạn ấy bao giờ cũng sáng khoái quanh truyền thống và lịch sử Hà Nội hôm qua hôm nay. Hiểu biết đến thế nào, bàn bạc đến bao giờ cũng không đến đâu cùng. Ý thức và tình cảm đó đã như tự nhiên trong Nguyễn Huy Tưởng. Cả mỗi khi viết cho các cháu đọc. Những tích lũy về vùng quê cổ kính nghìn đời của anh, Nguyễn Huy Tưởng mới chỉ cho lứa tuổi bạn đọc thiếu nhi được thưởng thức chút ít ở một áng văn xuôi như thơ, truyện *An Dương vương xây thành Ốc*.

Hai mươi năm cầm bút, Nguyễn Huy Tưởng đã sáng tác nhiều thể loại văn xuôi nhiều đề tài khác nhau. Nhưng, với anh, đề tài Hà Nội là tiềm lực sức sống liên tục trong tất cả các giai đoạn và là những tác phẩm chính của Nguyễn Huy Tưởng. Ở mỗi trang Nguyễn Huy Tưởng đều có thể gặp được bóng dáng của Cổ Loa, của Thăng Long, của Hà Nội. Trong đó, cuộc sống và con người, từ truyền thuyết tới ngày nay, qua mọi giai đoạn lịch sử, vẫn là một con người Việt Nam nhẩn lại, kiên cường đương đầu với mọi thử thách, mọi biến thiên và đứng vững. Là cây bút sử thi hùng tráng, Hà Nội của Nguyễn Huy Tưởng bao giờ cũng lộng lẫy và hùng vĩ, ngay từ những tác phẩm ban đầu Có nghĩa là từ khi Người cầm bút chưa hẳn đã có một ý trí và đường hướng rõ rệt, nhưng lăm lăm đối với lịch sử và quê hương từ tiềm thức đã gắn bó và thôi thúc.

Thực tế tình cảm ấy là bộ phận quan thiết xương máu trong cơ thể vốn sống người viết. Một nhà văn phải tạo ra, phải rèn luyện cho có được những vùng quê của sáng tác. Hai chữ "vùng quê" ở đây có ý nghĩa nhắc nhở người cầm bút không được lơ đãng một phút đắm mình trong thực tế để có được những kỷ niệm thiết tha trong đời. Vùng quê sáng tác của nhà văn có thể bất cứ ở đâu, mà những!nguyên quán, sinh quán của người cầm bút chỉ là một trong những trường hợp - trường hợp tự nhiên, nhưng có giá trị to lớn đối với người cầm bút. Nguyễn Huy Tưởng với Hà Nội là như vậy Nguyễn Huy Tưởng viết hai tác

phẩm đầu tay trong những năm 1940, tiểu thuyết *Đêm hội Long Trì* và kịch *Vũ Như Tô*.

*Đêm hội Long Trì*, những sinh hoạt xưa ở kinh kỳ mà trong đó, huyền ảo những cảnh lộng hành bạo ngược của chị em bà Chúa Chè người Kinh Bắc. Những đau khổ của người dân phải chịu đựng mọi thói ăn chơi vô độ của các triều đại vua chúa. Nhưng chông chênh giữa những oan khiên này vẫn thấy được đời sống người Kẻ Chợ cùng mọi quang cảnh phố phường sinh sôi Đầy là sức sống âm thầm mà mãnh liệt của "bách tính" đã làm nên bao đời Kẻ Chợ. Thăng Long nhộn nhịp suốt sáng không biết có đêm trong những đêm hội Long Trì quanh hồ Gươm, hồ Tây. Những hội vật đua tài của đô các lò ở Kẻ Chợ đã có nói. Những đám rối cạn, rối nước, những cuộc đánh roi rất hiệp sĩ của kinh thành vốn đất thượng võ. Rồi chọi gà, thả chim, đu tiên, chợ thi cây cảnh và những đám rước kỳ ảo, thần tiên. Thôi thì mặc sức, từ ngoài ô vào đến phố phường quanh hồ, đêm ngày nô nức người về hội. Những quang cảnh bộc lộ và biểu hiện sức mạnh truyền thống của dân tộc, các triều đại cứ thay đổi, ân oán và giết chóc cứ lay chuyển tất cả các cung vua phủ chúa, Kẻ Chợ ngày một sầm uất.

Ở kịch lịch sử *Vũ Như Tô*, Nguyễn Huy Tưởng đã miêu tả một nghệ sĩ lớn thời Lê. Công trình vĩ đại của *Vũ Như Tô* chỉ còn được một dòng chữ trong sử sách, những muôn đời người Kẻ Chợ ngược trông lên vẫn thấy trên trời nước hồ Tây ẩn hiện bóng cao trăm trượng toà lâu đài cực kỳ tráng lệ. Công trình của *Vũ Như Tô* - kết tinh tinh hoa đất nước, mơ ước xây Cửu Trùng đài, cũng là khát vọng của người cầm bút làm sống lại nhà kiến trúc thiên tài trong đau khổ sáng tạo.

Một tác phẩm suốt đời xây dựng, không biết bao giờ xong, mãi mãi là một khối khối, là niềm tin. Khi mà một người viết lại chùng gân bằng lòng cái đã làm được, thì ngòi bút ấy chẳng còn gì phải nghĩ thêm. Đài Cửu Trùng và *Vũ Như Tô* cũng chính là quan niệm về tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng. Suốt đời viết đã mơ ước, đã thất vọng, lại mơ ước... Sức lực của Nguyễn Huy Tưởng tập trung vào công phu sáng tác, cùng lúc với mọi công việc ngổn ngang những ngày đầu của cách mạng, mà anh đam mê. Tuy nhiên, Nguyễn Huy Tưởng vẫn có ý thức sâu sắc được trách nhiệm nhà văn, không thể có gì mạnh mẽ hơn vũ khí ngòi bút.

Nguyễn Huy Tưởng miệt mài viết báo, viết sách. Ở báo *Cờ Giải phóng*, nhiều bài xã luận tiểu luận ký Điều Tử. Ở tạp chí *Tiên phong ký* Thao Trường. Viết cho thiếu nhi Nguyễn Huy Tưởng lấy bút danh Vương Như Trang. Chuyện gương chiến đấu *Ba anh hàng thịt ở chợ Cái Răng* (Nhà xuất bản *Văn hoá Cứu quốc*, 1946), Bắc Sơn, vở kịch dài Nguyễn Huy Tưởng đã viết liền trong hai ngày hai đêm.

Đề tài truyền thông, đề tài lịch sử trong thời kỳ chuyển biến vốn là sở trường của Nguyễn Huy Tưởng.

Cuộc trường kỳ kháng chiến trên toàn quốc vừa bắt đầu, Nguyễn Huy Tưởng viết *Những người ở lại*. Kịch dài *Những người ở lại* miêu tả thái độ và cuộc đấu tranh của các tầng lớp trí thức đối với kháng chiến trong Hà Nội bị chiếm.

Tiểu thuyết *Sống mãi với Thủ đô*, "đài Cửu Trùng của *Vũ Như Tô*" Nguyễn Huy Tưởng đã được nghiền ngẫm ngay từ những ngày đầu tiên Trung đoàn Thủ đô chiến đấu trong vòng vây của địch.

Sự tích một sáng tác không biết đầu bờ đâu mốc mà tính được thời gian và công phu sức lực bỏ ra.

Ngày tháng ghi kỷ niệm ở trang cuối chỉ là ước lệ.

Trung đoàn Thủ đô đã ra đời trong những ngày đêm ác liệt giữa Hà Nội. Rồi suốt chín năm kháng chiến, Trung đoàn Thủ đô đã tham gia tất cả các chiến dịch lớn, sau cùng, từ chiến thắng Điện Biên Phủ về Hà Nội giải phóng. Tấm lòng vẫn nguyên như đêm ra đi: các chiến sĩ Hà Nội đã cất lời thề hẹn ngày về, khi ngoảnh lại nhìn thành phố rừng rực trong lửa cháy.

Một ngày đầu năm 1947, chúng tôi đi đón Trung đoàn Thủ đô, vừa từ giữa lòng thành phố ra. Các chiến sĩ đã bí mật hành quân luồn dưới cầu Long Biên, qua sông Hồng, vào chân núi Tam Đảo. Rồi bất thần, nửa đêm lại trở sang bên này sông. Liên mấy ngày, máy bay địch lừng khập từng làng, từng cánh đồng phía bắc thành phố. Trong khi đó, Trung đoàn đã lại sang sông về đóng quân ở vùng Gối.

Lễ đón mừng các chiến sĩ Thủ đô ở Thượng Hội.

Hồi này, địch trong thành phố đã nống ra tới cầu Diễn, trên đường Sơn Tây. Ở cánh đồng làng Thượng Hội trông ra Diễn, đốt lửa to còn thấy vàng sáng, moóc-chê địch thường bắn qua trên đầu. Nhưng địch chẳng thể ngờ lại có cuộc hội quân lớn như thế này ở trận tuyến trước mặt chúng.

Những ngày ấy, tôi làm phóng viên báo Cứu Quốc trên mặt trận Hà Nội. Tôi thường cùng ở với Thôi Hữu tại chùa làng Ân Thọ ở Sóng - nơi cơ quan báo Thủ đô do Thôi Hữu phụ trách. Nguyễn Huy Tường đến rủ và ba chúng tôi đã ra Canh, rồi sang Thượng Hội đón các chiến sĩ Thủ đô.

Cả vùng các làng Kẻ Gối náo nức. Hai tháng trời ác liệt trong vòng vây địch đã in dấu xám ngắt trong tưởng tượng của mọi người đến dự lễ mừng? Nhưng không, các chiến sĩ thật nhanh nhẹn, rất Hà Nội. Trong hàng quân, có nữ chiến sĩ, ở cả cấp chỉ huy, nữ chính trị viên tiểu đoàn Tuyết Minh. Những cô gái Hà Nội, trong mọi tình huống thật đã tài đảm, thao lược. Các chiến sĩ, hôm qua còn là sinh viên, nữ sinh, là công chức, là thợ đóng giày, đóng thùng, nghề bồi bếp, thợ nguội, thợ điện. Giờ đây như nhau, chiếc mũ ca lô dạ tím, đôi giày có cổ, chiếc thắt lưng trĩu tràng một điệu kiêu cách cố ý với bên hông khẩu súng lục, con dao găm, - kể cả những khẩu trung liên, đại liên đặt cảnh giới trên các gò cao ở đầu đồng, hầu hết đều là quân dụng, quân trang, vũ khí nhãn hiệu Mỹ mà các chiến sĩ đã đoạt được.

Không có thể nghĩ những con người thơ thới đáng yêu vừa trải những trận đánh sống còn liền hai tháng qua. Cảm tưởng cứ chập chờn, lung linh hư hư thực thực. Khác nào, đứng đây, vừa nãy hoàng hôn xuống còn trông thấy trong bóng chiều vàng mờ lạnh buốt cuối đông ánh lửa của người chiến sĩ rút sau cùng đã đốt lên cháy cả kinh thành, báo cho hàng quân đi đầu biết thế là tất cả đã ra khỏi, các phố. Câu chuyện thần kỳ ngoài tưởng tượng.

Trên cánh đồng đầu làng, những đồng sười được nhóm lên. Các chiến sĩ vào Cuộc lửa trại. Nguyễn Huy Tường ngồi im. Suốt đêm, anh lặng lẽ chăm chú nhìn mọi người, nhìn lửa, nét mặt hân hoan.

- Vĩ dạ quá! Vĩ đại quá! Cái gì cho xứng được.

Câu nói và diện mạo ấy cũng là tư tưởng triết lý, chủ đề và đề tài về Hà Nội của Nguyễn Huy Tưởng quán triệt cho tới các tác phẩm sau cùng. Đức tính đó ở Nguyễn Huy Tưởng đã có ngay ở bước đầu tiên của công việc sáng tác. Phân tích vấn đề, sự việc con người, thường Nguyễn Huy Tưởng phát hiện từ khía cạnh tích cực. Cả mỗi chữ, mỗi câu, Nguyễn Huy Tưởng cũng đậm đà ở phương pháp trước tác và tình cảm ấy. Văn phong Nguyễn Huy Tưởng âm áp, đôn hậu, hùng tráng.

Trong kháng chiến chống Pháp, Trung đoàn Thủ đô mà đặc biệt là tiểu đoàn 54, tiểu đoàn chủ công của trung đoàn đã kết nghĩa làm em nuôi hội Văn nghệ

Có được niềm vui đó không phải tình cờ, mà sự gắn bó quân dân đẹp dễ này có trách nhiệm và công lao Nguyễn Huy Tưởng. Nhiều người trong chúng tôi đi tham dự cùng đơn vị em nuôi hầu hết các chiến dịch, lớn trên chiến trường miền bắc, từ các mặt trận quanh Hà Nội lúc khởi chiến đến chiến dịch sông Thao 1949, chiến dịch Trung du và chiến dịch Biên giới 1950, cùng với các chiến dịch Đông Bắc, Tây Bắc, Thượng Lào rồi Điện Biên Phủ.

Thực tế lớn lao của người chiến sĩ Hà Nội, cũng như của chúng tôi, cuộc sống thành phố đã trải rộng khắp đất nước, qua vô vãn thử thách gian lao. Không những là người chứng kiến, mà chúng tôi đã là những con người góp phần làm nên giai đoạn lịch sử ấy.

Khi Trung đoàn Thủ đô tiến vào Hà Nội, Nguyễn Huy Tưởng đã ở trong đoàn cán bộ tiếp quản thành phố. Cả thành phố xua tan cơn chìm đắm chín năm và suốt thế kỷ. Bao nhiêu sự kiện lớn lao của đất nước, của đời người. Phải viết, phải viết cái gì cho xứng đáng tầm vóc thành phố. Như vậy đây những trải biết của Nguyễn Huy Tưởng tiến lên một bước sáng tạo, đã dần dần rõ nét. Sự ra đời của mỗi chân móng tiểu thuyết *Sống mãi với Thủ đô* của Nguyễn Huy Tưởng đã nối tiếp thời gian, không gian từ thật xa như thế.

Nguyễn Huy Tưởng thường kể về những chất chiu, góp nhặt, những dự định cho cuốn tiểu thuyết ước mơ này. Mỗi khi bàn luận về nền văn xuôi Việt Nam đương phát triển anh thích thú hình dung ra hình ảnh cuộc kháng chiến của nhân dân ta. "Tôi thì tôi không thể viết nổi" - anh nói. Nhưng Nguyễn Huy Tưởng ao ước đến một phút đầy cảm thông thiêng liêng đến thế nào đó, ở thế kỷ nào đó, xuất hiện những tác giả dựng lên được cuộc trường kỳ kháng chiến từ nam chí bắc thành những bộ, những pho sử thi biên niên hết sức hấp dẫn, trong đó, mỗi vùng đất nước, mỗi dân tộc anh em, mỗi chiến dịch, mỗi trận đánh, mỗi chiến sĩ, mỗi vị tướng cầm quân, tất cả trở thành một lập thể nhân vật anh hùng, tính cách mỗi con người khác nhau mà lại giống nhau, tiêu biểu cho con người Việt Nam trước thế giới. Và, thế nào và bao giờ Nguyễn Huy Tưởng cũng kết luận: Tất nhiên, trong những trường sử thi hào hùng ấy của dân tộc Việt Nam có người Hà Nội. Đời nay chưa có nhà văn giỏi đến thế, thì đời sau, đời sau nữa phải có tài năng làm được, phải làm được.

Nguyễn Huy Tưởng đã công phu, cẩn trọng cho tiểu thuyết *Sống mãi với Thủ đô*. Mấy năm đầu trở về, Nguyễn Huy Tưởng đã viết xong tập 1. Những trang bản thảo chữ đẹp rõ nét, đều đặn, được chép ra, đánh máy cẩn thận. Nguyễn Huy Tưởng vẫn để đấy. Hình như ở anh, vẫn còn băn khoăn, lưỡng lự những điều chưa thoả đáng, chưa nghĩ ra được hết xung quanh công trình lớn. Hãy để đấy, rồi Nguyễn Huy Tưởng đi Tây Bắc. Mấy tháng ở nông trường Điện Biên về, Nguyễn Huy Tưởng cho xuất bản tiểu thuyết *Bốn năm sau*, bốn năm Điện Biên Phủ sau chiến thắng. Nhưng bản thảo *Sống mãi với Thủ đô* thì vẫn chưa dựng

chạm đến. Một mùa luyện quân, Nguyễn Huy Tưởng lại đến với các chiến sĩ Hà Nội thân thiết của chúng tôi. Trung đoàn Thủ đô đã qua ngót mười năm chiến đấu không còn như những ngày mới tập hợp trong Chiến khu 1 ra.

Hàng loạt gương mặt chiến sĩ mới trong đội ngũ, qua mỗi thu đông chiến dịch, mỗi mùa luyện quân. Những ban chỉ huy đại đội, tiểu đoàn đã vắng nhiều người ở đêm liên hoan Thượng Hội. Nhưng truyền thống chiến thắng nhanh vẫn là nền nếp ngày một phát huy phong cách đánh nhanh của chiến sĩ Hà Nội, từ trận kỳ tập vị trí Bồng Lai ngay bên sông Cái trước mặt Hà Nội đến các trận thần tốc ở chiến dịch sông Thao, ở Nghĩa Lộ đồi, ở Bản Hoa châu Mộc trên Tây Bắc và các trận diệt viện gọn như cắt ở Thượng Lào, ở Điện Biên.

Nguyễn Huy Tưởng ra Lai Xá, lại có dịp đến ở lâu với các chiến sĩ của đơn vị đầu tiên đã chiến đấu trong Liên khu 1. Những người còn sống vẫn tinh anh phong độ ngày ấy, và ai cũng đã dày dạn trận mạc. Cái nhìn lại những ngày non trẻ và hào hùng của các chiến sĩ đã cho Nguyễn Huy Tưởng những hiểu biết, những khám phá mới, khác lạ, vẽ lên những nét sâu sắc riêng, anh hùng có, trượng nước có, hoang dã có. Nguyễn Huy Tưởng được cơ hội hiểu nguồn gốc tính chất người chiến sĩ của các tầng lớp nhân dân Hà Nội trong một giai đoạn lịch sử đất nước. Nguyễn Huy Tưởng cảm kích đến sửng sốt, bàng hoàng. Nguyễn Huy Tưởng rất hào hứng và thấy ra những cái anh đã mô tả về chiến sĩ Hà Nội chưa thể như ý.

Phải viết cho thật xứng với cuộc chiến đấu cực kỳ anh dũng mọi mặt vừa khốc liệt vừa quyết liệt đúng với hiện thực thời ấy. Mười năm trước, ở cánh đồng Gối, khi đón Trung đoàn Thủ đô, Nguyễn Huy Tưởng vẫn lo lắng với câu nói: Vĩ đại quá! Cái gì cho xứng!

Nguyễn Huy Tưởng quyết, định viết lại. Tiểu thuyết *Sống mãi với Thủ đô* mà chúng ta được đọc, chỉ là cái bản thảo cần phải viết lại ấy của Nguyễn Huy Tưởng.

Thói quen làm việc của Nguyễn Huy Tưởng cũng khá khác thường. Sự cần mẫn, chịu khó bao giờ cũng sẵn sàng ở anh. Và thường để suy nghĩ, để chuẩn bị, đôi khi là việc đổi tay viết một cái khác, Nguyễn Huy Tưởng đã dùng khoảng cách nghỉ ngơi có ích như thế, trong khi sửa soạn viết lại *Sống mãi với Thủ đô*, anh viết cho thiếu nhi chuyện Trần Quốc Toàn ra quân: Lá cờ thêu sáu chữ vàng. Rồi lại sáng tác kịch bản phim Luỹ Hoa (chữ của Nguyễn Tuấn đặt), dựa trên sườn tiểu thuyết *Sống mãi với Thủ đô*.

Như tay đô vật vào gióng còn đương múa võn.

\*\*\*

Những năm đầu, nhà xuất bản Kim Đồng ở phố Triệu Việt Vương.

Xưa kia đây là nơi bờ bụi lầy lội lau sậy làng Đức Viên, làng Thề Giao, làng Vân Hồ. Phố xá, những nếp nhà một hai tầng so le, không có cửa hàng buôn bán, chỉ mới mọc lên quanh chợ Hôm khoảng trong ngoài năm sáu mươi năm trước. Vĩa hè còn nền đất và vắng vẻ đến độ người đi dưới lòng đường hay trên vĩa hè cũng như nhau. Phố của các công chức ngày ngày đi làm. Nhà khá giả máu mặt đôi chút có cái cửa nách, lầy lổ ra vào cho người culi và chiếc xe tay nhà.

Trong kháng chiến chống Pháp, ở Việt Bắc, công việc xuất bản sách cho thiếu nhi tập trung

vào Tủ sách Kim Đồng Nhà xuất bản Văn Nghệ. Về hoà bình, "Tủ sách Kim Đồng" là một bộ phận của nhà xuất bản Thanh Niên. Nguyễn Huy Tưởng cùng một số anh em chúng tôi đề nghị với Trung ương Đoàn đứng ra xin phép thành lập một nhà xuất bản riêng cho thiếu nhi.

Và giám đốc đầu tiên của Nhà xuất bản là Nguyễn Huy Tưởng.

Hồi này, Nguyễn Huy Tưởng chuyên lo công việc cho nhà xuất bản mới khai trương. Cái ham mê bé nhỏ cũng thật sự hồn nhiên trong sự bận rộn, từ biên tập đến trị sự, lại đọc bản thảo gửi đến, lại sáng tác. Chúng tôi thường nói vui về Lê-ôn Tôn-xtôi khi về già mới sáng tác cho thiếu nhi và ông lấy làm tự hào đã viết cho tuổi thơ những câu trong sáng nhất đời văn. Ông Tôn-xtôi Việt nam của chúng tôi vốn phục luôn Tôn- tôi, lấy chuyện đó làm một sự thú vị.

Những tình cờ của thời gian không gian trở đi trở về, hay là của đời người! Ở vùng chợ Hôm, hầu như mỗi góc đường, anh lại gặp lại những năm tháng đã qua. Căn gác, phố Ngô Thời Nhiệm bấy giờ là tổ ấm ngày ấy của đôi vợ chồng trẻ, của những sáng tác sôi nổi, chỉ hai ngày hai đêm viết xong vở kịch dài Bắc Sơn. Và chúng tôi vẫn thuộc số 1789 ở cái khoá chữ một thời say mê, say sưa với những "thế giới đại đồng" trong những ước mơ cao xa.

Nguyễn Huy Tưởng nói:

- Mới đây, mà như từ bao giờ. Mà cũng hay. Chúng mình làm việc cho văn học thiếu nhi. Những kỷ niệm trong sáng, những nhớ lại đẹp như tuổi thơ, biết đâu chẳng gợi ra những sáng kiến lớn.

Câu nói của một người lo toan công tác, nhưng cũng là những ý nghĩ, những chờ đợi bất chợt lạ lùng day dứt về những suy nghĩ chưa xong. Tiểu thuyết Sống mãi mới Thủ đô lúc nào cũng dày vò anh.

Nguyễn Huy Tưởng không coi đây chỉ là việc sửa, chữa bản thảo. Một người viết luôn luôn có trạng thái tin, lại chưa tin sức mạnh sáng tạo của mình là biểu lộ một sức bật, một đổi mới. Nguyễn Huy Tưởng đang có những khát vọng lớn, anh muốn thay đổi hết. Mỗi nhân vật, từng tình huống soi trong bóng lờng lộng cửu trùng dài của sáng tạo, cuộc sống chiến sĩ từ hoang sơ Liên khu 1 đến tinh thần một binh đoàn thiện chiến hiện đại, xưa kia và mai sau hội tụ trong một phút giây, tất cả đương là những thực tế uy nghiêm, bắt người viết phải kiểm tra, phải lục soát lại từ quan niệm đến phương pháp, đến việc đưa từng chữ xuống trang giấy.

Mỗi quãng đường, mỗi lúc gặp những năm tháng đã qua, lại thôi thúc.

Buổi sáng ấy trên bờ hè gốc cây nhồi cạnh cửa viện Mắt, có những toán bộ đội cặm cụi đào hố. Rồi nhặt lên từng chiếc xương sườn, xương ống, một sọ người. Trong suốt phố, nhiều đám người đương nhặt xương trong hố lên như thế. Các nhà hai bên đã đem ra thau nước trầm bốc khói ngào ngạt. Từng đốt xương được rửa nước trầm cẩn thận rồi bỏ vào tiểu, trên phủ quốc kỳ sao vàng. Thành đội đương tổ chức đào tìm hài cốt các chiến sĩ đã chiến đấu ở Thủ đô những ngày đầu. Mỗi hôm, hoa viếng của những người trong phố đưa đến, khói hương bay toả trên màu cờ đỏ suốt bờ hè. Đằng kia, vẫn còn những đám người đi nhận dấu tích gốc cây, hòn gạch, hướng nhà và các chiến sĩ lại đào Nguyễn Huy Tưởng

châm những nén hương chúng tôi vừa mua ở chợ Hôm về, cắm lên trước chiếc tiểu bên gốc cây nhồi cỏ thụ.

- Vĩ đại quá, làm thế nào cho xứng được!

Ngày trước, đón các chiến sĩ ở Thượng Hội, Nguyễn Huy Tường đã nói thế. Năm nọ, ở Trung đoàn Thủ đô về bây giờ anh lại đương nghĩ về cuốn tiểu thuyết phải viết lại.

Chú thích:

(1) Sau tháng tám 1945, Trần Kim Xuyên công tác tại đài Tiếng nói Việt Nam. Đầu 1947, đã hy sinh trong trận Pháp tấn công vào nơi phát thanh của đài trong núi Tử Trăm gần thị xã Hà Đông

(2) Đô đốc Bảo, một dũng tướng của Tây Sơn. Những phát hiện mới đây được biết Đô đốc Bảo là Đông Lĩnh hầu Đô đốc Đặng Tiến Đông, người xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ, hiện có tượng thờ ở chùa Trăm Gian: huyện Hoài Đức (Hà Tây)

## Một ngày chủ nhật

Mưa lâm râm. Khí lạnh. Cảnh chuyển sang đông. Bầu trời Hà Nội xám ngắt. Người đi ra phía Hồ Gươm đã bắt đầu tấp nập. Một buổi sáng chủ nhật bình thường. Quang cảnh trật tự, nghỉ ngơi, giải trí. Từ đáy tim, tôi đòi hỏi hoà bình, một thứ hoà bình tuyệt đối, để mọi người được hưởng cái vui trong trẻo của yêu thương và sum họp. Khi có một cái gì đe dọa hoà bình thì càng thấy hoà bình thiêng liêng quý giá phải gìn giữ với tất cả sức lực, tâm trí của mình.

Mấy hôm nay, có nhiều mối lo đổ đến. Chiến tranh thế là lại nổ ra ở Ai-cập. Trong Nam, Ngô Đình Diệm huênh hoang thao diễn quân đội. Một anh bạn tôi đã nói: “Nếu lại kháng chiến thì thế nào?” Càng sốt ruột vì những rắc rối ở Đông Âu. Đây không phải chỉ là một mối lo mà thôi, đây còn là một vấn đề tin tưởng. Tôi vừa qua một đêm không ngủ. Sự biến ở Hung-ga-ri đến đột ngột, choáng váng đầu óc. Rồi cứ nghĩ, cứ nghĩ, ám ức trong lòng. Tiếc một cái gì ám áp, nhớ những cảnh tay bắt mặt mừng của tình quốc tế. Đau nhói như một miếng thịt của mình bị cắt ra. Chiếc tàu có người thân sắp chìm xuống vực thẳm. Một cái vẫy tay tuyệt vọng. Phải chăng đây là một cái gì không cứu vãn được? Có thể khác được không?

Mặt tôi sầm tối. Tôi không nhếch nhai cười để chào lại một người bạn đi xe đạp giờ tay vẫy. Tôi liếc nhìn nét mặt của những người đi lại phía tôi. Nhưng sao, phần lớn họ đều có vẻ thân nhiên, không có dấu hiệu lo lắng? Có lẽ họ cũng lo như tôi đấy thôi, nhưng không để lộ. Tự nhiên lòng tôi dịu dịu. Đi giữa quần chúng vẫn khỏe hơn là nghĩ ngợi một mình.

Quần áo phần lớn màu tối, lạnh và khắc khổ, đồng loạt kiểu cán bộ. Hà Nội đã mất nhiều màu sắc. Gần mép hè, một cặp vợ chồng trẻ sánh vai nhau đi. Người phụ nữ có bộ mặt xinh tươi, bộ tóc uốn mềm mại, bộ áo dài cắt khéo. Sau một thời gian dè dặt, phụ nữ Hà Nội lại bắt đầu trang điểm. Nhưng họ vẫn chưa được tự nhiên lắm. Dù sao bộ áo của người phụ nữ trẻ kia cũng là màu tươi duy nhất trong đám người đồng phục trên quãng đường này. Con mắt vui vui.

Tôi bước theo mọi người trong cái buổi sáng chủ nhật mà bầu trời, đám đông và lòng tôi thiếu cái nhẹ nhàng sáng sủa. Đầu óc đầy những ý nghĩ ngổn ngang. Cái ám ảnh Hung-ga-ri nặng

triu. Trán như bị thiết chặt bởi cái mũ của Tề Thiên. Tôi đi một vòng quanh hồ, mong tìm ở đây một chút khuây khoả. Tôi vốn yêu hồ vì cảnh đẹp, và cũng vì nó mang dấu vết của người anh hùng yêu nước mà trước đây tôi đã có ý ngợi ca. Nhưng Hồ Gươm đã mất nhiều vẻ đẹp lắm rồi. Nước hồ gợn vầng, ven đầy rác rưởi. Bờ không được sạch, lung củng những quảng cáo vụng về, bày vô tổ chức, những biển giới thiệu hình ảnh các nước bạn, hầu như không ai sẵn sóc, vì mặt kính không mấy khi sạch xác ruồi muỗi. Có cảm tưởng hồ bị bưng kín, và bé lại. Đường đi có nhiều chỗ lầy lội. Thùng rác như chiếc quan tài lù lù bên lối đi. Bàn tay cách mạng tới đâu là phải sửa sang, tô điểm thêm đến đấy. Hoàn cảnh hoà bình, thời kỳ kiến thiết đòi hỏi không được luộm thuộm. Nghĩ tới những đồng chí có trách nhiệm ở đây, vừa giận mà cũng vừa cảm thông. Không nghi ngờ gì cái ý tốt muốn phục vụ, muốn sửa sang, muốn đổi mới. Nhưng cái khổ là không biết cách làm. Bận túi bụi, chẳng cái gì làm đến nơi đến chốn...

Đồng bào, bộ đội, cán bộ miền Nam, người đi, người ngồi, người đứng, chật ních cả bên bờ phía Thị chính. Đây là miền Nam thân yêu thu gọn lại. Nghe líu ríu tiếng nói của Sài Gòn, của Thừa Thiên, của Quảng Ngãi... Một bà già tóc bạc ngồi trên ghé đáng đợi chờ. Có thể đây là một người mẹ chiến sĩ, mà chúng ta vẫn cảm phục tấm lòng thương yêu chất phác và nóng hổi. Tưởng như mẹ chờ đứa con nuôi mà bà đã che chở và động viên trong những ngày kháng chiến đầy chông gai, nguy hiểm. Một người chồng bộ đội cao lớn đón đứa con trong tay người vợ nhỏ bé, dịu dàng. Một lũ thanh niên nhảy xổ lại ôm lấy nhau, với cái cười nói hồn nhiên của người Nam bộ. Họ nhắc đến tên một vài trận đánh mà họ thích thú, hỏi thăm tin tức những anh em cùng chiến đấu đã lâu không gặp. Phảng phất đâu đây rừng dừa Bình Định, kênh rạch Đồng Tháp Mười. Mưa đã tạnh. Nước hồ phẳng lặng. Tháp Rùa trắng mốc, sừng sững trên đám cỏ xanh như vừa nhô lên khỏi mặt nước. Cây xanh sẫm um tùm rủ bóng, bao bọc lấy hồ, và mở quang ra phía Cầu Gỗ, như đón lấy phố xá trắng, đỏ, vàng. Cuộc đời nhộn nhịp chung quanh, tới hồ trở nên êm ả. Cảnh thiên nhiên vẫn gọi một cái gì yên tĩnh, thuận chiều cho suy tưởng, cho tâm sự, cho hẹn hò. Con mắt bị tù trong phố xá, đến đây được phóng ra xa rộng. Tôi đứng nhìn một cảnh tượng. Sau dãy hàng hoa, tựa lưng vào một cây cổ thụ bên bờ, một người đàn bà quần đen, áo đen, đứng một mình, mặt hướng ra hồ, mắt đăm đăm nhìn đi đâu xa lắm. Chị đang nghĩ đến chồng, đến con, hay cha mẹ, anh em? Họ còn sống hay đã mất rồi? Họ đang làm gì hay cũng đang nghĩ tới chị? Hay trong ngày trở lạnh của miền Bắc, trong lúc xăn xăn làn da không quen chịu rét, chị xao xuyến nhớ đến xóm làng nóng bức ở xa tít miền Nam? Trán nhăn lại làm ngậm ngùi nét mặt còn trẻ. Chị bạn ơi, chúng ta hãy nói với nhau những lời tin tưởng. Tổ quốc Việt Nam của chúng ta thế nào cũng thống nhất. Chẳng có một sự chia rẽ nào tồn tại. Những kẻ chia rẽ cuối cùng chỉ chuốc lấy cái nhục vào thân. Chúng ta hãy nói với nhau những lời gắn bó. Cánh tay của triệu triệu đồng bào hãy dang ra đón lấy nhau, qua giới tuyến, qua đôn ải! Trái tim của triệu triệu đồng bào hãy mở ra, mặc thẳng Mỹ, mặc thẳng Diệm! Nhiều nhiệt tình hơn nữa! Nhiều cảm thông hơn nữa! Hãy dập tắt mọi cử động oán thù! Bờ sông Bến Hải sát lại! Tiếng nói thống nhất hãy cất lên, át hẳn những lời phỉn phờ chia rẽ! Anh chị em trong Nam, ngoài Bắc, có nghe thấy không, tiếng gọi đau thương của Tổ quốc? Hãy chỉ nghe tiếng gọi đó, tiếng gọi của tất cả chúng ta!

Những kẻ thù của thống nhất, những kẻ thù của chế độ cộng hoà dân chủ Việt Nam đang hoa chân múa tay ăn mừng cuộc nổi loạn của những lực lượng phát xít ở Hung-ga-ri. Tim tôi càng nhức nhối. Cuộc đấu tranh cho thống nhất gặp thêm trắc trở. Nỗi lo âu cho nước bạn hoà làm một với nỗi lo âu cho Tổ quốc Việt Nam. Giờ đây, bọn phát xít Hoóc-ty đang hoành hành chém giết nhân dân Hung-ga-ri vô tội. Các chiến sĩ cách mạng ngã ngựa trong vũng máu. Buy-đa-pét chìm trong đêm tối. Một cái khâu của hệ thống chúng ta đang bị cắt rời. Quân đội Liên Xô sống trong một tấn kịch giằng co đau khổ. Rút đi để phó mặc những người dân lương thiện lại



quay về cái kiếp tôi đòi ư? Đóng lại để thành một vấn đề rắc rối trên trường quốc tế ư? Cách mạng có lùi, có tiến, vấn đề là mỗi lần thất bại thì phải chiến đấu mạnh thêm lên. Tôi biết như thế. Nhưng ở đây lý trí chẳng an ủi được nổi lòng. Tôi nhớ nét mặt nhợt nhạt của một người bạn thân, buổi sáng hôm qua, sau khi đọc báo *Nhân dân*. Anh nói một cách chán nản: “Thế là mất Hung-ga-ri!” Nhưng chính anh cũng không muốn tin cái điều tàn nhẫn ấy, anh lại hỏi: “Liệu có mất không?” Lẫn lộn trong tôi đau xót và hổ thẹn. Lý tưởng xã hội chủ nghĩa bị thương tổn. Lực lượng cách mạng bị đẩy lùi một bước. Chỉ còn một chỗ bầu vùi. Nhân dân Hung-ga-ri sẽ chẳng để cho thành quả mười hai năm phá tán. Một Tây-ban-nha thứ hai chẳng?

Những chuyện không vui sao lại cùng đến một lúc? Việc sửa chữa những sai lầm ở miền Bắc mới bắt đầu. Tình hình nông thôn chưa ổn định. Thủ đô đang nồn nóng. Con thuyền cách mạng đang lách qua nhiều ghềnh thác.

Hôm trước, tôi vừa về thăm quê nhà. Giặc Pháp đã càn đi quét lại cái làng trước đây trù phú. Nhà cửa bị vỡ vét trống trơn. Cái lô cốt dựng đầu làng làm bờ ngõ bước chân trên con đường quen thuộc. Nó mọc lên đồng thời với sự mất đi của biết bao nhiêu kỷ niệm, nào miếu Vua Bà, nào đền Đức Thánh, nào ngôi chùa nho nhỏ bên đường, bị giặc san bằng không còn dấu vết. Những sai lầm của cải cách ruộng đất làm cho làng thêm xơ xác...

Cách mạng hãy khắc vào cốt những sai lầm đã phạm phải, để không bao giờ, không bao giờ trở lại nữa. Chúng ta muốn đổi mới cho mau đến nỗi chúng ta muốn bỏ hết. Đến cả tên của nhiều làng, rất Việt Nam mà cũng rất thi vị, người cán bộ cũng bỏ đi, thay bằng những danh từ mang tính chất tuyên truyền chính trị. Không phân biệt được làng nào với làng nào với những tên đồng loạt: *Tiến bộ, Hạnh phúc, Quyết tâm, Quyết tiến...* rất ít âm hưởng trong lòng người. Có nơi còn rục rịch thay những tên xóm nôm na bằng những con số! Những niên hiệu các triều đại ghi trên hoành phi, câu đối của một ngôi đình cổ kính bị xoá đi bằng vôi trắng. Trên mặt tấm hoành phi treo giữa một ngôi chùa gần Hà Nội, người ta dán lên khẩu hiệu: *Đảng Lao động Việt Nam muôn năm*. Các đồng chí có biết không? Trong khi các đồng chí làm những việc kỳ dị ấy, thì Đảng lo khôi phục chùa Một Cột, kéo lại chuông lên gác chùa Keo! Hình như nhiều cán bộ quan niệm rằng cách mạng là xoá bỏ tất cả cái gì là quá khứ, là di tích, coi là phong kiến tất. Đừng đi quá nữa. Cuộc đời không phải chỉ có cách mạng, mà còn có lịch sử, còn có cái âm vang truyền qua các thời đại, những cái bây giờ tưởng là không dùng nữa, nhưng không có thì cuộc đời trở thành trơ trẽn, lạnh lùng...

Mùa được lớn, thóc lúa reo cười, đầy tràn trong vựa, trên hè, ngoài sân. Đói bị đẩy lùi, đời no ấm mở ra rồi. Nhưng mà sao thôn xóm im lìm? Tôi không nghe thấy những tiếng động rầm rì, những tiếng gọi nhau qua rào, qua ngõ. Đáng lẽ trong những ngày vui này, các ngõ phải nhộn nhịp lắm, các nhà phải ríu rít tiếng cười, tiếng nói, phải cất lên những câu chuyện ba lon, khôi hài nó làm cho lúa thêm thơm, mùa thêm phấn khởi, đời thêm thú vị. Đáng lẽ những tiếng hát véo von phải vút lên trên tiếng rì rào của lúa chín, bay từ ruộng nọ đến ruộng kia tới tấp như tin chiến thắng. Những cái đó không có nữa. Nhà nào sống nhà ấy, âm thầm lạnh lẽo, thiếu cái hơi nóng của họ mạc, lảng giềng. Người gánh lúa gặp nhau ngoài đường cũng không niềm nở. Chưa tan hết những thành kiến, nghi ngờ còn rớt lại của những ngày cải cách. Người cán bộ cải cách ít hiểu nhân tình thế thái, đã đi ngược lại những tình cảm họ hàng làng mạc. Những tình cảm ấy chẳng lạc hậu đâu. Nó dựa trên tinh thần tương thân tương ái, xây dựng nên cái tính nhân hậu sâu sắc và chan hoà của người Việt Nam. Nó làm cho mỗi làng của ta là một tổ ấm cúng. Tự nhiên thấy tiếc cái vui vầy của tình lân lý, cái vốn vã của họ hàng, cái đơn đả của bà cô, ông chú. Cảm giác nặng nề của một cuộc sống rời rạc, thiếu cái keo sơn của tình cảm.

Cái tả khuynh của người cán bộ mang một ý định tốt đẹp là mưu hạnh phúc cho nông dân đã dẫn đến cái điên cuồng lật nhào tất, đập đổ tất, giũ rối nông thôn. Tầm tức trong lòng. Chúng ta đã đem lại ruộng đất cho nông dân, biến cái ước mơ muôn đời của họ thành sự thật. Mà sao đến nỗi nông thôn tẻ ngắt? Thậm chí để cho có người thành kiến với cái cách ruộng đất, một việc làm mà tất cả những người Việt Nam thiện ý đều phải tự hào. Điểm xuất phát của cách mạng là con người. Để quốc phong kiến khinh rẻ con người như cỏ rác. Chúng ta hãy nâng niu từng sợi tóc, từng giọt máu, từng tình cảm nhỏ của con người. Hơn lúc nào hết, phải đề cao cái ý thức tôn trọng con người, tôn trọng cái địa vị chủ nhân của mỗi một người Việt Nam. Không để cho một cử chỉ thô bạo nào xâm phạm đến con người. Mỗi một con người là một lâu đài thiêng liêng mà chúng ta phải tới với một tấm lòng chân thành tôn kính.

Diện tích và sản lượng có thể sửa chóng, nhưng lấy lại tình cảm của một người bị xử trí sai, nối lại những tình cũ nghĩa xưa không phải là một chuyện chốc lát...

Phó Tráng Tiền. Người chen chúc nhau đi lại. Nhiều cán bộ và công nhân viên hơn là người dân sản xuất bình thường tràn ngập các phố xá trong những ngày chủ nhật. Phản ánh cái tình trạng của một bộ máy quan liêu cồng kềnh chưa khắc phục được.

Treo lơ lửng trước mắt mọi người cái lo lắng chờ đợi sửa sai. Làm sao lại có thể mắc những sai lầm như vậy? Chúng ta đã quá tiêu phí cái chiến thắng Điện Biên Phủ vĩ đại của chúng ta. Ngày chủ nhật mà sao tâm trí không được thanh thoi? Đứng đến chỗ nào cũng thấy không vừa ý. Cuộc đời thiếu một cái gì gọn gàng, đẹp mắt, hợp lý, hợp tình. Có một cái gì tạm bợ. Chúng ta như vừa dọn đến một cái nhà mới, đồ đạc còn ngổn ngang, muôn việc còn rối tinh. Đây là một cơ quan ở giữa phố. Dễ nhận ra lắm, với những giường một kiểu, với những lao màn lung củng, với những quần, những áo, những tã, những lót phơi một cách sượng trước mắt người qua đường. Đây là cái biển của một bộ trong Chính phủ, cũng đồng loạt như mọi cái biển khác, hình chữ nhật, nền đỏ chữ vàng, treo trước cổng. Tôi bước vào một hiệu sách. Làn gió mấy quyển sổ tay đóng sẵn. Đang mùa cưới, mùa của yêu đương, mùa của những lứa đôi đang trào lên nhựa sống, áp ủ những ước mơ, khao khát những đêm dài ân ái. Tất cả những cuốn sổ đều ghi mấy hàng chữ công thức: "Vui duyên mới không quên nhiệm vụ". Liên tưởng tới những đám cưới đời sống mới. Thủ trường, công đoàn huấn thị, rồi một tốp thanh niên đồng ca, rồi giải tán sau khi hát chiếu lệ bài hát kết đoàn. Cần đấu tranh mạnh với quan niệm tập thể giản đơn của một số người có khuynh hướng đồng loạt hoá cuộc đời muôn hình nghìn vẻ, dựng nên rải rác đó đây cái không khí xám nhờ nhờ như sương mù làm đen tối cảnh vật.

Tôi vốn là một nhà văn thiên về ca ngợi. Nhưng lúc này, như nhiều bạn khác, tôi sẽ dùng ngòi bút chống lại tất cả những cái đang xuyên tạc chế độ của chúng ta, chế độ của những con người đứng dậy làm chủ vận mạng của mình. Hãy khuấy cho tan đi cái không khí nhờ nhờ nó ngăn cản ánh sáng tương bừng của chủ nghĩa cộng sản...

Đau khổ nào cũng có cái mặt tốt. Sai lầm đã thức tỉnh tất cả chúng ta. Ánh sáng Đại hội hai mươi Đảng Cộng sản Liên Xô chiếu khắp. Một cuộc duyệt lại cách sống, cách nghĩ. Một cuộc duyệt lại nhiều chính sách từ trước tới nay được coi như kinh thánh. Trăm tiếng nói cất lên, không phải chỉ là một tiếng nói từ trên dội xuống. Cùng với cuộc đấu tranh chống bệnh sùng bái cá nhân ngày càng mạnh, cái sợ vu vơ dần dần bị đánh bật, phong trào tự do dân chủ lên cao. Chúng ta dám nghĩ, chúng ta dám làm. Chúng ta dám thẳng thắn vạch ra những sai lầm, những tệ nạn. Đừng hoảng hốt, những ai chưa quen điệu nói mới của thời đại. Nhẽ cái nhọt không có nghĩa là giết một con người. Chế độ của chúng ta chỉ càng thêm lành mạnh.

Chúng ta đã thấy cái sai, và chúng ta đang sửa. Từ trên xuống dưới, toàn dân đang lao vào công cuộc lớn lao này. Phải tìm ra ánh sáng giữa rừng sâu. Tôi nhớ lại hình ảnh đồng chí bí thư xã tôi. Anh đã chịu biết bao khổ nhục vật chất và tinh thần. Nhưng vừa mới được trả lại tự do, anh đã chạy tới nhà người đã dựng lên những điều không đúng để kết tội anh, và xoá bỏ mọi oán thù. Tới đâu đem lại niềm tin yêu đùm bọc tới đấy. Cái đức bao dung cao cả ấy là ánh sáng trong những ngày đau khổ này cũng như chí chiến đấu là ánh sáng trong những ngày giết giặc, trước đây. Có một điều chắc chắn là những sai lầm mắc phải, chúng ta không muốn. Rõ ràng là chúng ta phấn đấu cho hạnh phúc, cho công lý, cho nhân đạo. Chính vì thế mà trong lúc này chúng ta không có quyền tuyệt vọng, không có quyền bi quan mà phải ngẩng mặt, dũng cảm đứng lên sửa những lỗi lầm và tiếp tục phấn đấu cho lý tưởng cách mạng cao cả mà chúng ta theo đuổi đến cùng...

Phố Bà Triệu, buổi trưa, đã vắng. Một trận gió thổi. Lá khô của hàng cây bên đường rơi vài chiếc. Giữa hai hàng cây cao, những cây nhỏ trồng sau trận bão kinh khủng năm ngoái đã bắt đầu lớn, tàn lá đã xanh um, quăng đường đã đỡ trống. Tàn phá lớn lao đến đâu cũng không lại được với cuộc sống. Con đường này tôi vẫn đi lại hàng ngày, nhưng không để ý đến sức lớn rất nhanh của những cây mới đó. Cuộc sống cứ đi và bao giờ cũng thắng.

Ôi Tổ quốc thân yêu! Lúc này, nét mặt Người đau thương. Kẻ địch và đũa con mắt giống của Người ở Sài Gòn đang cố tình cắt đứt Người ra làm hai mảnh. Những sai lầm của chúng tôi ở miền Bắc làm cho Người lo nghĩ. Người không được yên lòng vì những việc xảy ra ở Hung-ga-ri. Tiếng súng của chiến tranh Ai-cập nổ bên tai Người khẩn cấp như những lời cảnh báo. Biết bao giờ Người được thanh thoi để rảnh tay xây dựng, và ban đêm Người được ngủ giấc ngủ ngon lành?

Từ tuổi đôi mươi, theo tiếng gọi của Người, tôi đi tìm những người yêu nước. Sau nhiều bước lần mò, trong đêm tối của nô lệ, tôi đã tìm thấy Đảng, Đảng của những người lao động. Đảng đã chỉ cho tôi hình ảnh của Người lấp lánh trong đêm. Trước đây, nhiều đảng khác đã đi vào con đường diệt vong, hoặc phản bội Người. Nhưng Đảng tôi một lòng son sắt. Qua bao nhiêu phen nước lửa, Đảng tôi đã cùng nhân dân đánh bại kẻ thù, giải phóng cho Tổ quốc từ nay là của chúng tôi. Lúc này do những sai lầm, có người kêu ca Đảng, có người thiếu tin tưởng, thậm chí có cả người oán ghét. Tôi cũng xót xa. Trong khi hờn dỗi, đũa con thường không nghĩ đến công ơn của mẹ. Nhưng khi đã nguôi nguôi, nó lại đến với mẹ hiền. Cuộc thử thách gay go mà chúng tôi đang trải qua, chúng tôi sẽ vượt. Rồi đây ánh sáng của Người, Tổ quốc Việt Nam, sẽ toả chiếu ra xa. Người sẽ đem đến cho thế giới một chân lý mới của phương Đông. Anh em bốn bể sẽ biết sâu xa và yêu đầm thắm nước Việt Nam. Một nước xinh xinh lượn trên bề Thái Bình Dương. Một nước rất ghét chiến tranh, nhưng đã đánh bại mọi quân xâm lược. Một nước muốn sống trong hoà bình, để người thợ mỏ khai thác được nhiều than, người nông dân sản xuất được nhiều gạo, người thi sĩ làm được nhiều thơ. Một nước có con sông Hồng, có vịnh Hạ Long, có cây đuốc sống miền Nam, có *Truyện Kiều* kiệt tác, có những tranh sơn mài lộng lẫy, và trước hết có những người dân rất tốt, rất hiền, đầy chí hy sinh và lòng nhân ái thơm ngọt như hoa quả xứ này. Nhân loại sẽ được nghe một tiếng nói tâm hồn mới. Không phải tôi là kẻ huênh hoang mong người khen Tổ quốc. Tôi chỉ muốn nói rằng mỗi nước có một sứ mạng đối với loài người. Tổ quốc Việt Nam chưa hoàn thành sứ mạng ấy, và Người phải hoàn thành. Tự hào là con của Tổ quốc Việt Nam, tôi đi tới tất cả chỗ nào mà Tổ quốc gọi tôi. Người hãy soi sáng con đường đi khúc khuỷu. Nước bạn Hung-ga-ri dù có làm sao đi nữa thì Người càng phải mạnh lên, như trên chiến trường, một chiến sĩ bị thương, thì sức người bạn chiến đấu phải tăng lên

gấp bội.

Trời lạnh buốt. Sương muối mờ mờ hồng. ánh điện mung lung, bóng cây rủ xuống con đường vắng tanh. Tôi đứng dừng trước cửa nhà tôi. Đêm nay tất cả Hà Nội nặng trĩu lo âu. Tôi bước lên phòng làm việc. Ngồi trước bàn. Vẫn chưa yên ổn làm một việc gì. Tiếng ra-đi-ô nói một mình trong cái buồng nhỏ mà vợ con tôi đang ngủ. Tôi mở cửa vào buồng, đứng trước máy le lói ánh lân tinh. Những tin cuối cùng sắp được đọc. Nước bạn xa xôi muôn vạn dặm, tuyệt vọng hẳn hay còn có tia hy vọng? Tôi nín thở lắng nghe. Chính phủ công nông cách mạng đã thành lập. Hung-ga-ri không mất nữa rồi. Tôi nghe người nói trước máy đọc đồng dục mười lăm điều chính sách mới của Chính phủ Ca-đa. Tôi thở dài, người nhẹ nhõm. Gần tôi bỗng có tiếng thở dài. Bàn tay mềm yếu của vợ tôi đặt lên vai tôi nóng nóng. Ánh lân tinh chớp chớp, làm lấp lánh ánh vui trong con mắt lo âu của vợ. Tin đọc đã hết. Tiếng máy chưa tắt nổ rè rè. Tôi nghe vợ tôi nói: “Mình còn mừng thế này, thì chắc bên ấy nhân dân sướng lắm”. Tôi không nói, dắt vợ rón rén đến bên giường. ánh sáng ngoài đường chiếu mờ mờ nhạt nhạt. Tôi cúi xuống nhìn đứa con trai nhỏ bé qua màn. Nó đang thở đều đều, nhỏ nhỏ. Tôi rưng rưng nước mắt. Sáng hôm nay, tôi đứng nghĩ về chuyện Hung-ga-ri, con tôi giơ tay đòi ăn, tôi lắc đầu và nó oà lên khóc. Tôi vào nằm bên con, hôn lên tóc nó. Con ơi! Con hãy ngủ yên. Sóng gió vẫn chưa hết, nhưng một cơn sóng gió lớn đã yên rồi. Tổ quốc Việt Nam thư thái được đôi chút. Người càng vững trí vượt những ghềnh thác hiểm nghèo trước mắt. Chiến thắng địch, chiến thắng sai lầm. Người mạnh bước tiến lên hoàn thành cái sứ mạng của mình trước lịch sử, trước các bạn, trước nhân loại ngày nay và sắp tới.

11-1956

**Nguồn:** *Một ngày chủ nhật*, tập văn xuôi của NXB Văn Nghệ 1957